

NGUYỄN MỘNG GIÁC

**Ngựa
Nấn
Chân
Bon**

Tập Truyện Ngắn




VĂN MỚI

NGỰA NẢ CHÂN BÓN

Tác giả: Nguyễn Mộng Giác

Nguồn: <https://nguyenmonggiac.com/truyen-ngan/ngua-nan-chan-bon.html>

PDF: Phương Nguyễn

Mẹ trong lòng người đi

Có một lần vô tình tôi đọc được mấy câu thơ thật lạ của thầy Huyền Không. Bài thơ nhan đề Trẻ Thơ như thế này:

Chùa xưa mái ngói cũ
Trèo lên nắm cây sào
Đêm khuya rồi không ngủ
Kéo rặng bao nhiêu sao?

Chú bé rần mắt của tôi ơi! Chú hoang nghịch lắm! Chú không còn biết kiêng nể gì nữa. Chú dám trèo lên cả mái chùa mà theo trí tưởng tượng cu/a tôi, ngói âm dương lợp từ bao đời trải qua mưa nắng, hoặc đã rệu rã trên thân kèo mục, hoặc đã xanh rêu. Không khéo chú sẽ bị trượt chân ngã xuống sân chùa, hoặc những mảnh ngói vụn vỡ rơi xuống sẽ đánh thức vị sư già đang tham thiền nhập định. Đã thết, chú lại mang theo một cây sào dài, kêu trộm ỏi sân chùa chẳng? Hay chọc phá một tổ chim?

Không. Chú lén vào chùa ban đêm. Trăng hạ huyền đêm nay lên chậm. Chú biết. Chim đã ngủ yên trong tổ. Trái ổi chín đã lặn mất giữa cành lá đen. Bầu trời mênh mông, đêm vô cùng. Chú thao thức không ngủ, băng khuâng hoang mang không hiểu mình muốn gì. Trên trời, những vì sao nhấp nháy trêu ghẹo chú. Có những vì sao sáng, có những vì sao mờ. Có những ánh sao đổi ngôi. Chú thích quá, những tưởng có thể dùng dùng cây sào vô dụng kia để tự tay "đổi ngôi" những đám tinh tú rần mắt. Chú trở thành nhà thơ, hoặc một nhà chính trị không-tưởng. Tôi thích chú trở thành một nhà thơ hơn, vì hành động "kéo rặng bao nhiêu sao" vừa dễ thương vừa vô hại. Nhưng chú nhớ cho, đừng bao giờ kéo rặng một ngôi sao đặc biệt. Ngôi sao ấy rụng xuống, chú sẽ cô đơn hối tiếc vĩnh viễn trên đường đời. Áo chú rách vì chui qua hàng rào gai vào chùa, sẽ không ai vá cho chú. Chú cảm thấy lạnh vì

đêm khuya, không có bàn tay mềm mại nào đặt lên trán chú, tai chú không còn nghe được tiếng xuýt xoa lo âu nào nữa. Đứng! Hãy coi chừng! Chú khều rưng bao nhiêu sao sáng sao mờ cũng được, nhưng hãy lặng lẽ trân trọng cầu xin cho Ngôi Sao Mẹ còn sáng mãi trên bầu trời. Ngày chú lớn khôn rồi bị trôi nổi bập bềnh nhiều phen trên sóng dữ của đời, chú sẽ hiểu thấm thía hơn thứ ánh sáng huyền diệu của Ngôi Sao ấy, chú sẽ hiê/u thế nào là nỗi khổ xa mẹ, mất mẹ.

Vâng! Phải đến một lúc nào đó trên đời, tất cả chúng ta trong đó có chú, sẽ phải xa bàn tay thân yêu, xa đôi mắt lo âu, xa lời ru hiên hòa của mẹ. Không thể tránh được. Đó là luật sinh hóa, không hên có biệt lệ. Chính mẹ ngày xưa cũng phải đành đoạn xa Ngoại, gạt nước mắt mà đi.

Khóc như thiếu nữ vu qui nhật

Tiểu tự thư sinh lạc đệ kỳ

(Khóc như thiếu nữ ngày về nhà chồng

Cười như anh học trò vừa hỏng thi)

Chú có nghe hai câu cổ thư ấy? Các cụ mĩa mai, chế giễu mẹ: "Ấy, các cô dâu cứ níu lấy tà áo mẹ khóc như mưa như gió trước khi lên xe hoa, chỉ là giả vờ thôi. Vui sướng như thế, hạnh phúc như thế, khóc cái gì!"

Ờ, các cụ cũng có lý. Nhưng phải xét giọt nước mắt long lanh trên má mẹ thời ấy theo chữ tình: Mẹ có vui duyên mới thật, nhưng Mẹ cũng buồn đến đứt ruột vì phải xa bàn tay chăm sóc của Ngoại. Mẹ bắt đầu một cuộc hành trình khác, giống y như cuộc hành trình của Ngoại trước kia.

Chú bé khều sao của tôi ơi? Chú có chị gái đến tuổi cập kê không? Có hả? Thế thì cứ lấy trường hợp cô chị của chú, lấy cuộc hành trình cô ấy đang chua6?n bị như cuộc hành trình của Mẹ và Ngoại, làm ví dụ cho chú dễ thấy.

Chắc chú đã từng phụng phịu hờn dỗi mỗi lần thấy Mẹ chải tóc cho chị, may áo cho chị, làm đẹp cho chị. Chú thấy tủi thân vì bị bỏ rơi, chú ghen tức với chị. Mẹ dành cho chị nhiều ưu tiên quá. Cáo áo đẹp nhất này. Cái lược quý nhất này. Tôi cũng trải qua cảnh huống như chú. Tôi có lời khuyên: hãy kiên nhẫn chờ! Chị của chú sắp phải xa bàn tay mẹ rồi, chú yên tâm. Chú, hãy nghe lời thi sĩ Hồ Dzếnh kể lại kinh nghiệm của mình:

Ngày xưa còn nhỏ ngày xưa
Tôi đeo khánh bạc lên chùa dâng nhang
Lòng vui quần áo xanh xang
Tay cầm hương nén đỉnh vàng mới mua
Chị tôi vào lễ trong chùa
Hai chàng trai trẻ/ khấn đũa hai bên:
"Lòng thành lễ vật đầu niên
Cầu cho tiểu được ngoài giêng đất chồng"
Chị tôi phụng phịu má hồng
Vùng vằng chút nữa quên bồng cả tôi
Tam quan ngoài mái chị ngồi
Chị nghe đoán thẻ, chị cười luôn luôn
Quẻ thần, thánh mách mà khôn
"Số nàng chồng đất, mà con cũng nhiều"
Chị tôi nay đã xế chiều
Chắc còn nhớ mãi những điều chị mơ.

Đấy chú thấy không. Chẳng còn mấy lúc nữa Mẹ sẽ là "độc quyền" của chú. Sao nét mặt chú chưa vui? Còn hồ nghi à? Đây, bà chị đáng ghét của chú tuy phụng phịu, vùng vằng trước lời chòng ghẹo, nhưng ra khỏi tam quan

vẫn không quên ngồi sà xuống bên các thầy đoán quẻ để biết "đường tình duyên gia đạo". Rồi chị lỏn lẻn cười khi thần thánh mách nhỏ cho chị biết rằng chị sẽ vừa chồng đắt mà con cũng nhiều.

"Chồng đắt" thì mặc sức chọn (nếu mẹ cho chị được phép chọn). Còn con cái nhiều thì... tội nghiệp chị quá. Chị lại khổ một đời vì con, như Mẹ đã khổ một đời vì chú, như Ngoại đã khổ một đời vì Mẹ...

Hình như ngay từ thời thơ ấu, bắt chước Ngoại, Mẹ đã chuẩn bị sẵn sàng để sau này biết cách nâng niu, chiều chuộng, chăm sóc nuôi nấng chú. Mẹ (lúc đó mới chỉ là cô bé tóc thắt bím và hay làm nũng) lấy vải vụn của Ngoại tập may áo cho búp bê, cho con búp bê bú sữa, đắp chăn lên ngực cho búp bê khỏi ho, bước chân đi rón rén cho búp bê khỏi giật mình thức giấc. Mẹ đã say mê vai trò chăm sóc con cái ngay từ thuở còn chưa hiểu gì về thân phận đàn bà. Bài học vỡ lòng ấy đối với Mẹ không khô khan tàn nhẫn như những phép tính cộng trừ, không rắc rối bí hiểm như những công thức hóa học. Tất cả sắc đẹp, tình yêu, trí tuệ, đức kiên nhẫn, niềm tin đều dồn cả cho bài học làm mẹ ấy, vậy mà mẹ không rối trí chút nào. Mẹ học thuộc tự nhiên dễ dàng như thuộc một câu hát ru em. À, mà cả những câu hát ru em cũng là những bài học làm mẹ. Bài học báo trước nỗi vất vả của việc mang nặng đẻ đau:

Vì sương cho núi bạc đầu

Vì đâu sương gió cho râu rĩ hoa.

Chú biết không, mỗi lần chú cựa quậy trong bào thai là mỗi lần mẹ cắn môi đến bật máu để nén đau đớn, nước mắt sống chảy thành dòng trên gò má xanh xao của Mẹ. Nhưng cơn đau qua đi mẹ lại mừng: "Thằng Chó Con của mẹ Nó khoẻ đẹp dữ". Mẹ vừa lấy ống tay áo gạt nước mắt vừa khoe với Ngoại như vậy. Chú đã xé lòng mẹ mà chào đời. Chú khóc oa oa trong lúc mẹ nằm đó, như con tàu vừa vượt qua một vùng biển sóng cuồn cuộn cuối cùng đến

được bến bờ, ván long, sơn tróc, rệu rã ê ẩm từ mũi đến lái. Nhưng đã hết
đâu. Lời hát ru lại báo trước nỗi lo lắng không nguoi của mẹ lúc con chập
chững vào đời. Những đêm thấp thỏm theo từng hơi con thở:

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ

Năm canh dài thức đủ năm canh

Rồi những lo âu khi con khôn lớn:

Ru con nước mắt hai hàng

Nuôi con càng lớn mẹ càng thêm lo.

Cái thân cò ốm o của mẹ tuy mong manh thế, nhưng dẻo dai chịu đựng thử
thách, bền bỉ hy sinh cho con đến độ phi thường. Mẹ lo đến cả những bất
trắc gặp phải trong chuyện cớm áo:

Cái cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

Ông ơi ông vớt tôi nao

Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng

Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con

Mẹ chuẩn bị tinh thần chịu đựng cớ sự bạc bẽo của con cái:

Mẹ thương con biển hồ lai láng

Con thương mẹ kể tháng kể ngày

Mẹ lo trước lúc con gái mẹ phải đi lấy chồng:

Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Nhớ về quê mẹ ruột đau chín chiều.

Xa hơn thế nữa, lo đến lúc phải lìa đời để đàn con cô lại:

Mẹ già như chuối chín cây

Gió rung mẹ rụng con rày bơ vơ.

Cuộc đời mẹ là một chuỗi dài hy sinh, chuỗi dài lo lắng. Người chị của thi sĩ Hồ Dzếnh vào tuổi xế chiều, sau bao năm nuôi nấng lo âu cho đàn con khôn lớn, đưa đi lấy chồng, đưa lấy vợ, đưa thành người hiền giúp đời, kẻ thành nổi ô nhục cho cha mẹ, chắc đôi lúc cũng bùi ngùi nhớ lại cái thời ẵm em lên chùa xin quẻ. "Chắc còn nhớ mãi những điều chị mơ?" Nhất định là nhớ. Và buồn, vì mơ với thực khác nhau xa quá. Cái gương cái lược làm dáng thời con gái, chắc người mẹ ấy đã nhường cho con rồi. Mẹ không cần soi gương nữa, vì cái gương của mẹ là đôi mắt vui buồn của các con. Chú bé khều sao của tôi ơi! Chú biết không, một bà mẹ Việt Nam đã vui buồn theo cuộc đời con cái, dù khổ cực nhưng tha thiết yêu mến nỗi khổ cực ấy như một báu vật thiêng liêng trên đời, một hôm nào đó, cảm xúc hát ru con bằng hai câu cơ tuyệt tác:

Cuộc đời nước mắt soi gương

Cũng đau đớn lắm càng thương nhớ nhiều.

Giọt nước mắt long lanh có thể làm gương soi thấu ý nghĩa cuộc sống ấy, chú bé rấn mắt của tôi ơi, chính là Ngôi Sao Mẹ trên bầu trời đêm. Hãy coi chừng, đừng vô ý khều rụng Ngôi Sao sáng láng cao cả ấy!

Thú thực với chú cho đến lúc này tôi vẫn còn lo.

Đêm khuya rồi không ngủ

Kéo rụng bao nhiêu sao?

Chú đang là, sẽ là một nhà thơ. Cho nên tôi nói chuyện thơ để dè chừng chú, xin chú nhẹ tay đừng vô ý "đổi ngôi" một vì sao thiêng liêng. Nhưng cái táo bạo của chú (dám chui qua rào, dám trèo lên mái chùa, dám ngồi một mình giữa đêm tối, dám nghĩ đến chuyện kéo rụng những vì sao), tôi ngại lắm. Chú có thể trở thành một kẻ chọc trời quấy nước muốn xóa sạch tất cả tinh tú để gắn lên trời đêm một ngôi sao độc nhất: ngôi sao của chú. Hoặc chú muốn các vì sao ngoan ngoãn xếp hàng ngay ngắn theo ý mình. Hoặc chú muốn chúng xếp thành vòng để nhìn chú sáng láng. Nếu như vậy, nói chuyện thơ với chú chẳng đi đến đâu. Thơ thần phù phép! Tôi kể chuyện của tôi cho chú nghe, có lẽ dễ tin hơn.

Cha tôi mất từ năm 1972 nên đến năm 1975, anh em chúng tôi chỉ còn có mẹ. Trước đó mẹ đã tôi đã tưởng có thể xoa tay an hưởng tuổi già vì đã lo lắng xong xuôi cho tương lai các con. Con lớn đã lập gia đình. Con nhỏ đã có nghề nghiệp. Tiền mẹ tôi chắt chiu dành dụm suốt cuộc đời công chức tỉnh lẻ đủ xây hai ngôi nhà cho chúng tôi ở, và một ngôi trường tư thục để hết chiến tranh, đứa nào giải ngũ sẽ về nối nghiệp làm nghề dạy học. Thời thế biến đổi làm tan hết ước vọng đơn sơ của mẹ tôi. Gia sản còn lại chỉ có một mớ sách cũ và đồng kiến lỗi thời. Các con của mẹ thất nghiệp. Rồi lần lượt hết đứa nọ đến đứa kia vào tù. Phải, vào tù!

Vì nếu bọn đàn ông mê lý trí và không tưởng có thể chấp nhận mấy tiếng "học tập cải tạo", thì mẹ tôi, lấy nỗi khổ cực nuôi con và tình mẫu tử bao la ra làm thước đo giá trị mới, mẹ tôi nói thẳng từ đầu là "đi ở tù". Mẹ quay quắt còm cõi vì lo cho hết đứa này đến đứa khác. Một đứa học hành dang dở, học trường sĩ quan hải quân, đi tù ba năm ở Hóc Môn, được về vài tháng mẹ con chưa kịp mừng mừng tủi tủi lại bị bắt ở tù trở lại thêm bốn năm ròn! Một sĩ quan không quân ở tù ra không nơi nào chịu cho nhập hộ khẩu, phải tìm cách vượt biên, bị bắt, đào thoát được, bị tầm nã, phải chạy về quê trốn trong căn nhà mẹ. Mẹ vợ vét tiền nong, năn nỉ người này người nọ, cuối cùng gửi được con trên chiếc thuyền chạt trốn qua Hồng Kông. Một đứa đi không thành phải bỏ trường trốn vào Sài Gòn. Mẹ lại gạt nước mắt đưa con ra bến xe, biết rằng từ đây chỉ còn được gặp con trong lén lút khuất lấp.

Riêng tôi lúc nhỏ đau một trận thập tử nhất sinh, báo hại mẹ tôi phải bỏ các em tôi ra tận Huế để chữa trị. Lớn lên tôi cũng khiến tôi cũng khiến cho mẹ tôi lo lắng thấp thỏm hơn ai hết. Những lần tôi vào tù, mẹ tôi đều tất tả vào Sài Gòn để lo lắng cho tôi. Lần đầu tôi bị nhốt trong xà lim chật hẹp hôi thối, lại tối tăm suốt ngày vì chỉ có một lỗ nhỏ đưa cơm trên cánh cửa sắt và một lỗ thông hơi nhỏ khác gần sát trần. Tôi phải ngồi dựa vào vách xà lim ẩm ướt thật lâu mới làm quen được bóng tối. Không biết làm gì, tôi tần mẩn tìm đọc những câu mà người vào đây trước tôi đã dùng móng tay khắc lên vách khám: những ngày tháng, những tên họ, những hình tực tị. Nhưng ở vào chỗ cao trọng sáng sủa nhất của xà lim, ở chỗ có chút gió thổi làm loãng mùi hôi hám tanh tưởi người tù thường ngồi, tôi chú ý thấy hai dòng nguyện: Lạy Đức Mẹ Maria và Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát. Hai hình ảnh tuyệt vời của tình Mẹ giữa cảnh ngục tù. Chiều hôm đó, bọc quần áo nhà tôi gửi vào tuy bị khám xét cẩn thận nhưng cũng sót lại một mẫu giấy nhỏ. Tôi vui mừng tưởng như mảnh thư của nhà tôi, nhưng không phải. Đó là mẫu biên lai điện tín. Tôi kê sát vào lỗ đưa cơm đọc được nhật ấn bưu điện Thị Nghè, ngày tháng hôm ấy, và gửi về Qui Nhơn. Tôi vừa mừng vừa xót xa: Vậy là một lần nữa, mẹ tôi nghe tin đứa con trai của mẹ vào tù. Tôi cầm mẫu biên lai bồi hồi thật lâu. Hôm sau, chỗ vách sáng nhờ lỗ thông hơi dẫn chút nắng xanh xao vào xà lim tối, tôi lấy móng tay bắt chước các bạn đi trước khắc mấy dòng chữ: tên Mẹ tôi, tên nhà tôi, và ngày "nhập trại". Tôi dò tìm

mãi vẫn không thấy trên vách tù tên một lãnh tụ nào, một anh hùng nào, một khẩu hiệu nào. Lúc đau đớn, mọi người như đứa trẻ/ thơ, đều chỉ biết cầu cứu đến Mẹ.

Tôi dài dòng kể chuyện riêng, để nhắc chú bé khều sao của tôi hai điều, vâng, hai điều, chú nhớ cho. Nếu chú trở thành một tay chọc trời quấy nước, thì nhớ đừng dại dột khều rặng Vĩ Sao Mẹ. Lúc thất thế, chú sẽ hối hận vô cùng vì không có thể còn Người để kêu hai tiếng "Mẹ Ơi!" Nếu chú chưa thất thế, thì hãy nhớ luôn luôn đến công lao nuôi nấng và nỗi lo âu của tất cả các bà mẹ trên đời. Hãy gắng làm cho các bà mẹ ấy vui vì được thấy con trẻ bụ bẫm, con lớn hạnh phúc, và riêng mẹ thì được an hưởng tuổi già. Làm được hai việc đó, thì chú mặc tình "đổi ngôi" bao nhiêu vì sao cũng được, khều rặng bao nhiêu vì sao cũng được.

Nhưng... nhưng tận thâm tâm, tôi vẫn thích chú trở thành một nhà thơ hơn. Kéo rặng bao nhiêu sao? Ôi! Nên thơ và vô hại biết mấy, nếu chỉ là lời thơ.

Dốc nhân sinh

Sau khi có lệnh cấm ngặt các quán cà phê không được mở nhạc tiền chiến, nhạc disco, và một số chủ quán cà phê ở đường Trần Quang Khải bị đưa ra tòa, khu vực này chết lặng như một vùng mộ. Người qua đường nghe trở lại tiếng lách cách của những trái me chín khô va chạm vào nhau, và lại bồi hồi xúc động ngắm những giọt lá me vàng bay nghiêng, bay nghiêng. Chị phụ quét đường ngập ngừng không nỡ đưa nhanh nhất chổi. Lâu lâu gió trái chướng đổi hướng, lá me chao liệng rồi bay tạt vào quán vắng.

Cô chủ quán, có vẻ đẹp của Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhìn mông lung ra phía hồ tắm cạn nước nay đổi thành hầm chứa rác và lá khô. Bàn ghế trong quán không có vẻ gì chuyên nghiệp: hai bộ ghế nệm bọc nhung màu huyết dụ đã sờn phai khiêng từ những phòng khách vắng chủ nào đó, một tủ buffet cắm lai thay quầy rượu, chén tách bằng đồ sứ Nhật. Chỉ còn thiếu một cuốn Vang Bóng Một Thời in trên giấy dó nằm ở thờ đâu đây là đủ lệ bộ của sưu tập quá khứ. Ở góc quán, chỗ gần bụi trúc La Ngà trơ trụi già nua, chỉ có hai người khách. Người mang kính đen từ lâu ít nói, mỗi lần nói lại quá nhỏ; nên từ xa, có cảm tưởng người gầy ốm tóc muối tiêu đang phân trần với một pho tượng. Pho tượng ngồi thu cả hai chân lên nệm ghế nhung, hai tay ôm lấy gối, nhìn mãi về phía chiếc xe đạp thô dưng ở gốc trúc cổ. Trước mặt họ, hai tách cà phê đã hết bốc hơi.

Khi cô chủ quán ra khỏi nỗi băng khuâng vu vơ, vẫn người gầy tóc muối tiêu đang nói:

- ... Không, bị trận hồi hành quân Lam Sơn 719 kia!

- ...?

- 719. Trận đường 9 ấy mà.

- ...

- Đúng đúng. Các anh thì gọi là trận Đường 9 Nam Lào.

- ...

- Hôm 30-4 tôi nằm bệnh viện Cộng Hòa vì chỗ chân cửa bị nhiễm trùng lở trở lại. Tôi chưa biết cách đi, nên cái chân gỗ làm tình làm tội tôi. Mỗi lần đặt chân trái xuống đất, đau buốt đến nỗi chảy cả nước mắt sống.

- ... ?

- Ở chỗ này. À quên, anh có nhìn thấy đâu. Ngay phía dưới đầu gối. Nhờ thế tôi mới còn đi xe đạp được.

- ...?

- Bị mìn cá nhân, hình như loại Trung Cộng thì phải. Chắc chắn điều này anh thạo hơn tôi. Nghe nói chỉ bé chừng này thôi.

- ...

- Lớn hơn à? Thảo nào. Nghe tiếng nổ xong, tôi ngất đi. May trực thăng lúc đó còn hạ xuống được nên tôi được chở thẳng về bệnh viện hậu cứ. Tỉnh dậy, tôi đòi xem cho được cái chân trái. Thế mà họ cũng chiều đấy.

- ...

- Chẳng có gì đặc biệt. Hơi gầy gầy ở xương sống. Gần như ghê tởm, nói đúng hơn là ác cảm. Lạ thật. Một phần thân xác trồi mấn của mình, thế mà khi nó rời ra, trông xa lạ thế nào! Cứ theo tưởng tượng của mấy tay viết tiểu thuyết thì phải ôm lấy nó khóc nức nở. Cũng như kỷ niệm của tôi về ngày lấy vợ. Ôi thôi các ông ấy tô điểm đủ điều. Nào e ấp nhìn nhau. Tân lang và tân giai nhân âu yếm dìu nhau đi trên xác pháo. Nào rộn rã trước hạnh phúc vĩnh cửu. Láo hết. Lo đủ thứ chuyện linh kinh, lại bị các bà cô ông chú bắt khoan bắt nhặt. Mệt phờ người ra. Tôi cho rằng bấy nhiêu thứ nghi lễ phiền phức nhằm nhí ấy chỉ nhằm có một việc: những vợ chồng trẻ hãy gắng mà chịu đựng nhau, lấy vợ lấy chồng một lần tổn đến già nên không dám làm lại lần nữa.

- ...

- Tôi chua chát lắm sao? Có lẽ vì tôi tiếc của đấy. Anh biết không, lúc gặp anh, tôi vừa mất gọn bốn trăm năm mươi đồng bạc chẵn.

- ...?

- Không. Dù ở Sài Gòn bây giờ ra ngõ là gặp trộm cắp, nhưng... nhưng kẻ cắp cũng còn có trái tim. Ai nữ cướp cơm chim của kẻ tật nguyền. Tôi có một ông bạn phế binh mù đi bán vé số. Lừa anh ta dễ quá. Một mảnh giấy bèo nhèo có mồ hôi nào đó cũng thành tờ 50. Thế mà anh chưa hề bị lừa một đồng. Tôi mất tiền vì gặp tai nạn.

- ...?

- Ngay trước lúc gặp anh ở dốc bên này cầu Thị Nghè.

- ...?

- Ủa, nãy giờ anh chưa biết kế mưu sinh của tôi sao? Tôi đãng trí quá. Tôi cứ tưởng anh nhìn được chiếc xe đạp đặc biệt của tôi. Trông thấy nó, biết nghề của tôi ngay. Tôi đạp xe đạp thổ chớ hàng thuê đấy.

- ...?

- Vâng, y như loại xe thổ hồi tụi mình còn học ở Bồng Sơn. Nhưng xe thổ ở đây được cải tiến, trọng tải lớn hơn nhiều. Loại xe thổ hồi ấy chỉ như xe du lịch. Khách hàng thường là các cô gái đi buôn hàng chuyển ngổ vất lên đờn ngang giàn xe, ngay trong lòng “tài xế”. Giỏ hàng cột phía sau porte-bagage. Hồi đó tụi mình thường nghe nhiều chuyện tiếu lâm về các anh xe thổ xấu máu. Ôm người đẹp trong vòng tay, tóc thơm cọ lên mặt, chiếc cổ trắng ươm ướm mồi hôi như hoa đào ngậm sương, ôi chao, có phải gò người đạp lên dốc đứng cũng không biết mệt. Tụi tôi bây giờ chỉ là “tài xế” xe chuyên dùng, xe chớ hàng nặng. Chán phèo.

- ...?

- Anh đoán xem!

- ...

- Không.

- ...

- Cũng không. Loại vừa công kênh vừa mỏng manh.

- ...?

- Tôi chuyên chở thạp đấy. Loại thạp da lươn người ta dùng đựng nước uống hoặc đựng gạo. Vì thế tôi mới bảo là vừa công kênh vừa mỏng manh. Hồi sáng tôi vừa làm vỡ tám cái thạp như vậy.

- ...?

- Tám.

- ...?

- Đúng là tám. Mỗi chiếc giá vốn 50 đồng, 8 chiếc 400. Tiền công chở từ Biên Hòa lên Sài Gòn 5 đồng mỗi chiếc, vị chi 40.

- ...?

- Làm sao chở hết một lúc chừng ấy chiếc ư? Bí quyết đơn giản quá. Cái bao tử xẹp thì tìm ra cách ngay. Vả lại cái khó là cột cho chắc tám chiếc thạp trôn lên xe. Những tay lão luyện tự làm lấy cả. Tôi mới vào nghề, phải thuê mất mười đồng. 400 đồng tiền vốn, cộng 40 tiền công, cộng 10 đồng tiền thuê cột hàng, tất cả đúng 450 đồng chẵn.

- ...?

- Không phải nổ lốp hay gãy tay cầm. Tiếc là anh không trông được cái xe thô của tôi dựng chỗ bụi trúc kia. Đi chiếc xe như vậy khỏi cần xuất trình giấy hành nghề. Bán sau đùm niềng xe Mobylette, tắm xe loại cyclo. Ghi đồng sắt lấy từ xe Alcyon loại Tây thuộc địa. Bàn đạp là hai ống sắt cỡ 17 hàn dính vào giò xe. Phụ tùng có cây thanh gỗ chắc chắn đầu cửa hình chữ U để dựng xe nghỉ mệt. Ống bơm loại đứng có thể dùng bơm ruột xe hơi.

Giọng người mang kính đen lớn hơn:

- Anh tàn tật, chọn chi cái nghề nặng nhọc vậy?

Người gầy ốm tóc muối tiêu thấp giọng hơn thường lệ:

- Anh vẽ giúp tôi một nghề nhẹ nhàng đủ sống xem! Một vợ bốn con, làm sao tôi sống được đây? Làm gì còn đất sống cho người lương thiện!

- Anh lại chua chát rồi! Tại sao anh không tìm một nghề ít dùng đến chân?

- Như nghề gì?

- Làm nghề thợ may. Nghề đan mây tre. Thậm chí xin lỗi anh, tôi thấy nhiều phế binh chế độ cũ làm nghề hát dạo trên xe buýt.

Người tóc muối tiêu cười, nụ cười méo xệch:

- Tôi hát bài gì để làm mũi lòng bà con cô bác rồi chìa mũ xin tiền bố thí đây? Chẳng lẽ bài “Tiến về Sài Gòn”! Hay là bài “Hà Nội niềm tin yêu và hy vọng”! Còn hát những bài anh thường nghe ở bến xe buýt chợ Bến Thành, với tấm giấy phóng thích của trại học tập cải tạo..

- Tôi nói cho vui thế thôi. Thiếu gì nghề nhẹ cho anh. Anh còn may mắn hơn tôi. Anh còn đôi mắt. Thợ may, thợ đan, thợ điêu khắc, thiếu gì!

Người tóc muối tiêu trầm ngâm một lúc, rồi chậm rãi nói:

- Quả thật không thiếu. Nhưng tôi nói điều này, tin hay không tùy anh: tôi không muốn làm những nghề nhếch nhác, những nghề đàn bà. Chính tôi muốn tìm một nghề khó, cần đủ đôi chân khỏe và khéo léo. Tôi muốn chứng tỏ rằng mình chưa phải là thứ vứt đi. Chở xe thô bình thường phải có đôi chân đạp khỏe, muốn đẩy xe lên dốc cầu Bình Lợi phải lực lưỡng. Một chân, ồm ồm, tôi phải làm được. Khó nhất của nghề thô là chở thạp, chở thạp cũ nhất phải được mười cái. Nay tôi lên được tám.

- Nhưng anh vừa đánh vỡ cả tám!

- Đúng. Đây là lần đầu tiên tôi làm vỡ hàng, sau sáu tháng hành nghề. Đánh vỡ vì một chiếc xe bảng xanh phanh bất ngờ trước mặt tôi, đúng lúc tôi ấn cái chân gỗ lên bàn đạp. Tôi chán nản quá, bỏ mặc chiếc xe với đồng thạp vỡ, cà nhắc đến ngồi bên lề đường. Anh biết không, tài xế xe bảng xanh phanh ẩu vì vừa nhận ra mặt hiệu của chị mua xăng lậu. Tôi chỉ là người bị nạn, không phải kẻ gây tai nạn. Tôi chưa đáng vứt đi, như người ta đã vứt tôi ra khỏi bệnh viện Cộng Hòa hôm 30 tháng 4.

Người mang kính đen khựng đi một lúc, mới nói:

- Làm sao được! Lúc đó chúng tôi nhiều việc quá, không có thì giờ suốt mướt những chuyện thương vay khóc mướn. Vả lại, chẳng lẽ phải vớt thương binh chúng tôi ngoài hành lang bệnh viện Cộng Hòa!

Người tóc muối tiêu đáp ngay:

- Tôi đã mất một chân, có chiếm nhiều chỗ lắm đâu.

- Nhưng anh còn có “máy bay lên thẳng” chở về hậu cứ để chỉ mất từ ống chân trái trở xuống. Nếu tôi được như anh, nếu tôi được như anh...

Người mang kính đen nheo lờ, không nói tiếp được. Bạn anh không nghe anh tiếp, ngơ ngác nhìn lên. Hai người im lặng hồi lâu. Mãi một lúc sau, người tóc muối tiêu mới e dè hỏi:

- Đáng lý anh không đến nỗi phải mù?

- Vâng, nếu...

- Đường xa quá? Hay y sĩ...

- Cả hai.

- Chị ấy có...

- Tôi không muốn cho nhà tôi biết ngay. Vả lại...

- Thế nào ạ?

- Vả lại... Nếu có muốn cũng không được. Thường thường phải hơn một năm sau, trong trường hợp... Anh hiểu cho, liên lạc khó khăn lắm. Hơn nữa, phải làm thế để giữ vững tinh thần ở hậu phương.

Rồi đột nhiên, giọng anh thương binh mù sang sảng, lầu lầu như đang đọc bài:

- Nhưng so với sự “hy sinh lớn lao của các chiến sĩ cách mạng” đi trước, thì phần đóng góp của tôi có nhằm gì!

Người đạp xe thồ ái ngại nhìn bạn. Anh đẩy tách cà phê về phía bạn, nhắc nhở:

- Tách cà phê của anh còn đây. Anh uống kéo nguội hết. Anh thương binh mù bối rối nói:

- Được, được. Cảm ơn anh; rồi dè dặt đưa tay phải mò lên mặt bàn. Tách cà phê đã đổi chỗ nên suýt chút nữa anh làm đổ cà phê ra cái đĩa sứ. Người đạp xe thồ thấy bạn đã tìm được quai tách, nói lảng sang chuyện khác. Anh hỏi:

- Chị và các cháu đã vào hẻm trong này chứ anh?

- Ban đầu chúng tôi cũng định thế, nhưng...

- Nhưng sao ạ?

- Lâu nay anh có về thăm Bồng Sơn không?

- Không.

- Sau “giải phóng” tôi cũng hơi ngại. Làm vương làm tướng mà về thì... còn tình cảnh tôi, anh hiểu. Sau tôi đánh bạo. Không nhìn được vườn dừa quê mẹ thì cũng phải nghe lại cho được tiếng xe nước rì rào bên bờ sông Lại, nhúng chân một lần vào nước mát con sông xưa. Bao nhiêu năm tôi quay quắt với những thú thân thương đó. Không đủ tiền, nên tôi chỉ đem theo cháu út.

- Sao anh không dẫn chị vào?

- Nhà tôi cũng muốn lắm. Nhưng cháu út lên bảy, mình thương binh có thể thương lượng cho cháu miễn vé. Cũng may nhà tôi không đi.

- ...

- Gia đình tôi trôi dạt đâu cả, không còn ai. Nghe nói từ 1972 tản cư vào Qui Nhơn rồi đi lập nghiệp nơi khác. Nghe nói vườn dừa bị cụt ngọn cả rồi. Tôi ngủ lại ngay bến xe một đêm, hôm sau về Thanh Hóa. Không kịp hỏi tin tức bạn bè cũ ở trường Nguyễn-Huệ-bắc dạo đó. Anh có biết không?

- Anh muốn hỏi ai?

- Lũ bạn cũ. Để tôi nhớ lại đã. Như cái thằng ngồi đầu bàn phía ngoài lớp Bảy D, có cái tật hay khịt mũi ấy.

- À, thằng Quảng. Sau Genève nó làm xã trưởng.

- “Ác ôn” đến thế kia à! Có “gây nợ máu” nhiều không?

- Chẳng rõ. Chỉ biết năm 1965 cả nhà nó chết thảm vì một quả lựu đạn ném vào mâm cơm tối.

Hai người im lặng một lúc. Người thương binh mù hỏi tiếp, giọng bớt hăng hái:

- Còn thằng Luân? Thằng có cây viết Kaolo ngòi thủy tinh.

- Nó giàu lắm. Mở hiệu ăn ở Phù Cát, gặp lúc Mỹ qua buôn đồ lậu, phát như diều.

- Ái dà! Tư sản cỡ lớn chắc. À, thằng gì một lần xuống hầm núp máy bay, nó đá lên cả đầu con Lý hay dỗi?

- Thằng Đức. Đức Cống ấy mà!

- Phải. Nó lộn gan mỗi lần bị gọi như vậy. Nó ra sao?

- Nhảy núi sớm lắm. Tận hồi tố cộng.

- Luật 10/59 chứ gì. Về sau anh có nghe Đức nó lập được thành tích gì không?

- Tôi chẳng biết. Đáng lý anh phải biết chứ.

- Còn anh?

- Đơn giản thôi. Sau 1955, theo ông chú vào Nha Trang rán lấy cái bằng tú tài. Học hai năm ở khoa học, hỏng liền tiếp ở chứng chỉ Toán đại cương học búa. Bị động viên, qua pháo binh. Mười năm lính, bốn lần bị thương. Mất một cái chân, trước khi mất hết. Không được may mắn như anh đâu!

Người thương binh mù ngừng phất lên, vội hỏi:

- Đời tôi may mắn ư? Anh nói đùa?

Người đạp xe thồ do dự một lúc, rồi nói:

- Trước kia hồi học ở Bồng Sơn, anh vẫn được khen luôn luôn thuộc bài. Kể ra lúc thấy trống trải, có cái gì để học thuộc cho khỏi nghĩ ngợi miên man, cũng hay.

Người thương binh mù ngồi yên, không động đậy, không nói năng.

Pho tượng bó gối có nét mặt bần thần. Bọn anh hỏi nhỏ:

- Anh sao thế? Đã muốn về chưa?

- Có lẽ phải về thôi. Tôi còn chút việc.

Người đạp xe thồ lấy thìa khuấy vào mạn tách. Cô chủ quán đến gần lễ phép hỏi:

- Quý ông đã cần pha trà chưa ạ?

Người đạp xe thồ xoa tay nói:

- Khởi cần cô ạ. Cô cho chúng tôi gửi tiền.

Người thương binh mù vội bỏ hai chân xuống đất:

- Anh để tôi trả tiền. Bao nhiêu hờ cô?

- Thưa 14 đồng. Cà phê độ rày cao quá.

Bàn tay lục túi của người mù ngân ngừ. Người bạn tinh ý hỏi:

- Anh không đủ tiền trả phải không? Để tôi trả cho.

- Nhưng sao đắt thế này! Tôi nghe chỉ một đồng một tách đen thôi mà.

Cô chủ quán vẫn nhỏ nhẹ thưa:

- Cà phê nguyên chất quả có khác chứ ạ. Hồi còn được mở nhạc, những mười đồng một tách đấy.

Không có tiền thối, anh xe thô nhận bốn điếu Đà Lạt rồi đưa cả cho bạn. Người mù không hay biết gì, mò tìm cây gậy nhôm. Thấy mình vô ý, người đạp xe thô ân cần hỏi:

- Anh cần đi đâu, để tôi chở cho.

- Cám ơn. Chân anh thế, tôi không yên tâm. Tôi đi bộ cũng được.

- Tùy anh. Hôm nào gặp lại nhé!

- Vâng. Hôm nào rảnh tôi sẽ tìm thăm anh.

Họ chia tay nhau. Người mù hươ cây gậy nhôm tiến ra cửa quán. Người đạp xe thô cà nhắc về phía gốc trúc La Ngà. Họ đều quên, không hỏi nhau địa chỉ tạm trú.

Tạ ơn

Họ được phát bốn bao ni lông lương thực bên ngoài in chữ đỏ: UNHCR, P3V, Indonesia. Không ai thắc mắc về ý nghĩa của mở chữ khó hiểu ấy, vì cả bốn đều háo hức muốn biết ngay bên trong bao có những gì. Bốn khẩu phần y như nhau gồm 2 ký gạo loại xấu, 1 bọc đậu xanh, 2 bao mì ăn liền, 1 bao nhỏ cà phê, 1 bao đường, 1 bao muối, ngoài ra còn có thêm tiêu, bột ngọt, và hấp dẫn nhất là hai lon đồ hộp. Một hộp bên ngoài có vẽ hình con cá, nên dù không đọc được tiếng Anh, họ đều đoán đúng là hộp cá mè. Một hộp lớn mà thấp, hàng chữ Anh đề gì họ không hiểu nhưng bên dưới, trong hai cái ngoặc đơn - có ghi hàng chữ Việt: Thịt heo ăn trưa. Thằng Dù 7 tuổi thôi mê lon thịt hộp của mình, quay sang hỏi thằng Hùng lúc đó đang cầm góc bao ni lông đường:

- Nó viết cái gì vậy anh?

Thằng Hùng ra vẻ kẻ cả, vì biết đọc:

- Thế mà cũng hỏi. Đây là thịt heo ăn trưa. Thằng Dù thắc mắc:

- Mình ăn ngay chiều nay được không? Thằng Hùng hơi băn khoăn, nhưng cứ đáp đại:

- Không được. Đã bảo ăn trưa là phải ăn trưa. Chiều đã có hộp cá.

Câu chuyện trao đổi giữa hai đứa bé khiến hai người lớn phải chú ý. Ờ nhỉ! Sao chỉ được ăn thịt buổi trưa mà không được ăn vào buổi chiều? Trần Văn

Nhường lớn tuổi nhất, tính tình điềm đạm ít nói nên không sợ mất mặt, quay hỏi Võ Văn Thành:

- Sao lại có luật lệ kỳ cục vậy? Thành thì không bao giờ muốn thua kém ai, nên đáp liền:

- Dân ở đây theo đạo Hồi cũ ăn thịt heo. Buổi chiều tụi nó cầu kinh, không muốn bất cứ ai đem thịt heo ra kho nấu.

Ba người nhìn Thành với đôi mắt khâm phục, kính nể.

Thành đắc chí, hỏi liền:

- Thế mấy người có biết vì sao mình là dân biển quen sóng, mà lên đảo mình bị say hay không?

Câu hỏi hóc búa quá. Im lặng, Thành chờ thật lâu để mũi nở lớn hơn chút nữa, mới chậm rãi nói:

- Một phần tại đổi khí hậu. Một phần tại đến đây, là dứt khoát xa hẳn quê hương. Mình bắt đầu nhớ nhà. Đừng tưởng bệnh nhớ là bệnh nhẹ. Nhớ đến xót ruột là nhớ lắm, nhẹ như mình hiện nay thì ra ngẩn vào ngơ, hay là ngây ngây như say rượu. Vì quên mất bốn viên thuốc ngừa sốt rét họ phải uống lúc vừa lên khỏi cầu tàu, nên một lần nữa, sự khâm phục đối với kiến thức uyên bác của Thành không lấy gì đo cho hết. Phải, có Thành nhắc, họ mới nhớ bắt đầu từ đây, họ vĩnh viễn xa cha mẹ, vợ con, xóm làng. Nói chung chung thì như vậy, riêng từng người thì nỗi nhớ tiếc có khác nhau. Nhường nhớ ở Trà Vinh, mỗi lần say rượu bị vợ cản nhắc, anh thường quơ đại một bộ quần áo, hăm hăm đi ra cửa dọ: “Đ.M. tao chán quá rồi. Tao về Vạn Ninh cho

mẹ con bay đói nhả răng ra”. Vợ anh vẫn tỉnh khô, tiếp tục chuyện bếp núc: anh giận sôi lên, quyết về quê thật. Ít ra phải về một lần cho nó biết sợ. Nhưng lần nào cũng vậy, anh trở ra quán cóc chú Bảy Thìn uống chịu thêm hai ly để nữa để hạ hỏa, rồi khóc mù mẫn vì chợt nghĩ lại thấy thương vợ thương con. Từ hồi lấy nhau, chị Nhường có được ngày nào sung sướng đâu. Anh chỉ làm khổ chị. Anh mất tích, chị đi tìm. Anh ở tù, chị lo thăm nuôi. Anh trốn, chị lo năn nỉ bà con để giấu. Anh tha phương cầu thực, chị đi theo. Đã đành chị không đẹp lắm, lại hôi nách, nhưng có ai chịu nhường nhịn cho bằng chị Nhường! Anh hối hận, và lại về nhà. Bây giờ dù nhớ da diết mùi hôi nách của vợ, anh không thể trở về được nữa. Anh cảm thấy choáng váng, ngây say đúng như lời Thành!

Thành yên bác đến thế lại nhớ sự ngây ngô của mình, mỗi lần đứng trước cô hàng cà phê Dung có cái răng vàng thật dễ thương ở bến ghe. Dung có đôi mắt biết cười, ít nói, nhưng mỗi lần nói, rất độc. Ác nữa! Cũng như Nhường, Thành là dân chài vùng Khánh Hòa. Có lẽ vì uống nước lợ nên giọng nói của họ hơi cứng, mỗi lần phát âm lưỡi hơi cong lên, nên đâm ra nói chớt: “giúp” thành “dúc”, “trên” thành “tơn”, “chết” thành “chớt”. Đặc biệt những tiếng nguyên âm đơn như “ở”, “ơ” bao giờ cũng biến thành tiếng “ở”, “ơ” như cách nói người ngọng. Mỗi lần gặp Thành, cô Dung chấp tay cầu: “Xin đơn tơn đúc con mau chớt - Amen” (Xin ơn trên giúp con mau chết, Amen) rồi cười giỡ cái răng vàng lấp lánh ra. Giờ đây, Thành nhớ giọng nhại ác nghiệt và cái răng vàng đấy chi lạ! Thành Hùng tự nhiên nhớ thằng em út lên sáu ở khu kinh tế mới Suối Dầu. Má đẻ em Lực lúc ba vắng nhà. Ba có ở nhà, má đã không vô ý như vậy. Ba đặt tên mấy đứa con trai đầu thật hay, thật “nhà binh”. Đứa đầu tên Nguyễn Thanh Anh. Đứa nhì là Nguyễn Thanh Hùng. Em kế của Hùng là Nguyễn Thanh Hào. Rồi Nguyễn Thanh Kiệt sinh năm 1974 lúc ba được thăng lên đại úy. Năm 1975 ba vắng nhà, má đặt thằng út là Nguyễn Thanh Lực, làm liên lụy đến thanh danh em Kiệt. Bà ngoại thường la má: “Mày hết tên đặt hay sao mà đặt kỳ cục vậy. Kiệt lực! Trời hồi!” Hùng nhớ má nói: “Sống sao thì đặt vậy cho dễ nhớ, chớ mẹ!” Tội nghiệp má với em Lực quá. Hùng thấy say say, nước mắt rơm rớm, mắt đỏ hoe y như người nghiện rượu!

Thằng Dù cũng nhớ nhà, nhưng vì bé nhất, nó nhớ đơn giản thôi. Dù nhớ thằng Tí Sún mượn của nó hai hòn bi ve, một hòn còn mới nguyên chưa cờn, một hòn đã mẻ ở chỗ có đường vân tim. Không biết Tí nó có đổi hòn bi mới hay không? Làm sao đòi lại đây! Nó tiếc của, tuiôm chặt hai lon đồ hộp trong lòng, vẫn thấy thiếu thiếu thế nào ấy!

Nói tóm lại bốn người đều say và tưởng đã tìm đúng được nguyên nhân. Cho nên, khi Võ Văn Thành gợi ý nên tìm chỗ nào cao cao nhìn về quê nhà để tưởng nhớ người ngọc mang răng vàng cho dễ, thì ba người kia đồng ý ngay. Thằng Dù hơi lo khi hỏi:

- Cát mấy lon đồ hộp ở đâu hở chú? Trần Văn Nhường biết thằng bé hỏi mình. Tuy mới gặp nó lần đầu, nhưng anh thương nó như thương con. Nó cũng lên 7 như con anh, cũng có cùng cái tật lâu lâu hay nheo con mắt phía trái. Không nỡ rầy thằng bé đặt cái ăn lên trên tình cảm thiêng liêng, anh Nhường vuốt tóc nó, bảo:

- Sợ mất thì lấy tấm bạt ni lông kia đậy lại. Không, mang cả bốn bao luôn thể. Có nặng lắm đâu mà ì ạch! Được rồi. Đi nào! Họ ra khỏi lán, nhìn quanh. Phía sườn núi sau lưng trại, cây rừng mọc dày. Vài mảng mây lác vờng mắc ở ngọn cây chóp núi. Thân cây thẳng sắp hàng đón ánh nắng chiếu từ phía biển cả. Ở chỗ sườn núi thưa lá, thấp thoáng một ngôi nhà mái tứ giác lợp vải bạt ni lông Unicef. Thành nói:

- Chỗ cao kia có bậc thang đi lên. Hình như một ngôi chùa!

Nhường vốn chín chắn, đáp hàng hai:

- Có thể lắm. Hay là cái nhà kho chứa lương thực cho khỏi ẩm.

Chùa hay không phải chùa, đâu phải là điều quan trọng. Bấy giờ, họ chỉ cần một chỗ đất cao để nhìn về quê. Không bàn cãi vô ích, họ đi tới. Vẫn Thành dẫn đầu. Tiếp theo là “đồ đệ” của Thành, thằng Hùng. Thằng Dù đi sau thằng Hùng. Trần Văn Nhường bước chậm sau cùng. Con đường mòn dẫn họ đi qua một vùng cát cỏ mọc thưa, vượn vãi dấu tích những căn lán đã đổ nát hoặc vắng chủ. Xuống dốc, hình thù ngôi nhà cheo leo trên sườn núi hiện rõ. Đúng là một ngôi chùa, vì tuy không đọc nổi ba chữ Chúng Phước Tự ở cổng tam quan, họ cũng xác nhận được nhờ cách kiến trúc đặc biệt của Phật đường. Chỗ cửa thiền luôn luôn có thiên nhiên ấp ủ. Ở đây cũng vậy. Một dòng suối uốn quanh. Một cây cầu nhỏ. Mấy gốc đại thụ che rợp mái chùa bắt đầu dột. Bậc đá dẫn lên Chân Như. Gió biển thổi lên khiến họ bứt say. Bậc đá đắp vôi không có xi măng nên hai thằng bé thở dốc. Chúng bắt đầu thấy muốn nhớ quê nhà cũng phải cần đến đôi chân dẻo. Họ leo cao, cao hơn. Càng cao càng tốt. Hết các bậc cấp, họ đến khoảng đất bằng phẳng của sân chùa. Thằng Dù bị tụt phía dưới, vừa thở hổn hển vừa kêu:

- Anh Hùng, chờ em với!

Hùng tò mò nhìn ngôi chùa dột nát dựng từ ba năm trước, không thèm quay lại, chỉ nói với xuống:

- Gần đến rồi. Rán lên!

Dù không còn cách nào khác ngoài cách cố tì tay lên đầu gối để rán leo tiếp mấy bậc chót. Lên đến nơi, thằng bé có ngay một quà thưởng. Trong lúc ba người kia mãi mê ngược nhìn lên mái chùa, chỉ có một mình thằng Dù chú ý đến mớ tóc vương vãi trên mặt đất. Nó hỏi thằng Hùng:

- Ở đây có thợ hớt tóc hở anh? Hai người lớn tuổi cúi xuống nhìn mớ tóc đen. Anh Nhường ngập ngừng trước khi hỏi “nhà uyên bác”.

- Có người cạo đầu đi tu à? Trong chùa đâu thấy ông sư nào!

Thành nghiêm mặt giải thích:

- Không phải đâu. Người ta cạo đầu để cúng Phật.

Anh Nhường hỏi lại:

- Để làm gì?

- Để cúng Phật!

- Cúng hương hoa xôi chuối chứ ai lại cúng tóc! Thành lúng túng không biết giải thích thế nào cho anh Nhường hiểu. Vì lúng túng, Thành làm cho rắc rối hơn:

- Thì người ta vẫn nói “thí phát cúng dường tam bảo”. Muốn hỏi kỹ, thì tìm hỏi mấy ông sư. Nhường nhìn Thành hồi lâu, ánh mắt nghi ngờ. Thành sợ bị hỏi thêm, vội trở vào trong chùa, đề nghị:

- Ta vào đốt nhang niệm Phật đi! Anh Nhường thấy điều đó dễ hiểu hơn, vì nhiều lần chị Nhường đã làm như vậy. Nhất là vào những tháng không kiếm ra tiền mà anh lại nhậ nhệ say sưa, anh nói với Thành giọng không được hăng hái:

- Vào thì vào. Nhưng chú mày có thuộc kinh không?

Thành quả quyết:

- Thuộc chữ. Thắp nhang vái ba vái, rồi đọc “Nam mô A Di Đà Phật”. Đọc nhiều lần chừng nào tốt chừng nấy. Anh Nhường biết Thành nói ầu. Thằng Hùng cũng biết, vì nhớ mỗi lần bà ngoại tụng kinh niệm Phật đều có mang kinh để đọc kinh trong một cuốn sách giấy bồi. Hùng cũng nhớ ngoại thường cung kính đặt cuốn sách ấy dưới cái mỗ mỗi lần tụng kinh xong. Nó chen vào chuyện người lớn:

- Chắc có cuốn kinh dưới cái mỗ. Thành mừng rỡ nói:

- Phải đấy. Mình tìm thử xem!

Bàn thờ Phật trong chùa cũng có đủ những thứ cần thiết: chuông đồng mang từ Chợ Lớn theo ghe, mỗ bằng ống nửa rùng, đèn dầu hỏa làm bằng hộp Coca Cola nhôm cắt hình hoa sen, bình hoa làm bằng hộp Sardines Fisher Al hiệu Nhật có cắm hoa sim đã héo, lư hương bằng vỏ ốc đầy cát. Hình Đức Phật ngồi kiết già trên đóa hoa sen vẽ bằng mực tàu trên giấy bìա khổ rộng chiếm nguyên mảng tường gian giữa. Lại còn thêm hình vẽ mực tàu của Đức Quan Thế Âm và hình Quan Công, Quan Bình, Châu Xương lộng trong khung kính. Nhưng dưới cái mỗ nửa, không thấy cuốn kinh. Thằng Hùng tìm một lúc, chợt reo lên:

- Đây rồi!

Không phải. Nó chỉ tìm được xấp giấy vàng bạc giấy hẩm cũng làm tại Chợ Lớn. Thành bắt đầu thất vọng, thì thấy một xấp giấy pelure mỏng bọc trong bao ni lông đựng lương thực. Không dám cả tin, Thành e dè nói:

- Có lẽ xấp kinh đây rồi!

Ba người biết đọc quốc ngữ là anh Nhường, Thành và thằng Hùng xúm lại. Quả là kinh Phật thật, do một Phật tử đi trước “ấn tống” bằng cách chép tay lên giấy trắng xin trên văn phòng cao ủy, anh Nhường bảo Thành:

- Chú mày tụng kinh đi.

Thành sợ để lộ sự yếu kém tiếng Việt của mình, vội nói:

- Anh lớn tuổi, thay mặt tụi này phải hơn. Nhường tìm cách nấn ná:

- Nhưng không có nhang! Hơn nữa chữ viết khó đọc lắm. Nước dột làm mờ hết cả. Thằng Hùng mau miệng nói:

- Để em đọc thử!

Thành mừng rỡ bảo:

- Phải đấy. Biết đâu không phải kinh Phật. Hùng nhẹ nhàng rút xấp giấy khỏi bao ni lông. Anh Nhường nói đúng. Chữ viết chân phương nắn nót nhưng khó đọc, nước mưa thấm qua bao ni lông rách làm mờ mất góc phía cuối trang. Nhưng Hùng tự tin ở trình độ lớp ba của mình. Nó lớn tiếng đọc:

“Ma ha bát nhã ba la mật đa tâm kinh”

“Quán tự tại Bồ tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách xá lợi tử sắc bất dị không không bất dị sắc sắc tức thị không không tức thị sắc thọ tướng hành thức diệc phục như thị...”

Anh Nhường không kiên nhẫn đợc nữa, kêu lên:

- Thôi, thôi. Mà đọc cà lăm bậy bạ hết. Cứ sắc sắc không không hoài.

Hùng cãi lại:

- Em đọc đúng chứ bộ! Tại người ta chép lầm tới hai chữ sắc sắc, không không nên em phải đọc đủ. Nhưng đúng là kinh Phật.

Thành hỏi liền:

- Sao mà biết?

- Vì tụng một lúc, người ta nhắc mình xá. Đây này ”... không độ nhất thiết khổ ách”. Đến chữ ách phải dừng lại để xá một cái. Giọng anh Nhường bắt đầu mất kiên nhẫn:

- Rắc rối không hiểu gì hết. Tụng kinh phải êm tai, ngâm nga đợc. Tìm chỗ khác xem thử có thơ không?

Thằng Hùng lật tìm một lúc, cuối cùng reo lên:

- Đây rồi. Bài niệm hương. Em biết mà. Đúng là sách kinh.

Thành giục:

- Đọc lên!

Hùng bắt đầu đọc chậm, vì vừa đọc vừa đoán mặt chữ:

Nguyện đem lòng thành kính

Gửi cho đám mây hương

Lan tỏa khắp mười phương

Cúng dường ngôi tam bảo

Thề trọn đời giữ đạo

Theo tự tánh làm lành

Cùng pháp giới chúng sanh

Cầu Phật từ gia hộ

Tâm Bồ đề kiên cố

Trí tu học vững bền

Xa bể khổ nguồn mê

Chóng quay về bến giác

Đôi mắt Thành lim dim, đầu gật gù, Trần Văn Nhường thành thực hơn, chậm rãi nói:

- Cũng không hiểu gì nhiều. “Thề trọn đời giữ đạo”. Đạo gì vậy?

Thành mau mắn đáp:

- Thì đạo Phật.

- Ai không biết đạo Phật. Nhưng giữ đạo là làm sao?

- Xì! Thì làm lành. Kinh có nói rồi.

Anh Nhường yên tâm, mỉm cười nói:

- Vậy thì tao không đến nỗi. Trừ những lần say rượu bị vợ cản nhằn đâm quạu, tao chưa làm hại ai. Đi lính chưa bắn phát súng nào. Làm tài xế chưa hề cán chết ai. Chưa quit nợ. Không ăn lương. Lái ghe thì mày biết, chưa gây tai nạn lần nào. Thành nói liền:

- Tôi cũng vậy!

Nhường chợt nhớ cuộc đời long đong của mình, giọng nói pha lẫn chua chát, bi phẫn:

- Nhưng Trời Phật có mắt không? Tao làm lành mà sao đời xui xẻo dữ vậy! Mới lớn lên chưa kịp lấy vợ phải đi lính. Muốn ở nghĩa quân phụng dưỡng mẹ già phải tốn tiền. Hồi 75 tưởng được yên ai dè bắt đầu xui xẻo hơn nữa. Lính từ Phú Bổn chạy về Tuy Hòa thì Tuy Hòa mất, nên cướp xe chạy vô Ninh Hòa thì đường 21 vỡ. Tụi nó chạy ngược ra Tu Bông, dí súng vào lưng bắt tao lái ghe chở đi Sài Gòn. Vợ con tưởng tao chết mất xác. Sau “giải phóng” trở về lại bị tù vì tội chở người di tản. Nói mãi mấy ổng không tin, ở mãi thì không

chịu nổi. Phải trốn. May mà tao đem được cả vợ con vô Trà Vinh. Bây giờ tao ở đây, vợ con bị bắt ở Long Châu. Trời Phật có mắt không? Thành lại tiếp:

- Thì tôi cũng vậy!

- Vậy thế nào được! Mà một thân, khỏe re!

- Tôi bị bắt đi lính chứ đâu có tình nguyện mà đẩy tôi đi kinh tế mới. Phải “dời non lấp biển”? Tôi dân chài lên non sống sao được. Mấy ổng quen, sao không “dời non” luôn cho tôi sống với biển, tiện biết mấy. Mấy năm tôi nhớ biển quá không đêm nào ngủ được, nằm mơ là nghe tiếng sóng ì ầm. May có lũ anh em thằng Hùng, lâu lâu giỡn cũng vui.

- Sao má nó cho mà dẫn nó đi?

- Bã đi kinh tế mới để chồng mau về. Ổng có về đâu! Một mình nuôi lũ nhóc sao nổi. Đỡ được đứa nào, hay đứa này.

Thằng Hùng tự thấy phải bổ túc thêm:

- Em cũng mê biển nữa. Nghe anh Thành kể, em muốn làm dân chài. Ai ngờ...

Từ này đến giờ, thằng Dù mãi mê ngắm cái ông râu đen mắt trợn cầm đao trên bàn thờ phía tay trái. Oai dễ sợ! Nhưng lúc nghe thằng Hùng chê bai nghề biển, nó nổi xung nói:

- Bắt cua bắt cá vui thấy mồ! Mà biết gì! Nhường thấy thằng bé giận dữ một cách ngộ nghĩnh, trêu thêm:

- Có gì đâu mà vui thấy mồ! Vui thấy mồ sao mà còn bỏ qua đây?

Thằng Dù đỏ mặt, trướng gân cổ lên cãi, mắt nháy lia:

- Chú không bắt, cháu đâu có đi!

- Không đi sao mà không khóc?

- Cháu không thèm khóc. Con trai khóc xấu. Nói xong, nó mếu máo. Anh Nhường càng thấy thương nó hơn. Anh Thành và thằng Hùng tấp ghe vào chỗ hẹn lấy dầu, bất ngờ gặp thằng Dù đi soi đèn bắt cua. Sợ lộ, bọn anh phải bắt nó đi theo. Qua đến chỗ rước người, sắp cho ghe vào thì súng trên bờ nổ liên hồi. Bãi bị bể rồi. Bốn người trên ghe chỉ còn có cách chạy thẳng ra khơi. Không la bàn, với bốn lít gạo và nửa can nước ngọt. Máy F8 trục trặc khò khè nhiều lần vì dầu có pha nước, cuối cùng liệt hẳn sau ba ngày trở chững. Đói. Khát. Sóng. Gió. Tấp được vào Kuku sau bao ngày bập bênh trên mặt bể tím, thật là điều kỳ diệu. Thế mà giờ đây họ hỏi: “Trời Phật có mắt không?” Chính Trần Văn Nhường thấy mình giận Trời một cách vô phép vô lý, nên anh ôn tồn bảo Thành:

- Dù sao tụi mình còn sống được là may. Biết đâu nhờ mình làm lành.

Thành đáp:

- Qua đây mình cũng gặp may. Anh có thấy ban đầu họ nghi mình ăn cướp ghe hay không? Ghe người ta trăm này trăm nọ. Ghe mình chỉ bốn người, nghi là phải. Nhưng lấy lý lịch thấy tụi mình không bà con họ hàng gì với nhau, lại không quen ai ở nước ngoài, họ mới tin mình thành thật. Ở hiền gặp lành. Ờ Trời Phật còn có mắt đấy chứ! Thằng Hùng tò mò tìm đọc những tờ giấy dán trên cột và vách chùa từ nãy đến giờ, đột nhiên kêu lớn:

- Anh Thành, lại đây xem này. Người ta viết giấy cảm ơn Phật tùm lum đây này. Ghe 1877TS ra đi ngày 5-9-81 đến Kuku ngày 10-9-81. Ghe 125 khởi hành ở Trà Vinh, trên ghe có 23 người. Chà, tờ này viết dài dũ.

Họ quên bém chuyện niệm hương, chạy đi tìm đọc tất cả những lời tạ ơn. Nhường và Thành đọc chậm, phải đánh vần lời thôi nên để mặc cho thằng Hùng làm “xướng ngôn viên”. Thằng Dù đã quay về chiêm ngưỡng Châu Xương. Hai người lớn chăm chú lắng nghe, lâu lâu chen vài lời bình luận. Trên bản tạ ơn viết trân trọng nắn nót của nhóm người đến trước, một người đến sau viết thêm lời tạ ơn của mình trên bờ lề. Nét chữ cầu thả không thẳng hàng. Nhường nhăn mặt chê:

- Đã lên chùa tạ ơn Phật còn đi viết ké. Giá trị gì! Phật đâu thèm đọc những câu viết bên lề. Một bản tạ ơn khác được làm khá cầu kỳ. Trên cái gương tròn do Hồng Thập Tự Nam Dương phát cho, người thọ ơn Phật cạo nước thủy phía sau thành hình trái tim. Mảnh giấy trắng dán sau trái tim trong suốt có ghi tên ba người-vượt-biên-maymắn thật lớn ở trên. Tận chóp phía dưới, ghi hàng chữ nhỏ: “Tạ ơn Đức Phật” và ngày tháng đến Kuku. Thành bình phẩm:

- Tụi nó đề lên mình Phật. Lấy cớ lên chùa chỉ để ghi tên lưu niệm, như tụi con nít choai choai ngày xưa ưa qua Hòn Chồng lấy sơn đề tên tùm lum trên đá. Sao lại có hình trái tim? Còn mũi tên với mấy giọt máu đâu rồi?

Có bản họ chê dài quá. Có bản họ chê ngắn quá, ngắn như cái điện tín đánh về Việt Nam báo tin mừng cho thân nhân. Rồi cái gì phải đến đã đến. Thành nhìn Trần Văn Nhường, rồi nhìn đồ đệ Hùng, e dè đề nghị:

- Hay tụi mình cũng viết một tờ cảm ơn Đức Phật?

Trừ thẳng Dù lúc đó đã chán ông mặt đen và quay sang mê ông mặt đỏ đứng phía bên phải khung kính, ba người còn lại đều hớn hở hẳn lên. Hùng nhanh nhẩu reo:

- Phải đấy.

Nhường trầm tĩnh chín chắn hơn, đáp chậm:

- Nên lắm!

Nói dễ, nhưng lúc bắt đầu đi vào chi tiết, nhiều vấn đề phải đặt ra! Cuộc bàn thảo bớt đi hăng hái. “Phương án” tốt. “Vật tư” như giấy, bút có sẵn (tuy tờ giấy hơi nhăn và cây bút bị mực ra nhiều quá nét chữ hơi nhòe), cái đáng lấy làm áy náy là “khả năng” có “đạt yêu cầu” hay không? Viết cho Đức Phật đọc, trời ơi, biết làm sao đây? Thành lý luận cứng cáp quá, Trần Văn Nhường có chối từ vai “thảo thư” cách mấy cũng không được. Ai lớn tuổi nhất? Nhường sinh năm 1950. Thành kém Nhường hai tuổi! Trên mặt biển ai quan trọng nhất? Tài công Trần Văn Nhường. Lên đảo Kuku ai là đại diện cả ghe? Vẫn Trần Văn Nhường. Vậy có lý nào anh được từ chối vai đại diện toàn ghe để viết lời tạ ơn Đức Phật. Anh Nhường khổ sở còn hơn cả lúc từ quán rượu trở về nhà sắp nghe lời cần nhắn của vợ. Anh nằn nì, nấn ná:

- Biết nói gì với Phật đây?

Thành đáp ngay:

- Nghĩ sao nói vậy!

- Nhưng tao viết kém lắm. Sai lung tung.

- Cần gì. Nói sao viết vậy!

Anh Nhường đỏ mặt lên, nhìn Thành, định nói gì lại thôi, thôi lại nói:

- Tao với mày dân biển, hay nói chớt. Nói sao viết vậy, biết có đúng không!

Thành đáp liêu, cho nó xong đi:

- Sao không đúng. Chữ viết để ghi tiếng. Với lại cốt ở lòng thành. Viết hay mà viết ké, hoặc viết đề lên Phật, hay ho gì.

Trần Văn Nhường hết đường lui rồi. Anh đành đem tờ giấy hơi nhăn và cây bút hơi nhòe mực đến chỗ bàn kê góc trái Phật đường. Nhờ thằng Dù đã chán cả Châu Xương mặt đen, Quan Công mặt đỏ và Quan Bình mặt trắng, nên quanh anh Nhường có đầy đủ ba người cùng chia sẻ số phận với anh. Sau khi vuốt vuốt cho thẳng tờ giấy và di di đầu bút cho mực ra đều, anh Nhường méo miệng ngoẻo đầu nắn nót bốn chữ quan trọng nhất: Kỷ niệm đơn Phật.

Giờ phút khai bút thiêng liêng đã qua. Bấy giờ mọi người mới được quyền tự do góp ý: Thăng Hùng nhớ bà ngoại, nhắc:

- Trước hết phải tụng Nam mô A Di Đà Phật...

Thành rút kinh nghiệm các bản vừa đọc, gợi ý:

- Đầu bản tạ ơn phải nói rõ mình có mấy người, đi ở đâu, đến lúc nào...

Anh Nhường tiếp thu ý kiến, và viết ngay, theo lòng thành của mình. Anh thiếu tự tin, nên đôi khi phải dừng lại để chờ tranh luận dài dòng rồi mới dám viết. Chẳng hạn khi anh viết lời cảm ơn Phật vì đã giúp cả bốn thoát qua cái chết trên biển cả, thăng Hùng chợt nhớ những lúc phải tát nước liên miên, cãi lại:

- Mình thoát chết nhờ siêng tát nước chứ bộ. Nếu ai cũng lo niệm A Di Đà, thì đã chết ngổ lâu rồi.

Võ Văn Thành bẻ lại liền:

- Nhưng gió không thuận thì ghe mình trôi đi đâu? Tát nước là công của mình, gió thuận là ơn Phật. Được gió thuận là nhờ mình hưởng cái phước trước kia, còn tát nước là tạo cái phước sau này. Lo chờ gió mà không lo tát nước ư? Làm vậy chẳng khác nào ăn cơm thiêu. Mà hiểu không? Thăng Hùng không hiểu gì ráo. Nó ậm ừ, rồi gật gù. Người lớn nói rồi mù, nó chịu thua. Nói thế không có nghĩa Trần Văn Nhường là cái máy viết ý người khác. Anh cũng có viết theo ý anh, một cách kín đáo. Thành đòi anh yêu cầu Phật giúp tiếp vào hai giai đoạn sau (từ Kuku qua Galang, rồi từ Galang qua nước định cư thứ ba). Anh cho đòi như vậy là hỡn, là quá tham. Anh viết đúng ý

Thành, nhưng cuối câu, vòng thêm hai chấm hỏi. Hoặc khi cả thằng Hùng lẫn thằng Dù nhớ đến cha mẹ và anh em, bạn đánh bi, bạn bắt đố... ở Việt Nam, nên xin Phật phù hộ cho tất cả những người còn ở lại, anh Nường đậm ích kỷ. Anh sợ đông quá Phật không nhớ hết. Cho nên anh rút bớt lại, chỉ xin Phật giúp đỡ cho 17 người bị bắt trên bãi, trong đó có chị Nường và thằng Nhịn con trai anh.

Họ viết xong bản tạ ơn lúc trời đã xế. Mải lo tìm bao ni lông bọc tờ tạ ơn và tìm đinh để đóng vào vách chùa, họ quên mất mục đích ban đầu là tìm một chỗ cao để nhìn về phía quê hương.

*

Thưa các bạn đọc,

Để các bạn hiểu được lòng thành của bốn người trong cuộc, tôi xin chép nguyên văn bản tạ ơn của họ (không sai một dấu chấm).

KỶ NIỆM ĐƠN PHẬT

NAM MÔ ĐA DI ĐÁ PHẬT

NAM MÔ BỔNG SƯ THÍCH CA NAM MÔ

DI PHẬT:

NAM MÔ

Chúng con ở tại Chà Vinh đi tại long châu vào ngày 30-9-81 tông bọn con đi 21 người bị bắt 17 người còn 4 người đi qua loạc tại đảo Kuku vào ngày 10-10-81 chún con cảm đơn phật dúc đỡ cho chún con qua sợ dan khổ và sự chót tôn biển cả vậy chún con cảm đơn phật chún con còn hai day độn nữa hồn và sái chún con giải cho phật dúc đỡ chún con:??

nay con kính lời đơn phật dúc đờ 17 người còn đờ lại Việt nam man đâu khố
trông bàn tay cộng sản con. tằm lạy phật dúc đờ dum con con cam đơn
phật những người đi trông ge chún con: tằm dẫn nhườn-20-11-1950 thôn
tuần lễ-xã vạn phước va.ninh

dỗ dẫn thằn-10-10-1952

nguyễn thanh hùng 9 tuổi nhatrang.TPK nguyễn.v.dù 7 tuổi

T G Hùng ký tên,

Truyện ngắn này in ra, lời tạ ơn của họ sẽ được phổ biến nhiều nơi. Chắc thế nào Đức Phật cũng đọc và đoán được tâm thành của họ. Bản tạ ơn này hiện dán tại vách hậu chùa Kuku Indonesia. Các bạn đọc đa nghi (kể cả các bạn hiện ở Việt Nam) nếu muốn, cứ đến đảo Kuku mà xem cho rõ. Có đi xin các bạn hãy nhanh chân, vì lúc tôi rời Kuku, ngôi chùa đã tàn tạ lắm rồi. Mái lợp vải nhựa UNICEF đã hư dột. Cột chùa bị mối đục sắp gãy. Làm sao được! “Sắc tức thị không; không tức thị sắc; thọ tướng hành thức diệt phục như thị”. Tập kinh Ba La Mật mục nhòe vì mưa dột trong chùa đã có ghi như thế rồi!

Một ngày như mọi ngày

Thượng đế hấp tấp tạo dựng ra muôn vật khi chưa kịp đọc kỹ bản tuyên ngôn nhân quyền. Chàng bật cười nhớ lại cái ý ngộ nghĩnh đó của Will Durant, sử gia người Mỹ đã bỏ cả đời để viết bộ lịch sử văn minh nhân loại. Chí lý thay! Nếu Ngài ngập ngừng thêm một sát-na (xin mở ngoặc đơn lưu ý là một sát-na của Thượng đế bằng khoảng thời gian dằng dặc từ thời khai thiên lập địa cho đến thế kỷ 20) để đọc được bản tuyên ngôn đẹp như mộng ấy đủ hai sát-na, Ngài đã không bắt chàng sống cuộc đời vô tích sự như vậy. Mọi người đều được quyền có việc làm. Nhiều người được ân sủng của Thượng đế. Chàng thì không. Chàng chẳng biết phải làm gì. Đứa con gái út hỏi nghề nghiệp cha để ghi vào sơ yếu lý lịch nộp cho nhà trường. Chàng bối rối không biết trả lời con thế nào. Vợ chàng nhanh trí đáp hộ: “mất sức lao động”. Con gái chàng không hiểu gì cả. Chàng lườm vợ, bất bình. Vợ chàng đỏ mặt. Chàng hỏi gay gắt:

- Ai cho phép em đặt tên con là Gái Út? Vợ chàng không vừa:

- Đó không phải là lao động!

Thượng đế cao xanh ơi! Đến vợ con còn không hiểu được chàng, làm sao người ngoài hiểu được! Chẳng trách ai cũng gọi chàng là con người lêu bêu vô ích!

Chàng ái ngại thương mình. Kể ra chàng cũng có cố gắng đấy chứ. Việc gì chàng cũng làm hết mình, rán đến nơi đến chốn. Kết quả tuy không ra gì nhưng “mưu sự tại chàng, còn thành sự tại trời”. Chàng thành thực thấy mình oan uổng không đáng trách.

Thử lấy một ngày nào đó từ lúc thức dậy đến khi đi ngủ xem chàng đã làm gì! Ngày nào cũng được, trừ chủ nhật. Một ngày như mọi ngày. Chàng cẩn thận yêu cầu tránh giùm ngày chủ nhật vì hôm đó vợ chàng ở nhà, chương trình làm việc của chàng bị xáo trộn. Chàng cũng không được thoải mái mấy, nên kết quả lao động hôm ấy thiếu tính chất tiêu biểu, nghĩa là không đủ tiêu chuẩn khoa học khách quan.

Chàng thức dậy lúc bảy giờ. Đáng lý chàng có thể dậy sớm hơn vì đêm nào chàng cũng thao thức tiếc rẻ một cái gì. Tiếc một ngày nữa đã qua chẳng? Tiếc những trang giấy vô tội bị bôi bẩn chẳng? Tiếc của vì lỡ xé vụn một tờ nháp chẳng? Có thể lắm. Nhưng đó là chuyện hôm trước. Chàng chỉ kể đến hôm nay, một ngày như mọi ngày. Chàng dậy trễ để chờ vợ ra khỏi nhà. Chàng thích được tự do, độc lập, hai thứ không có gì quý hơn. Vợ chàng dắt xe cấp cạp đi dạy xong, chàng tung chăn ngồi dậy, vươn vai, ngáp. Khoái thật! Ngáp cũng là một động tác thể dục buổi sáng, theo khám phá mới nhất của phép luyện nội công dành cho người lao lực về trí tuệ. Chàng ngáp một cái, hai cái, ba cái. Đúng sách vở thì ngáp ba cái là đủ. Nhưng... nhưng sao thế này? Chàng ngáp thêm cái nữa, rồi cái nữa, rồi cái cái nữa nữa! À! Chàng nhớ ra rồi. Sách dạy nội công thánh thật! Quả đúng ngáp ba cái thì uest khí trong người bị đẩy ra hết, nội công lại thâm hậu đủ mười hai thành công lực, trí tuệ trở nên hoàn toàn sáng suốt. Nhờ trí tuệ sáng suốt, qua cái ngáp thứ tư trở đi, chàng nhớ một cách sáng suốt rằng mình chưa hề uống cà phê và hút điếu thuốc lá nào cho hôm nay. Cũng nhờ sáng suốt nên chàng trầm ngâm suy nghĩ được lâu. Chàng khám phá ra cái vòng lẩn quẩn của cuộc đời nhờ qui nạp pháp. Chàng có nói ngoa đâu! Này nhé, chàng bắt đầu từ chuyện ghiền cà phê thuốc lá của mình, một chuyện hoàn toàn vật vãnh tưởng như không có gì đáng nói tới. Khối óc chàng có mục mẫm đôi chút, trì trệ ì ạch đôi chút nên chàng cần chút xíu chất kích thích để phấn chấn lên. Cà phê thuốc lá nguyên chất còn vô hại, hưởng chi thứ cà phê pha 92,4% bắp rang và thuốc lá trộn 89,6% lá đu đủ. Xin yên tâm đừng nghe lời các thầy thuốc đại mồm đại miệng! Chàng cần chút xíu thứ nước và thứ khói gọi là cà phê thuốc lá ấy để đầu óc thêm minh mẫn. Đầu óc minh mẫn để làm gì? Để suy nghĩ chín chắn xem trong các thứ đồ đạc còn lại trong nhà, chàng nên bán thứ gì trước thứ gì sau, bán thứ nào thì được mau mẫn hơn thứ nào, nên

bán thứ gì để được cao giá hơn thứ khác. Bán để làm gì? Để mua thứ nước và thứ khói gọi là cà phê và thuốc lá? Mua để làm gì? Để đầu óc thêm minh mẫn? Minh mẫn để làm gì? Để nghĩ chín chắn xem thứ gì còn bán được? Bán để mua cà phê thuốc lá! Để đầu óc minh mẫn! Để nặn óc nghĩ cạn xem còn bán được gì nữa không! Bán để mua cà phê thuốc lá...

Đấy đấy. Không phải cái vòng lẩn quẩn của cuộc đời là gì. Phóng đại qui nạp pháp rộng thêm nữa, có thể suy ra cả luật tuần hoàn của vũ trụ, từ đó rút ra cả một hệ thống nhân sinh quan hoặc vũ trụ quan đủ, dư xài cho một đời! Kỳ diệu thay cái ngáp! Thế là chàng hăm hở bắt tay vào công việc đầu tiên trong một ngày bình thường, một ngày như mọi ngày!

Sau khi súc miệng rửa mặt xong, chàng đi ra đi vô suy nghĩ lung lăm. Chàng nhìn quanh: cái tủ sách đã vỡ kính, sợ, nép mình sát vào vách tối. Cái bàn viết gỗ tạt hạ chân xuống núp sau tủ sách. Cái radio cũ gãy cần ăng ten giờ cái tay cụt làm chứng như hô hoán: “Tôi là đồ bỏ, không ai thèm mua đâu!” Cái giường thì dọa: “Không có tao, nằm đất bị phong thấp cho coi”. Cái lọ hoa mẻ miệng thêu thào: “Lạy Chúa, xin thương kẻ tật nguyền!” Chàng chỉ giả vờ lừ mắt dọa chúng nó thôi. Súc mấy chàng dám động đến những thứ ấy. Chúng thuộc độc quyền của vợ chàng. Chàng không mang được đồng xu cắc bạc nào về, thì không được phép chạm đến các thứ ấy. Phải để cho vợ chàng có phương tiện bù đắp những hao hụt trong chi tiêu hàng tháng chứ!

Chàng chỉ được phép nghĩ đến những thứ vật vĩnh xứng hợp với giá tiền cà phê thuốc lá dỏm. Hôm nay còn bán được món gì đây? Bột ngọt? Giá cao đấy. Hai trăm năm mươi đồng một ký, gấp năm lần số lương của vợ chàng. Vị chỉ 100 grams bán được những 25 đồng. Hai năm trước, chàng đã từng lén vợ bán 100 grams bột ngọt để đủ bao bốn người bạn văn đi nhậu một bữa phủ phê. Hồi đó tiêu chuẩn nhu yếu phẩm của công nhân viên còn khá, nên chàng tái phạm nhiều lần mà vợ chàng không hề hay biết. Bây giờ mỗi tháng chỉ được chia cho vài ba muống cà phê, vợ chàng ham tiền bán ngay trên đường về. Chàng thúc thủ, bỏ ngay ý định thứ nhất. Bao ni-lông chẳng? Chàng rất sành giá cả. Một ký loại còn trong giá 20 đồng. Loại tái sinh không

biết đến kiếp thứ mấy màu nâu lợn cợn chất bản giá 14 đồng. Cũng cao giá đấy chứ! Nhưng Gái Út đã nằn nì xin chàng 58,6 grams để làm “Kế hoạch nhỏ”. Không nạp bao ni-lông và giấy vụn cho đội làm kế hoạch nhỏ, Gái Út sẽ không được công nhận là Cháu Ngoan Bác Hồ. Không phải là cháu ngoan của Bác, chao ôi, hại tương lai biết mấy! Thế là lại bỏ “phương án” thứ hai. Gạo chẳng? Hơi phức tạp đấy! Hình như trong lu da lươn còn một ít gạo, loại cửa hàng lương thực bán cho gia đình công nhân viên có độn nhiều thóc, bông cỏ và sạn. Giá một ký ngoài thị trường tự do là 6 đồng 25 xu. Tối hôm qua, vợ chàng căn dặn sáng hôm nay nếu cửa hàng có gọi đi mua gạo thì nhớ xem các cân cho đủ. Nhưng nếu nhờ họ không gọi, hoặc xe chở gạo trên phòng lương thực bị hư chưa chở kịp, thì làm thế nào? Nguy hiểm lắm. Không đùa với lu gạo được. Lấy hết sáng suốt suy đi nghĩ lại, chàng chỉ thấy còn nước cuối cùng: trở về lũ bạn quyến thuộc thân yêu của chàng, lũ bạn đã từng chia sẻ với chàng bao nhiêu đắng cay, vinh nhục, lặng lẽ âu yếm theo dõi cuộc đời chàng. Chỉ còn lũ sách. Chàng đau nhói cả lòng. Bao nhiêu năm chàng sống giữa sách, sống vì sách. Bắt chước một câu khẩu hiệu cũ, chàng có thể nói: “Chàng là của sách, do sách, và vì sách”. Hồi còn đi học, cha mẹ chàng gửi cho mỗi tháng 1.200 đồng. Tiền cơm tháng 700. Tiền nhà 200. Còn lại bao nhiêu thứ chi tiêu quan trọng khác! Thế mà chàng dám bỏ 200 đồng để mua sách đều đều (chàng nhớ giá mỗi cuốn tiểu thuyết bìa mỏng loại Livre de poche chỉ có 10 đồng thôi). Mỗi lần mua được cuốn sách mới, chàng trân trọng nâng niu như nâng trứng húng hoa. Sau khi bao bìa bằng giấy kính trong suốt, chàng lật trang đầu nắn nót viết vài dòng lưu niệm rồi mới đọc. Nét chữ, lời ghi, cách ký tên giữ nguyên tâm trạng chàng ở từng thời kỳ. Lâu lâu, buồn, đọc lại, chàng cảm thấy ngộ nghĩnh và bồi hồi. “Một chiều không nắng”, “Buồn vu vơ”, “Mùa lá rụng ở thành đô”, “Một sáng heo may bên thành quách cũ”. Vợ chàng thường đem những lời ghi ấy ra chê chàng hồi nhỏ quá “cải lương”. Chàng đỏ mặt, và càng thương cậu học sinh mới lớn học đòi làm thơ hồi đó. Trưởng thành hơn, chàng ghi đơn giản lại: “Kỷ niệm ngày tốt nghiệp”, “Buổi chiều gặp em”, “Ngày cưới”. Đôi lúc do chưa đọc sách đã ghi dòng lưu niệm, chàng gặp cảnh trái ngược, như chàng gặp người yêu đầu tiên (và cũng là người yêu cuối cùng) đứng vào hôm chàng mua cuốn truyện La Dame aux camélias, và chàng ghi hai chữ trân trọng “ngày cưới” lên cuốn Sonate à Kreutzer của Léon Tolstoi.

Lũ bạn sách đi theo ôm ấp bảo vệ chàng suốt các chặng đường lưu lạc. Bàn viết, giường ngủ của chàng luôn luôn có sách bao bọc. Chàng chỉ cần giơ tay lên là gặp gỡ được một cuộc đời. Chàng đọc đi đọc lại những đoạn ưa thích, đến nỗi mỗi khi muốn tìm lại, chàng chỉ cần lật đến chỗ giấy lề bị đen bẩn hơn là tìm thấy. Bạn bè tứ phương kiên nhẫn chờ chàng để được hỏi han, chia vui sẻ buồn. Thế mà bây giờ, ở thế kẹt, chàng phải phản bạn. Loại sách từng bị chàng rẻ rúng như truyện kiếm hiệp, bói toán, ái tình lâm ly đã bỏ chàng ra đi từ mấy năm trước vì đắt hàng. Mấy cuốn kinh Phật chàng đã “cúng dường” cho chợ sách một năm trước đây. Sách Mỹ bìa dày giấy khổ rộng nặng cân nên đã theo các chị ve chai. Trong tủ sách hiện giờ chỉ còn loại sách mỏng, khổ nhỏ và có giá trị theo cách đánh giá của chàng. Xin nói thêm là cách đánh giá ấy không giữ phần chủ động. Sách hay, nhưng nặng ký cũng phải biến thành cà phê thuốc lá. Chỉ có sách hay mà bị các chị ve chai chê mới còn làm bầu bạn với chàng cho tới hôm nay, một ngày như mọi ngày! Phần lớn đều thuộc loại tiểu thuyết tiếng Pháp cỡ Livre de poche, hoặc loại khảo cứu và văn học. Chàng rút ra một cuốn khá dày: “Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay” của Tạ Tỵ do Lá Bối xuất bản. Chàng tính nhắm: Ít ra phải được 10 đồng. Mỗi khuôn mặt văn nghệ lớn chỉ đáng 1 đồng, rẻ quá. Nhưng rút kinh nghiệm các lần trước, chàng không dám tin cách định giá khiêm nhường của mình. Để chắc ăn hơn, chàng lấy thêm hai cuốn nữa theo lối nhắm mắt may rủi: Sử ký của Tư Mã Thiên bản dịch tuyệt vời của Nhượng Tống, và Sonate à Kreutzer của Tolstoi. Chàng vội ấn cuốn tiểu thuyết của văn hào Nga vào kệ sách. Không được chạm đến kỷ niệm thiêng liêng của hai vợ chồng! Dù Tolstoi bi quan đến mức nào về đời sống lứa đôi, nhưng Sonate à Kreutzer vẫn cứ là một lưu niệm đẹp. Chàng nhắm mắt rút một cuốn khác! Lại Tolstoi: Résurrection. Chàng không dám do dự nữa. Nếu do dự, chàng có thể sẽ nghĩ đến máu lệ từng thấm qua nét chữ Tư Mã Thiên, hay công lao khảo cứu của Tạ Tỵ. Chàng dứt khoát đóng tủ sách lại, dọn con trôn nhà, rồi đạp xe lên chợ sách đường Đặng Thị Nhu (xưa là Bùi Quang Chiêu).

Chàng tránh các sạp bán sách cũ của bạn bè vì hai lý do: bạn văn của chàng vốn vẫn mời cà phê thuốc lá nhưng lại hay quên trả tiền nợ. Hơn nữa, gặp là khó nhau đủ thứ chuyện, trong lúc chàng có nhiều việc để làm. Chàng ghé

một sạp sách cũ chuyên nghiệp trước từng bán sách ở đường Lê Lợi. Người mua sách mau mắn chặn chàng lại hỏi:

- Có gì bán không chú?

Tội nghiệp, đến nước này mà chàng còn ngượng. Chàng không dám cho khách qua đường thấy chàng nữ phản bội ông bạn già Tạ Ty, đại văn hào Nga và nhà viết sử Trung Hoa. Chàng chìa ba quyển sách ra, cẩn thận úp sấp lại. Người chủ sạp sách cũ không cần lật ngược để xem nhan đề, hai con mắt nhà nghề đo lường khổ giấy và chất giấy, trong khi đôi tay nhà nghề nâng lên nâng xuống đo trọng lượng. Một lát, ông ta hỏi:

- Bao nhiêu?

Chàng lấy bạo ra giá:

- Hai mươi đồng!

Bấy giờ chủ sạp mới đeo kính lão vào xem nhan đề. Ông trề môi chê:

- Sách văn học bán ế lắm. Chú còn sách bói toán hay kinh Phật, bao nhiêu tôi cũng lấy. Chàng định phản đối tới cùng, nhưng thấy vô ích. Chàng cố lấy vẻ bất cần hỏi:

- Nhiều?

- Năm đồng.

- Ba cuốn mới được 15. Rẻ quá.

- Không. Năm đồng ba cuốn. Giấy cũ, gói đồ không được, làm bị rách, các-chú chê không mua.

Chàng giận quá, dằng mấy cuốn sách trên tay chủ sạp, bỏ vào túi vải. Chàng bỏ đi. Ra khỏi chợ, chàng ngáp đến sái quai hàm. Tại thiếu cà phê thuốc lá đây! Chàng do dự, rồi rẽ phía đường Calmette ghé vào hiệu mua bán giấy cũ của chú ba Tàu quen. Chú ba lắc đầu lia lịa:

- Giấy cũ ngộ không lấy. Có Lenin ngộ mua cho, 18 đồng một ký.

Chàng ngỡ người hỏi lại:

- Chú mua sách Lenin à? Chú tiến bộ dữ!

- Hà hà! Ngộ đọc loại Lenin toàn tập dữ lắm. Tuyển tập giấy dày hao ký, ngộ không đọc. Chàng đâm sợ! Tại sao có chuyện lạ vậy? Một tiểu thương gốc Hoa đốt nát không đọc được chữ Việt hỏi mua Lê Nin toàn tập! Hay là... hay là một chiến dịch phá hoại mới của Trung Nam Hải như vụ nạn kiều? Biết đâu được! Giới lãnh đạo cộng sản Trung Quốc theo Marx nhưng không theo Lê Nin. Họ hãnh diện là Hán tộc, đâu chịu răm rắp tuân theo lời dạy một người Nga-la-tư. Phải ra lệnh cho đạo quân thứ năm là Hoa kiều các nước tung tiền thu vét hết sách Lê Nin đốt đi, rồi lạng lẽ tung Mao tuyển ra. Thâm thật! Thảo nào! Chàng sợ rắc rối lôi thôi, vội vàng bỏ đi.

Đi đâu bây giờ? Liếc nhìn cái đồng hồ chợ Bến Thành, đồng hồ đứng. Hỏi thăm đến người thứ 37, chàng được biết lúc ấy mới 8 giờ 45 phút. Sớm quá, nhưng không biết đi đâu khi túi rỗng, chàng đành trở về nhà vậy.

Con gái chàng cho biết tổ 15 của chàng phải mua gạo trước 5 giờ chiều, trễ là khóa sổ. Chàng mừng rỡ. A ha, tìm ra kế rồi. Chiều mua gạo, vậy chàng có thể xúc tạm vài lon đi bán mua cà phê thuốc lá được.

Công việc chóng vánh hơn bán sách nhiều. Chị hàng gạo đong được 1 ký rưỡi, nhân cho 6,25, vị chi 9 đồng 375. Chàng hồi hộp hy vọng được trả 9 đồng rưỡi, nhưng chị hàng gạo bần tiện bủn xỉn keo kiệt tham lam nói:

- Lon cuối cùng hơi lụng, nên trừ bớt còn đủ 9 đồng chẵn.

Đành nhận vậy, biết làm sao!

Chàng huýt sáo vui vẻ, hùng dũng tiến tới hàng thuốc rê.

Đi bán thuốc nhắc 1 đồng nợ hôm qua. Chàng bớt hăng hái, mua thêm 2 đồng thuốc và một xấp giấy quốc doanh giá 1đ5. còn 4đ5, chàng yên tâm đạp xe lên đường bà Lê Chân uống cà phê ở quán anh bạn thi sĩ.

Cà phê ở đây không rẻ hoặc ngon hơn các chỗ khác. Vẫn loại 92,4% và vẫn giá 1đ5 một tách nhỏ. Nhưng sở dĩ chàng chịu khó đạp xa như vậy là vì ở đây chàng gặp đủ các bạn cũ làm văn nghệ lữ-cổ và lữ-làng như chàng.

Chàng thất vọng vì thoát nhìn vào quán hẹp dợn ghé bên chái đình, chàng không nhận ra mặt nào quen cả, anh bạn thi sĩ chủ quán cũng mất tăm. Lỡ

khóa xe cẩn thận, chàng đành phải vào. Quanh chàng, hầu hết là thanh niên mới lớn và dân chạy thuốc tây chợ Tân Định.

Phía bên phải sát bếp bốn cậu trẻ tuổi tóc dài đang hăng hái khoe thành tích văn nghệ. Một cậu có lẽ đang học trường âm nhạc thành phố khoe hôm qua vừa đi nhậu say túy lúy với đại nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Một cậu chuẩn thi sĩ khoe cái đầu vừa được thợ hớt tóc kiêm đại thi sĩ Phạm Thiên Thư chăm sóc cho. Chàng hứng chí, muốn tìm tên một đại văn hào để khoe dây mơ rễ má. Nhưng tìm mãi không được. Người đi tù, người đi Mỹ. Hạng nhà văn lờ cỡ cũng có đấy, nhiều là đảng khác. Nhưng chẳng lẽ khoe nhà văn X vừa hỏi mượn chàng ba điếu thuốc lẻ, hay nhà văn Y vừa xin bớt chàng một cái quần cũ. Phải giữ thể diện cho ngành văn chứ!

Chàng buồn rầu ngồi một mình, uống cà-phê thật chậm để chờ. Chừng 20 phút sau, ông bạn họa sĩ và ông bạn chuyên viết văn dành cho tuổi thơ tới. Gặp chàng, họ mừng quýnh. Họ gọi rối rít:

- Ra đây! Có chuyện làm ăn khá lắm! Đãi hai tách cà phê sẽ mách cho.

Chàng bấm bụng gọi thêm hai tách cà phê nữa. Sạch túi. Uống xong, bạn họa sĩ nhìn lơ láo xung quanh sợ người nghe trộm. Chàng càng tin trúng mảnh lớn. Thấy hoàn toàn an ninh, họa sĩ chồm tới sát chàng hỏi:

- Mà còn giữ tấm thẻ sinh hoạt câu lạc bộ văn nghệ không?

- Còn.

Hai người bạn chàng reo lên:

- Khá quá. Tao đã bảo chắc thằng này tính cẩn thận, thế nào cũng còn giữ.

Chàng lo lắng hỏi:

- Nhưng có chuyện gì vậy?

- Chuyện làm ăn lớn. Cỡ tuyệt mù trời đất kinh thiên động địa như tư tưởng Lê Nin vậy. Chàng xịu mặt, chuẩn bị thủ thế. Bạn nhà văn hỏi:

- Sao mà đổi sắc thế?

Chàng đáp nhỏ:

- Coi chừng âm mưu của Trung Nam Hải. Hai bạn chàng cười ô:

- Âm mưu cái mớ xì. Bộ Lê Nin toàn tập bán tự do ở hiệu sách quốc doanh, ai mua không được.

- Nhưng tại mà hỏi thế câu lạc bộ làm gì?

- Vì họ chỉ bán cho người làm công tác văn hóa. Chàng đáp ngay cho dứt khoát:

- Sách Lê Nin tao đọc không vô. Mua làm gì. Bạn chàng lại cười:

- Ai bảo mà đọc! Mua để bán lại kiếm tiền cà phê.

Chàng bắt đầu thấy ham. Chàng e dè hỏi:

- Lời nhiều không?

Anh bạn họa sĩ mừng rỡ rút ngay mảnh giấy trong túi ra vuốt vuốt cho thẳng, rồi đặt trước mặt chàng. Trên mảnh giấy, đã có sẵn mấy phép tính. Anh ta vừa trở vào giấy vừa giải thích:

- Kỳ này họ bán 7 cuốn, giá vốn 24đ7 hào. Xé bìa cân ký được 4 ký 45, mỗi ký... Chàng cười tiếp lời luôn:

- Mỗi ký 18 đồng.

- Ủa, mày mua rồi à? Sao không nói từ đầu.

- Không, tao chưa mua. Mày tính tiếp đi. Bạn chàng bớt hăng hái vì hồ nghi, nhưng vẫn tính:

- 18 nhân cho 4,45 thành 80đ10. Dĩ nhiên vừa ve chai không có 10 xu lẻ, nên chỉ trả 80đ. Trừ 24đ7 vốn, còn lời 55đ3. Tao lấy 15 đồng. Thằng này 15 đồng. Phần mày những 25 đồng 3 hào. Chịu không?

Chợt nhớ cảnh đem nài nỉ đánh đổi Tư Mã Thiên, Tolstoi và mười khuôn mặt văn nghệ Việt Nam để lấy 10 đồng không được, chàng đồng ý liền. Gật đầu xong, chàng mới nhớ đã sạch túi. Chàng lo lắng hỏi:

- Tụi mày xuất vốn hả?

- Hả... Hả?

- Tao hết hẳn cả tiền rồi.

- Sao mày dám bao cà phê?

- Vì bao tụi mày mới hết. Tao chỉ có 4đ5. Khó xử thật! Bạn nhà văn hỏi:

- Nhà mày sách cũ còn nhiều không? Chàng bật cười, vỗ vào cái túi vải:

- Tao vừa mang đi rồi mang về. Ế lắm.

- Được mấy ký?

- Tao chưa cân.

Bạn họa sĩ không thèm mở nắp túi vải, nhấc cả túi lên cân bằng tay:

- Nhẹ quá. Sợ không đầy một ký. Mày mượn vợ thằng HT xem sao.

Chàng dẩy nẩy:

- Không được. Tao không quen vay nợ. Bạn nhà văn đột nhiên tìm ra lối thoát:

- Hay thế này. Mà với hai đứa tao đến mua, rồi mà giả vờ quên ví nhờ tao về lấy. Tao chở sách Lê Nin đi xuống Cầu Sắt bán, đem tiền về trả. Được không?

Cả ba vỗ tay reo. Họ làm đúng “phương án”, và chia chát cũng đúng “phương án”. Với 25 đồng 3 hào trong túi, chàng định mua luôn 100 grams thuốc rê để dành. Nhưng đến sạp bán thuốc, chàng do dự. Không nên để leo việc hôm nay qua ngày mai. Một ngày như mọi ngày, nên mỗi ngày phải giữ trọn tính chất độc lập tự do của nó. Hôm qua chàng thèm thuốc lá quá nên phạm lỗi, đó là điều không được tái phạm. Cho nên sau khi sáng suốt suy nghĩ, chàng chỉ mua thêm 4 đồng thuốc rê và 1 đồng 3 giấy vắn. Còn chẵn 20 đồng. Nhìn đồng hồ một anh chợ trời thuốc tây, chàng thấy đã 9 giờ 50. Phải về nhà để lo cơm nước thôi. Chàng đạp xe về theo đường Trần Quang Khải. Hai bên đường rợp bóng cây bầy la liệt những chiếu mua bán đồ cũ. Toàn loại phế thải. Bảng hiệu là một tấm giấy bìa đề chữ cầu thả hoặc bay bướm dựng trước chiếc chiếu bày hàng. “Mua bán băng nhựa cassette cũ. Giá cao”. Mua giá cao thì được, còn bán giá cao thì lỗ đẽnh quá! “Mua dao điện” “Mua gọng kính cũ, phim phối, tiền xưa, bạc vụn” “Mua sách báo cũ. Giá phải chăng”. Đây mới đúng là một anh chợ trời chân thành! Chàng sẽ trở lại đây nhiều lần! “Mua bán lốp ruột xe đạp. Bảo đảm không đứt triên trong 6 tháng”. Bảo đảm? Loại bảo đảm chợ trời! Chàng đã lỡ nghe một lời bảo đảm như vậy nên mua phải một cặp lốp giả bố làm bằng bao cát mục, cao su pha quá nhiều đất sét, chỉ chạy 6 giờ đồng hồ là nổ. Chàng lẩn thẩn suy nghĩ về xã hội mình đang sống. Có hai đặc tính nổi bật: “tư liệu sản xuất” là đồ phế thải và hình thức “giao lưu hàng hóa chợ trời”. Thang giá trị cũng đảo ngược: đồ sản xuất càng lâu năm càng đáng tin cậy. Đúng là một nền văn minh phế thải. Trên những con đường chàng thường đi qua, hai tiếng “phế thải” cứ vang vọng bất tận trong trí chàng. Những đứa trẻ bị phế thải khỏi trường học lặn hụp mò bao ni lông cũ chìm dưới đáy sông Thị Nghè. Người đàn ông phế thải cười chiếc xe đạp sắp phế thải, vò sau chằm vá cột buộc đủ chỗ nhưng còn rán chịu đựng được cái bao rách chứa giấy phế thải. Một chị đàn

bà đặt cái cân bàn ở góc đường Nguyễn Bình Khiêm Tự Đức mua giấy sách cũ. Họ thành một đôi xứng hợp. Chàng quan sát họ, thầm nghĩ: Có thể thành một đề tài truyện ngắn không? Qua chợ Thị Nghè, chàng vội bóp phanh trước một đám đông cuối dốc. Dây phanh đáng lý nên phế thải bị lưu dụng quá hạn nên đứt ngang. Chàng phải lấy dép chà lên mặt đường hãm đà. Đôi dép làm bằng nhựa phế thải chịu không nổi, rách quai. Chàng may mắn không tông phải ai. Một vụ cãi vã gay go. Chuyện đó thường tình. Điểm đặc biệt là hai đối thủ đều có đủ chất điển hình: ông cán bộ thắng trận đội mũ cối mang dép râu và anh lính ngự thua trận bán chợ trời. Cuộc cãi vã có cơ trở thành một màn đấu tranh chính trị nguy hiểm. Khốn nỗi người đi chợ tuy ghét dân chợ trời nhưng lại thương người ngã ngựa, khiến ông cán bộ nổi sùng. Hình như nội vụ bắt đầu khi ông cán bộ dùng thuốc nam không hiệu quả phải vác tiền ra mua thuốc tây ở chợ trời. Ông không tin ở những gì ở ngoài vòng kiểm tỏa của nhà nước. Ông nghi đang cầm phải một vỉ thuốc giả. Anh chợ trời đâm cáu, giật vỉ thuốc lại, bĩu môi:

- Không có tiền thì thôi. Vào hiệu thuốc quốc doanh mà mua!

Thế là ông cán bộ to tiếng mà mày tao:

- Hạng chuyên lừa đảo phe phẩy như mày là ghẻ lở của xã hội. Hàng nhà nước thất thoát vì mày! Cán bộ hủ hóa vì mày! Tao kêu công an công mày bây giờ!

Một số khá đông người hiếu kỳ thấy như mình bị xúc phạm danh dự. Gia đình nào không có thân nhân lẫn lóc chốn chợ trời? Vài lời xúi giục có ác ý, hy vọng chứng kiến “cuộc đấu tranh ai thắng ai” giữa hai ý thức hệ. Nặng và hiểm nhất là câu:

- Tao thấy lâu nay mày ngon lắm, sao bữa nay hiền vậy, Hùng Đầu Bò.

Hùng Đầu Bò quắc mắt lườm lườm nhìn ông cán bộ. Ông cán bộ quắc mắt nhìn lại. Mọi người nín thở hồi hộp. Hùng Đầu Bò cảm rằm gì đó, rồi quay đi. Bấy giờ ông cán bộ mới thấy mình bạo phổi. Quá dễ bị đòn hội chợ. Ai lại phi báng làm nhục dân chợ trời giữa chợ trời? Ông cũng cảm rằm gì đó để giữ thể diện nhà nước, rồi lên xe đạp. Chờ ông đi rồi, đám đông quay chốt vấn Hùng Đầu Bò:

- Mày làm mất mặt tụi tao quá. Tao tưởng mày ngon.

- Mày bị nó chê là ghẻ lở, không xấu hổ sao? Hùng Đầu Bò rút thuốc ra hút, phà hai hơi, rồi nói tỉnh:

- Mụn ghẻ nó đâu có xấu. Đáng xấu hổ là thằng ở dơ để cho da dẻ mọc mụn.

Đám đông cười ồ. Thế là danh dự được cứu vãn. Chàng cũng cười, thâm nghĩ: Đúng là lý luận kiểu AQ. Viết truyện ngắn hoặc cái truyện vừa theo kiểu Lỗ Tấn được không?

Chàng sẽ gắng viết thử. Nhưng việc trước mắt là phải về cho kịp nấu cơm trưa. Thế là hết buổi sáng.

Bữa cơm trưa khá vui, trừ những lúc buồn! À quên, trừ những lúc vui buồn lẫn lộn nữa. Vợ chàng hay kể những chuyện xảy ra trong trường nhìn từ bàn cô giáo xuống cuối lớp. Đứa con trai chàng bỏ khuyết bằng cách nhìn ngược từ cuối lớp lên bảng đen. Ngày nào cũng vậy, câu chuyện hào hứng làm cho cả gia đình quên được cái đạm bạc của mâm cơm độn. Ví dụ khi vợ chàng than:

- Thật tệ quá. Ai đời sáng nay em “chia tiêu chuẩn” được 200 grams thịt ba chỉ. Chờ nửa tháng dài mới được hưởng ân huệ cách mạng, mừng hết lớn. Em đã cẩn thận bọc trong bao ni lông, bên ngoài bao thêm giấy dày giấu kín giữa cuốn sổ kiểm diện đặt ngay phòng giáo viên. Thế mà dạy xong tiết 2, em nghĩ quần sợ mất, vội chạy lên xem. Không mất. Nhưng đĩa khốn nạn nào đã đổi phần thịt của em rồi. Anh cẩn thận miếng này, toàn bấy nhầy.

Con chàng bồ khuyết:

- Hèn gì cô chủ nhiệm của con cứ xách thịt xuống lớp nhờ tụi con giữ hộ. Để trên đó, cô không yên tâm.

Hoặc khi vợ chàng kể:

- Ban đời sống trường em làm việc đến kỳ! Ai đời căng tin bán cho học trò không có tổ chức gì ráo trọi. Mạnh ai nấy bán. Giờ học vừa hết, thoáng một cái, mỗi cô giáo một giỏ quà ngồi la liệt trên sân chơi chờ đợi học sinh mua. Giờ học rảnh rỗi la mắng nó, giờ chơi phải cười cầu tài. Con chàng bồ túc liền:

- Hèn gì cô con đem quà bán ngay trong lớp học cho tiện. Sáng nay cô dọa khảo bài sinh vật, mà tụi con chiều hôm qua lo tập văn nghệ đã kịp học đâu. Tụi con tìm mánh: Cô vừa xách giỏ bánh mì nướng phết đường vào, tụi con cử một đứa lên mua, đưa tờ 20. Cô không đủ tiền thối, chạy đi đổi dưới căng tin. Thối xong, cô cười cười, khuyên tụi con mỗi lần ăn quà nên tránh ăn đồ lạnh như cà rem để đau bụng. Cô con ghét cô Nga chủ nhiệm 7B lắm. Cô Nga bán kem mà ba. Cô nói chuyện một lúc, sắp sửa trở lên bàn thầy giỏ sổ, thì một đứa khác lên mua. Cô lại cười tươi, than độ này bột mì đắt nên bánh nhỏ. Củi lửa khan hiếm. Cứ thế tụi con kéo dài được đến cuối tiết. Đại khái trưa nào cũng có những chuyện vui như thế cả.

Chàng ghi vào óc, lúc cần có thể dùng được. Ăn cơm xong, vợ chàng để mặc chén bát nồi niêu cho cha con chàng rửa, lấy nón giỏ tất tả ra chợ trời. Trước khi đi, vợ chàng cũng đi ra đi vào suy nghĩ cho chín chắn như chàng buổi sáng. Đến lượt những thứ từng lờn mặt với chàng sáng nay phải nem nếp sợ hãi. Mấy cái son nhôm, chảo nhôm, thau nhôm... nói chung thứ gì bằng nhôm trong nhà bếp đều cảm thấy hồi hộp trước cuộc đời lưu lạc gian truân sắp chịu. Vợ chàng có trí nhớ tốt, nên không thứ gì bẻ, mẻ, móp, méo, lủng thục đồ nhôm, dù trốn ở gậm giường xó tủ nào, nếu chẳng may bị nàng trông thấy một lần, là không thể thoát được! Chàng biết thế nên không bao giờ dám xâm phạm “đất cấm”. Ngành chuyên môn thứ nhì của nàng là quần áo cũ. Một miếng giẻ nàng cũng tìm được chỗ bán, và bán giá cao mới lạ chứ. Đôi khi chàng ngỡ vợ mình đã cố ý tăng giá lên để “lấy le” với chàng. Hu thục thế nào, đến bây giờ chàng chưa biết!

Ngành thứ ba vợ chàng giành độc quyền là chén bát, ly tách. Lâu lâu lên mua 50 grams cà phê nguyên chất (rồi dối vợ là người bạn thân từ Buôn Mê Thuột vừa về Sài Gòn chơi đem biếu) về pha filtre, chàng tìm cái ly thủy tinh có quai mãi không thấy đâu. Chờ vợ về hỏi, nàng chỉ ồm ờ bảo “ở đâu đó”. Chàng nghi vợ đã học đòi theo chàng, vợ chàng liền chất vấn:

- Có ông bạn quý nào vừa lăm cẩm vừa bủn xỉn đến nỗi từ xứ cà phê xuống thăm bạn ở Sài Gòn lại chỉ đem biếu có 50 grams. Nói dối thì cũng phải có lý của nó chứ! Chàng im, dừng lại, không dám tra vấn cái ly mất tích nữa. Rồi nay cái quần sờn đáy xỏ lai, mai cái liếng Nhật, một cái đèn nhôm Mỹ, cuối cùng cái tủ áo, tủ buffet, chạng thức ăn rộng ruột. Luật bù trừ mà! Muốn cho cái ruột này đầy thì cái ruột kia phải rộng. Ngày xưa Nguyễn Du nói: Lạ gì bỉ sắc tư phong.

Tiếc một điều là vợ chàng không biết dùng qui nạp pháp! Nhưng đó là việc của vợ. Hãy trở về việc chàng.

Buổi chiều các con đi học cả, vợ đi vắng, chàng phải ở nhà vậy. Lo giặt dĩa, lau chùi nền nhà và bàn ghế, phủ bụi ở tủ sách. Càng ngày chàng càng trở nên cẩn thận ngăn nắp hơn. Chùi nhà một lần, chờ khô, chàng thấy mặt nền còn nham nhám. Chùi lần thứ hai, đỡ hơn, đúng lúc đó con chó SuSu mang bốn cái chân bần chạy vào. Lại phải chùi lần thứ ba, lần này cẩn thận khép cửa. Đi ra đi vào nhìn thứ gì chàng cũng thấy không được chỉnh. Lũ đồ vật gặp cái nhìn của chàng vào buổi chiều, nên yên tâm! Chàng đã hoàn toàn vô hại. Chỉ có thiện chí! Chàng nâng niu cái này, xoa nắn cái kia, đánh bóng cái nọ. Đồ vật nhoẻn cười yên tâm trong tay chàng. Mải mê làm vệ sinh, chàng suýt nữa quên chuyện trọng đại: mua gạo. Khốn nỗi đến lúc đó chàng mới nhớ vợ chàng chưa đưa tiền. À quên, chàng còn đủ 20 đồng đây. Chắc đủ. Chàng nở mũi hãnh diện. Có thể chứ. Chàng đâu phải là kẻ vô tích sự. Chàng còn đủ sức lo gạo cho gia đình, mà có gạo là có tất cả. Lê Nin “vĩ đại” ở chỗ dám đem lý thuyết ai cũng cho là không tưởng ra thực hành ngay trong cuộc đời rối rắm phức tạp này, nhưng còn “vĩ đại” ở chỗ dám giúp một kẻ chưa đáng tin cậy đủ tiền cho hắn mua gạo ăn trong thời gian sấm hối. Chàng tự trách đã quá bất công với nhà lãnh tụ Nga. Với tâm hồn yêu đời, chàng đi mua lương thực. “Cửa hàng phục vụ gạo” đông nghẹt. Chàng thích cánh len vai xông vào. Một chị sồn sồn rửa:

- Cái ông già dịch. Đạp cả lên chân người ta! Già dịch! Cái chân chị là chỗ dễ kích thích chắc! Nhưng chàng đang yêu đời nên chàng quên ngay lời rửa, nghĩ theo cái hướng tích cực: Già dịch! Thế mà bà xã mình dám bảo mình “mất sức lao động”. Đúng Bụt nhà không thiêng. Này, mất sức lao động này! Chàng lấn thêm cho gần tới bàn cô thư ký ghi sổ. Lại có nhiều tiếng la ôi ối:

- Làm gì như đi ăn cướp vậy!

- Yêu cầu bà con giữ nếp sống văn hóa mới! Chàng khựng lại. Phải, chàng còn mang quá nhiều tàn dư văn hóa cũ, không chịu vì mọi người. Chàng định thối lui để nhường chỗ cho các em bé, cụ già, đàn bà có thai, thương binh liệt sĩ (không phải thương phế binh ngụy), gia đình có công với cách

mạng. Không kịp rồi. Dậm bước lui thì một em bé gái khoảng 10 tuổi kêu thét lên:

- Ái! Chết ngộp mất trời ơi!

Có ai vừa đánh rắm thối hoăng. Người ta bịt mũi lại, tiếng chửi nghe thật tức cười. Chàng bị sửa lưng liền:

- “Địch” thối om còn đứng cười! Vô duyên. Chàng mắc oan Thị Kính mà không cách nào bào chữa được. Nếu không đánh rắm, sao chàng không bịt mũi. Chịu thưởng thức “của nhà” tức là công khai nhận lỗi. Mọi người nhìn chàng căm tức. Tình thế ngày càng tuyệt vọng, không khéo thu xếp chàng có thể bị đòn hội chợ như chơi. Trước hết, hãy rút lui đã. Ra ngoài được rộng rãi, dễ thanh minh hơn. Mặc tiếng la ó, chàng cố chen trở ra. Cô thư ký ngộp thở, bỏ bàn giấy vùn vằng đi ra phía sau. Sợ không được mua gạo, người ta càng căm tức chàng hơn. Làm sao đây? Chàng bắt đầu ngờ rằng có thể chàng lỡ dại nhưng do gắng sức chen lấn chàng không hay biết. Thanh minh không ai nghe, bỏ về sợ mất phần gạo. Cho nên khi nghe loan báo hoãn thời hạn chót đến chiều mai, chàng mừng rỡ ra về.

Quần áo chàng đẫm mồ hôi, nhọ nhem như quần áo chú bé quét bồ hóng. Chàng cảm thấy ngứa ngáy. Phải về gấp để tắm mới được. Lúc cởi quần dài vắt lên dây thép, chàng thấy túi quần bị đảo ngược, lớp vải lót màu cháo lòng thò ra ngoài thành một cái tai vênh. Chàng không hiểu gì cả. Có lẽ tách cà phê sáng đã hết hiệu lực. Đến khi hiểu, chàng mới biết kẻ gian đã nhân lúc chen lấn mượn tạm 20 đồng của chàng rồi. “Của Lê Nin trả lại cho Lê Nin”. Đúng là luật công bằng trong mơ ước của bản tuyên ngôn nhân quyền!

Chàng thường dành buổi tối để viết. Đáng lý chàng phải để dành 1đ5 để mua sẵn một tách cà phê loại 92,4% làm “tư liệu sáng tạo”, nhưng 20 đồng phi nghĩa không còn nữa, nên chàng phải rón dần những cái ngáp ác hại.

Phút linh cầu mãi không về.

Bâng khuâng giấy trắng chưa nê mực đen. Chàng gập y nỗi khổ tâm của Hồ Dzếnh. Ngáp đến cái thứ tư mà xú uế cứ dâng tràn. Chàng nghĩ thầm:

- Phải viết cái gì trung thực.

Chàng ôn lại những gì đã thấy đã nghe trong một ngày bình thường. Âm mưu của Trung Nam Hải? Nếu trung thực thì nguy lắm, chàng sẽ trở thành kẻ tòng phạm trong vụ án phản động có tầm cỡ quốc tế. Viết chuyện mua bán sách cũ? Lại mắc tội lưu hành phổ biến văn hóa phẩm đồi trụy nhảm nhí! Chuyện cãi vã ở chợ trời? Không khéo bị tố là nói xấu chế độ! Nhân dân lao động sáng suốt đâu có bênh vực tên lính ngụy đã không chịu sản xuất còn phá hoại kinh tế xã hội chủ nghĩa! Viết chuyện nhà trường? Bôi bác nền giáo dục cách mạng, không phân biệt được khó khăn tạm thời và thuận lợi cơ bản, đánh đồng một cách ác ý bản chất và hiện tượng! Viết chuyện đi ra tổ phục vụ mua gạo?

Thì làm sao giấu được 20 đồng bạc đánh cắp của Lê Nin?

Càng nghĩ chàng càng thấy sợ. Chàng hút hết liên tiếp ba điếu thuốc vắn, rồi đặt lại vấn đề:

- Hay là ta nên viết cái gì đáng được?

- Phải đấy. Viết không đăng được thì viết làm gì. Viết rồi đốt là điên, viết rồi giữ đó như giữ bom nổ chậm là khùng. Kẻ khôn ngoan thức thời chỉ nên viết cái gì đăng được. Chàng tìm cuốn lịch bỏ túi xem các ngày lễ. Đây là kinh nghiệm xương máu do các bạn văn nghệ miền Bắc ưu ái truyền lại cho chàng. Cứ giở cuốn lịch ra, tìm các ngày lễ và viết sẵn một số truyện, thơ “lương khô dự trữ”. Lễ nhỏ viết vài ba cái, lễ lớn phải chín, mười. Các loại sáng tác “nhân dịp” này năm nào cũng đắt hàng. Chàng dò tìm, nhưng thật rủi cho chàng, hôm nay không kể cận với ngày lễ nào sắp tới. Cậu bé Nguyễn Tất Thành đã chào đời, các đồng chí thương bệnh binh cách mạng đã nhận quà của hội phụ nữ nhân ngày 22-7. Cách mạng tháng 8 còn mạnh nha, vườn hoa Ba Đình vẫn trống trơn chưa dựng bục để Bác đọc lời tuyên ngôn độc lập. Tìm không ra chuyện thành thị, chàng quay về nông thôn. À, cái đề “Mùa bội thu” hay đấy! Sao ta không viết cái truyện tả cảnh một khu kinh tế mới được mùa. Chàng nắn nót viết nhan đề MÙA BỘI THU lên đầu tờ giấy hẩm. Chàng dàn ý, tìm các chi tiết tiêu biểu, nghĩ trước cái kết tốt: “Bác Năm cười quay lại gọi con dâu:

- Hai à!

Chị Hai đang tính công điểm, bỏ bút xuống thưa:

- Dạ con đây.

- Thằng đã về chưa?

- Dạ ảnh còn mắc chia lúa bội thu cho bà con.

- Ờ được, tụi bay còn trẻ rần giúp đỡ bà con. Làm sao cho mùa sau còn được hơn mùa này nữa. Không nhờ ơn cách mạng, gia đình mình đâu có như thế này.

Chị Hai mỉm cười, mơ màng nghĩ đến cảnh chị ngồi trên cùng chiếc máy cày với anh, mê mải ngắm những đường cày thẳng tắp chạy dài đến tận chân trời.”

Chàng bắt đầu viết, xóa, lại viết, rồi lại xóa. Nặng mãi không ra cái nhập truyện. Vợ chồng anh Hai đang sống khổ cực ở Sài Gòn. Anh làm phu xích lô suốt ngày gò lưng đạp tháo mồ hôi mà không đủ tiền nuôi con. Chị bán cháo huyết ở khu lao động, và vì dân lao động quá nghèo nên cháo của chị quá ngon mà quá ế. Đứa con của anh chị bị đau. Anh chị không có tiền mua thuốc, đem vô nhà thương bị rẻ rúng vì anh chị nghèo. Con của họ chết, anh đâm ra rượu chè be bét. Chị khuyên nhủ, năn nỉ mãi, anh vẫn chứng nào tật nấy. Rồi Sài Gòn “được giải phóng”. Cả anh lẫn chị đều tham gia vào công tác cách mạng. Công tác nào anh chị cũng xung phong đi đầu. Chính sách kinh tế mới ban hành, anh chị ghi tên ngay đợt đầu tiên, rồi vận động được cả bà con hàng xóm nữa. Thủ cựu như cha chồng là bác Năm mà chị cũng thuyết phục được. Mới lên, họ vất vả trăm chiều. Muối, vắt, nước độc, chim kê vượn hú. Nhưng: Bàn tay ta làm nên tất cả

Với sức người sỏi đá cũng thành cơm. Nhà thơ “cách mạng” Hoàng Trung Thông đã nói đúng. Bà con khu kinh tế mới đã biến núi rừng thành đồng bằng, dưới sự hướng dẫn lãnh đạo tận tình của cán bộ. Kết quả là mùa bội thu đầu tiên chàng đang viết đây.

Chàng viết được hai trang, lại ngáp. Hút thêm điếu thuốc vắn 89,6% trí óc chàng minh mẫn trở lại. Chàng nhớ nhiều chi tiết hay hay có thể thêm cho truyện bớt công thức. Và trời ơi, chàng nhớ cả những chi tiết thừa thãi: như cảnh dân kinh tế mới kéo trở về Sài Gòn nằm la liệt hàng đêm trên lề đường Trần Hoàng Quân Chợ Lớn. Như những gia đình sống mòn bên đống rác khổng lồ trên đường Trần Quốc Toản. Như những đứa trẻ cầm que đi nhặt từng mảnh giấy vệ sinh gần chợ Tân Định! Chàng khựng lại. Đọc từ đầu, chàng ngượng chín người. Thiếu sáng suốt, chàng vò nhàu hai tờ bản thảo

vứt đi. Sau nghĩ lại. Chàng bưng đèn cúi xuống nhặt lên, vuốt cho thẳng, xếp vào xấp giấy cùng số phận các đêm trước. Xấp bản thảo nhàu nhò vô tội đã khá dày. Có thể được đến vài trăm grams.

Với giá 14 đồng một ký giấy học trò viết hai mặt, chàng có thể bán được khoảng 3,4 đồng. Chàng đã có vốn để mua cà phê 92,4% và thuốc lá 89,6% đổi sự sáng suốt cần thiết cho sáng hôm sau.

Ý tưởng đó khiến chàng yên tâm đi ngủ. Lúc đặt lưng xuống cái giường què, chàng nghe cô gái choai choai nhà bên kia hát nhỏ như sợ đôi tai thính của ông công an khu vực:

“Một ngày như mọi ngày, xin trả lại đời tôi”...

Lễ sống

Nằm chờ ở đảo Kuku sang đến tháng thứ hai, thì lòng hăng hái của từng người bắt đầu xì hơi. Các cụ già từng tấm tắc khen tiếng Anh đơn giản dễ học không chia động từ rắc rối như tiếng Pháp, quay sang chê giống dân Anglo Saxon thiếu tinh thần khoa học chính xác, viết một hàng đọc một nẻo. Để thêm cố vất lặn lội cuốn tự vị Anh Việt, các cụ dẫn chứng cách đọc tên văn hào Anh Somerset Maugham. Ai đời không đọc Mô-Gam mà lại đọc Môm. Hăng hái lười biếng quá, các cụ quên trường hợp quận công De Broglie 100% là hậu duệ của dân Gaulois. Các cậu thanh niên bắt đầu lười tập thể dục, lũ con nít bẻ gãy cần câu cá làm củi nhen lửa. Các bà nội trợ sau giờ đi chợ và nấu cơm, không còn siêng năng đan giỏ xách bằng ni lông tước từ các tấm bạt nhựa UNICEF nữa. Cả đến chuyện hấp dẫn nhất là ăn uống cũng trở nên bơ thờ. Ngán đồ hộp, ngán chen nhau mua rau tươi do thổ dân Nam Dương chèo thuyền độc mộc mang đến bán, chán khát chuyện, chán vui mừng thoát nạn, chán hy vọng đi sớm, chán lo chuyện bên nhà, chán ngồi ở bãi biển ngắm tàu, chán hết. Tôi cũng vậy. Chỉ có một người trong số 784 người chúng tôi không biết chán. Trường hợp đặc biệt đó đáng được kể ra đây mua vui quên chán đấy chứ, thưa các bạn!

Cho đến lúc viết mấy dòng này, tôi vẫn chưa biết ông ta tên gì. Lũ trẻ gọi ông ta là “hề Văn Chung”. Trực giác của chúng nó hay thật. Phải, bề ngoài của ông ta có vẻ đạo mạo trầm tĩnh y như anh hề cải lương nổi tiếng. Tầm vóc trung bình không cao quá, thấp quá, mập quá, ốm quá. Mập ú như Khả Năng mới trông đã bật cười. Nhưng mập ốm do trời, cái tài chọc cười dựa dẫm vào hình vóc, theo ý tôi, thiếu đức tự tin. Bộ râu mép của Thanh Việt cũng nổi tiếng lắm. Nổi tiếng như cái giọng lè nhè nhừa nhựa của anh Tùng Lâm. Lấy một nét bất thường của mình phóng đại ra làm trò vui vẫn là kỹ xảo của nhiều anh hề danh tiếng. Nhưng vẫn có vẻ “mánh nhí” thế nào ấy! Hạng hề lão luyện không cần nhờ vả vào sự may rủi. Chính anh ta, từ lúc lọt lòng mẹ cho đến khi bước vào nghề, phải có hình dáng, tính tình, giọng nói, điệu cười, vui buồn giận ghét y như mọi người. Sống trọn vẹn được cuộc đời bình thường rồi dùng trí tuệ khám phá cho đồng loại cái tức cười của cuộc

đời, đó mới là thiên tài. Trước Charlot chưa ai khám phá ra những ràng buộc chết người của nền văn minh cơ khí. Thiên hạ khắp năm châu bốn biển say mê ca tụng phương pháp làm việc dây chuyền của Taylor, cho đó là một khúc quanh của lịch sử văn minh toàn cầu. Chỉ có một mình Charlot tìm ra được sự dã man phi nhân của phương pháp ấy và diễn lại bằng tiếng cười.

Tôi dài dòng như vậy để các bạn hiểu vì sao lúc ông ta mới lên đảo, tôi không chú ý đến ông ta. Tôi đến Kuku một tuần thì ghe của ông mới đến. Lúc các “ma cũ” bu quanh cầu tàu để đón chuyển ghe mới (với hy vọng mơ hồ là sẽ gặp được thân nhân), mọi người chỉ để ý đến bảy thanh niên đầu trọc và một em gái khoảng 12, 13 tuổi bị điên. Em gái bị bệnh thần kinh có dáng đi xiềng tảng của người mất quân bình và vừa bước khỏi ghe lên cầu tàu đi được vài bước đã lấy đôi dép Nhật lên gặm như gặm xương.

Lũ trẻ cười ồ reo lên:

- Rồi, bác sĩ Tờ-ra-quíít có chuyện làm rồi. Bảy đàn ông đầu trọc thì mọi người đoán non đoán già đủ cách. Vì chuyển trước có hai linh mục và mấy ông thầy ở chủng viện Thiên Chúa giáo, nên đa số Phật tử tị nạn trên đảo liền đồn đãi là có bảy nhà sư vừa cập bến. Người thích ly kỳ thì đoán là bảy người vừa vượt ngục đã may mắn vượt biên tìm tự do trọn vẹn. Cuối cùng hỏi ra mới biết chuyển ghe ấy gặp biển dữ nên thủy thủ đoàn mới nguyện thí phát nếu Trời Phật gia ơn cho cả ghe đến đất liền bình yên. Ghe họ vào được đảo Sedanau, nên trước khi được chở qua đây, họ đã tự nguyện cạo đầu.

Có lẽ ông ta đã lên bờ, mở cái túi vải nhỏ cho cảnh sát Nam Dương kiểm soát xem có mang theo vũ khí hay không, cởi bộ quần áo vải sậm độc nhất cho bác sĩ Nam Dương khám bệnh tổng quát, uống tại chỗ bốn viên Chloroquine ngừa sốt rét, xếp hàng chờ chỉ định vào sổ nhập trại, lãnh tiêu chuẩn lương thực, mền mùng chén muống ở kho... nghĩa là làm đủ thủ tục như tất cả mọi người đàn ông khác. Ông đến ở chung với một số người tại một cái lán lợp lá dừa nào đó. Ông hoàn toàn vô danh trong đám đông bình thường.

Vì thế mỗi nửa tháng sau tôi mới chú ý đến ông, nhờ lũ trẻ trong nhà. Như đã nói ở trên, ban đầu thằng con trai lên 13 tuổi và đứa cháu 12 tuổi của tôi suốt ngày lội xuống biển để câu cá, bắt ốc. Về sau chúng chán, suốt ngày ngồi nhà thờ ra thờ vô than nhớ Việt Nam quá. Tôi đâm bực gắt với chúng, cấm không được than vãn. Sợ, chúng không than nữa, nhưng nỗi chán chường vẫn còn đó. Thế rồi vài hôm sau, tự nhiên hai đứa hớn hờ hản lên. Chúng xuống biển, vượt suối qua rừng, bữa cơm nào cũng kháo chuyện với nhau huyền thiên. Chúng thường nhắc đến “chú hề Văn Chung”.

- Chú Văn Chung bảo loài địa biển dễ sợ này ăn rất ngon. Người Tàu gọi là hải sâm. Mỗi lần đi ăn lẩu trên Chợ Lớn mình thường thấy ngoài thịt, cá, gan, tim, bò viên, có một thứ thịt màu hồng cắt từng khoanh giống như con mực, hải sâm đó. Bên ngoài có gai và nhờn trông tởm thế, nhưng biết làm thì ăn ngon lắm.

- Chú Văn Chung bảo loài này có lớp vảy đặc biệt. Nó nhảy chuyền trên cây như loài chim, tuy hình thù chẳng khác bao nhiêu với rắn mối. Đậu ở đâu, vảy của nó biến màu cho giống với màu cây lá chung quanh. Chẳng hạn nếu thân nó bám vào khóm lá, mà cái đuôi dài vẫn còn quấn vào thân cây, thì thân màu xanh, còn đuôi màu nâu.

- Chú Văn Chung bảo loài thỏ rừng cũng cực khổ khi sinh con như thỏ nhà. Chưa có loài nào sinh con mắn cho bằng loài thỏ, tuy mỗi lần sinh là một lần khổ. Thỏ mẹ tự bứt lớp lông mềm dưới bụng ra làm ổ cho con nằm...

Lúc nào hai đứa cũng “chú Văn Chung bảo...” Tôi đâm ghen tị với người chưa quen mặt. Nhưng tôi chưa vội tìm gặp ông ta. Trong cuộc đời, tôi đã bị nhiều lần thất vọng vì “văn kỳ thanh” chưa kỹ tôi đã vội “kiến kỳ hình”. Nhiều lúc thanh với hình chối nhau như nước với lửa. Hoặc ta lãng mạn mơ tưởng nhiều quá trong khi cuộc đời thì thực tiễn đến vụn vặt tũn mủn. Hoặc cái

bóng luôn luôn lớn hơn cái hình. Hoặc phần sáng tạo của mỗi người là kết tinh phần cao cả tươi đẹp nhất của một đời khao khát tuyệt đối, như đám rễ âm thầm len lỏi dưới đất đen, lá mục để làm rạn rở những đóa hoa. Tôi do dự là phải.

Nhưng đến lúc thằng con trai tôi được “chú Văn Chung” cho một chú sóc, và thằng cháu được tặng một chiếc thuyền làm bằng đồ hộp chạy dầu hỏa, tôi không chần chừ được nữa. Phải đến tìm ông ta để cảm ơn.

Láng của ông nằm sát bờ suối, nằm gọn giữa bốn gốc cây lá to như lá mít mà tôi không biết tên. Cửa láng nhìn ra bãi bể. Dòng suối uốn quanh ôm lấy hông láng trước khi đổ ra bãi cát. Ông đang nằm trên chiếc võng kết bằng bao bố treo giữa hai gốc đước rễ ngâm dưới nước suối, chung quanh có năm, sáu đứa trẻ. Trông thấy tôi, ông ta mời một cách tự nhiên:

- Ông nằm võng nhé!

Tôi vội từ chối, rồi để đáp lại lời mời thân mật, tôi ngồi bệt ngay trên nền cát cạnh võng. Ông ta hỏi:

- Chú sóc vẫn còn tung tăng đấy chứ? Tôi hơi ngờ ra một chút. Hóa ra ông ta biết tôi. Tôi đáp:

- Vẫn vậy.

- Ông hút thuốc lá chứ?

Tôi đáp vâng, rồi đưa tay vào túi quần rút bao thuốc rê Nam Dương hiệu 87 và xấp giấy B.B ra mời trước. Ông lắc đầu:

- Tôi không hút. Chỉ hỏi ông để dạy cho cháu Vũ cách làm cái gạt tàn thuốc bằng vỏ sò. Ông đã trông thấy loại vỏ sò này chưa? Làm cái đựng tàn thuốc tiện lắm.

Ông cúi xuống đầu vống. Bấy giờ tôi mới để ý đến đống vỏ sò đủ cỡ, đủ màu sắc, hình dạng, từ lâu nằm ở đây. Ông ta đưa cho tôi coi một chiếc vỏ sò lớn bằng bàn tay, chung quanh có những đường viền uốn khúc lạ mắt giống như năm ngón tay xòe, mỗi đầu ngón tay vừa đủ để gác một điếu thuốc. Ông vui vẻ bảo:

- Ông thấy đấy, Thượng đế biết rõ lũ con cháu Adam và Eve có nhiều trái chúng, trong đó có cái tật quăn thứ lá khét nồng thành điếu, rồi châm lửa hít khói cho mắt lim dim, đầu óc điên đảo. Thượng đế cũng đoán thế nào các bà nội trợ cũng cần nhần, nên mới sinh ra loại vỏ sò này. Ta không dùng đúng chỗ là chưa hiểu được sự huyền diệu của Tạo hóa.

Tôi cầm cái vỏ sò trên tay, băn khoăn hỏi:

- Nhưng còn thiếu cái đế! Đặt lên bàn sao được?

Ông ta quay nhìn về phía chùm rễ đước:

- Chân đế ư? Sao lại có loại rễ cây quái dị thế này!

Thân cao vươn lên không khí khá loãng, nhưng đến gần mặt nước, rễ được lại tỏa ra đủ hình dạng. Chẳng lẽ ta không tìm được chùm rễ nào vừa đủ ôm chặt cái vỏ sò để thành đế gạt tàn thuốc ư?

Tôi đâm thích cái lối chấp nhận cuộc đời giản dị mà sáng suốt ấy. Một thằng bé trạc 9 tuổi đang thử cho chạy chiếc thuyền chạy bằng đèn dầu hỏa trên mặt suối, chạy lên than phiền:

- Chú Văn Chung ơi! Gió thổi quá, thuyền bị vô nước.

Ông ta cười, xoa đầu thằng bé rồi bảo:

- Gió ư? Sao cháu không tạm “neo thuyền vào bến”.

Thằng bé hỏi:

- Bến nào hở chú?

- Cháu hãy đào cát làm cái vịnh kín như Vịnh Cam Ranh bên mình. Khuôn mấy hòn đá bên kia sang làm núi. Nên lựa những viên xù xì có răng cưa và có rêu bám cho đẹp. Cầu tàu thì chặt một hộp Coca nhôm ra làm ván lót. Cháu chỉ cần nhặt nhanh quanh đây cũng có đủ thứ để làm thành hải cảng tốt nhất thế giới.

Ý kiến ngộ nghĩnh khiến lũ trẻ reo lên. Chúng rủ nhau bắt đầu lập vịnh. Một đứa qua bên kia suối khuôn đá, vô ý để cho hào cắt rách gót chiếc dép Nhật. Kho của cao ủy tị nạn Liên Hiệp Quốc không đủ dép cho trẻ em nên thằng

bé phải mang một đôi dép quá khổ. Nó xanh mặt vì sợ bố mẹ mắng. Bạn nó mét:

- Chú Văn Chung ơi! Thăng Minh làm rách dép rồi.

Bé Minh mếu máo mang chiếc dép rách lại. Ông ta hỏi:

- Cháu có bị cắt không?

- Chưa bị, chú ạ.

- Thế thì không việc gì. Cháu nên mừng. Cái hàu nào cắt dép cháu đâu?

- Ở đằng kia. Chỗ viên đá tròn như quả bóng. Ông ra lệnh:

- Hãy lấy con dao đến cạy đem về đây cho chú. Thăng bé ngỡ ngác hỏi:

- Để làm gì hở chú?

Ông ta cười, nói như đùa:

- Chú phải trừng trị nó.

Lũ trẻ nghĩ chú Văn Chung sắp bày một trò mới, mặt mày đứa nào cũng rạng rỡ. Cả năm đứa bỏ cái vịnh làm dở, để chạy đi cạy cái hàu hỗn láo. Khi chúng đem cái hàu về, ông ta bảo thăng Minh:

- Cháu mang dép vào!

Thằng bé ngoan ngoãn vâng lời, đỏ mặt hãnh diện vì được làm nhân vật chính của một trò chơi nó đoán là sẽ hấp dẫn. Ông ta lấy que củi cháy dở trên cái bếp hoang gần gốc đước vẽ kích chân bé Minh lên mặt hai chiếc dép. Vẽ xong, ông bảo nó rút chân ra, rồi đưa cái hài cho thằng lớn tuổi nhất:

- Hãy lấy cạnh hài cắt dép cho nó. Cách trùng trị khoan hồng nhất đấy.

Lũ trẻ vỗ tay khâm phục cách “trùng trị thích đáng”. Một đứa rụt rè thưa:

- Chú Văn Chung ơi! Sóng lớn quá, tụi cháu đắp bờ làm vịnh mà cát cứ chài ra. Làm mãi không được.

Nó nói thêm để tránh lỗi:

- Hôm nay gió lớn quá chứ!

Ông ta bảo:

- Gió lớn à? Tại sao các cháu không làm điều? Tôi hiểu ra rồi! Hiểu cái ma lực quyến rũ tuổi thơ về phía ông, hiểu vì sao lũ trẻ trên đảo cứ quẩn quít bên ông. Có điều tôi chưa hiểu, là do đâu lũ trẻ dám đặt cho ông cái tên Văn Chung và ông vui vẻ chấp nhận. Tôi hỏi, và ông đáp:

- Tại lúc hết chuyện chơi, tôi thường tìm chuyện khôi hài kể cho chúng nghe.
Tôi tò mò hỏi:

- Ông đi có một mình?

Ông thản nhiên đáp:

- Tôi chỉ còn một mình.

Vẻ thản nhiên khiến tôi ngập ngừng. Nếu ông tỏ ra buồn rầu, tôi đã dễ dàng đi sâu vào những tâm sự riêng tây. Tôi lờ mờ đoán rằng ông thản nhiên vì đã tìm ra cách “trừng trị thích đáng” bao nỗi bất hạnh như đã trừng trị cái hào giùm cho thằng bé.

*

Khỏi phải nói các bạn cũng biết là từ đấy về sau tôi gặp ông luôn. Tôi trở thành “tình địch” của chính con tôi. Buổi sáng tuy không hẹn trước, chúng tôi thường gặp nhau ở phòng ten để súc miệng rửa mặt sớm hơn mọi người, rồi cùng ngồi bên nhau trên thân cây dừa ngã để ngắm núi. Đảo này hình chữ W và chúng tôi ngồi giữa cái vòng tròn hở đầu tiên. Quanh chúng tôi, trước mặt, bên phải, bên trái, là sườn núi chót vót, rừng già chưa hề bị rìu búa vô phép nên thân cao và thẳng vươn lên hàng hàng lớp lớp từ thung lũng hẹp cho đến đỉnh. Sương đêm chưa tan hết. Những áng mây lạc vướng vào ngọn cây như bện rịn với nhân gian. Đỉnh núi khi thì cắt hình lên nền trời bàng bạc, khi thì nhòe mất sau sương khói; tôi đọc cho ông nghe hai câu đối định dán lên cột chùa vừa được các Phật tử trong trại tị nạn sửa chữa:

Vượt biển tìm tự do, sống chết hai hàng lệ ứa. Lên non tạ Phật tổ, sắc không một áng mây bay. Tôi thật thà tỏ ý muốn ghi cả tên họ toàn gia đình mình bên chỗ lạc khoản của câu đối, để thay cho bản tạ ơn. Ông trầm ngâm một lúc rồi đưa ra ba gợi ý. Thứ nhất: Ông đề nghị sửa chữ “áng” trong câu thứ hai ra chữ “mảng”. Chữ ÁNG vững chải quá, chưa thật phù hợp với lẽ sắc không. Thứ hai: Ông không thích những hàng lệ, dù là những hàng lệ vui sau khi vượt được bao nhiêu gian nan để đến bến lợi. Thứ ba: Ông đặt câu hỏi: “Tại sao phải ghi tên vào lạc khoản?” Để làm gì? Sợ Phật quên chăng? Sợ đời quên chăng? Tô Thức há chẳng hỏi “Núi sông dài vô cùng mà người xưa thì nay đâu?”. Bắc chước Tô Thức để cố in dấu lên bụi thời gian chăng? Làm như thế có khác nào một ngọn cây rừng trên núi trước mặt muốn níu lại một sợi mây mong manh! Nhất là lúc vừa nhắc đến lẽ sắc không của đạo Phật. Hôm đó tuy trong lòng không vui, nhưng tôi phải nhận các gợi ý của ông đều đúng.

Buổi chiều chúng tôi thường gặp nhau trên bãi biển. Nước thủy triều vào khoảng xế bóng rút xuống, để trơ một lũ đá vương vãi khắp đáy cát. Màu đá như rỉ sắt đáp lại màu chiều vàng vọt. Mặt trời lặn trước mặt chúng tôi, hướng những đám mây bạc sẽ trôi về quê. Tôi buồn lặng không muốn nói năng, còn người bạn mới của tôi vẫn giữ được vẻ an nhiên! Nhiều lần tôi muốn hỏi ông cách “trừng trị thích đáng” những nỗi bất hạnh, bí quyết để sống trọn được cuộc đời như thành thơi dạo chơi trong khoảng trắng thanh gió mát. Tôi cũng muốn hỏi ông vì sao không thích những hàng lệ. Câu trước tôi không hỏi vì thấy trước nó rắc rối quá, có thể vô tình khơi lại một vết thương mà ông muốn quên. Tôi chỉ có thể hỏi câu sau. Ông đáp:

- Tôi không chịu đựng nổi những giọt lệ. Mỗi lần nghe tiếng trẻ con khóc, người tôi bàng hoàng nôn nao như sắp phát điên. Ông dợm kể điều tâm sự gì đó, sau lại thôi. Tôi chợt nhớ đến bức tranh “Anh hề” của Picasso. Tôi hỏi:

- Ông có biết bức tranh nổi tiếng ấy không? Bạn tôi đáp: “Vâng”.

Hình như bạn tôi hiểu tôi muốn nói gì, vì sau một phút ngập ngừng, ông ta hứa:

- Hôm nào có hứng tôi sẽ kể cho ông nghe chuyện mưu sinh của tôi ở Sài Gòn. May ra lúc đó ông hiểu được vì sao tôi yêu trẻ con và ghét những “hàng lệ ứa”.

*

Sau ngày mất nước, giống như phần lớn bạn bè, tôi chẳng còn biết phải làm gì nữa. Vốn liếng không! Mưu chước bán buôn không! Những gì tôi có như lòng thành thực, tính yêu mến trẻ con, khát vọng được sống lương thiện... trở nên lảm cẩm công kênh vào buổi giao thời. Những kẻ hở của thứ luật pháp mù mờ trong lúc tranh tối tranh sáng, không phải ai cũng chui qua được. Ông biết đấy, phải khinh bỉ con người đến cùng cực (con người nói chung trong đó có cả mình) người ta mới dám mở miệng đề nghị hối lộ để khoan thai lọt qua các ngõ ngách. Thật vậy, phải biết đích xác không lầm lẫn kẻ ngồi đó là cái túi tham mới dám bắn tiếng. Tôi thì có thói quen xem mọi người đều đáng trọng. Thành thử đi đâu tôi cũng gặp những bộ mặt nghiêm nghị, xin làm gì cũng va đầu vào các bức tường nguyên tắc. Tôi thành thật nhận rằng mình không hợp với thời loạn, nên mỗi ngày mỗi thêm lúng túng. Vài người bạn có hảo tâm chỉ vẽ cho tôi một số nghề hái ra tiền. Tôi thử một vài lần, lần nào cũng thất bại. Những nghề quái ác ấy đòi hỏi cái lưng thật mềm, cái lưỡi lém lỉnh lật lọng và đôi chân dẻo chạy không biết mệt.

Cuối cùng tôi tìm ra được một nghề phù hợp với bản tính của tôi: nghề bán bong bóng cho trẻ con.

Đó là một nghề ít vốn. Vài chục đồng bạc để mua bong bóng bán từng kí lô trong Chợ Lớn. Vài đồng bạc dây nhợ. Mượn cái ống bơm của bác thợ sửa xe

đạp trước đường cái, chế biến một cái valve, xin đoạn trúc làm cây sào, bẻ đầu đó một chùm lá xanh, đồ nghề vốn liếng chỉ có vậy! Nơi hành nghề là Sở Thú, trước các lớp mẫu giáo và nhà giữ trẻ, trước các trường cấp 1, đường phố chính Sài Gòn chiều thứ bảy và chủ nhật. Sắm thêm một cái còi thổi ti toe, tôi vác sào bong bóng đủ màu sắc dạo khắp phố phường. Khách đi lại dừng bước nhìn tôi. Trẻ con reo vui khi trông thấy tôi. Chàng mua quả bóng màu hồng có chữ Love để tặng người bạn gái e lệ, thay cho lời tỏ tình. Mẹ tặng con để thưởng một buổi chịu ngoan ngoãn giữ nhà. Tôi hớn hở mang màu sắc cho cuộc đời, còn gì vui thú hơn. Có điều bất tiện là phần lớn bạn đồng nghiệp của tôi đều là trẻ con. Có thể nói khắp Sài Gòn chỉ có tôi là người lớn duy nhất làm nghề bán bong bóng. Khách mua nhìn tôi ngại ngùng... Nhiều người hỏi trước kia tôi làm gì. Ban đầu tôi thành thực trả lời. Tôi hưởng được sự thương hại, hàng có đắt hơn nhưng sau một ngày dạo khắp phố phường với sào bong bóng, lòng tôi chùng lại bớt vui. Tôi bắt đầu nói dối thì từ đó cũng bắt đầu cảm nhận vị chua chát của nghề nghiệp. Lòng tôi chùng lại, nghĩ đến chuyện bỏ nghề. Nhưng không bán bong bóng thì làm gì? Sửa xe đạp tôi chưa có đồ nghề. Bán nước bọt ở chợ trời thì không quen phấp phỏng sợ hãi và gian dối. Lại phải bán bong bóng vậy, nhưng để khỏi chịu đựng sự thương hại, tôi phải cải tiến.

Tôi hỏi mượn một thùng hơi gaz để chế biến thành thùng hơi khí đá để bơm bong bóng. Vì phải đẩy thùng khí đá nặng nên tôi không bay nhảy khắp nơi như trước nữa. Tôi phải chọn những vị trí cố định như chợ búa, trường học. Nếu cần di chuyển, cũng di chuyển ít thôi. Bù lại, món hàng của tôi hấp dẫn hơn: những chiếc bong bóng biết bay! Bây giờ đồng nghiệp của tôi toàn là người lớn. Nhiều khách hàng cũng là người lớn. Ước vọng bay lên cao, nhắc chân lên khỏi mặt đất là ước vọng chung của loài người không phân biệt lớn nhỏ. Vào các dịp lễ, tôi còn bán sỉ được cả trăm cái bong bóng để ban tổ chức làm vui mắt các đại biểu. Hóa ra kẻ đã lên cao rồi còn muốn lên cao nữa! Họ không biết bong bóng lên cao quá sẽ nổ hay sao?

Thấy tôi làm ăn khấm khá, nhiều kẻ lỡ thời nhảy vào cạnh tranh, nên bát cơm độn chưa đầy của tôi phải bị sẻ làm năm làm bảy. Đến một lúc hết có

thể chia sẻ thêm nữa, tôi lại định chuyển nghề. Nghề gì bây giờ? Tôi có những điều thừa thãi và thiếu điều cần thiết, nên tìm mãi không ra được nghề gì sống lương thiện được! Chỉ còn có nghề bán bong bóng, nhưng một lần nữa phải cải tiến nó.

Một hôm tôi nghe anh bạn thân phát tài mau chóng nhờ nghề đạp xe đi dạo mua răng vàng, bạc vụn, gọng kính, vỏ đồng hồ cũ, nghĩa là tất cả những thứ gì bằng kim khí đã phế thải. Đồ nghề của anh là một lọ acide, một viên đá đen và cái túi vải nhỏ. Nhờ kinh nghiệm, anh có thể biết đích xác thứ đồ phế thải nào có pha vàng hoặc bạc và pha đến mấy phần. Gọng kính loại Rayban, nắp viết Parker 51 cũ, khung gương soi mặt, đồng bạc Đông Dương từ 1945 trở về trước, hộp nữ trang đã móp méo, tất cả những thứ linh kiện đó đều có thể chứa vàng hoặc bạc. Mua hàng với giá phế thải năm ba đồng rồi bán lại cho thợ phân kim với giá kim loại quý trên thị trường, anh bạn tôi phát cao trong vòng vài ba tháng. Dĩ nhiên một nghề thời trang như vậy mau chóng bị cạnh tranh, nên việc săn vàng ngày càng gian nan hơn. Anh ta bỏ Sài Gòn về rảo khắp vùng ngoại ô, rồi từ ngoại ô đi khắp các tỉnh. Tiền xe cộ ăn uống dọc đường không gì bù đắp được, anh thất bại cho đến lúc anh tìm được “người phụ tá đắc lực” là tuổi thơ. Anh bỏ tiền đi mua một lô đồ chơi trẻ con bằng nhựa như khối đánh trống, cóc biết nhảy, súng lục bắn ra nước, dép gấn còi mang đi kêu tò toe... Mang những thứ đồ chơi hấp dẫn ấy đến khu vực hành nghề anh đánh trống biểu diễn vài màn ảo thuật để kéo lũ trẻ tụ lại. Anh bảo chúng về nhà lục lọi tất cả những thứ bố mẹ vất vào góc tủ học bàn đem ra cho anh, để tùy loại mà anh đổi cho đồ chơi. Phương pháp đó quả nhiên công hiệu, và anh lại phát.

Nghe chuyện anh, tối hôm đó tôi trằn trọc cả đêm không ngủ. Tôi cũng phải cải tiến nghề nghiệp, nhưng bằng cách nào đây? Cái hướng nên theo là biết cầu viện đến tuổi nhỏ. Nhưng hạng trẻ em nào? Ở đâu?

Tôi lang thang khắp Sài Gòn tìm địa điểm hành nghề. Sở Thú? Những chùm bong bóng sặc sỡ đã chấp chới khắp nơi rồi. Trường học? Càng ngày các em càng rỗng túi, vài hào cha mẹ cho mỗi ngày chỉ đổi được một hai cái kẹo nhỏ

làm bằng đường chảy. Cuối cùng tôi khám phá ra chỗ lý tưởng. Anh biết ở đâu không? Không phải là dân chuyên nghiệp anh không đoán ra đâu. Bệnh viện nhi đồng đấy.

Phải! Bệnh viện nhi đồng 1 ở đường Trần Quốc Toản và bệnh viện nhi đồng 2 mới lập sau này khi người Pháp trả bệnh viện Grall lại cho nhà nước. Cải tiến của tôi là một bước thụt lùi về đạo đức, một thứ tạm thỏa hiệp với mảnh lối mưu sinh. Tôi xấu hổ về chuyện đó lắm, nhưng biết làm sao. Cái bao tử xẹp không có lỗi tai để nghe đạo đức. Hướng chi “cái mảnh” của tôi có thể thông cảm được. Nó như thế này. Tôi đẩy bình khí đá đến sớm trước cửa bệnh viện nhi đồng, chịu khó bơm sẵn một số bong bóng dự trữ. Gửi tạm bình cho chị hàng quà nào đó giữ giùm, tôi vác sào bong bóng xanh đỏ biết bay đến chờ trước phòng ngoại chẩn. Đứa trẻ nào đến bệnh viện mà khỏi chịu một nỗi đau đớn về thể xác. Đứa vừa bị chích kim đau nhói cả mông. Đứa bị nhỏ rãng đến buốt óc. Nhẹ nhất cũng xanh xám mặt mày trước đôi mắt “độc ác” của thầy thuốc. Và lẽ dĩ nhiên đứa nào được bố mẹ bồng ra khỏi nhà thương cũng mếu máo hoặc khóc thét. Tôi chỉ chờ có thế. Tôi vốn mãi cảm đối với tiếng khóc trẻ thơ, nên vào những lúc như vậy, nhiều sức mạnh thôi thúc tôi bạo dạn. Thứ sức mạnh của tiềm thức từng khiến tôi bứt rứt xao xuyến không chịu nổi tiếng khóc của trẻ thơ và thúc giục tôi dỗ dành chúng. Thứ sức mạnh cụ thể của cơ áo hằng ngày. Tôi đi theo các bà mẹ. Lũ trẻ được bồng trên tay hải hùng nhìn lại cửa địa ngục, nước mắt ràn rụa, miệng méo xệch đến tội nghiệp. Nhưng kìa, chúng đã trông thấy chùm bong bóng của tôi. Miệng chúng tròn lại, mắt chúng sáng lên. Tôi chỉ chờ có thế. Tôi sẽ đi mau tới đưa sợi dây bong bóng cho chúng cầm. Ban đầu chúng hơi ngỡ ngàng. Có lẽ chúng nó hỏi thăm: “Thật thế sao? Thật sự trên đời còn có những người không độc ác như bọn đồ tể mặc áo trắng bịt mặt hay sao?” Tôi tô vẽ cho vui chứ có lẽ chúng hồn nhiên đón nhận niềm vui đột ngột. Tất cả niềm vui và quà ngon trên đời là của chung của tuổi trẻ. Chúng có quyền cầm lấy sợi dây buộc chiếc bong bóng xinh đẹp sắc sỡ mà không hề có mặc cảm phạm tội. Vì thế nước mắt khô mau trên má chúng. Và lũ trẻ cười thật tươi với tôi. Có niềm hạnh phúc nào lớn hơn không?

Có thể cha mẹ chúng biết ngay, hoặc phải đi một đoạn đường xa họ mới chợt ngạc nhiên không hiểu vì sao con họ nín khóc. Họ quay lại. Họ nhìn thấy tôi. Rồi nhìn thấy chiếc bong bóng hợp thời bay lơ lửng trong tầm nhìn thích thú hớn hở của con họ. Anh nghĩ mà xem: Có ai nỡ tiếc một đồng bạc để bù đắp nỗi đau đớn con em họ vừa chịu? Nhờ thế, tôi bán nhanh được cả trăm chiếc bong bóng bay trong vòng một buổi sáng. Phòng ngoại chẩn chỉ làm việc từ 8 giờ sáng cho đến 11 giờ rưỡi trưa. Bấy nhiêu đã đủ cho tôi tìm đủ tiền lời mua gạo ăn hai ngày. Tâm hồn tôi thanh thoi. Nghề nghiệp thật thích hợp với bản tính, số vốn ít ỏi và nhu cầu đời sống của tôi thời ấy. Tôi sống được mấy tháng hạnh phúc với một lương tâm tạm bình yên. Theo thời, tôi cũng phải sống bằng “mánh”. Nhưng như anh bạn mua đồ vụn của tôi, các mánh nhỏ ấy có thể tha thứ được. Nhưng rủi ro thay, một bà mẹ đem con nhỏ rãng ở bệnh viện nhi đồng 2 không có dư lòng độ lượng!

Hôm đó, tôi hành nghề theo lối đã nói. Đứa bé trai lên 5 bị nhổ rãng, miệng còn ngậm một cục bông thấm máu. Em khóc đến nỗi nước mắt nhỏ ướt cả vạt áo trước. Lúc cầm dây chiếc bong bóng màu đỏ, em bé cố nín khóc để cười nhưng vẫn chưa thôi thút thít. Bà mẹ béo mập đầu quấn khăn theo lối các bà mệnh phụ miền Bắc bồng con băng qua đường tiến đến chỗ chiếc xe Lada trắng bảng xanh. Anh lái xe lo mở cửa sau chờ sẵn. Tôi lo ngại mất vốn khi thấy hai mẹ con đã đến gần chỗ xe đón mà người mẹ vẫn chưa biết mình mắc nợ. Kẹt quá, tôi giả vờ vấp ngã cho em bé cười. Nó cười thật. Cười thành tiếng. Bà mẹ ngạc nhiên quay lại. Khi hiểu chuyện, bà ta nổi giận. Gần như bà mẹ quát tôi:

- Ai cho phép anh làm cái trò mánh mung đó! Nhét bong bóng vào tay con nít để tống tiền cha mẹ phải không. Chấm dứt ngay cái trò làm ăn bất lương đi, nghe chưa!

Quát xong, bà mẹ giật cái dây bong bóng trên tay con quăng trả cho tôi. Anh đoán được rồi, chiếc bong bóng bơm khí đá bay mất lên không. Tầng me xanh trước bệnh viện Grall có ngăn dùm quả bong bóng lại cho tôi, nhưng cuối cùng nó cũng len lỏi qua cành lá thưa mà mất hút. Đứa bé khóc thét

lên, giọng lãnh lói thống khổ có lẽ còn hơn cả lúc bị nha sĩ cầm kềm nhổ bật cái răng hư ra khỏi nướu. Mặc cho con khóc, bà mẹ ấn nó vào xe, rồi đóng sập cửa lại. Tôi giận quá. Tiếng khóc làm cho máu trong người tôi sôi lên. Gai ốc nổi dọc theo xương sống. Tôi lo sợ, cảm thấy hình như chứng động kinh của tôi sắp tái phát. Tôi cố gắng dẫn xúc động để làm một điều gì đó. Phải làm gấp, làm ngay điều gì đó, nếu không tôi sẽ ngất đi như hồi còn bị động kinh nặng. Anh biết tôi đã làm gì không?

- Mắng vào mặt con mẹ độc ác!

- Không. Quả thật tôi không dám.

- Tặng em bé một chiếc bong bóng khác không lấy tiền?

- Không. Tôi chưa đủ Phật tâm.

- Vậy thì ông đã làm gì?

- Tôi rút tặng bà mẹ một chiếc bong bóng. Cũng mất vốn đấy. Nhưng làm thế, tôi “đã nư” hơn. Tôi muốn nhắc cho con mụ nhớ rằng: đã có một thời con mụ là một cô bé tí xíu sợ nhỏ răng và mê bong bóng.

Ai lại không thế, phải không ông? Khi đưa trẻ sơ sinh vừa lọt lòng mẹ, nó giơ hai tay chơi với và khóc thét lên. Từ xưa tới nay đã có quá nhiều cách giải thích.

Ôn Như hầu trong Cung Oán Ngâm Khúc từ đó suy ra vục nước mắt của đời người, chán nản bảo:

Thảo nào khi mới chôn nhau

Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra.

Các nhà phân tâm học nói đến “mặc cảm sợ té”. Sinh vật học thì giải thích: đứa trẻ chơi với khóc thét vì đột ngột chuyển từ môi sinh lỏng (là cái bọc nước trong bụng mẹ) sang môi sinh khí. Tôi thì nghĩ lắm cảm thế này: đứa bé khóc vì sợ sắp bị nhổ răng, và đưa cả hai tay chơi với để tìm dây bong bóng.

Hỡi các em bé yêu dấu của tôi, các em có tìm được quả bong bóng nào không?

VỀ TRỜI

Đêm hai mươi hai tháng chạp, hai táo ông và táo bà ngồi chụm đầu vào nhau để lập bản báo cáo lên trời. Tối hôm ấy táo bà ăn mặc diêm dúa hẳn lên: quần jean chính hiệu Texwood, áo polo đỏ chói có mang quốc huy Hoa Kỳ và hàng chữ Anh: Still going strong. Táo ông từng bị hỏa thiêu đầu tiên trong đồng rơm dạo nọ có vẻ ủ rũ trong chiếc áo sơ mi nâu dài tay đã vá ở vai, cổ và lưng. Táo ông kia mất sạch quần áo lúc được vớt lên tàu khoan dầu Rembertitum nên được một thủy thủ cho bộ quần áo công nhân hãng dầu OSA màu da cam đã sờn ở đũng quần. Lúc họ ngồi bàn lập bản tổng kết cuối năm, ông ta vẫn mặc bộ quần áo may liền kỳ dị ấy.

Táo bà thấy táo ông mặc sơ mi vá ngồi hờ hênh theo kiểu ở rừng (nghĩa là một chân bỏ xuống đất một chân gác lên ghế) liếc nhìn táo ông OSA, đỏ mặt nhắc:

- Anh ngồi ý tứ một chút. Ở đây có phụ nữ. Tập làm quen với nếp sống văn minh đi thì vừa. Người bị chỉ trích vội bỏ chân xuống, kéo vạt áo nâu phủ lên đôi bắp vế mọc đầy lông chân. Táo ông hờ hênh dầu dầu nét mặt. Ông không chịu được sự bất công trong lối phân chia tình cảm. Tại sao trước khi chỉ trích ông, táo bà lại liếc mắt đưa tình lão OSA. Liếc xong lại đỏ mặt. Con đười ầy trở chứng rồi. Chẳng lẽ mặc quần áo kín mít từ cổ cho đến gót chân lại gợi tình hơn cách ăn mặc đơn giản cổ truyền của ông?

Ông vội trả đũa:

- Bà cũng phải sờ lên ót cho tôi nhờ. Ai đời mới qua đây chưa đây, à quên, mới qua đây có hơn một tháng, bà đã bỏ bộ quần áo Việt Nam kín đáo. Bà tưởng với đôi bắp vế mập như hai chân voi, bà mặc quần jean hợp lắm hay sao? Ông bà ta kén chọn bao đời mới tìm được cái quần lụa đen và chiếc áo

dài làm của gia bảo để lại cho con cháu. Mập, ốm, cao, thấp, chân voi hay chân cò, đi vòng kiềng đi chữ bát, gì gì rồi mặc áo dài vào cũng đẹp tuốt. Dáng đi tha thướt, thân hình yếu điệu. Tà áo dài bay bay theo bước chân đi nên dáng người thanh thoát như có gió thổi...

Táo bà giận quá cắt lời:

- Thôi thôi! Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc, ông tưởng tôi dốt chữ thánh hiền à? Táo ông OSA cười ruồi ra vẻ khinh miệt tình địch, rồi đứng đĩnh nói:

- Đất nước mình nghèo chỉ vì lũ đồ gàn lảm cẩm. Cái gì cũng “tổ tiên ta bảo”. “Thánh nhân đã dạy”, “sách xưa có nói”.

Sẵn dịp tôi nói luôn thể kéo quên. Này anh, tại sao anh cứ khẳng khẳng theo đúng truyền thuyết để nhất định không chịu mặc quần? Tại sao anh cho thế ngồì như vậy là đúng truyền thống? Truyền thống nào? Của ai? Các bạn đồng nghiệp Nam Dương của ta ăn mặc tề chỉnh. Hôm trước họp mặt thân hữu để trao đổi kinh nghiệm, tôi thẹn đến chín cả người. Phái nữ Nam Dương họ chỉ trở, rồi bùm miệng các nói gì đó tôi chẳng hiểu. Nhưng nhất định là họ chế giễu cách ăn mặc cổ truyền kỳ cục của anh.

“Táo ông hớ hênh” giận quá đập bàn quát:

- Các người a tòng với nhau để “kiểm điểm” tôi phải không? Tôi mặc quần vào thì còn ra cái thể thống gì nữa! chửi rửa tổ tiên sa sả là văn minh chắc! Still going strong? “Vẫn còn đi mạnh” tức là “chưa lỏng đầu gối”. Ngọc Hoàng ơi hỡi Ngọc Hoàng! Ngài sắp tiếp con ngày mai, nhưng đêm nay Ngài có chịu nghe con báo cáo trước vài điều khẩn cấp hay không? Con mụ này

nhơn nhơn khoe khắp thiên hạ rằng “mình chưa lỏng gối”. Thế mà nó dám chê con ăn mặc hở hênh!

Thấy người chồng số 1 kêu la om sòm, táo bà đâm hoảng. Táo OSA cũng chùn bước. Họ bắt đầu hối hận. Chọc giận ông cái kỉnh, ổng dám đem chuyện xấu trong nhà ra rêu rao khắp đảo lắm! Táo bà xích lại gần con người nóng tính, vuốt ve hai bàn tay đen điu của ông, dịu dàng làm lành:

- Nói đùa cho vui mà anh nỡ giận! Thôi, em xin lỗi vậy.

Táo ông OSA cũng ôn tồn bảo:

- Nàng đã biết lỗi thì anh không nên để tâm làm gì. Ca dao có câu:

Chồng giận thì vợ làm lành

Miệng cười tủm tỉm rằng anh giận gì... Táo ông nóng tính vội xoa tay:

- Thôi thôi. Mới có một nửa bà vợ tôi chịu còn không nổi, huống chi là rước thêm một cô vợ bé. Một bà vợ rưởi, Trời ơi! Tôi có điên đâu!

Bà táo cười xòa. Hai táo ông cũng cười xòa tuy trong lòng mỗi người còn ầm ạch niềm riêng. Để cố quên chuyện đau lòng, táo OSA liền đề nghị.

- Chúng ta bàn chuyện làm ráp-po ngay kéo khuya.

Táo bà vỗ tay:

- Phải đấy!

Táo nóng tính và hớ hênh chán nản nói:

- Cũng phải thôi!

Thế là họ bắt đầu bàn cãi để lập bản báo cáo cuối năm...

Ngày mai “táo ông hớ hênh” sẽ cưỡi cá chép lên Thiên Đình.

Họ không còn nhiều thì giờ để gấu ó nhau nữa!

*

Táo bà và táo OSA đồng ý nhường cho con người “hớ hênh cổ truyền” chức chủ tọa. Táo OSA làm phụ tá chủ tọa còn táo bà làm thư ký. Táo OSA ân cần hỏi người vợ chung:

- Em viết có mệt không? Giấy bút đã đủ cả chứ. Táo bà sợ người ghen, nghiêm mặt đáp:

- Viết thì tạm dùng than củi được. Giấy vàng bạc chủ nhà mua sẵn để cúng đưa chúng ta, dùng cũng tốt thôi. Nhưng phải viết bằng chữ gì đây? Việt Nam hay Nam Dương?

Chủ tọa cuộc họp sa sầm ngay nét mặt:

- Nam Dương à? Bà lên sang các bếp Nam Dương học “cua” đặc biệt phải không? Táo bà vội phân trần:

- Em quen miệng hỏi cho vui thế thôi, chứ có biết tiếng Nam Dương đâu.

Táo OSA chen vào để bớt căng thẳng:

- Đến tôi muốn học lắm mà cũng không thuộc được nhiều. Hơn một tháng chỉ nhớ mỗi một chữ TEMBAKAU là thuốc lá.

Chủ tọa vẫn còn ăm ức, liếc táo bà nói mỉa:

- Còn bà thì gặp tụi táo Nam Dương lúc nào cũng SELAMAT, miệng cứ cười toe ra. Táo bà giận, gần như dần từng tiếng:

- Tôi hỏi ông, ông là chủ tọa họp bàn thảo sớ, hay là Thiên Lôì xách búa đi hỏi tội? Người đâu mà hờ một tí đã ghen! Nào, viết cái gì đọc tôi viết cho xong, buồn ngủ quá rồi.

Cả hai táo ông đều đưa mắt nhìn nhau, ngậm đầy phần “khởi đầu nan” cho địch thủ. Chủ tọa làm lớn phải làm láo, tăng hắng rồi nói:

- Suốt năm ta nằm trong xá chợ, gần đến cuối tháng 11 mới có người đến mua ta về đặt lên ghe, rồi liên tục theo ghe từ Việt Nam qua đây. Cho nên ta chỉ báo cáo từ lúc ghe nhổ neo cho đến bây giờ. Phải thế không!

- Phải lắm!

- Chí lý lắm!

- Ta cũng không nên viết số theo lối cổ điển. Tôi nghe năm ngoái nghe đọc mãi cái giọng ê a và nội dung số y như nhau, Ngọc Hoàng ngáy khì khì suốt buổi chiều. Phải viết thế nào cho khác người kia!

- Phải lắm!

- Đúng quá! Nhưng khác thế nào?

- Bây giờ ta phải bàn.

Táo bà chợt nhớ cảnh hỗn loạn trên ghe và cuộc đời trầm lặng hơn tháng nay trên đảo, có ý kiến hay hay, liền nói:

- Ta báo cáo chuyện xảy ra trên biển và trên đất liền, so sánh hai cảnh đời cho Ngọc Hoàng nghe. Biết đâu Ngài thấy lạ, quên cả ngủ gật! Chủ tọa e dè hỏi:

- So sánh thế nào?

Táo bà liền thoáng đáp:

- Chẳng hạn em có tò mò theo dõi hai cô cậu, từ lúc họ mới hấp tấp trèo lên ghe cho đến khi tạm ở tại đây.

Hai táo ông không dẫn được tò mò, cùng hỏi:

- Chuyện gì xảy ra thế? Họ yêu nhau phải không?

Táo bà mỉm cười, giữ vẻ kẻ cả của người chủ động tình thế. Chờ cho hai ông chồng thật nóng ruột, táo bà mới nói:

- Lúc mới lên ghe họ chưa quen nhau. Em dám quả quyết như thế vì lúc ghe vào chỗ mỏm đá, các cậu thanh niên dày xéo lên cả đàn bà con nít để leo lên trước. Cô ấy với tay nắm lên thành mũi ghe không được vì cao quá, vô ý ngã xuống nước. Vừa lóp ngóp ngồi dậy, đã bị một người nào đó kê giày lên người lấy đà rồi đu lên. Cô ấy lại ngã quị lần nữa. May có người trông thấy đưa tay cho cô ấy nắm rồi kéo cô ta lên. Em không làm được. Chính cậu ấy đã đạp lên người cô ấy để giành chỗ may mắn.

Chủ tọa ngỡ vực hỏi:

- Đêm tối làm sao phân biệt ai với ai. Chưa chắc cậu ta đã biết vừa đạp lên người ngọc. Táo bà vội nói:

- Không phải chỉ có vậy. Cậu ta xuống hầm ghe trước, tìm ngay chỗ tốt rồi nằm dang tay dang chân chiếm chỗ rộng. Cô ấy lên sau cùng, ghe sắp nhỏ neo mà còn đứng trên thành ghe, nên bị người ta đẩy dúi xuống hầm. Cô ta ngồi phải chân cậu ấy. Tức thì cậu ta đạp một cái thật cật lực vào lưng cô ấy. Cô ấy sợ quá, ngã chúi mà không dám khóc. Lúc ghe rời bến khá xa, hoàn

hồn, cô ấy mới tủi thân thút thít! Nếu quen nhau trước, ai nỡ đối xử với nhau tàn nhẫn thế!

Táo chủ tọa vẫn còn ngờ vực:

- Lúc ấy dưới hầm đâu có đèn đuốc gì!

- Nhưng cô ấy than khóc thì phải nhận ra tiếng. Như chúng ta đây, dù tối lửa tắt đèn, em chỉ cần rên khẽ một tiếng, nhất định hai anh phải giật mình lo lắng.

- Quả có thế!

- Đúng thế! Rồi sau sao nữa?

- Cô ấy chỉ thút thít được một lúc rồi im. Không phải cô ấy đã bớt tủi thân. Cô ấy bắt đầu nôn mửa. Bảy tám chục con người chổng chất hỗn độn trong cái hầm hẹp tối, hai anh đã thấy rồi. Sửa thế ngồi, co chân hay rút tay ra cũng không được. Lại say sóng nên ai nấy nằm ngồi la liệt, gác tay gác chân lên nhau. Mùi ôi chua của thức ăn mửa ra, mùi khai của nước tiểu, mùi nồng của mồ hôi, mùi phân con nít, đủ thứ mùi hâm nóng trong cái hầm chật chội, thật ngọt thở. Muốn nôn, cứ nôn ngay lưng áo người ngồi phía trước. Muốn đá, thì đá ngay lên chân ai đó bị kẹt dưới mông mình. Cô ta cũng bị bắt buộc vô phép như mọi người. Thế mà khi cô nôn phải vạt áo cậu ta, cậu ta phát cáu, húc cho một cùi chỏ. Cô ấy không còn đủ hơi để la khóc hoặc phản đối gì. Hai ngày đêm ối mửa liên tiếp, cô ấy như cái xác chết. Cũng may, chỉ có bọn con nít ỉa vãi trong hai hôm đầu, chứ nếu cả người lớn cũng vậy thì...

- May với rùi! Trời sinh ra thế! Táo OSA được dịp trả đũa sau thời gian bị ông chủ tọa chèn ép đủ điều, liền bảo:

- Làm gì có Trời can thiệp vào chuyện ỉa đá! Ai cũng lo sốt vó nên bị bón. Đừng nói đi năm ngày bốn đêm. Đi cả tháng trời cũng không rặn ra được tí phân nào!

Chủ tọa sùng sộ:

- Chú mày có dám nói thế trước mặt Ngọc Hoàng Thượng Đế hay không? Bị bón! Cái thứ khoa học cùn của chú mày học lóm là gì, nếu không phải là hảo tâm, là ân huệ của Trời?

Thấy đàn anh đem Ngọc Hoàng ra dọa, táo OSA đành im lặng.

Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Táo bà không thích cảnh đôi co giữa hai ông chồng, nên kể tiếp cho lấp đi:

- Ở trên ghe họ đối xử với nhau cạn tàu ráo máng như thế, nhưng lên đất liền họ ra sao, hai anh biết không? Cũng may bọn mình là táo rề sô dầu hỏa nên được các láng lẩn lượt mượn chuyền nhau nấu nước pha cà phê khuya. Hôm ấy hai anh buồn ngủ chỉ có một mình em thức. Vui không chịu được, té ra mình ở nhà chủ ghe nên không hề biết lên đảo hai cô cậu ở chung với nhau. Không biết họ làm thân với nhau từ lúc nào. Có lẽ từ sáng hôm thứ ba, lúc mọi người qua cơn vật vã say sóng và bắt đầu tỉnh táo trở lại. Cậu khá đẹp trai, tính lại trai lơ. Cô thì đẹp gái, tuổi 17 hơi hớ. Cậu ta giả vờ quên những cú đấm cú đá cật lực ba hôm trước. Cậu ân cần săn sóc từng ly từng tí. Hứng nước cho uống, tổng cho bọn nhóc con mấy cú để chúng nó xanh mặt dạt ra, dành rộng chỗ cho người đẹp ngồi. Vắt cơm sống và nhão chia cho từng người có cảm thêm khúc lạp xưởng bằng ngón tay cái, cậu tự ý

những phân lạp xương của mình, bảo không chịu được mùi lạp xương. Cô cảm động quá, lí nhí cảm ơn. Ban đêm, cậu cởi ngay cái áo len khoác lên vai cô. Người đẹp rơm rớm nước mắt. Em chẳng hiểu trong thời gian hôn mê vì say sóng, cô có nhận mặt được kẻ vũ phu hay không? Chủ tọa nói liền, giọng mỉa mai cay độc:

- Có chứ. Nhưng đã lỡ đá cả lên người người ta, mùi hôi khai còn nồng nặc, cái mùi khai quen thuộc cô ngửi quen đã biết ngay là “của nhà”, thì làm ngơ giả vờ như không biết cho nó tiện! Táo OSA nhú mày khó chịu, còn táo bà thì thấy uy tín phái yếu bị xúc phạm:

- Anh nói thế sao được! Lúc đó ai không từng đá mưa vào người khác. Người ta, và chính cậu ấy nữa, cũng vạch quần đá vào người cô ấy. Không có gì đáng thẹn mà phải giả vờ không biết. Nhất định cô ấy không hay biết gì thật. Họ thành đôi chim câu, từ đó, không bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào để rửa lông cho nhau. Cái đêm họ mượn rề xô để pha cà phê khuya, em phải dần lằm mới khỏi bật cười. Họ rủ rủ nói chuyện với nhau thơ mộng lắm! Cả hai ông táo đều tò mò muốn nghe chuyện thơ mộng của đôi chim câu. Táo chủ tọa cố làm ra vẻ thản nhiên khinh khi, trong khi táo OSA bộp chộp hỏi:

- Họ đã nói những gì?

Táo bà chậm rãi nói, cố kéo dài thì giờ chờ đợi:

- Chàng trân trọng nâng ca cà phê sữa lên mời nàng. Nàng khẽ cảm ơn, ánh mắt sáng lên dưới bầu trời đầy sao. Trăng vừa mới nhú lên khỏi đầu núi. Sóng ì ầm như ru tâm hồn đôi tình nhân. Chàng say sưa ngắm khuôn mặt trái soan e ấp dưới mái tóc mềm mại như tơ của nàng, rụt rè một lúc mới đánh bạo nói: “Anh không bao giờ quên được cảm giác ngây ngất lúc thoát trông thấy em lần đầu, khi em vừa xuống ghe. Lúc đó anh cũng lo sợ như mọi người chứ. Sợ bị bắt. Sợ không lên ghe được. Sợ bị bỏ lại. Nhưng cái

dáng nhỏ nhắn nhu mì của em làm cho anh quên hết. Anh thấy tự tin, bạo dạn. Cuộc ra đi lén lút âm thầm như một cuộc chạy trốn khuất lấp, có em, tự nhiên thành một cuộc phiêu lưu kỳ thú vào những miền đất xa lạ và thơ mộng. Lúc đó mà hát lên thì chắc mọi người cho mình là thằng điên. Nhưng quả thực anh khe khẽ hát. Em có nhớ lời ca bài Viễn du của Phạm Duy không?” Nàng chớp chớp đôi mắt bồ câu, sẽ đáp: “Thưa có”. Chàng vui mừng hỏi tiếp: “Em thử đọc lại, hoặc tốt hơn hết là hát lại mấy câu đầu. Ngẫm kỹ lời ca, sao mà đúng với tâm trạng anh hồi mới gặp em quá. Nào, hát cho anh nghe đi, cưng”. Nàng giả vờ từ chối vài lần cho chàng cầu khẩn van xin, rồi mới hát: “Ra khơi, biết mặt trùng dương biết đời viễn vông đất trời mênh mông biết ta hải hồ. Ra khơi, biết tình thế giới thấy lòng phơi phới thấy mộng ngày mai thấy niềm tin mới. Chơi với con thuyền no gió ra khơi, bão bùng xô tới xô lui, vững tay chèo lái.”

Chủ tọa xì một tiếng, cay độc:

- Xạo hết chỗ nói!

Cả táo bà lẫn táo OSA đều phản đối:

- Họ đâu có xạo!

- Họ thành thực đấy chứ. Không thành thực thì không thể nghĩ ra được bao nhiêu câu thơ mộng ấy. Chủ tọa bực, càng cáu:

- Thế lúc mới gặp bà, tôi nói bao nhiêu câu ngỡ ngẩn bây giờ nhớ lại phải đỏ mặt, còn bà chỉ cúi đầu cắn má ngón tay út, bà nói đi, hồi đó chúng ta có thành thực không? Nói đi.

Táo bà đỏ mặt chống chế:

- Chúng ta khác. Hồi đó...

Táo OSA xấu tính muốn biết rõ sự ngớ ngẩn của tình địch, liền cười ruồi rồi hỏi táo bà:

- Lúc ấy anh cả đã nói gì thế? Chủ tọa liền lừ mắt dọa:

- Không kể được. Bà kể, coi như...

Táo bà hiểu phía sau tiếng “coi như” có nhiều điều hời hợt, như “coi như tôi với bà dứt tình”, “coi như tình nghĩa vợ chồng dứt gánh”. Khổ nỗi bà đã quá quen thuộc với tính ghen tương cáu kỉnh của ông chồng thứ nhất, lâu ngày đâm nghiện như nghiện thuốc phiện. Mỗi lần ông cả ghen, bà thấy thú vị, thấy mình có giá hẳn lên. Bà không thể tưởng tượng hết cuộc đời thui thủi chán phè của những người đàn bà bất hạnh chỉ có một chồng. Vì vậy, táo bà không dám kể.

Táo chủ tọa chưa yên tâm. Nếu vợ mình kể thì làm sao? tính nhẹ dạ thích vui của bà, ông còn lạ gì nữa! Tốt hơn hết là giành lời của vợ. Cho nên mặc cho táo OSA liếc mắt về phía táo bà thúc giục một cách có ác ý, táo chủ tọa vội nói:

- Tôi cũng được chứng kiến sự đổi trắng thay đen tức cười của lòng người. Ở trên biển họ nói khác, lên được trên bờ họ nói khác. Lời nói nào của họ đáng được ghi vào ráp-po để trình cho Ngọc Hoàng? Tôi chịu không định được. Này nhé! Suốt năm ngày đêm trên biển cả, tôi cứ hoang mang tự hỏi có phải ba chúng ta vượt biên chung chuyến với giống người hay không, và tại sao

Ngọc Hoàng thượng đế bắt buộc bọn táo chúng ta mang lốt người mà không cho mang lốt bò để khỏi suy nghĩ phiền phức? Lại giao cho chúng ta cái nhiệm vụ quái ác là theo dõi công việc loài người để hàng năm vào đúng 23 tháng chạp phải cưỡi cá chép bay về trời báo cáo. Lúc còn ở dương gian, có hai thứ nghề tôi vẫn sợ, là nghề thầy thuốc và nghề thầy kiện. Thầy thuốc suốt đời chỉ thấy ghẻ lở, máu mủ, ho hen, đờm dãi, bệnh tật, chết chóc. Có được người ta trọng vọng mời mọc ân cần đấy, nhưng cả đời sống nhờ vào ghẻ lở đờm dãi, gớm! Thầy kiện thì chỉ nghe toàn chuyện con giết cha, em đánh anh, vợ lừa chồng (nói đến đây, táo chủ tọa lườm táo bà một cái cảnh cáo, vì táo bà đang cười thật tươi với táo OSA), bạn bè phỉn gạt nhau. Cũng toàn ghẻ lở, đờm dãi, chỉ khác là bệnh tật thối tha đã biến thành những điều trêu tượng. Ai ngờ chết đi, lại bị Ngọc Hoàng phạt. Ghét của nào trời trao của ấy. Chúng ta phải làm “công an khu vực” chuyên nghe lén chuyện nhà nhân gian để báo cáo cuối năm. Giá trời cho tôi già điếc tai thì may mắn lắm! Khốn khổ tai tôi cứ thính, nên phải ngăn ngờ hoài! Ở dưới nghe các người từng chứng kiến cảnh giành giật nhau từng miếng ăn giọt nước, cảnh cãi vã trộm cắp nhau như thế nào rồi! Ba ngày đầu say sóng ăn không vô, uống nước vừa khởi cổ lại ói ra nên chưa có chuyện gì đáng nói. Nhưng vừa tỉnh lại là con người vội mang cái bộ mặt thú. Tụi đàn ông con trai giành nước của bọn con nít. Đêm trời mưa trần ghe hở nên từng giọt nước ngọt rỏ xuống. Bọn con nít khát quá lấy bao ni lông hứng từng giọt. Hứng cả giờ mới được một ngụm. Nhưng chúng không được phép hứng lâu. Khi thấy có thể đỡ khát bằng nước mưa mà khỏi phải ra tận be thuyền chịu lạnh chịu nguy hiểm để giăng vải bạt, người lớn đẩy tụi con nít vào chỗ khô ráo để lấy ly hứng nước. Hứng được bao nhiêu uống cạn rồi hứng nữa. Uống càn hông vẫn uống tiếp để nhỡ ngày mai trời nắng ráo không có gì mà uống, trong khi bọn nhóc kêu khóc van nài. Phần nước tiêu chuẩn hai ly con mỗi ngày do thủy thủ phát, họ cũng uống càn cả phần kẻ yếu ngồi tận góc hầm. Họ đứng ở ngoài cửa mà. Thay vì chui vào bên trong, họ ực ngay vào bụng cho gọn. Cái ăn cũng đê tiện như cái uống. Giành giật nhau từng mẩu bánh tráng mồi, gấu ó nhau, chửi bới nhau, xin xỏ không được thì trộm cắp của nhau, ôi thôi sao mà thối hoăng, thối hơn cả mùi xú uế nồng nặc những nước đái, mồ hôi, cứt, đồ ăn hôi chua... Muốn có thêm chút ưu quyền như một hớp nước đục pha lẫn dầu hỏa nhớt lợn cợn, một nắm cơm lớn hơn nắm cơm khác tí tẹo, họ không ngần ngại nói dối gia thế của mình: nào là chú của chủ ghe,

nào là mẹ của tài công, nào là vợ của thợ máy. Vừa nhận được phần phụ trội bất chính, họ vội cho vào mồm, sợ bị móc ra. Đôi mắt hau háu đỏ ngầu, lão liêng nhìn quanh, lâu lâu đưa lưỡi liếm mép. Khiếp thật! Thà họ say sòng nằm ngổn ngang chồng chất lên nhau như một đồng thịt nhầy nhựa hôi hám còn đỡ khiếp hơn. Đúng là một bầy thú đói sống chuồng! Ngọc Hoàng thượng đế ơi! Sao Ngài lại bắt con mang phải lốt người? Nếu đã lỡ mang lốt người, sao Ngài không cho con ân huệ được mù, được điếc! Phải. Được mù để khỏi trông thấy cảnh giành giật trên ghe, và được điếc để sau đó khỏi phải nghe họ nói lúc đặt chân được lên đất liền. Các người có nghe họ nói những gì không? Không à? Các người quên bém nhiệm vụ “công an khu vực” rồi sao?

Bản báo cáo có cần ghi rõ tên người nào đã nói những gì không nhỉ? Có lẽ không nên. Những trên 100 con người, nhiều quá. Ngọc Hoàng Ngài chỉ cần biết tình hình tổng quát. Chẳng hạn ông A (vừa giành hứng nước mưa với lũ con nít mấy hôm trước) hăng hái đòi ban đại diện phải dành mọi ưu tiên, tiện nghi “cho các cháu”. Phải phát sữa cho các cháu uống, phải lập ban đồng ca nhi đồng cho các cháu vui, phải mở lớp Anh văn vỡ lòng cho các cháu học. Để làm gương, ông thường dắt các cháu đi dạo biển thả diều, câu cá. Cậu B (cũng đạp lên đầu phụ nữ để lên ghe trước nhưng không phải cái cậu trai lơ của bà) vận động mọi người bắt chước văn minh tiên tiến nên tôn trọng phái đẹp; phải nhường chỗ cho phụ nữ được khám bệnh trước, lãnh lương thực trước; phải làm riêng một nhà vệ sinh cho phụ nữ để họ khỏi “công xúc tu sĩ”. Cậu B (đã giấu hai phần bánh trắng của hai người đàn bà say sòng vào túi quần để ăn thêm) hô hào đoàn kết và tự trọng để bảo vệ uy tín dân tộc Việt Nam, vận động các bậc-thức-giả suy nghĩ tìm một hướng đi, một lý tưởng cao cả cho thế hệ trẻ tuổi vừa phải bỏ nước. Cô C (vừa nhất định không chịu nhường phần nước cặn trong bi đông mang theo cho một bà cụ sắp chết khát) lên sân khấu hát bài “Nối vòng tay lớn”. Còn nhiều, nhiều lắm, kể không hết được. Họ là ai? Phần nào mới đúng là họ? Con thú trên biển dữ hay ông thánh trên đất liền? Các người trả lời giùm tôi đi!

Táo bà vốn lãng mạn không thích chuyện buồn, đáp liền:

- Ông thánh trên đất liền! Chuyện xấu hãy quên đi!

Táo OSA đáp lơ lửng:

- Cả hai. Vừa thú vừa thánh. Nói “thánh-thú” hay “thú-thánh” cũng được.

Chủ tọa chau mày hỏi:

- Thế là thế nào?

- Nghĩa là con người “ni ange ni bête” như lời Pascal. Kẻ bi quan cho là “bạc thánh sa đọa”. Kẻ lạc quan có thể gọi là “con thú thánh hóa”. Táo chủ tọa lắc đầu chê:

- Rắc rối quá. Tôi thích cái gì phân minh. Ngọc Hoàng Ngài hay ngủ gật, nhưng cũng không ưa điều mù mờ. Tôi lên nộp ráp-po nhiều lần, tôi biết. Táo bà nói:

- Cái gì rắc rối thì đừng báo cáo, chỉ thêm phiền. Chỉ nên báo cáo cái gì vui, cái gì rõ. Táo OSA liền nói:

- Thế thì nên báo cáo chuyện vui tôi sắp kể đây. Chủ tọa thấy tình địch cứ chờ táo bà tung là hứng, bực dọc chất vấn:

- Có chắc vui và rõ không?

- Chắc chứ.

- Kể đi. Ngắn gọn như tôi thôi nhé! Táo bà thấy chủ tọa bất công, liền kê:

- Ô kìa, sao anh cả dài dòng được lại không cho anh hai dài dòng.

Táo chủ tọa đáp cộc lốc:

- Khuya buồn ngủ rồi.

Táo bà không chịu thua:

- Em chả buồn ngủ.

Chỉ chờ có thế. Táo OSA liền kê:

- Tôi cho là chuyện vui vì nó ngược ngạo quá. Ngược ngạo trong lời nói của từng người ở hai lúc khác nhau. Nhiều chuyện tương tự như thế lắm, nhưng để làm vừa lòng anh cả, tôi chỉ kể hai trường hợp thôi.

Trường hợp thứ nhất liên quan một ông khách tuổi trên dưới 20, hàm râu đen không cạo mọc lởm chởm như rễ tre khiến khuôn mặt thêm vẻ anh chị. Theo lời anh ta kể thì cuộc đời của anh phong trần thật. Từng đứng ra tổ chức vượt biên, thành công thì về Sài Gòn sống liên tiếp nhiều đêm “nhất dạ đế vương” ở khu ăn chơi Hoa kiều, thất bại dám tổ chức cướp ghe để bù lỗ. Bốn lần vào tù, ba lần vượt ngục, lần chót vừa ra khỏi trại giam Cựu Chiến Binh thì đến ngay Bãi Dâu lên ghe vượt biên thành công. Lúc được tàu khoan dầu vớt, anh cẩn thận mang cái “rề sô chúng ta” lên tàu, thành thử

anh ta trở thành ân nhân của chúng ta ngồi đây. Không phải thế sao? Anh ta không chịu khó mang rề sô lên thì cả ba chúng ta đã lênh đênh trôi dạt trên biển cả rồi chết chìm dưới đáy sâu rồi. Tuy vậy, tôi không nói tốt hay nói xấu anh ta làm gì. Tôi chỉ kể khách quan theo lương tâm một công an khu vực. Anh ta lên tàu, mang rề sô đến cho chị chủ ghe và cảm động run run nói: “Thú thật tôi đã từng tham gia vượt biên nhiều lần, lần bị vỡ ngay từ trên bờ kẻ bị bắn chết kẻ bị tù, lần ra đến hải phận quốc tế rồi tàu hư phải quay vô, nhưng chưa có lần nào thấy tổ chức hoàn hảo như chuyến này. Anh em ở bãi làm việc nhanh nhẹn chính xác. Ghe vừa cập vào, một người đăng lái thả neo, một người đầu mũi nhảy xuống nước vừa đo độ sâu vừa cột dây vào bến. Lựa được đúng chỗ mỏm đá cao đầu ghe có thể ghé sát để khách leo lên, đâu phải dễ. Việc mua bến cũng an toàn 100%. Khách lên ghe chưa đầy 15 phút đã xong. Chưa yên tâm, một người còn soi đèn pin khắp bãi xem còn có ai bị bỏ sót không. Ghe rời bến yên lặng gần như không nghe thấy tiếng máy nổ. Suốt lộ trình lựa chọn đường đi cách sao không hề gặp cướp biển, không thấy bóng tàu quốc doanh Côn Đảo hoặc tàu hải quân nào. Đến tàu giàn khoan đúng chỗ, cập vào là được vớt ngay. Ăn uống tuy có hơi thiếu thốn nhưng lỗi do bãi chứ không phải do anh chị. Tôi thay mặt đa số anh chị em ở đây thành thật cảm ơn chị nhiều. Rất nhiều. Thế mà hôm anh ta đến mượn rề sô về pha cà phê, anh ta nói sao anh cả với em biết không? Anh ta nói: “Chúng ta may mắn lắm mới còn được sống cho tới đây. Người ta đi hai ba hôm đã tới. Mình kéo dài những năm. Nếu tàu dầu không vớt, chẳng hiểu hiện giờ mình đang nằm ở đáy biển nào? Không chết khát thì cũng chết đói. Tàu gì mà chạy rề rề một giờ không được 5 cây số. Lũ tàu biên phòng chắc quáng gà hết nên mình mới sống. Còn tổ chức bãi bến? Tôi nghĩ lại mà rùng mình! Ai lại chọn ngay bãi Dầu, chỗ thiên hạ bị bẻ tùm lum. Dẫn khách đi ngờ ngờ từ chỗ Phật Đài lên đỉnh núi, ở dưới nhìn lên thấy rõ áo xanh áo đỏ bông bế dắt díu nhau, đến con nít cũng biết chứ đừng nói công an, tôi mà đứng ra tổ chức hả? Không làm trò “ruồi bu” như thế đâu...” Trường hợp thứ hai là trường hợp “bác tài”. Máy ngày đầu bị vớt vào xó buồng lái, chắc anh cả và em say sóng không nghe gì thấy gì. Tôi tò mò chuyện đi biển nên theo dõi kỹ lắm. Lần đầu thử thách sóng gió mà! Bác tài lái ghe suốt ba ngày, lúc đã ra đến hải phận rồi mà không hề gặp tàu bè đi lại trong lòng bắt đầu phát rét. Tuy ngoài miệng nói cứng. “Tôi thuộc đường đi từ 20 năm nay. Phải tránh đường có nhiều tàu bè đi lại, vì gặp “chúng nó” phiền lắm. Tàu buôn

thì độ này rất ích kỷ, không hề chịu vớt ai. Nhỡ gặp phải tàu khối xã hội chủ nghĩa lại khổ. Chọn đường vắng một mình một chợ là hay hơn hết”. Nhưng lâu lâu, bác tài trách nhẹ hai anh phụ lái, như dọn đường đỡ thừa: “Hai chú lái có đúng 230 độ không đấy? Hay lúc tôi ngủ các chú lái gà lái gặt, trạch mẹ mất hưởng rồi”. Ngày thứ tư ghe vẫn chạy giữa mênh mông trời nước. Không gặp bất cứ thứ gì có dấu vết con người, ngoài một cái phao lưới trôi lạc. Hành khách xôn xao lo âu. Bác tài phải trấn an: “Địa hình vùng này như cái phễu, không thể lạc đường được. Tôi muốn vào bờ thì vào được ngay, nhưng tại Mã Lai với Thái Lan có tử tế gì mà vào. Chi bằng chịu khó đi thẳng Galang hay Singapore”. Sang ngày thứ năm, bác cũng hết cả tự tin để nói khoác. Thấy được bóng giàn khoan trước mặt, ai cũng mừng hết lớn. Kể mừng nhất là bác tài, nhất định thế. Nhưng bác vẫn nói cứng: “Nó không chịu vớt đâu. Mình chỉ vào để xin thêm nước dầu và check lại tọa độ”. Cập vào tàu dầu lạng quạng thế nào đến nỗi ghe suýt chìm như anh cả và em đã biết. Thế mà lúc lên đây, ông ấy nói gì hai người biết không? “Tôi biết trước tại tàu giàn khoan không bao giờ vớt những ghe chưa thực sự lâm nguy. Đàn bà trẻ con phải nằm la liệt, máy hư, tàu vỡ, chúng nó mới cứu. Cho nên lúc cập vào, tôi cố ý lái như người say rượu. Chúng nó hỏi, tôi đáp tay lái hư mẹ nó rồi. Ghe có vỡ chút đỉnh chúng nó mới hết do dự, dứt khoát cho tất cả lên tàu khoan. Lúc ghe thả trôi dạt xa khỏi tàu, kể cũng ngậm ngùi thật. Nhưng không nên tiếc. Ghe gì mà chậm ì ì ạch, tôi có dám cho chạy nhanh đâu. Bánh lái lâu lâu lại kẹt, quay đến trọ xương vai không đi. Thủy thủ toàn loại dỏm. Thợ máy mới học nghề. May phước là máy chưa trục trặc, chứ nếu hư, chỉ có tôi nai lưng cởi áo ra hì hục sửa, chứ có ai biết chút máy móc nào đâu. Mà chỗ nào đứng sửa máy đây? Đàn bà con nít nằm la liệt ngay trên chỗ đặt máy, quần áo, tã lót, rơi cả vào dây cua roa. Hú hồn thật! Tôi đem cả gia đình phó mặc cho may rủi. Nếu biết ghe như thế, thủy thủ như thế, khách như thế, nhất định tôi không đi. Không xứng đáng với gia đình một hạm trưởng thương thuyền như gia đình tôi”. Đấy, hai câu chuyện của tôi có đủ vui đủ rõ để ghi vào ráp-po không? Táo chủ tọa trề môi chề:

- Vui và rõ! cũng “cá mè một lứa” thuộc loại “ni ăn ni uống”.

Táo OSA ngớ ra một lúc, khi hiểu, cười phá lên:

- “Ni ăn ni uống”. Hô hớ! Trời ơi là trời! “Ni ange ni bête” của Pascal mà đọc thành “ni ăn ni uống”!

Táo bà xanh mặt chờ đón cơn bão tố không dám hé môi.

Táo chủ tọa quát:

- Chú mày mới học lóm được một vài chữ Tây của lão ký già hăng thuốc lá Tây MITAC đã làm phách. Xi, đồ lai căn. Bà nó đâu? Táo bà run run đáp:

- Thưa em đây.

Táo chủ tọa lớn tiếng truyền:

- Hãy ghi vào ráp-po một câu thôi. À, hai câu cho rõ. Ghi nhé: “Lúc lên ghe cũng như lúc lên bờ, họ đều chen lấn giành giật nhau. Lên ghe, thanh niên đạp nhau lên đàn bà để tranh chỗ; lên bờ, trò giành giật với thày để tranh ăn”. Đủ vui và rõ chưa?

Cả táo OSA lẫn bà vợ chung đều hỏi:

- Còn những chuyện khác? - Còn chuyện tình của em?

- Hãy ghi vào phần tồn nghi ở phụ bản để Ngọc Hoàng tự cứu xét xem là loại vui hay buồn, đáng thương hay đáng trách!

Ngựa nản chân bon

Gió vi vu làm nền cho lời ca thánh: ..."Nhờ công ơn lân tuất của Chúa ta, Đấng đã từ cao cho 'Mặt trời mọc' đến thăm viếng. Và soi sáng cho những ai còn ngổ trong u tối và trong bóng chết, để dắt chúng ta trên con đường an lạc. Lạy Chúa xin cho các linh hồn được yên nghỉ muôn đời và được hưởng ánh sáng nghìn thu. Ta là sự sống lại và là sự sống. Ai tin ta thì dù có chết sẽ được sống lại, và ai sống mà tin ta thì không phải chết đời đời".

Vị linh mục đọc kinh Lạy Cha... và rảy nước thánh lên chiếc quan tài đóng vội bằng gỗ ván thuyền. Vợ người quá cố khóc thảm thiết, và lúc bấy giờ lời cầu nguyện lại làm nền cho tiếng khóc. "Lạy Chúa, xin thương người quá cố này là tôi tớ Chúa. Xin đừng theo việc làm mà phán xét họ, họ vốn một lòng một ý với Chúa. Lại nữa, khi còn sống họ đã ở cùng đoàn thể các tín hữu, với một lòng tin tưởng thành thực. Xin vì lòng nhân từ Chúa, cho linh hồn Giu-se hợp đoàn thể cùng các Thiên Thần Chúa trên trời. Nhờ Chúa Ki Tô, Chúa chúng con. Amen". Quả phụ nín khóc. Dường như một lúc nào đó, tạm quên đau khổ nàng lắng nghe lời ca thánh, và bất chợt nhận thấy lời nguyện chung gần gũi với nỗi lo lắng và niềm mơ ước riêng tư. Hoặc niềm đau xót đã đến chót vót, khiến nàng bàng hoàng ngơ ngác, như người đã lên đến ngọn đỉnh trời, lo âu nhìn vực thẳm quanh mình, không biết làm gì nữa giữa chốn mây khói bàng bạc và gió thổi. Vị linh mục tiến thêm một bước để làm dấu thánh giá trên quan tài... "Lạy Chúa xin cho linh hồn Giu-se được nghỉ yên muôn đời, và được hưởng ánh sáng nghìn thu. Xin cho linh hồn Giu-se được nghỉ yên. Amen. Mong cho linh hồn này và linh hồn mọi tín hữu, nhờ lòng lân tuất Chúa được nghỉ ngơi bằng an. Amen".

Đã đến giờ hạ huyệt. Từng nắm cát rơi rào rào trên tấm ván thiên, lâu lâu có lẫn tiếng sỏi rơi khô. Góa phụ lại nức nở khóc. Chẳng mấy chốc bên bãi đáp phi cơ trực thăng lập chon von trên sườn núi có thêm một ngôi mộ. Những người đưa tang lần lượt xuống núi, lòng nặng trĩu đẩy bước chân mau.

Chờ cho góa phụ về xong, vị linh mục mới cởi áo lễ và mời mấy người bạn thân về lán mình uống trà. Họ vui vẻ nhận lời, mỗi người có lý do hoàn toàn khác nhau. Viên trung úy từng học ban triết ở đại học Văn Khoa trước khi bị động viên muốn bàn với linh mục vài vấn đề thuộc tín lý đạo Thiên Chúa liên quan tới cái chết và sự phục sinh. Ông nhà giáo muốn có dịp đưa ra nhận xét về ý nghĩa tang lễ. Cụ cán sự công chánh hồi hưu muốn quên một ám ảnh khó chịu và muốn thưởng thức trở lại vị trà thơm Đài Loan sau mấy tuần uống trà HCR nhạt thếch.

Họ cùng vui vẻ xuống núi. Trong khi vị linh mục lui cui xuống bếp nấu nước sôi, ba người bạn cởi áo ngoài ngồi chờ trên những chiếc ghế làm bằng thân dừa cắt từng đoạn ngắn. Trời hôm ấy hơi bức, nên họ ăn mặc hết sức "thoải mái". Người nào cũng vận quần đùi. Cụ cán sự công chánh mặc chiếc áo thun tay cánh mầu xanh dương, trước ngực vẽ hai đứa trẻ cầm vợt vũ cầu với hàng chữ "Joanna is my childday friend". Lúc được tàu khoan dầu vớt, cụ bỏ quên áo nhà binh rách lưng dưới ghe nên một thủy thủ Tây Đức phải nhín bớt phần quà Noel gửi cho con trai giúp cụ đỡ rét. Ông nhà giáo có lẽ cũng gặp cảnh huống tương tự, nên mặc cái áo polo trắng có in hình một cô gái Hawaii tóc đen dài quấn lơ là tấm khăn vải hoa thật sặc sỡ. Cô gái đứng cười lẳng lơ dưới gốc dừa, trong khi ông giáo phải cười ngượng nghịu mỗi lần có ai nhìn chăm chú vào ngực mình.

Viên trung úy thì giữ được cái áo treillis cho đến tận cầu tàu đảo tị nạn, nhưng luật lệ ở đây không cho phép mặc đồ nhà binh, nên anh phải cởi áo nộp cho cơ quan quản lý trị an và xin một áo may-dô có vẽ chiếc trực thăng trên hàng chữ đỏ viết vội Ku Ku Camp. Vị linh mục đem nước sôi nấu trong lon pátê hộp lên. Ông cũng mặc quần đùi, khoác thêm cái áo sơ-mi trắng cũ. Ngồi chờ nước trà quanh cái bàn gỗ ép xiêu vẹo, cả bốn trở thành những người bình thường. Khó lòng đoán được quá khứ, nếu chỉ nhìn mái tóc dài và cách ăn mặc của họ.

Viên trung úy ghiền cà phê không tha thiết mấy với chuyện uống trà, dù là trà Đài Loan thượng hảo hạng... nên không chịu kiên nhẫn chờ. Vị linh mục vừa ngồi xuống, anh đã vỗ vập hỏi:

“Lúc giảng kinh trên thánh đường, Cha có nghe chị ấy kể về những gì không?”

Cụ cán sự công chánh ngăn lại:

“Chậm chậm đã nào! Trà chưa đượm đâu. Vội gì!”

Linh mục do dự chưa biết phải theo phái già hay phái trẻ. Ông quay về phía nhà giáo, bắt gặp ánh nhìn khuyến khích. Linh mục cười rồi đáp:

“Có chứ!”

Anh trung úy liền hỏi:

“Cha có bực mình không?”

“Không.”

Ông giáo tò mò hỏi:

“Chị ấy nói gì thế?”

Linh mục đáp thay cho anh trung úy:

“Lúc ấy tôi đang hát: “Ta là sự sống lại và là sự sống. Ai tin ta thì dù có chết cũng sẽ sống lại, và ai sống mà tin ta thì không phải chết đời đời” - “Góa phụ”, xin lỗi, phải nói cho đúng hơn là “chị ấy” vật vã bên quan tài kêu khóc “Em đã cầu nguyện liên tiếp bao nhiêu ngày mà Chúa có cho anh sống được đâu! Làm sao sống lại đây, anh ơi là anh!” Họ chỉ mới yêu nhau, và trốn cha mẹ dắt nhau sang đây trước khi làm lễ cưới. Chị ấy chưa nhận phép bí tích, chưa hiểu ý nghĩa sự sống lại.”

Ông nhà giáo quên cả tính e dè cố hữu, chen vào hỏi:

“Ở chỗ riêng tư xin hỏi thật Cha: Cha có tin ở sự sống lại không?”

Câu hỏi bất ngờ gây thích thú cho mọi người, kể cả vị linh mục.

Ông chậm rãi đáp, giọng tâm sự:

“Tôi cũng xin thật thà đáp các bạn rằng đức tin đến với tôi không theo đường thẳng, lúc vào chủng viện tôi không đặt câu hỏi ấy. Tôi còn nhỏ tuổi, vào chủng viện hay không, có nghĩa đơn giản là vâng lời bố mẹ hay cưỡng lại. Tôi là một đứa con ngoan. Sau nhiều năm học giáo lý, tôi dần dần hiểu tầm quan trọng của câu hỏi, nhưng câu trả lời còn mập mờ. Nếu tôi tiếp tục ở lại chủng viện, có lẽ lý do chính là tôi sợ làm điều khác thường, điều gây ra tranh luận hoặc tệ hơn nữa là gây tai tiếng. Cuối cùng tôi xác quyết rằng có. Các bạn thấy đấy, nếu không khẳng định với tất cả niềm tin, tôi đã trở thành một người tu xuất rồi.”

Thấy nét mặt viên trung úy có thoáng ngỡ vực, linh mục hỏi:

“Còn anh, anh tin không?”

Trung úy đáp ngay:

“Cha đừng phiền. Tôi không tin. Hình như Feuerbach hay Marx có nói rằng tôn giáo luôn luôn mang tính chất của nữ tính. Tôi không nhớ rõ ai nói vì sau mấy năm, mở kiến thức triết học ít ỏi đã rỉ sét cả rồi. Nhưng câu nói trên thì nhất định đúng.”

Vị linh mục mỉm cười bao dung, lắc đầu chậm chậm:

“Rắc rối đấy. Không tin có sự sống lại thì sẽ không trả lời được nhiều câu hỏi hóc búa mà thiết thân: "Từ đâu ta đến đây? Sống để làm gì? Chết rồi sẽ về đâu? Ý nghĩa của bao nhiêu bất công đau khổ trên quãng đời ngắn ngủi?..."

Viên trung úy không chờ thêm được, cắt lời vị linh mục:

“Những câu hỏi vô ích! Tại sao phải hỏi vậy? Chính cách đặt câu hỏi như thế là dấu hiệu của nữ tính hoặc của tuổi già. Người Pháp có một cách phân biệt tuổi già và tuổi trẻ, sức-mạnh-tự-tin và sự-yếu-đuối-chịu-đựng thật hay. Gặp một bức tường chắn lối đi, tuổi trẻ xem đó là một "Obstacle à franchir", tuổi già lại xem như một "Surface à étudier". Không nên trở lại những điều đã rồi như "từ đâu ta tới đây"? Đau khổ ư? Bất công ư? Hãy gắng thu xếp ngay trong đời này chứ đừng nhờ vả hoặc hứa hẹn lần hồi. Còn cái chết? Tôi đoán được ý Cha: Chỉ có Thiên Chúa ban sự sống nên cũng chỉ có Thiên Chúa mới quyết định sự chết và cho sống lại. Không. Không. Chính con người dựng tượng Chúa thì con người có thể quyết định được cái chết. Điều quan trọng là dám hay không? Tôi cho rằng những người thực sự tin ở mình là những

kẻ dám tự vẫn. Không chọn được lúc và nơi sinh ra, thì ít nhất cũng dám chọn cho mình lúc và nơi chết đi!

Không khí tranh luận có vẻ căng thẳng. Cụ cán sự hồi hưu vội nói:

“Tuổi trẻ thì lúc nào cũng thế, nhưng kinh nghiệm do lớp già chúng tôi thu thập được bằng cuộc đời thăng trầm, không phải đáng vất vả đâu. Chúng tôi đã từng u đầu vì nhiều bức tường cao, nhiều lần vì hăng tiết vịt, rồi mới cẩn thận ”nghiên cứu” nó. Tôi dịch étudier thành chữ ”nghiên cứu”, có đúng không nhỉ?”

Nhà giáo cười lớn rồi bảo:

“Cụ dịch hay lắm. Thâm lắm! Cụ mĩa mai khéo quá! Nhưng ta uống trà đi chứ. Ngụội mất!”

Linh mục chủ nhà nhớ lại phận sự của mình, cười xuề xòa rồi mời:

“Các bạn uống trà đã. Mời cụ, mời anh. Trung úy uống trà đi. Chuyện đâu còn đó. Tôi xin trả lời trung úy về chuyện tự vẫn, sau khi ta thanh toán xong ”ấm” trà này. Xin cụ đừng cười. Tôi vẫn thường khoe với các giáo hữu cái rề-sô tự tạo và cái ”ấm Thiết Quan Âm” đặc biệt HCR này.”

Rán thu xếp mọi sự trong đời này? Ai lại không muốn thế. Tôi cũng mong ước như trung úy. Và tôi tin rằng những con người dùng đồ đá thời tiền sử cũng khao khát ”thu xếp” gọn gàng cuộc đời mình với các phương tiện thô

sơ. Chúng ta không biết họ có tìm được cách nào không, nhưng những di tích khảo cổ tìm thấy chứng tỏ họ chỉ tìm được một nền văn hóa tạm phù hợp với đời sống thực tế, còn những điều khó khăn, họ cũng hèn lùn hồi hay nhờ vả đến thần linh. Từ bấy đến nay biết bao thế hệ đã sống cuộc đời của họ trên quả đất này, và theo chỗ tôi biết, loài người vẫn chưa thu xếp xong. Triết lý, thần học thường nhắc đến chữ ĐẠO. Con đường của nó luôn mời gọi sự khai phá, mời gọi khởi hành. Cho nên những cuộc tranh luận về sự sống và phục sinh khó lòng đi cho đến một kết luận được mọi người công nhận. Con đường “đạo” để cất chân bước và sống trọn với niềm thao thức chân thành, chứ không phải cho kẻ đứng bên lề “nghiên cứu” lạnh lẽo.

Tôi dài dòng như vậy để giải thích vì sao thay vì dùng lý luận, tôi lại kể một câu chuyện để trả lời trung úy. Không. Tôi giới hạn trong vấn đề nhỏ thôi. Vấn đề tự vẫn để xác lập sự cao cả tự tín của con người. Tôi cũng xin nói thêm rằng câu chuyện này tuy có thực nhưng vẫn giống với chuyện tiểu thuyết. Nó không vraie, mà vraisemblable. Tôi xin dịch là “dường như có thực”, được không cụ? Tôi nhấn mạnh hai tiếng “dường như” vì những điều người vợ nói với tôi, các bản thảo, sách vở người chết để lại, quang cảnh căn phòng trên gác xếp lúc tôi đến, cùng những tìm hiểu của tôi sau này qua sách báo ở thư viện đều là những chứng liệu mờ ảo, có thể như thực theo nhận định và khả năng tổng hợp yếu kém của tôi, nhưng chưa chắc đúng là sự thực nếu chính người chết hồi sinh và đứng ra kể lại cách “thu xếp” của mình. Tiện hơn hết các bạn xem đây như một thứ dụ ngôn. Hồi ấy tôi vừa được đổi về giáo xứ X. Công việc của một Cha xứ mới đến giáo xứ lần đầu bề bộn như thế nào, các bạn tưởng tượng được rồi. Tòa giám mục địa phận cho phép vị Cha xứ tiền nhiệm ở lại giúp đỡ, hướng dẫn cho tôi một thời gian, nhưng thú thật, vị ấy đi rồi, tôi cảm thấy bối rối. Giáo dân chiếm một nửa dân số ở vùng này, và vì ở sát một căn cứ Mỹ, nên thành phần dân chúng hết sức phức tạp. Gần giống như một đồng rác vậy.

Nhưng là rác Mỹ còn nhiều thứ phế thải đáng giá, nên ruồi nhặng tứ phương dồn về đây. Gái điếm, ma cô, trộm cắp, buôn lậu, lừa đảo, hối lộ. Tòa giám mục phải đổi vị Cha xứ tiền nhiệm về địa phận khác vì Cha “cứng” quá, muốn

mọi người phải sống đúng theo tinh thần Phúc âm, kể cả các quan chức nên va chạm nặng với chính quyền địa phương. Nhà cửa dựng vôi quanh khu quân sự Mỹ thì luộm thuộm, sặc sỡ một cách lố lổ với đủ thứ bảng hiệu tiếng Mỹ như Steak house, Laundry shop, Bar, Car washing, Room for rent. Các bạn đừng cười, có cả bảng quảng cáo "Beautiful roommate for you" nữa. Theo lời khuyên của Cha tiền nhiệm, tôi bắt đầu tổ chức lại các hội đoàn và bình thường hóa các sinh hoạt phụng vụ. Những giáo dân đến tiếp xúc với tôi, đúng như trung úy nói, hầu hết là đàn bà. Gái điếm bị lính Mỹ bỏ ngang đến cầu cứu Chúa. Mà gái điếm ế khách toan hoàn lương cũng có. Không thiếu những bà mẹ lo lắng thấy con sa vào cám dỗ, hoặc những người vợ xanh xao mất chồng. Cho nên tôi không ngạc nhiên khi đang tập hát cho ca đoàn nhà thờ thì một người đàn bà ốm yếu, mặt hốc hác, mắt thâm quầng hớt hải đến tìm. Tôi nghĩ thầm: "Lại thêm một bà mẹ mất con nữa đây". Người đàn bà vừa gặp tôi đã quì xuống van lơn trong nước mắt:

"Con van Cha! Xin Cha đến ngay cho! Nhà con đang hấp hối. Xin Cha làm phép giải tội cho nhà con!"

Tôi vội đi ngay. Căn nhà ván ọp ẹp nghèo nàn nhưng không thuộc vào loại "ăn xối ở thì" như những Laundry shop, Bar, Room for rent vây quanh. Thoạt nhìn tôi đã đoán chủ nhà thuộc loại công chức nghèo lỗi thời, quyết giữ nếp nên kiên nhẫn đi ngược gió. Loại nhà hạng tiểu công chức ở phố huyện như các bạn thường thấy: Một cửa lớn và hai cửa sổ lá sách không lắp kính, phía trước có hàng rào gỗ thấp ngăn con nít ra đường, bàn ghế gỗ loại chắc và rẻ ở phòng khách, cái tủ chè đựng vài cái ly, bộ chén tách, hộp trà, đôi lọ thuốc cấp cứu gia dụng... Chỉ nội việc giữ nguyên gian phòng khách cổ lỗ bám bụi truyền thống chứ không sửa thành Room for rent cũng đủ chứng tỏ "khuyh hướng bảo thủ" của chủ nhà. Tôi có thiện cảm ngay. Tôi chỉ hơi ngỡ ngợ khi nhìn quanh không tìm thấy bàn thờ Chúa.

Người đàn bà dẫn tôi qua một cửa ngăn có treo tấm màn cửa đã hoen ố cũ kỹ. Gian sau tối om và ẩm mốc. Ngay sau cửa ngăn có một cầu thang bằng gỗ dẫn lên gác xép. Người đàn bà thấy tôi dọ dẫm bước, liền nói:

“Xin lỗi Cha. Để con đi tắt đèn.”

Tôi quen dần với bóng tối nên đáp:

“Khỏi cần. Cha đã thấy rõ các bậc cấp rồi.”

Người đàn bà đi sau vẫn chưa yên tâm, run run nhắc:

“Cha vịn vào thanh gỗ kéo ngã.”

Tôi leo thang chậm chậm, tò mò đưa mắt nhìn xuống phòng sau. Ngoài hai chiếc giường con hẹp màn gối bừa bãi, gian giữa chứa toàn sách là sách. Không có tủ kệ gì cả. Một miếng ván kê lên hai viên gạch, thế rồi trên đó chồng chất so le hết lớp sách này đến lớp sách khác, cao quá tầm người. Tôi khựng lại. Nếu người đàn bà không đẩy lưng tôi giục giã, giọng pha lẫn sợ sệt:

“Xin Cha nhanh cho. Nhà con nằm trên đó.”

Có lẽ tôi đã dừng lại để ngắm khung cảnh lạ mắt bất ngờ ấy rồi.

Lên khỏi thang gác, tôi còn gặp bất ngờ khác lớn hơn. Gác xếp thoáng khí hơn tầng trệt, cũng chồng chất toàn sách. Ánh sáng chiều tà dội từ cửa sổ phía tây nhuộm vàng mọi thứ, kể cả người đàn ông đang nằm ngửa trên sàn gác. Quanh ông, sách vỡ, giấy tờ vất lung tung. Người vợ không dám lên khỏi cầu thang, ló đầu sợ sệt hỏi:

“Thưa Cha, nhà con còn sống không?”

Tôi vội bước đến chỗ người chồng nằm. Người đàn ông đã già, khoảng trên dưới sáu mươi. Hai mắt trợn. Lưỡi thè ra, nước miếng còn đóng bọt hai bên mép. Đứng quần ướt. Tôi đâm hồ nghi. Chăm chú nhìn kỹ chỗ cổ áo, tôi thấy có vết bầm tím xây xát quanh cái cổ xanh xao. Tôi vội ngược lên trần nhà, hy vọng mình đoán sai. Nhưng không. Một đoạn dây thừng còn treo lơ lửng, khẽ lay động khi có gió thổi. Tôi thất vọng, hơi giận khi quay lại nói với người vợ:

“Ông ấy thật cổ tỵ vẫn mà!”

Người vợ đã lên khỏi cầu thang, đứng nép vào vách ván. Đoán được tâm trạng của tôi, bà ta phân bua:

“Nhưng nhà con chưa chết. Hơn nữa, lúc còn sống...”

Người vợ ngập ngừng, rồi dừng lại. Có lẽ bà chợt thấy câu nói của mình có mâu thuẫn vô lý. Tôi cúi xuống đưa tay sờ lên chỗ trái tim người chồng. Không cảm thấy gì cả. Sờ lên tay chân. Còn mềm nhưng bắt đầu lạnh. Khuôn mặt khắc khổ bất động, cái nhìn trợn trừng mờ đục, vừa giận dữ vừa chới với. Tôi quay lại nói dứt khoát:

“Ông nhà chết rồi!”

Người vợ bật khóc nức nở, rồi sụp xuống quì bên cạnh tôi. Giọng bà hối hả thống thiết:

“Con van Cha. Cha hiểu giùm con. Không phải con lừa dối Cha. Lúc con lật bật cắt dây đem nhà con xuống, nhà con vẫn còn thở. Nhà con có làm bầm gì đó, con nghe hình như nhà con muốn xưng tội. Trước đây đôi lần nhà con cũng có ý đó. Thế nào nhà con cũng viết trên bản thảo. Xin Cha tin con. Con van Cha. Xin Cha làm phép giải tội cho nhà con. Con van Cha! Con lạy Cha!”

Nói xong, người vợ khóc lớn hơn. Tình cảnh tôi thật khó xử. Rõ ràng người đàn ông này đã tự ý quyết định cái chết của mình, đã cướp

đoạt quyền năng Thiên Chúa, đã ”dám chọn cho mình lúc chết và nơi chết” như trung úy vừa bảo. Còn cái ý định muốn xưng tội từng viết đâu đó trên tờ bản thảo nào đó nằm lầy lắt khắp góc xép, thì đáng ngờ lắm. Làm sao cho khỏi đi ngược với tín lý? Nếu không có những chồng sách và khung cảnh ”ngược gió” đầy khắc kỷ vừa gây thiện cảm cho tôi, có lẽ tôi đã từ chối dứt khoát từ lúc đầu. Tôi mới về một giáo xứ lạ và phức tạp, các bạn hiểu cho, tôi cần giữ một số nguyên tắc. Tôi do dự chưa biết phải làm thế nào; chỉ vì chất khắc kỷ ấy đã thuyết phục tôi. Cuối cùng khuôn mặt xanh xao thống khổ và đôi mắt van lơn của người vợ khiến tôi nhượng bộ. Tôi hỏi tên thánh của người chồng. Người vợ mừng rỡ cho biết tên Bao-ti-xi-a. Tôi làm phép giải tội. Nhưng làm xong, tôi lại sợ đã làm điều trái với Phúc âm. Hy vọng còn lại của tôi là sẽ tìm được ý muốn xưng tội của người chết giữa đống bản thảo. Tôi đã đoán không lầm. Người chết là một nhà văn, một nhà tư tưởng từng xuất bản nhiều sách và đăng nhiều bài tiểu luận trên tạp chí.

Việc đầu tiên của tôi là hỏi cận kề về nguyên do cái chết. Người vợ được thỏa nguyện nên lấy lại đủ bình tĩnh để nghe và đáp. Cho đến chiều hôm trước, người chồng chưa tỏ điều gì khác thường. Mái tôn rỉ sét, mưa dột vào gian giữa tầng dưới, nên người vợ thấy chồng cặm cụi xếp dọn lại đống sách cũ, không lấy làm ngạc nhiên. Ông xuýt xoa tiếc rẻ những cuốn bị thấm nước hoặc bị mối đục, rồi bê hết những cuốn sách quý có đóng bìa da gáy in chữ vàng lên gác. Cẩn thận hơn, ông đem chiếc ghế đầu theo để làm giá. Những hành động đó bình thường, hoàn toàn bình thường. Người chồng thức khuya, vật vã khổ sở với đống bản thảo. Chuyện đó cũng bình thường nốt.

Điều bất thường duy nhất là buổi sáng, người chồng cứ thắc thỏm chờ đợi cái gì, lâu lâu nhắc người vợ sao đã trưa chưa đi chợ. Người vợ hẹn chiều. Người chồng ậm ừ khó chịu, rồi im lặng... Lúc 2 giờ, người chồng dặn vợ nếu đi chợ nhớ mua cho ông bánh thuốc lào loại 888. Dù thức ăn còn đủ đến sáng hôm sau, người vợ bắt buộc phải ra chợ huyện. Lúc trở về, ông đã thất cổ tự vẫn rồi. Tôi thắc mắc:

“Tại sao chồng sách quý lại đổ vương vãi thế kia?”

Người vợ có vẻ lo âu, ngập ngừng nhìn xác chồng một lúc như ngại người chết nghe thấy, rồi mới đáp nhỏ:

“Nhà con không dùng cái ghế đầu. Nhà con xếp chồng sách cho cao, leo đứng trên đó để...”

Bà liếc nhìn đoạn dây thừng đong đưa, mặt xám xanh, không nói tiếp được. Tôi hiểu. Thật khéo chọn cách chết. Đúng là “cái chết chín chắn hàm súc” của một nhà tư tưởng suốt đời nhọc nhằn với đồng sách vở. Tôi đưa mắt nhìn chiều đổ của đồng sách quý. Đúng lắm. Sách đổ theo một chiều, cái chiều người chồng đã lấy đà ấy ngã chồng sách kê sau khi đưa cổ vào thòng lọng. Tôi tò mò muốn xem những cuốn sách được lựa chọn làm chân đế cho cái chết tự nguyện. Các bạn đoán thử xem những cuốn gì!

Biết vị linh mục muốn áp dụng kỹ xảo của những tay kể chuyện nhà nghề, ưa chọn chỗ hấp dẫn nhất làm phút giải lao, ba người kiên nhẫn chờ nhà tu chậm chậm uống hết ca nước trà. Viên trung úy mất kiên nhẫn trước tiên, nên hỏi vội:

“Ông ta là nhà tư tưởng ư? Cha cho biết tên được không?”

Linh mục đáp:

“Rất tiếc, như đã nói từ đầu, tôi muốn giữ nguyên cái chất vraisemblable của câu chuyện. Những cuốn sách quý tôi tìm thấy ngay dưới chân xác chết là bộ Tứ Thư bằng chữ Hán, Kinh Viên Giác và Lăng Nghiêm do Viện Phật Học Nam Việt xuất bản, bản Đạo Đức Kinh xuất bản tại Hồng Kông, Nam Hoa Kinh do Nhượng Tống dịch, bản dịch kinh Coran bằng tiếng Pháp, bộ Tư Bản Luận của Karl Marx, bộ Luận Về Lịch Sử của Toynbee, cuốn sách mỏng: Bài học lịch sử của Ariel & Will Durant, cuối cùng, dĩ nhiên phải có bộ kinh Cựu và Tân Ước. Trung úy thấy đấy, một người đã bỏ cả đời đọc đi đọc lại bao nhiêu cuốn kinh sách để gắng trả lời các câu hỏi bức thiết “Ta từ đâu đến? Sống làm gì? Chết về đâu? v.v...”, để gắng “thu xếp”. Ông ấy tìm được gì chưa? Lúc đó tôi cũng hỏi như vậy. Tôi quay lục tìm đóng bản thảo bừa bộn. Đọc kỹ các tựa đề và số thứ tự ghi ở góc trên mỗi xấp bản thảo, tôi mới khám phá ra nhiều điều thú vị khác. Không. Các bạn yên tâm. Lần này tôi không bắt các bạn làm thầy bói nữa đâu. Hóa ra đóng bản thảo chỉ có vẻ bừa bộn bề ngoài.

Đọc kỹ, tôi thấy tác giả đã xếp riêng từng khóm, mỗi khóm luận về cũng một loại đề tài. Kỹ lưỡng hơn, trong mỗi loại có xếp thứ tự các bài viết theo thời gian. Bài viết xưa nhất viết năm 1940 về phong trào đấu tranh của thợ mỏ Cẩm Phả. Bài mới nhất “viết” một ngày trước khi tự vẫn, xếp vào loại siêu hình học, chỉ đơn giản là một trang giấy học trò với một dấu hỏi và một dấu than lớn nét run run bằng mực viết nỉ. Tôi đã đoán như thế này, không biết các bạn có đồng ý không. Nhà văn đã chuẩn bị kỹ cho cái chết của mình, chuẩn bị trong sáng suốt và tự chủ. Từ nhiều hôm trước, ông đã lục và đọc lại tất cả những bài mình viết từ gần 40 năm nay, đọc thật kỹ rồi mới phân loại, ghi số. Thu hoạch kết quả suy nghiệm bao nhiêu năm, ông mới “viết” bản thảo sau chót. Một dấu hỏi, và một dấu than. Ông quyết định tìm cái chết. Ban đầu ông định tìm cái ghế đu, và muốn vợ con bạn bè còn ở lại khỏi hiểu lầm, ông xếp chồng sách quý và xấp bản thảo ngay ngắn bên cạnh cái ghế. Nhưng tới lúc leo lên ghế để thắt thòng lọng, nhà văn chợt tìm ra một chân lý.

Những chuẩn bị cẩn thận vừa làm có ý nghĩa gì trước cái chết? Sách quý ư? Nó có giúp ông hiểu gì thêm về cuộc đời? Những điều ông suy luận ư? Nó "thu xếp" được gì cho ông và cho đồng loại? Ông tự thấy lắm cảm. Ông nhắc cái ghế đầu đặt vào góc phòng, quyết định dùng chồng sách thay vào. Còn bản thảo, làm gì bây giờ? Đây mới thực là máu thịt, là mồ hôi nước mắt của đời ông! Ông muốn vất tung tóe cho xứng với dấu than trong bản thảo cuối. Nhưng niềm kiêu hãnh tuyệt vọng của người cầm bút ngăn ông lại. Ông vẫn vất chúng đi, từ trên chồng sách quý. Nhưng vất theo từng xấp, từng loại! Những bài báo và sách của nhà văn về sau tôi tìm đọc ở Thư Viện Quốc Gia xác nhận dự đoán của tôi. Nhà văn đã gặp bế tắc về tư tưởng. Ông hăm hở mở đường, nhưng về già thì gặp tuyệt lộ. Điều đáng yêu (hoặc đáng thương tùy theo lượng bao dung của từng người) là đến phút chót, ông ấy vẫn hy vọng cách chết của mình mang một message, một thứ sứ điệp nào đó."

Cụ cán sự hồi hưu hỏi:

"Rồi Cha có tìm được bản thảo ghi ý muốn xưng tội không?"

Vị linh mục đáp, thật trầm tĩnh:

"Có, tôi tìm ra ngay."

Đoán biết ba người bạn chờ đợi, linh mục tiếp:

"Tôi tìm ở dấu than của bản thảo cuối cùng."

Điều dễ đoán là ngay sau khi vị linh mục dứt lời, viên trung úy giành nói trước:

“Xin Cha đừng buồn. Tôi xin nói ngay là tôi không đồng ý với cách suy luận của cha. Cha vừa nói hành động cuối cùng của nhà văn đó đáng yêu hoặc đáng thương tùy theo lượng người. Nếu tôi không lầm, cha cho là đáng thương chứ gì? Tôi cho thật đáng yêu! Đáng kính! Cha đã lầm lẫn ở một số điểm quan trọng thuộc phương pháp suy luận. Tuy cha có cẩn thận không dám xác định câu chuyện vừa kể là có thật, là vraie, mà chỉ vraisemblable, dường như có thật. Còn xa với ”dường như có thật” lắm lắm! Cha quan sát khung cảnh gác xếp để tưởng tượng ra diễn tiến cái chết, rồi dùng các bản thảo đọc vội lẩn sách báo do người chết viết để kiểm chứng. Phương pháp ấy không thể tái tạo sự thật được. Này nhé, những gì chúng ta cảm thấy, nghĩ ra phần lớn đều mông lung, phức tạp. Khi định được ý, ta đã loại bỏ không thương tiếc một số yếu tố không phù hợp với lý trí, hoặc ước lệ xã hội. Rồi từ lúc định ý cho đến lúc viết thành chữ, ta lại phải đơn giản hóa, hệ thống hóa để người khác hiểu được. Chữ viết là một thứ đồ nguội, tệ hơn nữa, một thứ đồ hộp có chỉ dẫn tỉ mỉ cách pha chế cho tiện lợi đối với kẻ phàm tục lưỡi biếng.

Cái nóng hôi hổi đang bốc hơi, cái còn chảy máu không thể diễn ngay thành chữ. Cho nên đọc những gì người ta viết để tìm hiểu họ là điều đáng ngờ. Nếu vạn bất đắc dĩ không có cách nào khác thì chỉ nên tin những gì họ viết vào ba thời điểm sau đây: Thứ nhất là những tác phẩm thời niên thiếu, lúc họ chưa nổi danh nên chưa tự uốn nắn bản ngã vì cái hào quang giả tạo. Tôi tin những gì Marx viết lúc còn trẻ giá trị gấp mấy trăm lần bộ Tư Bản Luận. Thứ nhì là những gì họ viết lúc về già. Khổng Tử thú nhận đến 70 tuổi mới hiểu đôi chút về lễ Dịch. Có lẽ lúc ấy, ”Ngài” nhớ lại cái thời cảm cú san định Thi, Thư, Lễ, Nhạc, sẽ không khỏi đỏ mặt vì lầm cảm quá. Thứ ba là những gì họ nói họ viết lúc rong chơi. Rong chơi thì khỏi cần làm dáng làm bộ với ai nữa, có nói điều gì cũng khỏi sợ đồ đệ chộp lấy ghi thành kinh lưu cho hậu thế. Con người thật của Khổng Khư chỉ hiện ra khi ông ao ước thấp lè tè, ao ước

được tắm một phát ở sông Nghi, hóng mát ở đền Vũ Vu, rồi dang tay hát nghêu ngao mà về. Ngoài ba thời điểm đó ra, những gì một người viết đều có tính cách bất thấu quang, đều opaque. Nhưng thôi cứ tạm nhận như ý cha, là ông ấy tuyệt vọng trước khi tự vẫn đi. Con người ở cảnh tuyệt lộ đã đáng thương chưa? Thưa cha, chưa. Ngược lại, ngay trong trường hợp bế tắc, tuyệt vọng, cái chết tự ý vẫn hết sức cao cả. Bắt chước cha, tôi xin kể một câu chuyện có thực.”

Vị linh mục bẻ lại:

“Có thực theo tiêu chuẩn gì? Theo những điều anh nghe, hay theo lời đồn đại?”

Trung úy đáp:

“Theo những điều tôi thấy. Cha yên tâm, tôi cố gắng hạn chế các suy luận chủ quan, để chỉ còn những dữ kiện thô, chưa trau chuốt. Hồi ấy vòng phòng thủ cuối cùng ở Xuân Lộc đã vỡ, Sài Gòn ở trong tình cảnh tuyệt vọng hoảng loạn. Ông Thiệu từ chức giao ghế cho cụ giáo già sau khi hứa sẽ ở lại với "anh em binh sĩ" chiến đấu đến đồng đô la cuối cùng. Không biết cụ giáo có chống gậy lên Tân Sơn Nhất tiễn gia đình người bạn chiến đấu hay không; có lẽ cụ mệt quá, chán cho nhân tình thế thái không hợp lẽ Quốc Văn Giáo Khoa Thư quá, nên cụ vội trao ghế cho Big Minh. Ông Minh vợ đầu này đầu kia vẫn không đủ người lập nội các, định gọi điện thoại mời ai thì đã nghe chị sen anh tài xế người đó đáp là ông chủ đã xách va-li lên Tân Sơn Nhất rồi. Kẹt nhất là Bộ Quốc Phòng. Giao cho ông tiến sĩ luật cái bộ súng đạn, Big Minh không yên tâm chút nào. Chất nổ, xe tăng, máy bay đâu có chịu học luật! Nhìn quanh chỉ toàn các tướng về vườn lâu nay chuyên mở tiệm nháy đêm, nuôi gà, làm thầu khoán. May còn có "anh cả Trường Sơn" dòng dõi hoàng tộc để giao khoán cái Tổng Tham Mưu. Anh cả lên ti-vi chửi bọn chuột nhắt hèn nhất không lo đánh đấm mà chỉ lo trốn, rồi ngay hôm sau, chính anh cả cũng làm chuột nhắt. Ở các bến tàu, sân bay, thiên hạ

chen chúc nhau, nếu cần dầy xéo chém giết nhau để tìm một chỗ ra đi. Lính rã ngũ vất quần áo súng đạn đầy hai lề xa lộ, chỉ mặc độc cái quần đùi thất thủ qui cố hương. Cướp bóc lan tràn khắp phố phường. Cái cảnh chợ chiều ấy, các bạn đã chứng kiến tận mắt, tôi khỏi cần phải dài dòng.

Tôi chỉ nhắc sơ lược để lưu ý các bạn rằng hồi ấy chúng ta hoang mang cùng cực, không có lấy một chút gì để tin tưởng nữa. Cùng thất trận, nhưng chúng ta khác xa với tình cảnh dân tộc Đức và Nhật năm 1944, 1945. Họ còn được niềm kiêu hãnh. Các sĩ quan Nhật mổ bụng tự vẫn với lương tâm bình yên và một niềm tự hào ngút ngàn. Chúng ta hồi đó có gì? Không có gì cả. Ngoài lòng trung thực ra, chúng ta không có gì làm vốn để dám lên ti-vi chửi bới "lũ chuột nhắt", mà cũng không đê tiện đến nỗi chửi xong vội vã cuốn gói ra đi. Không biết các bạn thế nào, thú thực hồi ấy, tôi dùng dằng bất quyết. Ra đi thì không muốn. Ở lại thì e ngại. Cuối cùng phải tìm đủ lý luận để trấn an mình. Nào là mình chỉ là hạng sĩ quan nhép ngồi bàn giấy, không tội tình gì phải lo sợ. Nào là thà làm cái xác chết bón cho cây Việt Nam hơn là làm kẻ tha hương lơ láo! Đất nước thống nhất rồi, Nam Bắc một nhà, bây giờ ta có dịp "nối vòng tay lớn". Một ông bạn thi sĩ của tôi làm ngay bài thơ tả khoái cảm lúc ngồi xe lửa hạng nhất có couchette đi du lịch từ Sài Gòn đến tận "Mục Nam Quan", đến mỗi ga vẫy tay chào những người anh em thân ái, đùa với em bé, hàn huyên với cụ già, tay bắt mặt mừng với đôi mắt rướm lệ.

Chung chung thì bọn chúng ta đều lãng mạn như vậy cả. Hoặc bỏ ra đi, hoặc ở lại với cái "mộng thanh bình". Không như Nhật năm 1945, rất ít người nghĩ đến chuyện tử tiết! Tử tiết để làm gì? Cho ai? Cho những ông tướng chiến đấu đến đồng đô la cuối cùng à? Hay cho cụ giáo? Cho ông Minh? Phải có một niềm tin sắt đá vào cái gì đó, hoặc một niềm kiêu hãnh cao cả nào đó, người ta mới tử tiết được chứ! Cho nên tôi hết sức kinh ngạc khi nghe tin một số tướng tá ở Vùng 4 đã tự vẫn chết, sau khi căn dặn cấp dưới chuẩn bị kỹ thuật "bàn giao" theo lệnh tân Tổng Thống. Người dễ dãi vô tư tiếc rẻ giùm họ. Việc gì tự làm khổ thân thế! Sao không khôn ngoan như anh cả Trường Sơn? Người ưu tư thì hoang mang. Nhưng bao nhiêu chuyện đổi đời dồn dập đến sau 30 tháng Tư 75 khiến thiên hạ không còn tâm trí đâu

ngĩ đến họ nữa. Lâu lâu nhớ lại, họ thấy thương, và phục, một cách mơ hồ thuần cảm tính.

Nếu không tận mắt chứng kiến một cái chết tương tự, có lẽ tôi cũng giống như bao nhiêu người khác. Hôm ấy là ngày 2 tháng Năm 75, ba anh em tôi, một đứa Hải Quân lái tàu tuần duyên ở Nha Trang, một đứa phi công AD6, một đứa Chiến Tranh Chính Trị Quân Đoàn I, may mắn đoàn tụ ở Sài Gòn trước ngày 30 tháng Tư, sáng hôm ấy mở cả caisse Champagne (Champagne dân hôi của khuôn từ kho lương thực Mỹ ở quân cảng về bán rẻ ở chợ Tân Định, mỗi chai 300\$), cắt nguyên một cái đùi jambon (cũng nhãn hiệu Mỹ cùng xuất xứ) ra nhậu mừng hòa bình và đoàn viên. Chúng tôi hân hoan, "hồ hởi" chờ đợi một ông anh tập kết ra Bắc năm 1954 sắp về. Thằng em Hải Quân định về Cần Thơ mua vườn, đào ao nuôi cá. Thằng lái AD6 muốn lên cao nguyên khai hoang, hai vợ chồng sẽ sắm đôi ngựa để chiều chiều thẳng yên phi trên đồi cao nhìn xuống cảnh thung lũng như những lúc nhìn từ buồng lái AD6. Thật khôi hài mà cũng thật cảm động! Nhậu xong, chúng tôi dứt khoát với quá khứ bằng cách đem hết đồ nhà binh, thẻ bài, mũ mấn cân đai ra hỏa thiêu. Mẹ chúng tôi cười chảy cả nước mắt.

Thôi, thế là từ nay hết thắc thỏm lo âu mỗi khi nghe tin chiến sự! Qua được bao năm bom đạn mà lũ con trai còn trở về đầy đủ, chẳng những thế, không đứa nào bị thương tật, còn phước nào lớn hơn! Chúng tôi đèo nhau trên hai chiếc Honda đi xem phố xá. Cờ đỏ, khẩu hiệu vải đỏ, bảng cơ quan nhà nước màu đỏ. Ở đâu cũng đỏ ối. Ở đâu cũng chói lòa. Chúng tôi ra đường Lê Lợi. Người chật như nêm. Xe hơi, xe Honda phun khói mù mịt, chờ thật lâu ở các ngã tư mới nhích được một bánh. Người đi bộ thì xúm quanh các toán bộ đội, xe tăng. Thấy đi xe bất tiện quá, chúng tôi gửi xe đi bộ. Mệt, khát, tôi đề nghị vào Givral tìm cái gì để uống. Hai đứa em đồng ý ngay, nhưng trong tiệm kem cũng chật cứng. Các bạn nhớ, dân Sài Gòn hồi đó vung tiền qua cửa sổ vì những cuộc nhậu nhẹt lu bù. Sợ chẳng mấy chốc tiền cũ không xài nữa, hoặc nghe nói cách mạng chủ trương sống tiết kiệm khắc khổ, không ăn bây giờ về sau lại tiếc. Tìm không ra ghé, chúng tôi qua công viên trước

Quốc Hội đứng đợi. Hai pho tượng Thủy Quân Lục Chiến vẫn chỉ súng vào cái nhà hát vắng đèo kếp. Tôi đang trở lên ngọn cây trước Quốc Hội bảo các em:

“Nếu những cây này biết nói và viết, thì chắc chúng đã trở thành những nhà viết sử tài ba.”

Thì một người đàn ông khoảng 40 tuổi mặc áo mưa màu xanh đậm loại Không Quân đến gần chúng tôi. Cậu lái AD6 tưởng gặp một xếp lớn cùng binh chủng, sửa lại thế đứng để chờ chào theo thói quen quân kỷ.

Nhưng không! Người đàn ông không quen biết gì với chúng tôi cả. Qua khỏi ghế đá chúng tôi ngồi, ông ta tiến đến chỗ bục đặt tượng, ngược nhìn hai anh Thủy Quân Lục Chiến một lúc. Thằng em Hải Quân của tôi khô hài:

“Chắc là một người anh em vừa từ Bắc vào!”

Tôi hỏi:

“Sao biết?”

“Trời bức người đông thế này mà mặc áo mưa là một sự lạ. Loại áo nhà binh này, dân Sài Gòn đang giấu hoặc đốt đi không ai dám mặc. Chỉ có ”người anh em” vừa mua được chiếc áo tốt mới dám mang đi khoe phố mà thôi!”

Chúng tôi cười, phục đưa em thông minh. Người đàn ông khác thường trở thành mục tiêu quan sát của chúng tôi. Ông ta đứng nhìn hai pho tượng khá lâu, rồi nhìn quanh như có ý chờ đợi ai. Nét mặt ông khắc khổ, lo lắng.

Tôi đoán ông đi lạc, không biết đường về cơ quan. Nếu không có lòng tự ái của kẻ thua trận, có lẽ tôi đã tiến tới gần chỉ dẫn giùm lối về cho người anh em rồi. Làm thế thì còn mặt mũi nào! Mới hai ngày đã sợ sệt quò lụy với kẻ chiến thắng đến thế sao! Hai đứa em tôi cũng nghĩ như vậy, nên cả ba chúng tôi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ.

Người đàn ông nhìn quanh quất một lúc, rồi đứng nghiêm, nhìn thẳng về phía Quốc Hội. Ông ta mở cái gói giấy từ đầu vẫn kẹp ở nách bên phải ra. Hình như tay ông hơi run. Chúng tôi càng tò mò hơn. Đang cúi xuống mở nút dây buộc, đột nhiên ông ngược lên nhìn thẳng về phía chúng tôi. Ánh nhìn đầy thẳng thốt ngỡ vực. Tôi sợ ông ta khó chịu vì chúng tôi tò mò, nên nhìn tránh đi nơi khác. Hai em tôi cũng vậy. Lúc tôi quay lại, đã thấy ông ta đội cái mũ kết sĩ quan lên đầu và đang cởi hàng nút cái áo mưa. Lạ thật! Ông ta điên chăng? Vài người dạo phố bắt đầu tò mò thắc mắc như chúng tôi. Người đàn ông cởi áo mưa thật nhanh, và khi ông ta vắt chiếc áo mưa xuống, chúng tôi đều sững sờ:

Ông ta mặc nguyên bộ lễ phục của sĩ quan chuyên nghiệp đào tạo từ trường sĩ quan cảnh sát, với quân hàm trung tá vàng chói. Không để cho chúng tôi ngạc nhiên lâu hơn, ông đứng thẳng người, mắt nhìn thẳng về hướng Quốc Hội, và rút súng lục từ quần ra tự bắn vào đầu. Tiếng súng nổ nhỏ thôi, nhưng ba anh em chúng tôi đều bàng hoàng sợ hãi. Tôi bật đứng dậy. Viên trung tá ngã ngửa ra, nằm thẳng, đầu hướng về phía Quốc Hội. Thân ông oằn lên một chút, rồi nằm trở lại thế ngửa, hai chân dãn ra. Hình ảnh cuối cùng tôi thấy được là hai chân người hấp hối cố gắng... cố gắng hết sức để khép lại cho đúng thế nghiêm.

Người hai bên phố ùn ùn kéo đến. Chúng tôi sợ rắc rối nên chạy qua phía Givral, cố tìm cho được một chỗ để vừa giải khát cho đỡ hồi hộp vừa quan sát tiếp chuyện sắp tới. Khách đã bỏ đi nhiều nên cả ba chúng tôi tìm được chỗ ngồi. Nhưng có ai dọn kem cho chúng tôi đâu. Bên kia cửa kính hiệu kem sang trọng có máy lạnh, chúng tôi chỉ thấy toàn lưng với lưng. Có tiếng xe cứu hỏa hú còi. Đám đông sợ hãi chạy dạt xa hai pho tượng. Nhờ thế, tôi

mới thấy xác viên trung tá đã được phủ bằng một tấm vải trắng. Tấm vải hơi ngắn, nên chỉ phủ được thân người và cái đầu.

Đôi chân người chết khép chặt, mũi giày thẳng lên bầu trời đúng theo thể nghiêm. Về sau tôi được biết tấm vải là cái khăn phủ bàn của hiệu kem Givral.”

Ông giáo nghe đến đó, cảm động kêu lên:

“Thật là oái oăm! Tại sao có sự trùng hợp kỳ lạ vậy?”

Vị linh mục hỏi:

“Ông nói gì thế? Cái gì trùng hợp?”

Ông giáo ngồi chờ cho bớt xúc động rồi đáp:

“Phải. Đúng là một sự trùng hợp oái oăm! Cha thử tưởng tượng xem.

Trên tấm khăn trải bàn hiệu Givral ấy, đã dính bao nhiêu nước mồm nước dãi của bọn đào kép từng gấu ó nhau trong cái nhà hát lớn. Đứa này tố đứa kia buôn thuốc phiện. Đứa kia tố đứa nọ buôn lịch cở truồng. Đứa ngụy hòa, đứa thân Cộng. Đứa bảo không có đàn ông làm sao có đàn bà. Đứa bảo không có đàn bà làm sao có đàn ông. Đứa đòi quyền đái ngoài đường. Đứa đòi thừa nhận con hoang. Tấm khăn bàn ô nhục ấy phủ được khuôn mặt và thân thể người chết, nhưng có phủ được đôi chân nghiêm chỉnh đâu. Viên trung tá tự vẫn trước Quốc Hội vì còn nghĩ khi kéo qua Givral giải lao, chúng

chỉ làm bản được tấm khăn liệm nhỏ xíu. Chúng không lấy thúng úp voi được!”

Anh trung úy không ngờ câu chuyện kể của mình có ý nghĩa lớn lao như vậy, đổ mặt vì sung sướng lẫn ngỡ ngàng. Anh thêm tự tin khi nói tiếp:

“Câu chuyện của tôi chỉ có vậy, thưa cha. Chỉ là một số những ghi nhận còn thô, xù xì không trau chuốt. Tôi không dám nhận cách suy diễn lý thú của bạn nhà giáo, vì nó tượng trưng quá. Tôi chỉ nghĩ đơn giản thế này: Dù ở trong hoàn cảnh tuyệt vọng, hành động tự sát của ông trung tá vẫn xác định trọn vẹn được ý nghĩa cuộc đời mình. Cha từng hỏi: Sống để làm gì? Vâng! Tôi ”thu xếp” câu hỏi đó lại, thành câu trả lời này: Không thể chấp nhận được cuộc sống không có ý nghĩa! Một tên đánh thuê có lẽ sống của tên đánh thuê. Kẻ phiêu lưu tìm ý nghĩa trong tư tưởng chủ não: Điều quan trọng không phải ở chỗ vì sao ta bỏ đi, mà ở chỗ cái mới ta sẽ tìm thấy. Cái chết của viên trung tá khiến tôi liên tưởng đến cái chết của Mishima, tác giả Kim Các Tự. Dường như (xin Cha nhớ cho đây là lần đầu tôi dám nói một điều ”dường như có thật”), dường như trung tá muốn nhắn với bạn bè và kẻ thù của ông rằng: Tuy thất bại, ông vẫn phải được kính nể như một địch thủ nghiêm chỉnh. Một cách ”thu xếp” cuộc đời trọn vẹn đấy chứ, thưa cha!”

Hai người đã phát biểu ý kiến của mình. Nhiệt tín của nhà tu, lòng đam mê tự tin của tuổi trẻ, cộng với sự quá khích háo thắng thường thấy trong các cuộc tranh luận, đã khiến vô tình họ trở thành những người đối địch không khoan nhượng. Những tiếng ”thu xếp”, ”dường như là có thật” trao qua trả lại hoài, cuối cùng thành tiếng mĩa mai. Vị linh mục và trung úy cũng nhận thấy điều đó, nên sau khi trung úy dứt lời, linh mục mỉm cười gật gù, tỏ ý chấp thuận một phần không nhỏ lập luận của đối thủ.

Tuy thế cụ cán sự hồi hưu vẫn chưa yên tâm. Cụ thích sự hài hòa, ghét tất cả cái gì quá khích. Cho nên cụ sợ vị linh mục lại sắp nhập cuộc. Thấy nhà tu im lặng mỉm cười, cụ lại hiểu lầm rằng linh mục muốn biểu lộ lòng rẻ rúng,

khinh khi. Cụ muốn xoay câu chuyện sang phía dễ dãi. Cụ cán sự hồi hưu hỏi ông giáo:

“Hồi trước ông làm gì mà thông thạo sinh hoạt ở Quốc hội đến thế?”

Ông giáo đáp:

“Trước tôi dạy học. Trường Nguyễn Trãi bên Khánh Hội, cụ biết chứ?”

“Vâng. Tôi có mấy đứa cháu cũng học ở đấy. Ông siêng đọc báo lắm nhỉ?”

“Không có đâu ạ. Bị bắt buộc đấy!”

“Sao thế?”

“Mấy năm Mỹ qua, vật giá lên cao quá. Đồng lương giáo sư không đủ sống. Nhà tôi lại hẹp, không có phòng nào dư để sửa thành ”Room for rent”. Vì thế, tôi xin thôi dạy, ra làm quản lý trị sự cho một tờ nhật báo.”

Biết thế nào ba người cũng hỏi, nhà giáo tiếp luôn:

“Báo Tranh Đấu, chắc cụ và cha có đọc. Trung úy thì tôi không dám hỏi, vì báo tôi ”già” lắm, thuộc phái thủ cựu. Tôi có cậu em rể làm chủ bút, nên giới thiệu giúp cho. Sau ”giải phóng”, tôi khổ sở vì tờ báo liên miên.”

Trung úy hỏi:

“Sao thế?”

“Tờ Tranh Đấu bị xếp vào loại phản động, mập mờ vuốt ve giới lao động mà thật sự là CIA của Mỹ. Các ông ấy bảo vậy. Khốn nỗi chủ nhiệm, chủ bút, các biên tập viên chính đều ra đi cả, còn trơ một mình tôi ở lại. Tôi trở thành đầu têu của một ”cơ quan tình báo” núp sau hoạt động báo chí. Cho đi tù là phải!”

Mãi đến lúc đó, ba người mới biết nhà giáo hiền hòa ít nói đã từng nếm mùi tù đầy khá lâu. Cụ cán sự hồi hưu hỏi:

“Ông bị bắt năm nào?”

“Năm 1976. Đợt hơn 200 nhà văn nhà báo bị bắt một lượt sau vụ nổ plastic ở công trường Con Rùa.”

Trung úy vội hỏi:

“A, như vậy cùng một lượt với Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Hồ Hữu Tường, Mai Thảo, Duyên Anh chứ gì?”

“Phải. Nhưng Mai Thảo thoát được, mãi về sau mới trốn khỏi Việt Nam qua Mỹ.”

“Nghe nói có cả Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương?”

“Thanh Tâm Tuyển trình diện học tập theo sĩ quan chế độ cũ. Còn Vũ Hoàng Chương bị bắt trước đó vì một bài thơ.”

Ba người bạn của ông giáo không ngờ tìm được một người am tường giới văn nghệ báo chí như vậy, họ thay nhau hỏi ông giáo đủ thứ chuyện.

“Vào đó họ tách riêng ra hay nhốt chung với ngục quân ngục quyền?”

“Không. Ngục quân ngục quyền được ”hưởng” chế độ học tập cải tạo, đầu tiên thuộc quân quản. Chúng tôi là tù 100% với đầy đủ lệ bộ: Trát tổng giam của Bộ Nội Vụ, khám xét nhà, công số 8, xe đưa rước đến tận xà lim...”

“Họ nhốt ở đâu? Chí Hòa à?”

“Đầu tiên ở Phan Đăng Lưu, trước mặt chợ Bà Chiểu đó. Sau một thời gian họ phân loại, mỗi người mỗi ngả.”

“Họ phân loại cách nào?”

“Họ phân loại sẵn từ trước. Các bạn nhớ là mãi 1976 họ mới bắt. Như vậy ngoài tài liệu sách báo có sẵn trước 1975, họ còn hơn một năm để tìm thêm tài liệu, thu thập các bản báo cáo của kẻ nằm vùng, dân xu thời nịnh hót, kẻ sợ hãi thái quá. Quá đủ thời gian để họ tính sổ nợ. Ngành nào tính sổ nợ ngành ấy. Có lẽ văn nghệ báo chí là ngành phức tạp, nên tính có hơi chậm.”

“Rồi họ hỏi các ông những gì?”

“Họ hỏi ít thôi. Chỉ bắt chúng tôi nghe thì nhiều.”

“Thì vẫn những bài bản quen thuộc ”Đất nước ta giàu đẹp, nhân dân ta anh hùng”. ” Tình hình và nhiệm vụ mới”, ”Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng...”

“Không. Họ xem chúng tôi như những tên ”biệt kích nguy hiểm” trên mặt trận tư tưởng, nên muốn phanh phui cho ra ”âm mưu thâm độc của Mỹ Ngụy trên mặt trận văn hóa văn nghệ”. Nào cuộc đấu tranh quyết liệt giữa phe đế quốc tư bản với lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới; nào chính sách toàn cầu của đế quốc Mỹ. Chính sách ấy áp dụng riêng ở Việt Nam như thế nào, Mỹ đã ra lệnh cho ngụy quyền Sài Gòn làm những gì. Bọn chóp bu ngụy quyền nhận lệnh quan thầy Mỹ rồi ra lệnh cho bọn bồi bút ra sao. Cuối cùng đến phần chúng tôi: Viết bài báo đó theo lệnh tên CIA nào? Được trả bao nhiêu đô la? Cuốn truyện, bài thơ đó xuất bản đúng lúc Mỹ đang chủ trương ”thay màu da cho xác chết” tức là ”Việt Nam hóa chiến tranh”. Giả vờ chống Mỹ, giả vờ đề cao tình tự dân tộc để phục vụ chính sách đó phải không? Đại khái chúng tôi nghe những lời như vậy. Cả một hệ thống lập luận đồ sộ từ chủ thuyết triết học ”khoa học và tiên tiến” nhất. Nhờ nó mà cái âm mưu thâm độc nham hiểm về văn hóa văn nghệ của Mỹ bị vạch trần. Bọn bồi bút biệt kích các anh đã làm gì trong âm mưu ấy?”

“Rồi ông trả lời ra sao?”

“Tôi ngớ ra, miệng há hốc chẳng hiểu gì cả. Chẳng hiểu mà không dám hỏi, không dám cãi, vì cái hệ thống luận lý đồ sộ quá, tôi hãi hùng. Trời hỡi! Té ra việc bỏ dạy, làm kế toán kiếm thêm tiền chợ cho ”má bầy trẻ hài lòng” của tôi nằm trong một âm mưu thâm hiểm và bao quát cả toàn cầu! Tôi một mực kêu oan với cán bộ chấp pháp, thưa tôi chỉ lo trị sự kế toán như chạy mua giấy, trả tiền nhà in, trả nhuận bút theo phiếu chi của tòa soạn, nhận tiền đăng quảng cáo... Họ khó chịu, bảo tôi vung tiền ra thuê bọn bồi bút viết

chửi cách mạng, tức là một thứ cai thầu văn nghệ mà còn kêu oan. Họ hỏi ai ra lệnh cho tôi thôi dạy để gài vào tòa báo, núp bóng sau cái dạng một thầy ký lẩm cẩm. Tôi bảo tôi chưa lẩm cẩm, và chính vợ tôi gài tôi vào tòa báo. Họ bực quá, đuổi tôi về xà lim. Hai tháng sau, tôi gặp một cán bộ chấp pháp khác, chuyên viên về văn hóa văn nghệ thực dân mới được biệt phái qua Bộ Nội Vụ để tìm hiểu, làm việc với chúng tôi. Anh này còn trẻ, ăn nói nhã nhặn, vừa hỏi vừa mời tôi hút thuốc thơm Phù Đổng.”

“Anh ta có nói gì khác không?”

“Khác chứ. Anh ta nói có sách mách có chứng. Anh đã đọc kỹ từ số 1 đến số 1092 của nhật báo Tranh Đấu, từ bài xã luận cho đến mục rao vặt. Anh ta phân tích cho tôi thấy các bài xã luận đã chuyển mục tiêu trong từng giai đoạn như thế nào, và các giai đoạn đó phù hợp với ba giai đoạn ”chiến tranh cục bộ, chiến tranh toàn diện và Việt Nam hóa chiến tranh” trong sách lược xâm lăng của đế quốc Mỹ ra sao. Kỳ diệu hơn nữa là ngay cả mục rao vặt cũng biến đổi theo ba thời kỳ. Cũng may cho tôi là...”

Nói đến đó, nhà giáo ngừng lại, cười bẽn lễn. Vị linh mục hỏi:

“May là ông được trắng án chứ gì?”

“Trắng sao nổi! Không phản động thì nguy hòa. Không nguy hòa thì nguy dân tộc. Không nguy dân tộc thì đổi trụ. Không đổi trụ thì nhảm nhí. Mà nhảm nhí, đổi trụ, nguy dân tộc, nguy hòa lại là hình thức tinh vi hơn của phản động. Chạy trời không khỏi nắng đâu!”

“Thế thì may cái gì?”

“May cho tôi là có mấy lần thằng em rể giận vợ hay cầm rằm chuyện tiền nong, bỏ sở lên Đà Lạt chơi mấy ngày liền. Chủ nhiệm than quá, bắt tôi gánh mấy kỳ xã luận. Tôi phải đem báo cũ ra xào nấu chấp vá đến toát mồ hôi.”

“Nguy rồi. Chắc họ chất vấn dữ lắm?”

“Không. Tôi đề tên em rể tôi. Tòa báo nào cũng vậy, ai viết mặc, nhưng cứ đề tên một số người có thể, cho đỡ rắc rối.”

Nhà giáo lại đỏ mặt lên, ấp úng thú nhận:

“Mấy bài báo đó bị anh chấp pháp chuyên viên cho là quan trọng, trích dẫn tùm lum tà la mới chết chứ! Anh ta bảo nó báo hiệu bước chuyển tiếp từ: “khuyh hướng phản động trực diện” của tờ Tranh Đấu qua “khuyh hướng nguy dân tộc”.

“Ha ha! Ông viết gì trong đó mà quan trọng thế?”

“Hôm ấy kỷ niệm giỗ tổ Hùng Vương. Tôi xào nấu lại bài “Cảnh quê hương đẹp hơn cả” trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư học hồi còn nhỏ.”

Cả bốn người đều cười. Cụ cán sự hồi hưu nhận xét:

“Ông chỉ nhún nhường giấu mình, để khôì hài cho vui đấy thôi! Nghe ông luận giải từ cái khăn trải bàn hiệu kem Givral ra bao nhiêu lời chửi xéo bọn đào kép nhà hát lớn, tôi biết ông thâm lắm. Viết xã luận, phải biết!”

Nhà giáo vội nói:

“Cụ dạy quá lời!”

“Không quá lời đâu. Ông đừng vờ vịt. Tôi phải bắt ông trả nợ. Cha và anh trung úy đây đã phát biểu về chuyện tự vẫn. Bây giờ đến lượt ông.”

“Đâu dám qua mặt cụ.”

“Tôi đã có ý kiến rồi, nhưng để sau cùng. Ông nói trước đi.”

Nhà giáo không có cách nào thoát, đánh làm mặt nghiêm, và nói:

“Vâng. Tôi phải rán nói vậy. Kể lan man phất phơ, chứ lý luận chặt chẽ thì chịu thua thôi!”

Hồi đó trong trát bắt gian chúng tôi, Bộ Nội Vụ có ghi rõ hình phạt tập trung cải tạo ba năm. Hai chữ "cải tạo" thì anh em chúng tôi đều hiểu cả. Còn "tập trung" thì chịu! Hiểu theo nghĩa đen, chúng tôi an ủi nhau: "Thôi có anh em quen biết, có bó chân bó cẳng thì cũng còn có người đồng cảnh ngộ hàn huyên đỡ buồn. Tập trung chứ có phải biệt giam đâu! Nghĩ thế nên mới vào Phan Đăng Lưu, tôi yên lòng. Sau một thời gian chơi với vì hệ thống lập luận đồ sộ tôi vừa nói, tôi dần dần làm quen với cuộc sống mới. Riết rồi cái gì cũng quen, chắc các bạn đều đồng ý với tôi như vậy. Thời gian qua mau, thoáng một chốc đã đủ ba năm. Chúng tôi có một cách lập luận lảm cẩm nhưng hữu hiệu: Trước kia với bao nhiêu hiểu biết và ràng buộc của một người thường thường bậc trung, mình chỉ có thể làm như vậy, bây giờ mình trả nợ như vậy cũng đúng thôi. Lúc vui, chúng tôi còn bắt chước cách nói của giám thị hoặc cán bộ chấp pháp, thường đùa với nhau: Trước gây tội lỗi như vậy vì mù mờ, "phải thôi", bây giờ chịu tập trung cải tạo, "tốt thôi"!

Có thể nhiều bạn bè bên ngoài hoặc đã ra đi chờ đợi ở chúng tôi những hành động ngoạn mục, lắm liệt, đại khái như cái chết của viên trung tá, trung úy vừa kể. Tôi nghe nói ở Sài Gòn người ta loan truyền khá nhiều huyền thoại, theo ước mong của thiên hạ chứ không theo thực tế. Vài người trong chúng tôi được choàng vòng hoa kiêu đó. Nhưng là người trong cuộc, tôi xin thành thật nói ngay rằng sự lương thiện không cho phép ai nhận bừa vòng hào quang. Các bạn tính, chúng tôi có gì đâu để tỏ ra lắm liệt? Trung úy vừa bảo lúc ấy giới nhà binh hoang mang tuyệt vọng, không có lấy một thần tượng hoặc một niềm tin để kiêu hãnh. Giới chữ nghĩa chúng tôi cũng vậy. Tuy cùng cầm bút, nhưng chúng tôi khác biệt nhau về tuổi tác.

Rồi do tuổi tác mà cách tham dự hoặc nhận định về lịch sử khác hẳn nhau. Lớp dẫn mình vào cuộc kháng chiến chống Pháp ở tuổi đôi mươi rồi vỡ mộng vào thành như Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến, vừa ấp yêu thời kỳ kháng chiến như một kỷ niệm đẹp, vừa viết văn chống Cộng. Lớp trẻ lớn lên sau Hiệp định Genève tán đồng huyền thoại kháng chiến của đàn anh nhưng khó chịu khi đọc văn chống Cộng của họ, thậm chí họ lắm cảm. Lớp trẻ hơn nữa dồn hết sức chống Mỹ, và mơ màng một "cuộc cách mạng xã hội không đổ máu".

Tóm lại thế hệ nào cũng thâm lặng khâm phục người Cộng sản tuy họ cùng khốn khổ vì cuộc chiến tranh do người Cộng sản chủ động. Càng về sau, cái mốt chung của thời đại là khuynh tả. Tiến bộ, sáng suốt, nhân đạo, thuận chiều tiến hóa tất yếu, đồng nghĩa với khuynh tả. Chính tôi cũng vậy. Quay sang đề cao tình tự dân tộc, tỏ thái độ phản chiến hay hô hào bảo vệ đạo đức trước ảnh hưởng ngoại lai, đều là cái bóng của khuynh tả, và khuynh tả là cái bóng của sự khâm phục thâm lặng đối với bên kia. Trong lúc đó bên này có gì? Trung úy đã nói giúp tôi rồi. Thành thử khi bị bắt, chúng tôi tự an ủi: "Thôi, trước sau gì cũng phải trả nợ cho xong!"

Khốn nỗi người ta đòi nợ nhiều quá, chúng tôi tối tăm mặt mũi. Cái thân ốm của tôi gánh sao nổi món nợ của đế quốc toàn cầu? Chúng tôi bàng hoàng, rồi ảm ức. Cho nên đúng ba năm mà chưa được thả về, chúng tôi giận thật sự. Thế này là thế nào? Giấy trắng mực đen còn đó! Rõ ràng mặt đấy mặt này chứ ai! Làm gì bây giờ? Chẳng ai biết phải làm gì cả. Chống lại kẻ một lần ta lỗ khâm phục, khó lắm, khó y như đi đòi nợ một ông thầy học cũ. Các bạn tưởng tượng xem, ở trong cảnh huống ấy mà nghe tin một người có uy tín trong văn giới can đảm tuyên bố tuyệt thực để phản đối, bọn chúng tôi xúc động đến mức nào. Vừa hãnh diện quàng vừa tự xấu hổ. Ít ra cũng phải có một người dám làm một cái gì chứ! Anh em chúng tôi xì xào bàn tán bởi nhau, vừa mừng vừa lo. Người bảo:

“Ông ấy làm tới đấy. Xưa ông ấy nổi tiếng bốc!”

Người thì bảo:

“Biết đâu là tin phịa để mua vui!”

Có người lo:

“Ông ấy như lửa rơm. Bốc đó rồi xiu đó. Sợ không bền!”

Người ta đem cả văn nghiệp ra để hy vọng hay lo lắng, và ai cũng có vẻ hợp lý cả. Đào bởi bấy nhiêu cuốn tiểu thuyết thì chứng minh cái gì không được. Huống chi tiểu thuyết có bao nhiêu loại nhân vật, dữ, hiền, khôn, dại, hào hiệp, bản thiện, hiền triết đạo tặc, thiên thần, ác quỷ, kẻ dâm dục, người bất lực, hạng nào cũng đủ, mỗi hạng mỗi cách nói, chứng minh cái gì cũng có sẵn.

Chúng tôi chờ, dọ dẫm phản ứng của ban giám thị trại giam... Không phải chuyện phịa, vì chính giám thị khu chúng tôi cũng xác nhận. Thật đáng mừng. Tin vui đi nhanh qua nhiều ngõ ngách. Có thể nói dù bị kiểm soát gắt gao, chúng tôi vẫn có thể thông báo cho nhau tin từng giờ:

"Giám thị đã xuống phòng giam và tịch thu phần cơm anh ấy nhường cho bạn."

"Nhà bếp được lệnh bớt một phần cơm phòng số 8. Chính giám thị xuống chia cơm."

"Anh ấy đã bị chuyển sang khu biệt giam. Từ nay việc lấy tin chắc khó!"

"Người ta bắt đầu kiểm soát nước khu biệt giam. Chính giám thị đi chia nước chứ không giao cho ban trực nhật."

"Đã có lệnh không được mang nước uống cho anh ấy!"

Mọi người bàng hoàng. Thế này là thế nào? Họ quyết bỏ mặc cho anh ấy chết khát ư? Nhịn đói thì cuộc tranh đấu còn kéo dài được 10, 15 ngày. Có sấm, nhưng, lê tảo như các thầy Ấn Quang hồi trước kéo tháng này tháng nọ dễ dàng. Nhưng không uống gì cả được bao lâu? Bắt đầu có nhiều lời bàn ra tán vào. Người lãng mạn quyết tin rằng anh ấy sẽ đi đến cùng, lẫm liệt, hào sảng như các nhân vật chính của anh ấy. Người hoài nghi xét lại: Có thể, có nên dùng phương pháp đấu tranh bất bạo động đối với một chế độ chuyên chính hay không? Người ba phải thì quay sang lo cho sức khỏe vốn kém của anh ấy. Mọi người nóng ruột như đứng trên lửa. Chờ đợi khiến phòng giam thêm nực, phòng thêm tối. Chờ một ngày. Chờ hai ngày. Đến ngày thứ ba, thì có tin chánh thức đáng tin cậy từ khu biệt giam cho biết anh ấy xin ăn trở lại. Phòng chúng tôi đột nhiên ồn ào như cái chợ. Mạnh ai nấy nói. Thế là là

thế nào? Các bạn đừng cười. Tôi nhại câu nói liệu "Thế này là thế nào?" của giám thị khu B đến nỗi nhập tâm thành tật. Hỏi gì thì hỏi, sự thật vẫn cứ là sự thật. Từ đó về sau, chúng tôi nhận được tin "hoàn toàn chính thức từ giới hữu trách có thẩm quyền" công khai loan báo. Tin nào cũng đều khiến chúng tôi đau nhói trong lòng cả!"

Cụ cán sự hồi hưu nói:

"Có khi chưa tới ranh giới sống chết, người ta vẫn hành động giống như một người bình thường với đầy đủ những cao cả lẫn hèn yếu. Theo ký họa của một người họa sĩ đương thời thì hoàng hậu Pháp Marie Antoinette vẫn cố tỏ ra bệ vệ hách dịch dù ngồi trên xe dây dẫn ra chỗ đặt máy chém. Một tử tội đi đến pháp trường vẫn cúi xuống phủi một vết bẩn trên chiếc áo đang mặc."

"Vâng. Tôi thấy phải hiểu anh ấy như một người bình thường. Thần tượng hóa anh ấy theo mong ước lãng mạn của mình là lỗi của mình, không phải lỗi anh ấy. Theo cách đó, tôi nghĩ không nên siêu hình hóa cái chết. Gán cho nó một ý nghĩa quá quan trọng là cái lỗi của tinh thần duy lý

Tây phương. Tại sao không xem nó như một loại sinh hoạt của đời sống sinh vật y như tìm mồi, làm tổ, sinh con, bài tiết, thậm chí cắn mổ nhau để vui chơi hoặc tranh ăn. Quan trọng hóa cái chết thành ra làm hại nó. Đặt cho cái chết một mục tiêu, là làm hại nó lần thứ nhì. Cái lỗi của chúng tôi, và của cả anh ấy, là muốn dùng cái chết để làm một cái gì đó. Ta mặc cả với Thần Chết, ta so đo, ta vôi vỉnh, cò kè thêm bớt. Ta tính đến chuyện thành bại. Cho nên khi thấy không thành công được, thấy chết chỉ thiệt thân, ta bèn dừng lại. Tôi nhớ lúc này trung úy có bảo tuy thất bại, kẻ thù vẫn phải kính nể trung tá như một kẻ thù nghiêm chỉnh.

Tôi đồng ý với phần sau câu nói, nhưng xin lỗi nhé, tôi bác bỏ phần đầu: "Tuy thất bại". Tại sao nói chuyện thành bại ở đây? Gắn thêm cho cái chết một cái đuôi chỉ tổ làm vướng dáng đi tự nhiên của nó thôi! Giả sử bây giờ có ai bảo hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối ông Diệm, nhất định ta sẽ chê người đó là cận thị rồi! Câu chuyện của tôi đến đây chấm dứt. Nếu là cán bộ chấp pháp, các bạn sẽ xếp nó vào loại nào: Phản động? Đồi trụy? Ngụy dân tộc? Hư vô chủ nghĩa? Chắc không nặng án thế đâu! Quá lắm chỉ thuộc loại nhảm nhí, tuy tôi vẫn nhớ "nhảm nhí cũng là hình thức tinh vi của phản động."

Nhà giáo vừa dứt lời, cụ cán sự hỏi liền:

"Xem cái chết là tự nhiên à? Anh sợ chết không, nói thực đi?"

Ông giáo cười, quay hỏi vị linh mục:

"Cha sợ chết không?"

Cha xứ nghiêm chỉnh đáp:

"Không. Tôi tin sự sống đời đời trong nước Chúa."

Ông giáo hỏi trung úy:

"Còn anh?"

“Chưa sợ. Tôi còn khỏe. Hơn tháng nay, tôi chưa phải bước chân lên bệnh viện lần nào.”

Ông giáo hỏi ngược lại cụ cán sự:

“Thế cụ có sợ chết không đã?”

Cụ cán sự hồi hươu đáp ngay:

“Sợ chứ!”

Ông giáo bật cười lớn:

“Sợ chết sao còn dám vượt biên? Cụ luống tuổi rồi đi đâu cho khổ. Gió bão, tù tội, đói khát, sợ ý một chút là chết. Tại sao phải đi?”

“Tôi sợ một cái chết khác ghê gớm hơn.”

Ba người hơi thất vọng, đoán thế nào cụ cũng xỏ một lô những lời chống Cộng thật đúng bài bản, như “vô thần khát máu” như “tam vô chủ nghĩa” vân vân và vân vân. Họ đã nghe những thứ đó chán chê từ thời ông Diệm. Cụ cán sự để mặc cho các bạn thất vọng, từ từ uống cạn ca nước trà nguội, rồi mới nói:

“Tôi không sợ chết nói chung, nhưng sợ riêng một số cách chết. Chết đứng như Từ Hải, thảm mà oai. Chết mà đi như Dracula chỉ dùng để dọa con nít.

Tôi luống tuổi, mặn ngọt chua cay của cuộc đời ném tê cả đầu lưỡi, từng "nghiên cứu" cái chết kỹ lưỡng lắm, nên nghiệm thấy cái chết đáng sợ nhất là cái chết mà vẫn còn sống, sống mà vẫn chết."

Nhà giáo cười rồi hỏi:

"Nghĩa là ngắc ngư? Bị bại liệt à?"

"Không, đây là một cách tự vẫn đặc biệt. Rắc rối quá phải không. Để tôi kể quách cho các bạn nghe cho rồi!"

Tôi hơn các bạn những hai chục tuổi, từng sống dưới sáu chế độ: Pháp thuộc, Nhật thuộc, Tàu phù thuộc, Cộng sản thời kháng chiến, Chế độ quốc gia từ thời ông Diệm, à quên, từ Bảo Đại đến ông Thiệu, cuối cùng là Cộng sản sau 1975. Nếu kể HCR nữa thì đến bảy. Anh em, bà con, con cái, bạn bè, lần lượt chết khá nhiều, mỗi người mỗi kiểu. Không thiếu những người tự tìm lấy cái chết, trong đó có một con trai của tôi. Các bạn đừng lầm. Tôi không kể về cái chết của nó đâu. Nó chết tầm thường, tự nhiên, một cái chết lảng vẹt vì một con đỉm thúi. Chuyện tôi sắp kể liên quan đến một người bạn cũng từng sống dai nhách như tôi vậy.

Ông ấy cũng là một nhà văn. Thời chúng tôi còn phải học "Nos ancêtres sont des Gaulois", thú tiêu khiển hiếm lắm. Ngoài vài ba thứ cờ bạc bị nghiêm cấm, lũ học trò chúng tôi chỉ tìm vui trong thú đọc sách. Mà sách lại hiếm, khó mua khó mượn.

Cầm được một quyển sách trên tay đã được các cô kính nể khâm phục lắm rồi. Huống chi là viết sách! Bạn tôi thuộc vào số ít con người đáng nể ấy, lúc chưa được hai mươi. Đã thế sách bạn tôi viết lại được trích giảng cho học trò

học thuộc lòng. Tôi dám tin chắc rằng các bạn cũng đã thuộc lòng đoạn văn của bạn tôi.

Mọi người đều tò mò hỏi:

“Cụ đọc thử xem?”

Cụ cán sự hồi hưu chớp chớp đôi mắt lộ vẻ cảm động. Cụ nhớ lại cái thời xa xưa đã mất, run run đọc:

Hằng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều...

Ba người cùng kêu ô, nhà giáo ê a đọc tiếp:

Và trên không có những đám mây bàng bạc...

Trung úy nói:

“Bài Ngày tựu trường của Thanh Tịnh.”

Vị linh mục cũng nói:

“Trong tập Quê Mẹ. Bài đó nổi tiếng trong giới học trò chẳng kém gì bài La Rentrée của Anatole France. Cụ có quen với Thanh Tịnh à?”

Cụ cán sự nói:

“Đấy. Cha vừa hỏi: ”Cụ có quen với Thanh Tịnh à?” Gần xuống lỗ mà còn được hỏi như vậy, huống chi thời đi học được là bạn của Thanh Tịnh, mà mày tao tao với một ”nhà văn”, ôi chao, hân hạnh biết chừng nào. Khỏi cần nói chắc các bạn cũng biết tôi đã bắt chước Thanh Tịnh từng dáng đi, điệu nói, cách để tóc, cách ăn mặc. Tôi còn lén viết một bài văn đặt nhan đề ”Hôm khai trường” với đầy đủ lá rụng, mây bay, chơi diều, chơi bi, rồi chép sao nhiều bản gửi đi các báo ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Tôi chuẩn bị đón nhận sự nổi tiếng. Sáng tác của tôi gửi đi mà chờ mãi không có gửi lại. ” Tài ba” của tôi bị các cặp mắt phàm tục đổ kỵ ở các tòa soạn lơ là, tội nghiệp thân tôi. Tôi tủi thân, đâm ra ganh ghét bạn.

Ánh sáng của Thanh Tịnh làm mờ hào quang của tôi. Phải xa anh ta mới dựng sự nghiệp được. Thầy mẹ giúp tôi thỏa ước - vì sau đó gia đình tôi dời đến tỉnh khác. Cách mạng tháng Tám. Rồi tản cư. Tôi đã trở thành một thanh niên có bằng Cao đẳng Tiểu học. Tên nghe lạ phải không? Hồi ấy Trung học đệ nhất cấp gọi là École primaire supérieure, đậu Trung học đệ nhất cấp thì gọi là đậu bằng Thành chung hoặc Cao đẳng Tiểu học. Trước cách mạng tôi đang học dở ngành trợ giáo nên trong kháng chiến, tôi phụ trách một trường bình dân học vụ, rồi làm hiệu trưởng trường cấp hai. Chưa có thời kỳ nào tôi đam mê hào hứng với công việc của mình như thời ấy. Cảm và nói là một, nói với làm cũng là một. Bây giờ nghĩ lại thấy hồi đó mình lãng mạn đến quá khích.

Tôi tin tưởng tuyệt đối vào cuộc kháng chiến, nên làm gì tôi cũng xung phong hàng đầu. Chịu gian khổ, thiếu thốn, bệnh tật là một niềm vinh dự. Cũng như các bạn cùng thế hệ, hai tiếng ”độc lập” làm cho tôi say mê. Vì độc lập tôi sẵn sàng hy sinh tất cả. Thiếu thốn ư? Có độc lập sẽ có tất cả. Yêu nhau mà chưa lấy được nhau ư? Hẹn ngày độc lập. Lấy nhau mà không thể sống bên nhau? Hẹn ngày độc lập! Độc Lập là cái chìa khóa mở mọi cánh cửa, kể cả những cánh cửa có ổ khóa rỉ sét. Còn giữ lại làm gì những tư tưởng ủy mị lỗi thời từng làm yếu đuối thanh niên, làm trì chậm cuộc đấu

tranh giành độc lập. Chỉ cần nghĩ như thế chúng tôi lao vào cuộc cải tạo tư tưởng đầy dần vất, thống hối, lo âu, hoảng hốt.

Ôi những đêm tự phê bên ánh đèn dầu sau giờ dạy học, những tháng ngồi trước trang giấy đáng sợ, để moi óc ghi lại tất cả những tư tưởng, cảm giác, hành động bạc nhược hèn yếu. Chúng tôi xưng tội công khai, khóc lóc, thống hối công khai. Cầm một cuốn tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn là một cái tội. Chúng tôi đã nghĩ như vậy, và thù ghét cái bóng tiểu sư sản trong con người mình một cách chân thành. Thưa cha nếu không sợ phạm thánh, tôi dám so sánh cái không khí thời đó giống với không khí của Phúc âm. Quả thật như vậy. Cũng có những "Đấng Cứu Thế" và những lời tiên tri. Cũng có hứa hẹn sự sống vĩnh hằng và sự xả thân, nghĩa là đầy đủ yếu tố cho một thời huyền thoại. Có kể như vậy các bạn mới hiểu sau 30 - 4, tôi ngỡ ngác đến bậc nào khi thấy anh em bộ đội thảo nhiên mua sách Chưởng, sách Tự Lực Văn Đoàn bán xôn ngoài hè phố để đọc. Kể cả quyển sách Quê Mẹ mà thời kháng chiến, tôi lãnh phần mổ xẻ phân tích để lôi ra tính chất ủy mị, bạc nhược.

Anh giáo sư, tôi phải bắt chước anh để hô hoán lên: "Thế là là thế là?" Rồi tôi gặp hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Lạ thật. Tôi không hiểu gì hết. Hay lớp trẻ sau này có bản lĩnh hơn chúng tôi thời trước? Tôi nhận thấy họ hiền hậu, có học thức, lễ độ, nhưng ánh mắt không ngời lên, khuôn mặt không đăm chiêu, khắc khổ. Có lẽ họ có bản lĩnh thực! Bao nhiêu năm được đào tạo trong truyền thống cách mạng phải khác bọn trẻ ủy mị bị thực dân đầu độc chứ! Nhưng lập luận của tôi không vững. Tôi lần lượt gặp những nhà phê bình nghiêm khắc lên án sách chưởng Kim Dung nhưng mê truyện chưởng hơn mê gái. Phần nào trong ông ta mê "chưởng" và phần nào trong ông ta chửi "chưởng"? Khúc trên hay khúc dưới? Sao có thể cùng làm một lúc hai việc đối chọi nhau một cách thảo nhiên? Nói ở chỗ thân mật khác hẳn chỗ công khai. Nghĩ chân thật nhưng viết phải theo bài bản, và điều ấy tự nhiên!

Tôi còn nghe nói khi họp chi bộ, các đảng viên cũng được thoải mái hơn xưa nhiều, khỏi phải dăm dăm hoặc lên gân. Trước khi họp có kẹo lạc, thuốc lá, nước trà. Lúc đó ăn nói vung vít, khá chuyện thoải mái về đủ thứ vấn đề. Hăng máu chửi cả thủ trưởng cấp cao cũng không sao. Chê Đảng vài điều cũng được nốt. Muốn hát nhạc Ngụy? Được. Lật vài trang chương bỏ dở đọc tiếp? Được. Nhưng khi bí thư chi bộ nhắc: "Đến giờ rồi, các đồng chí vào làm việc" thì vẫn những con người ấy nhưng khuôn mặt, lời nói, tình cảm, tư tưởng hoàn toàn đổi khác. Người vừa chửi thủ trưởng có thể hết lời ca tụng. Người vừa đọc truyện chương gay gắt lên án văn hóa thực dân mới. Người vừa nấu cám heo bằng điện nhà nước hô hào các đồng chí tiết kiệm của công, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Trời hỡi! Thế này là thế nào? Lớp trẻ khó hiểu quá đối với tôi. Họ phân thân rồi mù nên tôi không biết lúc nào mới gặp đúng họ.

Tôi phải chờ các bạn cũ cùng thế hệ. May mắn cho tôi là vài tháng sau, nhân ngày kỷ niệm sinh nhật Hồ chủ tịch, phòng giáo dục quận (nơi con gái tôi làm việc) có tổ chức một buổi nói chuyện. Đề tài là "Cuộc đời của Hồ chủ tịch". Báo cáo viên, trời ơi, may mắn quá, đúng là thần tượng thời trẻ của tôi, đúng Thanh Tịnh. Trung tá Thanh Tịnh. Tôi hồi hộp chờ ngày gặp lại bạn cũ. Tôi tìm đọc lại cuốn Quê Mẹ để bồi hồi nhớ thời thơ ấu. Tôi tự trách tôi bất công. Tài ba tôi đâu có ra gì đâu mà đòi làm nhà văn! Đã thế, thời kháng chiến, lợi dụng lúc cách biệt, tôi đã "trả thù" bằng cách đem cuốn Quê Mẹ ra mổ xẻ, chê lên chê xuống. Tôi sẽ mời Thanh Tịnh về nhà, nài cho được một đêm nằm bên nhau rủ rỉ đủ thứ chuyện tâm tình. Bây giờ già rồi, còn ngại gì nữa. Tôi sẽ nói hết, thú nhận hết, từ việc lén viết bài "Hôm khai trường" cho đến việc lên án cuốn Quê Mẹ. Tôi sẽ không xưng tên ngay để sau buổi nói chuyện dành cho bạn một ngạc nhiên lớn.

Than ôi, chính Thanh Tịnh dành sẵn ngạc nhiên để tặng tôi. Thanh Tịnh già rồi. Thanh Tịnh nhà văn nhỏ nhẻ dễ thương thành Thanh Tịnh trung tá. Thời gian mà. Có gì đáng kinh ngạc đâu.

Nhưng tôi sững sờ khi Thanh Tịnh bắt đầu nói. Thiên hạ đồn không lầm. Thanh Tịnh đã thành báo cáo viên chuyên nghiệp chuyên ca tụng bác Hồ. Đi đâu, lúc nào, bao nhiêu năm nay, Thanh Tịnh chỉ nói về đề tài ấy, gọt dũa luyện tập từng câu từng chữ, để ý đến cả cách nhíu mày, cách đứng nghiêm, mắt nhìn lên chiêm ngưỡng khi nhắc đến Bác. Nghe Thanh Tịnh báo cáo một lần, lần sau đến nghe nữa có thể đoán trước trung tá sắp khóc ở đoạn đó, sắp cúi đầu im lặng ở đoạn kia, sắp ưỡn ngực hô hào ở đoạn khác... Đúng là một cái xác ướp biết đi biết nói, quan trọng nhất là ca tụng không biết chán.

So sánh với các cung phi bị giam kín nơi lăng tẩm các vua chúa đã chết thời xưa, Thanh Tịnh còn may hơn nhiều. Nhưng một nàng cung phi mới bị ông hoàng si bỏ quên, đã dám nghĩ:

Dang tay muốn dứt tơ hồng

Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra.

Thanh Tịnh có bao giờ dám nghĩ thế không? Than ôi! Thanh Tịnh, người bạn nhỏ của tôi, "địch thủ" của tôi, thần tượng của tôi, niềm mơ ước của tôi! Bạn không có cách tự vẫn nào dễ chịu hơn ư? Bạn đã chọn cách chết chậm chạp nhất, khắc kỷ nhất, chết mà vẫn sống, sống mà coi như đã chết. Bạn tự nguyện làm cái xác ướp để dễ hầu cận một cái xác ướp khác.

Tôi bỏ về trước khi trung tá Thanh Tịnh kết thúc bài nói chuyện, lòng hối tiếc khôn nguôi. Cách tự vẫn tôi kể, nhạt nhẽo lắm phải không? Nó kéo dài quá, như một màn kịch vụng lê thê làm khán giả chê chán! Nhà tư tưởng của cha lấy thế đẩy ngã chồng sách là xong, để lại cả một lô messages, một lô sứ điệp. Ông trung tá đoán một cái, được bạn nhà giáo khen là thâm trầm. Nhà văn bỏ dở cuộc nhưng được bạn bè thông cảm. Còn bạn tôi, than ôi,

biết làm sao đây! So với các bạn, tôi chịu lỗi đã kể chuyện buồn và nản. Biết làm sao được! Trong Chinh Phụ Ngâm có câu:

Dòng nước sâu ngựa nản chân bon

Tôi có khác nào con "ngựa nản chân bon" ấy!! Gần kề bên dòng nước sâu là cái chết, tôi phải làm gì? Lấy hết sức hí lên cho vang động núi rừng? Uống nước sôi độc tù hãm bên cầu Nại Hà rồi lăn ra chết? Hay là nhảy đại qua vực để hy vọng đạp vó lên Mé Vĩnh Cửu?

Làm gì thì làm, nhưng tôi nhất định không vì "nản chân bon" mà làm con ngựa gổ. Tôi mệt quá rồi! Xin cha cho tôi chút nước!"

Linh mục rót khoảng nước còn lại trong lon páté vào ca cụ cán sự già. Cụ bưng lên uống. Nước chảy qua hàm răng thưa, nhều cả ra hai mép. Bàn tay cụ cán sự run run. Đến lúc đó, linh mục mới thấy một người trần thế muốn "thu xếp" cuộc đời mình gặp thật lắm gian nan, nhất là những người trung thực. Linh mục thầm cầu xin: "Lạy Chúa, xin cho các linh hồn được nghỉ yên muôn đời và được hưởng ánh sáng nghìn thu..."

Về nguồn

Mở tivi định xem qua chương trình cải lương tối thứ bảy để quên nỗi bực dọc ở cơ quan, đồng chí thủ trưởng ban tuyển sinh đại học gặp ngay mục dự báo thời tiết. Khi hình bản đồ chữ S vừa hiện lên khung Tivi, xướng ngôn viên đã đọc bằng giọng đều đều ngái ngủ:

"Dự báo thời tiết cho đêm nay và ngày mai: Trời nhiều mây, buổi sáng có mưa lớn, trưa và chiều có thể có bão. Tin khí tượng cho tàu chạy ven biển: Khu vực thành phố Hồ Chí Minh và đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo: Tầm nhìn xa không quá 1 cây số, biển động đến động mạnh. Gió cấp 6 cấp 7, có nơi cấp 8..."

Ông lặng người vì lo âu... Cô xướng ngôn viên đã dự báo đúng thời tiết của cơ quan ông. Nếu mỗi cơ quan có mùa xuân và mùa đông riêng cho mình, thì ban tuyển sinh đang ở mùa đông buồn. Làm việc tất bật, gần như vật lộn với đống hồ sơ mà không tìm được chút ánh sáng le lói ở cuối đường hầm. Kỳ họp tổng kết công tác nào cũng bị đem ra kiểm điểm, chỉ trích. Cán bộ nhân viên đem cả cơm chiều vào ăn tại cơ quan để làm thâu đêm, mắt người nào cũng thâm quầng, thế mà việc đâu vẫn ì ra đấy. Điện thoại từ các trường đại học giục. Điện thoại từ trường trung học chuyên nghiệp hối. Phải làm thế nào gởi gấp cho họ bản tổng kết về thành phần lý lịch để kịp niêm yết danh sách trúng tuyển. Đại học bách khoa trễ hạn ba ngày. Y khoa 7 ngày. Sư phạm 11 ngày. Đại học tổng hợp 6 ngày. Ban tổ chức thành ủy đích thân xuống kiểm tra. Trên hối, dưới thúc, chẳng khác nào đe búa cứ nhè vào cái thân gầy của đồng chí thủ trưởng mà đập cho dẹp. Ông có xin thêm bên công an Thành một số chuyên viên đến giúp đỡ. Nhưng họ chỉ làm công việc đổ thêm dầu vào lửa, thứ lửa đã đủ nóng để đốt cháy sự nghiệp toàn thể nhân viên cán bộ ban tuyển sinh. Bằng đôi mắt nhà nghề, sau khi đọc qua các bản lý lịch của học sinh nộp đơn thi vào các đại học, các chuyên viên đã lập bản báo cáo thật bi quan. Đại loại họ phân chia các lý lịch ấy làm hai hạng:

Hạng thứ nhất gồm những bản lý lịch mù mờ cần phải được xác minh trước khi thu nhận ứng viên đó vào đại học. Không phải những bản lý lịch giả hoặc có tẩy xóa. Cũng có khuôn dấu đỏ và chữ ký của ủy viên thường trực hoặc chủ tịch phường xã ký đảng hoàng. Nhưng vì người phụ trách không nắm hồ sơ chính trị của nhân dân ở trong địa phương mình, nên lý lịch có nhiều điểm đáng ngờ. Chẳng hạn trên bản lý lịch do chính đương sự viết, phường xã chỉ ghi: "Chứng thực theo lời khai của đương sự". Thử hỏi có đương sự nào đại dột đến nỗi khai tuột những điều xấu hoặc bất lợi của mình ra giấy trắng mực đen? Hoặc có nơi viết: "Đương sự hiện có hộ khẩu thường trú tại phường 19 chúng tôi". Thừa! Rất thừa đến nỗi hóa ra lảm cẩm! Có ai dám cấp sơ yếu lý lịch cho người không có hộ khẩu thường trú? Đã thế, ủy viên thư ký phường xã, vì không có trình độ chuyên môn, nên bỏ qua một số chi tiết thật quan trọng, không đòi hỏi đương sự xác minh trước khi đóng dấu ký tên. Có cậu khai cha làm cán bộ ở cơ quan X. Loại cán bộ nào? Từ A (nghĩa là từ ngoài bắc) vừa được chuyển công tác vào nam, hay từ R (nghĩa là từ chiến khu) về thành? Thậm chí những người ở vùng tạm chiếm (không ai rõ thời Mỹ ngụy có gây tội ác nào không) vừa được tuyển làm công nhân viên là nhân viên cấp thấp của guồng máy kèm kẹp chính quyền Sài gòn cũng vẫn xưng là cán bộ. Tin vào những lời khai đó khác nào tin lời Thị Mầu! Có cô khai mẹ đang công tác tại Mặt Trận Tổ Quốc quận Y. Mặt trận à? Cái tiệm chạp phô chuyên trưng bày hàng mẫu đầy đủ thượng vàng hạ cám ấy, từ kẻ chuyên làm nghề tôn giáo cho đến tên sĩ quan ngụy vừa học tập cải tạo về nằm chờ vượt biên, mẹ đương sự thuộc dạng hàng kiểu nào? Công tác gì? Công tác trốn núp dưới cái dù Mặt trận để đỡ bị công an phường khóm lưu ý hay dịch vở vẫn vài ba trang tài liệu chữ Anh chữ Pháp để vất vào xó? Anh chị em ruột đều là công nhân viên nhà nước ư? 99% công nhân viên tại thành phố đều là người được Cách mạng lưu dụng. Ân huệ nhà nước đến mức đó là tận cùng rồi, còn thừa chút nào đâu để san sẻ cho anh em! Cha đương sự đã chết xin khỏi cần khai nghề nghiệp địa chỉ? Sao lại khỏi cần? Tại sao chết? Chết bệnh? Hay hy sinh vì tổ quốc? Hay vì là ác ôn nên phải đền tội? Nói chung các bản lý lịch do ủy ban nhân dân phường xã chứng thực đều không rõ ràng, mà không rõ ràng tức là khả nghi.

Hạng thứ hai gồm những bản lý lịch do chính công an địa phương chứng ký. Loại này tránh được các điều mù mờ thường gặp ở loại thứ nhất, nhưng nhận xét và đề nghị ghi bên dưới đặt ban tuyển sinh vào thế ngặt nghèo. Cô Trần thị Dung có mẹ là Huyền Tôn Nữ Thu Trang và cha là Trần Bá Cảnh thời Pháp thuộc làm cai khố đỏ. Ý cha mình đã chết bệnh từ 1944, cô Dung chưa trống chỗ khai nghề nghiệp và địa chỉ hiện tại của thân phụ. Trưởng ban công an phường 17 quận 6 đích thân ghi thêm bằng nét chữ xấu "cai khố đỏ" vào ô nghề nghiệp, và "chưa kịp trả nợ nhân dân" vào ô địa chỉ. Bên dưới tờ lý lịch có lời nhận xét: "Con của thực dân phong kiến, đề nghị cho đi cải tạo lao động". Gia đình vừa có con em đi lính nguy vừa có người theo cách mạng như hầu hết gia đình miền nam ư? Phê ngay: "Nửa nạc nửa mỡ. Gia đình thuộc thành phần lưng chừng". Một ứng viên hãnh diện khoe có anh đã từng tham gia tranh đấu trong phong trào sinh viên thành thị và từng bị Mỹ nguy cầm tù. Nhưng qua đôi mắt nhà nghề, trưởng ban công an xã liền hỏi trên giấy khai sơ yếu lý lịch: "Trong tù có phản bội đầu hàng địch không? Cần xác minh trước khi thu nhận". Tóm lại, trong hạng thứ nhì, hầu hết ứng viên đều trở thành kẻ thù của nhân dân, hoặc có thể đã là kẻ thù, kẻ phản bội.

Chỉ còn một số ít học sinh con em cán bộ từ Bắc vào hoặc từ bưng biển ra là có lý lịch rõ ràng, trong sạch. Số này lại quá ít, không đủ số định tuyển cho các đại học. Làm thế nào bây giờ? Bươi đóng lý lịch kỹ chừng nào, công việc chậm chạp phiền phức chừng nấy. Mà không bươi không được. Đồng chí thủ trưởng nghĩ nát óc, vẫn kể đủ mọi nơi mà chưa tìm được lối thoát.

Sáng hôm qua bị điện thoại thúc quá, ông định làm liều. Cho tốt hết. Rồi đề nghị suốt thời gian theo học, hiệu trưởng các trường dần dần cho xác minh lý lịch và loại những kẻ gian dối, man khai. Chưa kịp làm ầu thì chiều hôm qua, Thành ủy đã gọi lên lưu ý tình trạng học sinh đại học bỏ trường vượt biên hoặc đã tốt nghiệp lại bỏ cơ quan ra bán chợ trời ngày một đông. Đồng chí bí thư gay gắt bảo: "Các đồng chí lo tuyển sinh tức là làm cái phần chọn giống. Phần quan trọng nhất đấy. Tương lai đất nước, tiền đồ của dân tộc nằm gọn trong tay các đồng chí. Các đồng chí làm ăn thế nào mà kết quả

đáng ngại đến như vậy? Phải xem xét lại từ đầu. Từ đầu nghe chưa? Các đồng chí có hiểu tôi nói "từ đầu" nghĩa là gì chưa? Không. Không phải từ ban đầu! Từ "cái đầu" của các đồng chí đấy! Lập trường các đồng chí đã chao đảo chưa, phải rà lại cho kỹ. Nếu lập trường cách mạng vững, mắt các đồng chí sẽ sáng. Không có con em kẻ địch nào lọt vào đại học được đâu".

Đúng là một bản dự đoán thời tiết xấu cho cơ quan ông: "Tâm nhìn không xa quá 1 cây số" cho nên thế nào chiếc thuyền ông đang lái cũng gặp "gió cấp 7, cấp 8 ". Mưa lạnh, bão lớn sắp vùi dập sự nghiệp của ông sao?

Tối hôm ấy, Tivi chiếu lại tuồng "Thái hậu Dương Vân Nga ". Thái hậu Thanh Nga đã bị bọn cướp tống tiền bắn gục trên chiếc xe nhà ở đường Ngô Tùng Châu nên thái hậu Bạch Tuyết ra đóng thế. Tài tử đẹp, phong cảnh tráng lệ đắt giá, giọng ca điệu luyện! Nhưng vì mãi lo nên đồng chí thủ trưởng chỉ xem lơ mơ. Ông khâm phục tài ba của các nghệ sĩ cải lương miền Nam tuy trong thâm tâm vẫn lộn cộn mối ác cảm với cô đào Bạch Tuyết. Một nhân viên lưu dụng của ông có mách rằng có lần Bạch Tuyết đã đội mũ lính GI xâm lược lên đầu để chụp hình đăng trên tờ Stars and Stripes. Tại sao lại chụp hình chung với lũ đế quốc, lại còn đội mũ măng để quảng cáo cho chúng! Nhất định chúng đã chua thế này dưới bức ảnh: "Nghệ sĩ cải lương ưu tú nhất VN chào mừng các chàng GI". Tại sao một đoàn ca kịch cải lương quốc doanh như đoàn Trần Hữu Trang lại thu dụng Bạch Tuyết? Tại sao Sở Văn hóa Thông Tin lại cho phép Bạch Tuyết lên Tivi? Lập trường của họ chao đảo rồi chẳng? Những câu hỏi ấy khiến ông xem cải lương mất thú. Cuối cùng, ông chỉ khâm phục mỗi một mình tác giả kịch bản là Trúc Đường. Tài thật! Biến một người đàn bà lẳng lơan may mắn được bọn sử quan phong kiến bỏ qua không hỏi tội ngoại tình thành một người phụ nữ ái quốc thức thời! Giớ viết lách lách tài thật! Dẻo và khéo quá! Việc khó đến thế họ còn làm được, còn ông? Ông nhớ đến bốn câu thơ của Bác:

Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Dời núi và lấp biển

Quyết chí cũng làm nên.

Việc ông đâu có khó? Bác đã thì thầm nhắc ông: Vì lòng không bền và chưa quyết chí nên ông lo âu đấy thôi! Vả lại cách mạng là sự nghiệp chung. Tại sao ông không tham khảo ý kiến các cơ quan bạn, như Viện Qui Hoạch, như Phòng tổ chức Thành ủy. Phải rồi. Ông có một người bạn thân hiện làm Viện trưởng Viện Qui Hoạch. Ông lú lẫn quá. Tại sao không hỏi ý kiến ông ấy. Tìm được giải pháp tốt, đồng chí thủ trưởng yên tâm đi ngủ. Lần đầu tiên từ 8 tháng về làm thủ trưởng ban tuyển sinh, ông ngủ ngon giấc.

Đúng một tuần sau cũng vào tối thứ bảy, đồng chí viện trưởng viện qui hoạch trung ương bốn chồn đi ra đi vô căn phòng rộng 20 mét vuông của mình ở đường Lý Nam Đế. Không khí nóng bức. Bên ngoài mây đen thấp xuống đe dọa những bóng đèn lù mù. Khi trời bắt đầu đổ mưa và gió dữ, ông phải đóng kín cửa lớn cửa sổ lại, và ngồi ở cái bàn con cạnh giường ngủ của vợ. Bên kia tấm màn vải hoa đã bị ố vài nơi vì mưa dột, ba đứa con ông đã ngủ say. Vợ ông có ý chờ xem tuồng chèo cổ thường chiếu trên Tivi vào mỗi tối thứ bảy, nhưng khi nghe loan báo có thay đổi chương trình vào phút chót do "sự cố kỹ thuật", bà lật tờ Phụ Nữ Việt Nam xem qua loa rồi cũng ngủ nốt. Chỉ còn một mình đồng chí viện trưởng thức khuya. Bạn bè ông kháo nhau rằng vở kịch "Erostrate kẻ đốt đền" do Đoàn kịch nói trung ương trình diễn hay lắm, thâm lắm, nên ông rán chờ xem cho biết. Không phải ông bốn chồn chờ xem kịch. Ông không ái mộ nghệ thuật đến độ ấy. Ông chỉ muốn tìm cách nào đó để tạm quên chốc lát các điều phiền phức khó khăn ở viện.

Lúc vặn nút Tivi, ông gặp đúng mục Dự báo thời tiết "Trời ít mây. Buổi sáng có mưa vài nơi, buổi chiều trời nắng tốt. Tin tức khí tượng cho tàu chạy ven biển. Vịnh Bắc bộ: Tầm nhìn xa khoảng 10 cây số. Biển hơi động đến động. Gió cấp 2, cấp 3. Có nơi cấp 4..."

Đồng chí viện trưởng hơi vui vui, gật gù nói một mình: "Bọn khí tượng thủy văn làm việc tiến bộ đấy chứ. Không bù với lúc trước lúc nào cũng dọa mưa với bão".

Ông cảm thấy phấn chấn, quên hẳn vở kịch Liên Xô Người đốt đèn và trở lại bàn làm việc. Ngọn néon 4 tắt đêm nay như sáng hơn các đêm trước. Ông di di đầu bút bi vào miệng giấy thấm chuẩn bị ghi lại các đề nghị của mình thì điện cúp. Cúp thì cúp, cần gì. Lòng ta hồ hởi, chí ta bền, đèn dầu hỏa hay đèn néon ta vẫn làm việc được. Ông vừa húyt sáo vừa thắp cây đèn bão hiệu Minh Hoa của Trung Quốc.

Ngọn đèn vừa đủ soi sáng bao nhiêu vấn đề nan giải đang trải ra trước mặt ông. Phải làm sao đây? Không phải ông đã quên bém cái chìa khóa thần kỳ có thể mở tất cả mọi cánh cửa đóng: "Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng văn hóa tư tưởng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt". Ông nhìn quanh, lo ngại nhìn về phía vợ, rồi nói thầm: "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!" Biết từ bao nhiêu năm nay, nhưng tại sao bao nhiêu chuyện cực nhọc hóc búa cứ đùn về cho viện ông? Tại sao năng suất đã không tăng còn giảm dần theo mức độ đáng ngại? Tại sao ở các hợp tác xã nông nghiệp, xã viên, và cả đảng ủy địa phương a tòng với nhau lén "khoán chui" đi ngược với chính sách nhà nước mà lúa nghĩa vụ đạt yêu cầu hơn các nơi theo đúng chính sách? Tại sao các kế hoạch thủy lợi ở các tỉnh phía nam đều vỡ, nhiều con kinh cấp 1, cấp 2 tổn bao nhiêu công của đào lên lại phải lấp xuống? Tại sao đã ra chỉ thị dẹp bỏ các trạm thu thuế mọc như nấm trên đường quốc lộ mà trong chuyến vào nam vừa rồi, ông vẫn thấy mỗi tỉnh vẫn có luật thuế khóa riêng, giá cả nơi này chênh lệch quá xa với nơi khác? Tại sao đất hoang còn bỏ mặc cho cỏ lác cây dại mà dân thành thị vẫn sống bám vào chợ trời? Làm thế nào chặn đứng nạn lãn công đang tràn lan khắp các cơ quan nhà nước và xí nghiệp quốc doanh? Làm thế nào chấm dứt hiện tượng xuất nã nguy hiểm do phong trào vượt biên ồ ạt? Làm thế

nào bài trừ tận gốc nạn tham nhũng? Làm thế nào hạ thấp số trại giam và tù nhân đang tăng vọt khắp nơi? Tại sao? Tại sao? Làm thế nào? Làm thế nào? Tại sao? Làm thế nào? Ông hốt hoảng hỏi liên tiếp và hải hùng như tử tội hải hùng nhìn chiếc máy chém. Ngọn đèn lụn dần trước mặt ông. Hết dầu rồi! Ông châm thêm dầu, và phải chờ khá lâu mới đủ ánh sáng đọc tiếp các đề nghị do viện qui hoạch địa phương và chuyên ngành gửi về. Tập công văn đề nghị dầy cộm, ông biết trước không cách nào mình đọc xuể. Phải tìm ra chiếc chìa khóa đơn giản và cụ thể hơn mới mong giải quyết được. Làm sao đây? Tìm ở đâu? Theo thói quen, mỗi lúc thối chí, ông ngược lên đọc bốn câu thơ của Bác do chính ông viết dán trước bàn làm việc:

Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Dời núi và lấp biển

Quyết chí cũng làm nên.

Phía trên cao, Bác đang mỉm cười khuyến khích ông. Cảm thấy yên tâm, ông lại moi óc tìm chìa khóa thần. Lúc đang lơ mơ suy nghĩ, mắt ông vô tình lướt qua lá thư của Tân, bạn cũ của ông, hiện làm thủ trưởng Ban tuyển sinh ở thành phố mang tên Bác. Ông đã đọc lá thư đó hồi sáng, đọc xong thấy khó chịu vì bạn ông lại nhờ ông trả lời những câu hỏi chính ông không trả lời được. "Tại sao như thế? Phải làm gì? Anh ở trung ương nắm vững đường lối chính sách (nhất là ở cơ quan có tầm nhìn chiến lược) mong anh giúp tôi. Phải nói đúng hơn là giúp chúng ta, giúp thế hệ thứ 4, thứ 4.5, thứ 5 để con cháu chúng ta có thể nối tiếp gìn giữ thành quả cách mạng mà thế hệ tiên phong mở đường của Bác, thế hệ thứ hai của các chiến sĩ kháng chiến chống thực dân, thế hệ thứ ba chống Mỹ cứu nước đã đổ bao nhiêu máu xương mới đạt được".^{[1][1][1]}^[SEP:SEP] Rắc rối đây! Phiền nhỉ! Ông bạn xa thật lấu cá! Dùng dao to búa lớn để ràng buộc anh em, chơi độc thật!

Đồng chí viện trưởng gạt hết xấp công văn sang một bên, đọc kỹ lá thư của ông Tân lần nữa. Đọc nửa chừng, ông reo lên:

A! Chìa khóa đây rồi! Sao ta lú lẫn thế! Chính Bác đã dạy: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa". Không lo đào tạo con người mới thì làm sao xây dựng thiên đường mới ngay trên quá đất này? Gợi ý của Ban tuyển sinh thành phố mang tên Bác thật đáng chú ý. Phải đặt vấn đề này lên ưu tiên hàng đầu.

Mừng quá, ông chạy đến lay vợ dậy. Bà vừa đi công tác ở nông trường bò giống Ba Vì trở về quá mệt nên nằm co quắp ngủ say, nước dãi nhều cả ra mép. Viện trưởng thấy thế ngủ của vợ dễ thương, vết nước dãi trở thành dấu hiệu của niềm vô tư thanh thản. Vợ ông càu nhàu gì đó trong miệng, rồi dụi mắt ngồi dậy. Đồng chí viện trưởng lay vợ bảo:

- Mình ơi mình. Dậy tôi nói chuyện này hay lắm.

Vợ ông ngáp dài rồi hỏi:

- Cái gì thế? Có nhà ai cháy hử?

- Không! Tôi vừa tìm ra cái chìa khóa để giải quyết trọn vẹn bao nhiêu khó khăn trên toàn quốc. Mình thử nghĩ mà xem. Chỉ lấy đơn giản một trường hợp nhỏ: Làm sao cho các xã viên chịu sản xuất chứ không bỏ đi buôn chợ trời?

Bà vợ ngáp một cái thật dài nữa, rồi nói:

- Dễ quá. Có thể cũng gọi người ta dậy!

- Dễ à! Mình đáp đi.

Bà vợ bực mình ngồi ngay người nghiêm mặt hỏi chồng:

- Được. Nhưng trước hết mình trả lời tôi mấy câu hỏi ngắn thôi. Mình có thích ăn ngon không?

- Có. Ai lại chả thế.

- Mình có thích mặc đẹp không?

- Dĩ nhiên là có, nhưng...

- Khởi cần thêm "nhưng, tại vì, tuy thế". Mình có thích ngủ trên cái giường êm và ấm không?

- Có chứ, nếu...

- Khởi cần "nếu". Mình có thích ở biệt thự, có xe riêng không?

- Thì coi như có đi, dù rằng...

- Thôi đủ rồi. Trời sinh sao thì để vậy. Có ông thánh như Bác nhưng đời còn có nhiều người không phải thánh. Tại bắt mọi người làm thánh cả nên mới rắc rối.

- Lập trường em để đâu mà...

- Em có lập trường riêng dựa theo kinh nghiệm quan sát ở Viện nghiên cứu chăn nuôi. Trâu bò không có tư tưởng nhưng cách sống của nó cũng có "chính sách" đấy chứ.

- Mình nói gì tôi chẳng hiểu.

-Thôi em hỏi gọn lại: Anh tìm ra được cái chìa khóa gì nào?

Đồng chí viện trưởng hí hửng đọc câu danh ngôn của Bác, cho đó là chìa khóa mở tung cửa khó khăn của ông bạn Ban tuyển sinh.

Vợ ông trề môi hỏi:

- Nhưng muốn có toàn con người mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải làm sao?

Viện trưởng bí, lí nhí lặp đi lặp lại:

- Muốn có con người mới... muốn có con người xã hội chủ nghĩa... muốn có con người cộng sản thuần khiết... thì ta... thì ta...

Vợ ông bật cười:

- Thì hãy bắt chước cách em vẫn làm lâu nay!

- Cách gì?

- Cách dùng tinh đông viên để lai giống. Trâu Mura Ấn Độ, bò sữa Liên Xô, heo Cuba mình chỉ xin có vài con, thế mà hiện nay khắp các nông trường chăn nuôi, đếm không xuể.

Viện trưởng hồ nghi rụt rè hỏi:

- Trâu bò làm thế được, chứ con người...

- Con người thì sao? Vẫn là một loại sinh vật như trâu bò thôi. Em nghe nói hồi xưa bọn quốc xã Đức muốn các bà vợ lính ở quê nhà vẫn tiếp tục sinh ra những chú quốc xã tí hon để nối nghiệp cha anh, cũng đã dùng cách gửi các lọ tinh khí từ mặt trận về. Bây giờ khoa học tiến bộ, dùng tinh đông viên tiện hơn.

- Nhưng anh Tân khổ sở về chuyện khác cơ. Chuyện xét lý lịch để tuyển các học sinh ưu tú và vững lập trường vào đại học.

Bà vợ đáp ngay:

- Thì giải pháp của em cũng giải quyết được. Ta dùng tinh khí của những người cộng sản chân chính đã kinh qua thử thách, thì lý lịch bên cha tất phải tốt. Việc còn lại là lựa chọn những bà mẹ "ba đảm đang", những "chiến sĩ gái kiên cường".

Gợi ý của bà vợ mới mẻ quá, táo bạo quá, khiến viện trưởng sửng sờ. Ông ngồi chết lặng hồi lâu. Điều khó nghĩ cho ông, là đề nghị ấy vừa quá hợp lý, vừa không hề trái với các nguyên tắc bất khoan nhượng của chủ trương chính sách như : "chuyên chính vô sản", như "phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động". Nó lại phù hợp với cuộc cách mạng then chốt là cách mạng khoa học kỹ thuật. Suy nghĩ hồi lâu, ông đành phải gật gù:

- Mình cũng có lý. Thôi ngủ đi. Mai tôi thử trình phương án đó lên cấp trên xem sao.

Do ngẫu nhiên, thứ ngẫu nhiên Marx bàn rất chu đáo trong duy vật sử quan, bộ chính trị họp khẩn cấp vào tối thứ bảy. Trong khi chờ đợi các đồng chí đến muộn, những người đến sớm mở tivi xem chương trình đặc biệt cuối tuần. Ngẫu nhiên lịch sử lại khiến mọi người gặp đúng mục dự báo thời tiết. Cô xướng ngôn viên có giọng ngọt ngào êm ái đọc chậm:

"Dự báo thời tiết cho đêm nay và ngày mai: khu vực Hà nội trời quang đãng, buổi sáng có mưa phùn lấm tẩm, chiều nắng đẹp tuyệt vời. Tin tức khí tượng cho tàu chạy ven biển: Vịnh Bắc bộ: Tầm nhìn xa trên 10 cây số. Biển hoàn toàn lặng, gió nhẹ cấp 1, có nơi cấp 2... "

Đồng chí tổng bí thư bật cười khen:

- Sau mấy kỳ kiểm điểm, chúng nó có khá đấy chứ.

Câu chuyện sau đó nở như bắp rang. Khác với tưởng tượng của quần chúng lao động vẫn nghĩ cung cách họp hành ở cấp cao giống như kiểu cung đình

phong kiến, ở đây không khí hoàn toàn thoải mái thân mật. Cách sống và làm việc giản dị của Bác Hồ đã trở thành mẫu mực cho lớp học trò kế nghiệp Bác. Do đó phòng họp là phòng khách ấm cúng của đồng chí tổng bí thư, người nào thích ngồi ở đâu, ngồi thế nào tùy ý. "Tài liệu hồ sơ đặt trên bàn nước, lót dưới cái gạt tàn thuốc làm bằng vỏ máy bay B52, vắt trên đồng báo Nhân Dân, kẹp trong tạp chí Cộng Sản hoặc nằm trên ghế piano gỗ bóng màu huyết dụ. Ngoài hai đồng chí thư ký của ban bí thư ăn mặc nghiêm chỉnh luôn luôn giữ thái độ cung kính lễ phép, tất cả mọi người đều ăn mặc xuề xòa, áo sơ mi ngắn tay bỏ ngoài quần, chân mang dép Nhật. Các đồng chí lãnh đạo đều mạnh khỏe nên tuy ngoài trời mưa giông gió giạt, khí hậu rét căm căm, mỗi người chỉ quấn sơ một chiếc phu-la len mỏng. Cách xưng hô thân mật gọi nhau bằng thứ hai thứ ba y theo lối ăn nói của một gia đình nông dân miệt vườn Nam bộ. Chẳng hạn không ai cung kính "Thưa đồng chí tổng bí thư". Chỉ nói thật gọn: "Thưa anh Ba". Thế thôi! Cấp lớn xưng tôi gọi chú. Cấp nhỏ hơn xưng em gọi anh.

Các ban bí thư và đặc trách bắt đầu báo cáo tình hình chung. Ngoại vụ có vấn đề bình thường hóa quan hệ với Mỹ và các kế hoạch hợp tác toàn diện với Liên Xô anh em. Tổng công đoàn có vấn đề giải thích hiện tượng "công đoàn gọi là Đoàn kết" ở Ba lan và tiên đoán các hệ lụy của nó. Nội vụ có vấn đề tìm kinh phí phát triển các trại giam và bù đắp lương thực lạm chi cho số phạm nhân gia tăng. Nông nghiệp đề nghị thông qua phương án khoán cây lúa xuống đến từng hộ để cứu vãn nạn khan hiếm ngũ cốc. Công nghiệp cũng xin khoán sản phẩm và trả lương theo thành quả sản xuất được. Vì được bàn cãi nhiều lần nên các vấn đề tưởng như hóc búa ấy được cho qua giữa những tiếng cười, ngậm trà ngon và tiếng nhai kẹo lạc rôm rốp. Gần khuya mà chưa có ai thấy lý do vì sao "anh Ba" triệu tập cuộc họp toàn Bộ chính trị thật khẩn cấp này. Mọi người chờ, chờ, chờ... Đến khi anh Ba nhắc khéo hai đồng chí thư ký nên về ngủ để bảo vệ sức khỏe, mọi người mới biết giờ phút nghiêm trọng của lịch sử dân tộc đã đến.

Chờ cho hai đồng chí thư ký ra về xong, đồng chí tổng bí thư mới thân mật mời mọi người kéo ghế lại gần, rồi nói:

- Vấn đề này vừa quan trọng vừa ngộ nghĩnh, theo lối nhìn của từng anh em. Tôi thì không xem nhẹ nó chút nào, nên mới có cuộc họp này. Tôi phải bàn kín với anh em trước, rồi mới cho họp mở rộng sau. Việc tuy chung mà riêng vì liên quan đến sức khỏe và ý chí, tâm tình từng người, riêng mà hóa chung vì có ảnh hưởng đến nhiều thế hệ. Chẳng những thế hệ thứ 4, thứ 4.5 như anh em thường nói đùa, mà có thể kéo dài đến thế hệ thứ 10, thứ 20. Để anh em được về nghỉ sớm, tôi đọc ngay phương án của Viện Qui Hoạch.

Anh Ba đọc xong, rất nhiều người ngẩn ngơ không hiểu mình đang nghĩ gì, sắp nên nói gì. Lâu về sau, có người thì thào:

- Họ đề nghị thật như thế ư?

Người thì hỏi:

- Họ nghiêm chỉnh đấy chứ?

Người thì hàng hai dò đường:

- Kể ra cũng không có gì sai chính sách lắm!

Đồng chí tổng bí thư nói:

- Tôi đã đọc kỹ các sách kinh điển, và quả thật nhận thấy phương án không đi ngược với học thuyết Mác Lê. Nhìn theo đôi mắt duy vật biện chứng, nó còn phù hợp với đòi hỏi của lịch sử là đảng khác. Vấn đề chính là anh em ta có dám thực hiện hay không. Tôi tin rằng khi đồng chí Lénine đọc xong bộ

Tư bản luận của đồng chí Karl Marx, đồng chí Lénine cũng ở cùng tâm trạng của chúng ta đêm nay. Dám hay không dám, đó là vấn đề.

Anh Ba nói xong nhìn quanh khắp mọi người. Chẳng hiểu do buồn ngủ, do lạnh, hoặc do hoang mang trước phương án táo bạo, mà mọi người đều ngồi co ro, hai vai so lại trong chiếc áo mỏng, đáng ử rữ như những cụ già về chiều. Anh Ba chợt nhớ mọi người đều đã già, nhỏ nhất cũng trên 60, có người đi quá cái tuổi "cổ lai hi" từ lâu lắm. Một người vừa ho húng hắng vừa phều phào hỏi:

- Họ đề nghị làm thí điểm như thế nào?

Anh Ba lật qua nhiều tờ giấy, đến tờ cuối mới đáp:

- Có đây. Họ ghi vào phần phụ bản. Dĩ nhiên những người cha lý tưởng phải là các bậc cách mạng lão thành đã kinh qua nhiều thử thách, và có sức khỏe dồi dào.

Người vừa hỏi quên giữ ý, ngây thơ nói:

- Sức khỏe của chúng ta, của anh em ta, tôi sợ...

Anh Ba lừ mắt hỏi lại:

- Sức khỏe chúng ta thế nào? Chủ Tịch Mao trên 70 còn bơi nổi qua sông Dương Tử. Chẳng những bơi nổi, mà còn bơi nhanh hơn cả bọn trai tráng nữa. Đáng lý chúng ta cũng phải làm cái gì tương tự như vậy. Đây cũng là một thử thách về ý chí cách mạng, đồng chí nhớ cho!

Từ lúc anh Ba gọi anh em bằng hai tiếng "đồng chí", không khí trong phòng trang trọng nghiêm túc hẳn lên. Phương án được thông qua nhanh chóng. Dáng ngồi, cách nói của từng người trở nên trẻ trung, vững chãi, hùng hồn. Vấn đề còn lại là tìm những người cha lý tưởng cho thế hệ sau thế hệ thứ tư hiện tại. Người thứ nhất đề nghị giao cho các đồng chí tỉnh ủy viên. Ý kiến bị bác bỏ vì như vậy cuộc thử nghiệm sẽ mở rộng trên qui mô cả nước. Liệu dư luận quần chúng chưa tiến bộ, guồng máy chiến tranh tâm lý của bọn phản động, óc hẹp hòi bảo thủ của giới tu sĩ, và dư luận thế giới có để yên cho không? Trung Nam Hải, Hoa Thịnh Đốn, Rangoon, Kuala Lumpur, Singapore, Jakarta, Manila, Roma, và có thể cả Mat-cơ-va nữa, sẽ nghĩ thế nào? Người thứ nhì nâng lên cấp trung ương ủy viên. Vẫn còn nhiều quá, thế nào cũng có lời ong tiếng ve. Dĩ nhiên làm kẻ khai phá bao giờ cũng đơn độc và thường bị đăm tiếu. Nhưng quan hệ ngoại giao hiện đang bất lợi không cho phép quá liều lĩnh. Ý kiến thứ ba đề nghị thu hẹp vào ban bí thư. Bàn qua tán lại cuối cùng chỉ còn một lối thoát độc nhất: "đã đứng mũi phải chịu sào", đã đủ ý chí chiến thắng những cuộc thử thách đối đầu với bao nhiêu tên đế quốc sừng sỏ đủ màu đủ cỡ từ Nhật, Tàu, Tây, Mỹ cho đến bọn bành trướng Trung Nam Hải hiện nay, thì phải dư ý chí chiến thắng cái thứ thử thách cởn con này.

Chân lý cách mạng quá đơn giản. Mọi người tuy trong lòng phần bực, phần lo, phần tức cười, nhưng ngoài mặt ai ai cũng tỏ ra lạc quan tự tin. Đồng chí tổng bí thư nhìn lên ảnh Bác, giọng băng khuâng:

- Tiếc quá, nếu Bác còn sống với anh em chúng ta...

Những người còn lại đã từng nghĩ như đồng chí tổng bí thư, nhưng không đủ thế để nói ra một điều dường như bất kính, bấy giờ được dịp phụ họa:

- Ừ nhỉ! Giá Bác còn sống!

- Phải rồi. Được có Bác thì...

Rồi nghĩ đến sự yếu đuối chùn bước trước thử thách, không hẹn họ cùng hướng về phía bức sơn mài màu đen có khảm xa cừ bốn câu thơ quý giá:

Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Dời núi và lấp biển

Quyết chí cũng làm nên.

Họ ra về lúc đã quá khuya. Xe của từng người có gắn máy sưởi ấm nhưng ai nấy đều lạnh run. Một phần khí hậu Hà nội không đúng như bản tin thời tiết đọc trên tivi, một phần do họ cứ lo âu vu vơ.

Phương án thử nghiệm được thực hiện đúng như đề nghị của Viện Qui Hoạch. Phòng tinh đông viên thuộc Viện nghiên cứu chăn nuôi trung ương được bí mật giao thêm một công tác mới. Hội Phụ Nữ Trung Ương khẩn cấp họp kín để tranh cãi bình bầu 14 bà mẹ lý tưởng. Ở đây, hội phụ nữ đã gặp quá nhiều khó khăn khách quan. Luật sinh vật học dảm ở ngoài biện chứng pháp nên không cho phép những chiến sĩ gái luống tuổi từng kinh qua nhiều thử thách có thể thụ thai, nên bắt buộc phải lựa chọn các phụ nữ dưới bốn mươi tuổi. Họ thuộc thế hệ thứ ba, thế hệ chống Mỹ cứu nước. Một số khá lớn từng sống nhiều năm trong rừng để làm hết đường mòn Hồ chí Minh bên Trường sơn tây lại đến Trường sơn đông, nên bị sốt rét kinh niên, tức là không hội đủ tiêu chuẩn sức khoẻ. Số xinh đẹp khoẻ mạnh lại bị mang tiếng lập trường chao đảo không dám xung phong đi B. Số ốm o vì từng bị tra tấn trong nhà tù Mỹ ngục. Số quá to béo vì làm việc lâu năm ở cửa hàng

thương nghiệp hoặc nhà hàng ăn uống quốc doanh. Số quá trẻ để có thành tích nghĩa là có lý lịch tốt. Số quá già để đủ sữa nuôi con.

Kinh cãi gấu ó nhau mãi, cuối cùng Hội phụ nữ đã phải nhờ đến máy tính điện toán. Lựa cho được 14 người mẹ khó thật. Máy vừa lựa xong, một trở ngại mới lại xuất hiện: 7 trong số 14 người phụ nữ may mắn đã đăng ký ứng tuyển khi chưa hỏi ý kiến chồng. Gia đình suýt có cơ tan vỡ nếu 7 ban thư ký công đoàn không vội vã đến gặp 7 ông chồng cổ hủ để vừa giải thích, vừa đe dọa,,vừa vuốt ve. Sức người hợp với sức máy cuối cùng đã hoàn thành sứ mệnh chu đáo.

Bộ Y tế phối hợp với Hội Bảo vệ bà mẹ và trẻ em chuẩn bị đầy đủ các phương tiện thăm thai, bảo vệ thai, đỡ đẻ, nuôi trẻ sơ sinh. Bộ Giáo dục chuẩn bị mở các lớp đặc biệt dành cho trẻ em xuất sắc. Một Ủy ban đặc biệt được thành lập để phối hợp công tác, theo dõi đôn đốc phân vụ các ngành ban cho nhịp nhàng và có hiệu quả cao nhất. Tóm lại, mọi sự đều sẵn sàng đến mức tối hảo, tối tối hảo.

Viện nghiên cứu chăn nuôi cử 14 chuyên viên xuất sắc nhất của Phòng tinh đông viên đến Hà nội lãnh công tác đặc biệt. Trước đó, họ được dự một khoá học tập chính trị 21 ngày, mỗi ngày được hưởng phụ cấp bồi dưỡng 50 đồng. Ăn ở tại khách sạn dành cho khách quốc tế. Đi lại có xe con của Bộ nội vụ. Họ phải tuyên thệ giữ bí mật trước khi nhận công tác.

Phương án sơ khởi của Viện qui hoạch chỉ có hai trang giấy đánh máy hàng đôi cỡ 21 x 27. Nhưng sau khi triển khai đầy đủ phương án gốc, tập tài liệu dày đến 200 trang đặc cỡ chữ nhỏ.

Tuy nhiên phương án chi tiết này quên một điểm then chốt: đó là quyết tâm của các đồng chí lãnh đạo trong Bộ Chính trị. Sau cuộc họp khẩn tối thứ bảy hôm đó, về đến nhà, các vị mới thấy mình vừa chấp nhận một cuộc thử

thách kỳ cục. Kể cả đồng chí tổng bí thư. Nhưng ai là người đầu tiên dám thú nhận mình không còn đầy đủ sinh lực để tiếp tục hi sinh cho cách mạng? Ai? Mao Trạch Đông còn dám bơi qua sông Dương Tử giữa ban ngày trước mắt hàng triệu triệu người. Còn mình? Chỉ gắng sức một tí ở chỗ không có ai trông thấy, mà hiệu quả tuyên truyền chẳng kém gì hành động ngoạn mục của họ Mao, tại sao không dám làm?

Phải làm, tuy vẫn thấy kỳ cục, đó là vấn đề.

Cho nên có vị bèn nhờ anh tài xế lái xe riêng cho mình. Có vị đi nhờ anh cần vụ. Anh cần vụ không hiểu gì ráo vẫn thấy kỳ, đi nhờ lại những chỗ làm ăn đơn nghĩa lâu nay với anh, như cửa hàng trưởng cửa hàng lương thực đặc biệt, như trưởng phòng thương nghiệp, anh phụ trách vật tư, thủ kho xăng dầu, công an kinh tế...nghĩa là các chức sắc cấp trung nắm trong tay rất nhiều tiền, và có trong óc rất nhiều kế móc ngoặc bòn cửa quyền để thủ lợi.

Kết quả cuộc thử nghiệm ra sao?

Chính xác lắm. Và các bạn đọc đừng ngạc nhiên khi thấy sang thế hệ thứ 4.5, thứ 5, thứ 6...những người kế nghiệp thực sự nắm quyền lãnh đạo đất nước là anh tài xế cán bộ thương nghiệp, cán bộ vật tư xăng dầu, công an kinh tế...

Cha truyền con nối theo huyết thống mà.

Thư gửi đám mây xa

Tối hôm đó, hai bà cháu lo viết thư gửi về Việt Nam. Ngoại dặn cháu:

- Hà nhớ viết thư cho rõ nghe. Chữ cháu viết xấu khó đọc lắm.

Thằng bé kinh ngạc hỏi:

- Ngoại xem vở của cháu hồi nào? Ngoại biết chữ rồi à?

- Đâu có. Ngoại nghe má cháu bảo vậy. Ngoại từng này tuổi còn học gì nữa.

Thằng Hà thắc mắc:

- Tại sao hồi trước ngoại không đi học?

- Hồi trước chỉ có con trai đi học, con gái ở nhà lo chuyện bếp núc thêu thùa. Ngoại làm bánh cũng giỏi lắm. Cả vùng không có cô gái nào làm bánh giỏi và thêu đẹp bằng ngoại.

Bà cụ mơ màng nhớ lại thời còn trẻ. Thằng Hà hỏi:

- Ngoại buồn ngủ hở ngoại?

- Không. Ngoại nhớ hồi... nhưng thôi, lo viết thư đi.

Đứa cháu không chịu được điều gì thiếu rõ ràng, nên thắc mắc:

- Nhớ hồi nào hở ngoại?

Ngoại mỉm cười, giọng run run vì xúc động:

- Hồi trước ngoại thật ngờ. Ông ngoại theo mai dong đến xem mắt mà ngoại có biết gì đâu. Lúc đó ngoại đang chơi ô làng. Nghe bà cố gọi vào pha nước mời khách, ngoại bọc đóng hột me bằng vạt áo trước, để hở cả rún. Bưng nước lên mời khách mà tay vẫn cứ khư khư giữ túi hột me. Không ngờ do thế mà được ông ngoại khen là da dẻ trắng trẻo.

Thằng Hà cười thích thú. Nó không thể tưởng tượng ra cảnh bà ngoại ham chơi ô làng đến nỗi giờ rún cho ông ngoại ngắm. Nó cười đến chảy nước mắt. Ngoại gắt:

- Cười cái gì? Hồi nhỏ ai chẳng thế. Thôi lo viết đi.

Hà nín cười nhưng cây viết trên tay cứ run run. Nó hoãn binh bằng cách vuốt lại tờ giấy, vặn cho tim đèn dầu hỏa cao lên một chút. Nó sợ ý làm cho dầu dính lên một góc giấy viết thư. Sợ ngoại la, nó lấy tay che vết dầu bẩn lại. Hà hỏi:

- Viết gì hở ngoại?

Ngoại đằng hắng rồi nói:

- Viết dặn má mà đêm nào cũng nhớ thắp hương trên bàn thờ ông ngoại.

Thằng Hà ngớ ra, lo âu hỏi:

- Viết cách sao ngoại?

Ngoại bực:

- Thì viết dặn má nhớ thắp hương.

- Nhưng đầu tiên phải viết cái gì đã chứ. Chưa gì đã nói chuyện thắp hương, đâu có ra lá thư.

Ngoại gật gù bảo cháu:

- Ờ phải. Cháu liệu viết vài dòng cho ra lá thư. Hà học lớp sáu, biết cách viết thư rồi.

Hà không dám thú nhận bài luận viết thư của mình bị cô giáo đọc cho cả lớp cười giải lao. Thú nhận như vậy mất mặt quá. Cho nên Hà lặng lẽ viết mấy hàng mở đầu:

Thư của ngoại – và của con – gửi má.

Ngoại và con đến đảo Kuku hôm 5-12-82. Đi biển gặp sóng lớn dữ quá, má à. Con bị ói, ngoại cũng bị ói. Chắc má lo cho ngoại dữ lắm. Bữa đó con cũng sợ dữ lắm. Ngoại vừa dặn: Qua bên đó rán học giỏi và nghe lời cậu Liễn, thôi

ngoại về, thì súng nổ dễ tè. Ngoại sợ con bị đạn lạc ôm cứng lấy con. Máy chú trên ghe hối thúc dữ lắm, hai bà cháu mới leo lên được. Ra ngoài xa ngoại mới nhớ phải về, kêu máy chú cho xuống...

Bà ngoại thấy cháu viết một mạch không thèm hỏi ý kiến mình, đâm lo, vỗ vai cháu hỏi:

- Cháu viết gì nhiều vậy?

Hà hãnh diện đáp:

- Đầu tiên cháu kể lại hôm mình lên ghe cho nhà biết. Cho má đỡ lo chứ ngoại.

- Cháu kể được à?

- Được chứ ngoại. Để cháu đọc cho bà nghe.

Hà bắt đầu đọc. Càng đọc, nó càng thấy mình viết dữ quá dữ lắm đến thừa thãi. Còn hai chữ dễ tè học được của tụi bạn bụi đời ở Sở Thú thì Hà rất khoái nhưng má lại rất ghét. Nhưng lỡ viết rồi, làm sao đây? Ngoại gật gù khen cháu viết ngắn gọn mà đầy đủ. Phải. Chưa chi đã căn dặn thấp hương. Má thằng Hà đang lo không biết mình lạc đi đâu, chết sống thế nào sau khi bãi bị vỡ, một số bị bắt, không nói ngay cho con yên lòng, đã dặn chuyện cúng tế. Tuổi nhỏ thời nay thông minh thật. Hà hỏi:

- Con viết chuyện thấp hương được chưa ngoại?

Bà cụ hoàn toàn tin tưởng sức cháu, mau mắn đáp:

- Được. Cháu liệu viết sao cho má cháu nhớ. Ngoại sợ má cháu đi làm về lo đủ thứ chuyện mệt quá, quên đi.

Hà lại tự tin, nó viết:

Ngoại và con qua đây nhớ nhà dữ lắm...

Hà giật mình ngưng lại. Lại dữ lắm. Nó xóa hai chữ thừa thãi đi, suy nghĩ một lúc, rồi viết thêm hai chữ ghê lắm. Bà ngoại thấy Hà khựng lại, tưởng cháu quên, nhắc nhở:

- Cháu viết đi. Dặn má dù mệt cũng nhớ...

- Con nhớ mà ngoại.

Rồi Hà nói dối lấy oai:

- Con suy nghĩ xem nên viết thế nào cho má nhớ lâu.

Thằng bé gặm cán bút một lúc cho đúng với lời nói dối, mặt đăm chiêu. Ngoại yên lặng kính trọng phút suy tư thâm trầm của cháu. Một lúc sau, Hà viết tiếp:

Thật tức cười. Ngoại vừa kể con nghe chuyện hồi nhỏ vì ham chơi ngoại lỡ để cho ông xem rún. Ngoại có kể chuyện đó cho má nghe chưa? Ngoại cứ lo ở

nhà má nấu ăn xong, mệt ngủ vùi, quên thắp hương trên bàn thờ ông ngoại. Nhớ thắp hương nha má!...

Sau khi chấm dấu than theo đúng lời dạy cô giáo dạy văn, Hà ngừng lại. Nó đắc chí hỏi:

- Con đọc lại cho ngoại nghe nha?

Ngoại lắc đầu:

- Khởi cần. Viết nhanh kéo đèn hết dầu. Con nhắc má mỗi lần thắp hương nhớ khẩn ông ngoại rằng bà ngoại đã qua đây rồi, ông ngoại không nên lo quá. Khẩn thêm rằng hồn ông có thiêng thì xin theo ngoại cho ngoại để hương khói. Bên đó xa quá, ngoại muốn nói gì với ông cũng không nói tới được.

Thằng Hà thấy ý của bà hay thật. Ừ nhỉ. Sao ông không theo bà để má nó nếu có quên thắp hương cũng không đến nỗi mang lỗi nặng. Mỗi lần Hà ham ra bờ biển câu cá lượm vỏ ốc, bà ngoại có người để tâm sự, khỏi phải thắp thỏm đi vô đi ra. Nó hỏi:

- Ông qua đây được hờ ngoại? Đi cách nào cho đỡ nguy hiểm, chứ như chuyến hai bà cháu mình, ghê quá.

Ngoại trầm ngâm nghĩ đến lúc có thể thắp hương tâm sự thỏa thuê với vong hồn ông, không nghe được câu hỏi của Hà. Thằng bé hiểu được tâm trạng của ngoại.

Nó cúi xuống viết:

Ngoại thường cầu khẩn nếu ông có thiêng xin qua đây cùng ngoại. Tội lắm nha má. Ngoại lên chùa cầu Phật, chưa yên lòng, ngoại còn bảo con qua bên nhà thờ cầu thêm Chúa. Con được ăn bánh thánh rồi. Bánh họ cho ít đường quá má à. Lại nhỏ xíu.

Hà vừa viết xong, ngoại đã nhắc:

- Cháu viết nhắc má nhớ cho gà uống nước. Cái chuồng heo hướng bắc bị gió, nhớ mua tấm tôn cũ dưới đường Bạch Đằng về che lại. Heo bị cảm gió dễ chết lắm, mà má mà thì đồ biết bao nhiêu tiền mua cám với xác mì rồi.

Hà nhận thấy ngoại dặn như thế là thừa. Việc cho gà uống nước, má đã giao khoán cho em Ri. Còn chuyện nuôi heo, chính vì má đã đổ quá nhiều tiền mua cám nên bà khỏi nhắc, má cũng đã lo rồi. Và lại, khi thư về đến Việt Nam, biết đâu má túng tiền đã kêu người tới bán heo non. Biết không thể tranh luận với ngoại được, Hà viết:

Trong hai bọc lương thực họ phát cho con với ngoại ăn năm ngày, chỉ có hai gói đường thôi. Cà phê cũng có nhưng ngoại cấm con không được uống. Ngoại để dành đem đổi cá về nấu canh. Đồ hộp được bốn lon. Con khoai ca ry thịt gà hơn ba tê heo, tuy hộp ba tê lớn hơn hộp kỳ trước má mua về ăn bánh mì. Hơn tháng nay ăn ba tê hoài con ớn quá.

Thằng Hà liếc nhìn ngoại, sợ ngoại khám phá sự tự chuyên của nó. Cách nhìn của ngoại có vẻ ngờ vực thật. Ngoại hỏi:

- Con đã nhắc má mua tôn ở đường Bạch Đằng chưa? Mua ở Bạch Đằng rẻ hơn bên bến Chương Dương. Năm ngoái ngoại có đi với cậu Liễn, hỏi cậu chưa đi Mỹ đó, hỏi giá hai chỗ thấy cách nhau cả trăm bạc.

Hà vội đáp để giấu lỗi:

- Con chép đủ lời ngoại dặn rồi.

Nói xong nó lấy bạo tố thêm:

- Con đọc cho ngoại nghe nha.

Bà nó lắc đầu như dự đoán của Hà. Hú vía.

Phần bà cụ, cũng nhận ra mình sơ ý. Ai đời lo cho heo gà, cho người đã khuất, mà không lo gì đến con gái mình. Mà bà cụ biết lắm, con gái bà đang mất ăn mất ngủ vì chưa biết tin tức sức khỏe con trai cứng ra sao. Ngoại liền bảo Hà:

- Thôi bây giờ nói tới chuyện cháu đi. Cho má biết tin cháu vẫn khỏe, có hơi mập thêm chút ít. Hôm qua trên bệnh viện, cháu cân tăng được một ký rưỡi phải không?

Hà vui mừng vì chờ đợi mãi, nhường ưu tiên cho ông ngoại, cho heo gà mãi, bây giờ mới đến lượt mình.

Phải gò phần này cho kỹ mới được. Sau khi suy nghĩ chín chắn nó viết:

Phần con vẫn khỏe. Hàng ngày con đi câu cá. Ở đây cá biển nhiều lắm nha má. Cá để nấu canh nhiều, mà cá vàng để chơi cũng nhiều. Hôm qua con bắt được ba chú cá đủ màu sắc tím xanh vàng đỏ. Vây dài và rộng tỏa theo hình rẽ quạt. Con còn đi lượm củi cho ngoại nấu cơm và ngày mai bắt đầu học Anh văn. Con lên được – Hà do dự một chút rồi mím môi viết – ba ký rưỡi. Má hết gọi con là Hà Ròm chưa?

Ngoại nghiêng đầu nheo mắt ngắm đứa cháu ngoan đang viết thư. Cách lập nghiêm của Hà giống y cách phụng phịu của má Hà, lúc má Hà còn là cô bé dễ thương thường làm nũng với mẹ. Ngoại cảm thấy bồi hồi, lòng lâng lâng buồn. Thời gian qua mau, thoáng một cái ngoại đã già, rồi tử biệt sinh ly, rồi nụ cười trẻ thơ héo dần cho nước mắt rỏ xuống. Bao nhiêu đổi thay ngoại từng chứng kiến, cho đến lúc hai bà cháu lưu lạc đến chốn hoang đảo này.

Ngoại đang nghĩ ngợi đủ thứ chuyện, chợt nhớ đến chuyện bên nhà, giật mình bảo cháu:

- Hà viết xong chưa? Cháu phải viết ngay, kéo quên thì mang tiếng với người ta chết. Cháu viết cho má biết là hôm đi, ngoại còn nợ của bà Tư sét hai đồng bạc đường, và một đồng bạc ớt. Ngoài chợ thì thím Năm Cần bán rau chưa thối cho ngoại ba đồng. Hôm đó ngoại mua bảy đồng bầu với chuối, ngoại đưa mười đồng thím Năm không có tiền lẻ thối. Ngoại còn mượn của dì Bảy cái dao tằm trâu chưa kịp trả. Ngoại tưởng xuống đưa cháu đi xong rồi về, ai ngờ...

Thằng Hà liền hỏi:

- Sao hôm đó ba má cháu không đưa cháu đi, hở bà?

Bà cụ nhìn quanh, thấp giọng đáp:

- Ba cháu đi học tập về chưa được trả quyền công dân đâu có đi được. Má cháu làm công nhân viên mới có thể mua gạo rẻ cho cả nhà. Đưa cháu đi, lỡ chẳng may...

Hà thấy thương má và nhớ em Ri, buồn rầu hỏi:

- Vậy cho cháu đi làm gì? Bà ơi, cháu nhớ ba má với em Ri quá.

Ngoại xoa đầu an ủi cháu:

- Cháu là con trai phải can đảm và biết điều. Lý lịch cháu xấu, làm sao học cho được. Cháu qua với cậu Liễn nếu chăm có thể thành ông này ông nọ. Ba má và bà hy vọng ở cháu nhiều lắm. Vả lại Trời Phật xui khiến thế nào mà cuối cùng cháu có bà theo hầu hạ. Còn đòi gì nữa nào? Thôi, cháu viết tiếp đi.

- Viết gì hở ngoại?

Bà cụ ngỡ ra, quên mất điều vừa dặn. Một lúc sau, cụ mới nhớ:

- Ngoại già lú lẫn mất rồi. Chỉ có bao nhiêu mà cũng quên lên quên xuống. Nhắc má ngoại nợ bà Tư Sét hai đồng đường nè, một đồng ớt nè, mượn của thím Năm con dao tằm trâu chưa trả nè, bà Năm Cần chưa thối cho ngoại ba đồng nè...

Thằng Hà thấy nợ nần ngoại còn dây dưa ở Việt Nam không đáng bao nhiêu, trong khi nó chợt nhớ nợ nần ơn nghĩa của nó quá lớn. Hà vội viết vào thư:

Ngoại nhắn má trả nợ cho bà Tư Sét ba đồng, trả thím Năm cái dao và đòi bà Năm Cần ba đồng rau chưa thối. Em Ri, thằng Châu con ông Nhật Trường mượn của anh cuốn Tên Xì Trum Thứ 101 và Tintin Ở Xứ Vàng Đen đã đem trả chưa? Em qua đòi và nhớ lật kỹ xem có thiếu tờ nào không. Sách vàng và báo Tuổi Xanh của anh, em cứ xem nhưng không được xáo lộn xộn và cho bạn bè mượn bữa bãi. Anh thấy tụi nhóc con gái ít quý sách vở. Máy cái xe hơi nhựa em nên giữ cẩn thận, chơi xong bỏ vào hộp kéo vô ý bể hết. Cái cặp da của anh em cứ dùng nhưng rán đừng để cho trầy uống lấm. Tụi bồ ruột của anh như thằng Huy con bà bác sĩ Liên Hương, thằng Hà con ông cán bộ đài truyền hình, thằng hề Bảo Quốc có đến hỏi anh không? Trên trường có xô xao bàn tán sau khi anh đi không? Đã thi học kỳ một chưa? Nếu thi, thi xong môn nào rồi? Thầy Anh vẫn nghe anh đi chắc tiếc lấm lấm lấm...

Hà dừng lại, thỏa mãn dễ tề vì ba chữ Lấm cuối cùng. Ngoại ngạc nhiên, không hiểu cháu viết thứ gì mà nhiều quá, viết xong lại cười hoài, nên hỏi:

- Cháu viết xong chưa? Ngoại chỉ nợ có hai chỗ thôi mà.

Hà đỏ mặt nói dối:

- Con dọn đi dọn lại cho má khỏi quên.

Ngoại nửa tin nửa ngờ nhưng không lâu, vì bà cụ chợt nhớ tới con dao tằm trâu:

- Qua đây ngoại thèm trầu quá đi mất. Không biết bên Mỹ có bán trầu không Hà?

Hà đáp liền:

- Có chứ ngoại. Con nghe dì thằng Thắng bảo có đủ cả. Nào chao, tương, nước mắm, tiêu tỏi ớt, trầu cau. Cần thứ gì có thứ nấy. Ở khu vực nhiều người Việt chỉ ra ngõ là mua đủ. Ở xa phải đi xe hơi. Nhiều người thèm bún bò lái xe cả trăm cây số ăn một tô bún rồi về.

Ngoại đâm lo:

- Phiền nhỉ. Ngoại không chịu được mùi xăng. Đi xe hơi lần nào ngoại cũng muốn nôn mửa. Qua Galang, mình đi Mỹ bằng gì hở cháu?

Hà đáp theo ước vọng chứ không phải vì thành thạo:

- Phải đi bằng máy bay chứ ngoại. Vù một cái là tới.

Giọng của ngoại thêm lo lắng:

- Có bao giờ máy bay rơi không cháu?

Hà nghĩ tới cái thú được nhảy dù, vui vẻ đáp:

- Có chứ. Rơi là thường.

Thấy ngoại quá lo, nó thú vị một cách trẻ con, thêm vào:

- Cháu nghe nói bị rớt máy bay nếu không kịp mang dù sẽ bị tan xác ra thành cám. Không còn nhận được ai ra ai hết. Mỗi người thu lại không đủ một trăm gam. Sách có nói thế.

Ngoại thì thào:

- Không đủ trăm gam. Ghê quá. Qua đó, cháu viết thêm lá thư đi Mỹ, bảo cậu Liễn đem xe qua đón bà.

Rồi muốn quên ngay ám ảnh đó, ngoại nói:

- Còn giấy không? Nửa trang thôi à? Cháu viết thêm hẹn má qua đến Galang sẽ chụp ảnh màu gửi về. Ngoại gặp cậu Liễn sẽ kể rõ tình cảnh má để cậu tìm cách giúp đỡ. Máy loại thuốc và vải má dặn con nói với cậu, bà cũng nhớ. Cậu Liễn sẽ gửi về đều.

Thằng Hà xịu mặt. Nó thấy tự ái gia đình bị va chạm. Nó nhớ ba nó thất nghiệp nhưng thích âm thầm chịu đựng cảnh thiếu thốn hơn là lên tiếng nhờ vả. Một lần cậu Liễn gửi quà về cho ngoại, ngoại thương má khổ đem chia bớt cho má một nửa. Má mừng, đem vải đen Isofi và mấy lọ thuốc Tylenol ra khoe với ba. Ba không vui, sau đó ba má dẫn nhau ra sân trước rì rầm gì đó thật lâu. Lúc trở vào, nét mặt ba dàu dàu, còn mắt má thì đỏ hoe.

Từ đó về sau, mỗi lần ngoại hờn hờ mang quà cậu Liễn xuống, má đón ngoại từ cổng và dẫn theo lối sau vào nhà bếp. Hôm Hà sắp đi, má cũng chờ ba đi vắng mới đem tờ giấy ghi tên loại vải và thuốc tây được giá tại Sài Gòn ra bắt

Hà học thuộc để nói lại với cậu Liễn. Tuy thương má vô cùng, mỗi lần thấy má bản thân rầu rĩ vì túng thiếu, Hà muốn ôm má để an ủi, nhưng tận thâm tâm, Hà thích cách suy nghĩ của ba hơn. Không hiểu rõ người lớn, nhưng Hà lờ mờ cảm thấy trong lối chịu đựng của ba, có cái gì dũng cảm đáng kính. Vì thế Hà viết vào cuối thư:

Hiện ngoại và con chưa biết lúc nào mới qua Galang. Qua đó con sẽ chụp hình màu gửi về cho má ngay. Con sẽ cười thật tươi để má và em Ri thấy con vui và khỏe biết chừng nào. Ngoại nhắn má nên yên tâm. Tàu chở hai bà cháu đi Galang lớn lắm, không dễ đắm như cái ghe con nhỏ xíu dưới Bạc Liêu. Phần em Ri anh chúc em học giỏi. À quên, em sang đây thì mặc sức mà nhặt bao ni lông nộp cho đội. Anh thấy họ vớt bao ni lông khắp nơi, cái nào cũng còn trong veo và thật dày liền nghĩ lại cảnh em phải đi góp từng cái bao ni lông hôi rình mỏng dính để làm kế hoạch nhỏ mà tiếc. Qua Mỹ anh sẽ mua đồ chơi bằng thiếc gửi về cho em. Hẹn ngày gặp em trở lại, anh sẽ dẫn Ri đi mua mía và ổi hư vào Sở thú cho voi và khỉ ăn. Ri có nhớ hôm anh suýt bị chú khỉ níu tóc, còn em bị con voi già phun nước ướt cả quần áo hay không?

Ký tên: Hà và bà ngoại.

Hai bà cháu viết xong thư thì đêm đã khuya. Hà hãnh diện được ký tên như một tổng thống ký vào lời hiệu triệu quốc dân. Hà còn đề nghị bà ngoại điểm chỉ vào cạnh chữ ký của mình, nhưng ngoại bảo không cần. Bạn đọc có thể thắc mắc tại sao trong thư Hà không nhắc gì đến ba cả. Hà vẫn nhớ ba, thương ba, phục ba. Nhưng trước khi đi, má dặn nếu có viết thư, đừng nhắc gì đến ba hết. Sợ công an kiểm duyệt thư đọc được, sẽ bắt ba đi học tập trở lại. Má bảo thế.

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Năm 1977 sau khi được chuyển từ Long Giao lên Gia Rai, trại chúng tôi được phép thăm nuôi. Giấy phép được ban quản huấn gửi thẳng về gia đình, chúng tôi tràn trề hy vọng. Tên tôi vẫn N nên phải chờ đến ngày thứ 29 mới đến lượt tôi. Suốt 28 ngày trước, toàn trại rộn rịp như ngày hội. Tối hôm trước, không ai ngủ được. Buổi sáng người đến phiên hồi hộp ra gặp gia đình thì những bạn bè cùng lán cũng hồi hộp chờ bạn về. Người mang được tin vui. Không ít thất thểu xách giỏ thăm nuôi trở về với bộ mặt dầu dàu, ai hỏi gì cũng không nói. Buổi tối, những thức ăn phải ăn liền như xôi, bánh mì, bánh bao, thịt quay được bày ra, từng nhóm vừa ăn uống xì xụp vừa kháo chuyện nhà. Thuốc lá thơm chuyển từ môi này đến môi khác, khói un mù mịt cả đêm rừng. Lòng từng người dù đã thăm nuôi hay chưa đều mở hội, quà cáp thứ gì không thuộc loại lương khô (như mì ăn liền, cốm dẹp, mắm ruốc, muối đỗ, bánh tráng...) đều trở thành tài sản chung.

Ngày thăm nuôi của tôi đã đến. Thú thật vì đã sống suốt 28 ngày nôn nao rộn rã cùng với bạn bè nên đến lượt mình, tôi bình thản hơn. Tôi còn độc thân, các anh chị đã lập gia đình bận bịu vợ con nên chắc chắn chỉ có mẹ và đứa em gái út lên 14 tuổi lên thăm tôi thôi. Những người khác chờ mong nhìn lại mặt người vợ yêu dấu, âu yếm nắm bàn tay đã hao gầy, vuốt đôi má hóp, lùa tay vào mái tóc đã thưa để bồi hồi thương xót vợ con. Người trăn trở suốt đêm chờ gặp lại người yêu. Người nao nức muốn trời mau ngả chiều để hôn đứa con sinh ra lúc mình vắng nhà. Phần tôi, chỉ chờ một người mẹ và đứa em gái. Thứ quan hệ tình cảm đó đậm đà nhưng đơn giản, lim lìm vào chiều sâu chứ không bông bột sôi nổi như tình lứa đôi. Nó như nước trà chứ không như cà phê, muốn ví nôm na thì nói thế cũng được.

Toán vẫn NG của tôi lại thuộc buổi chiều, nên tôi càng có đủ thì giờ trấn tĩnh. Vì được lệnh chính thức nên chúng tôi lục bộ quần áo dân sự lâu nay nhét dưới đáy xách ra mặc lại. Nếp áo còn nhăn, hăng hắc mùi băng phiến pha lẫn ẩm mốc với mồ hôi, kích thước lại quá rộng, nhưng ai cũng có cảm giác hân

hoan như được mặc áo mới đi hái lộc đầu xuân. Một lần nữa cảm tưởng (hoặc ảo tưởng) được dứt khoát với quá khứ để lập cuộc đời mới, được vứt bỏ bộ quân phục dày cộm khoác áo nhẹ về quê xây nhà lập vườn trở lại với chúng tôi. Đúng hai giờ chiều, tôi xếp hàng cùng các bạn theo cán bộ quản giáo ra cổng trại. Nhà thăm nuôi nằm sát bên trong rào kẽm gai, đứng đó có thể nhìn rõ nhà ga và cảnh thân nhân các nơi đổ về đây. Chúng tôi được lệnh ngồi theo hàng ngũ dưới một gốc sấu già, ai được gọi tên mới xách bao xách túi ra khu tiếp tân. Lệnh thật nghiêm: không được nói chuyện, không được đứng dậy chỉ trỏ, không được ra dấu hoặc nhờ vả nhân nhủ kẻ đi trước. Vì sợ bị phạt, chúng tôi răm rắp tuân theo. Nhưng lòng chúng tôi có yên đâu. Vắng cán bộ quản giáo một lúc là tiếng xì xầm nổi lên ngay. Nhiều người thấy vợ con xách giỏ đi vào cổng, mừng quá reo lên, hoặc đứng hẳn dậy gọi ơi ới. Biết làm sao được! Hơn hai năm nay chúng tôi không được biết gì hết ngoài việc học chính trị và làm rẫy, tin tức gia đình và những gì xảy ra bên ngoài vòng kẽm gai đều mù mịt. Ở vào cảnh huống đó mới thông cảm được chúng tôi.

Tôi lóng ngóng chờ đợi mãi vẫn chưa thấy bóng mẹ và em tôi vào cổng. Ba giờ. Ba giờ rưỡi. Rồi bốn giờ. Chỉ còn nửa giờ nữa! Bốn giờ mười, rồi bốn giờ mười lăm. Toán của tôi hầu hết đều đã gặp thân nhân và hơn hở xách giỏ lương thực nặng trở vào. Bốn giờ hai mươi. Chỉ còn tôi và một cụ già thiếu tá bảo an hồi hưu ngồi lại. Cụ thiếu tá thất vọng ra mặt, hết đứng lên ngóng ra cổng trại hoặc tận ga xe lửa lại ngồi xuống ho sù sụ. Tôi cố giữ trầm tĩnh ngồi bó gối nhưng trong lòng như có ai đốt lửa. Nhà tiếp tân vắng dần. Bốn giờ 23, rồi bốn giờ 24 phút. Đúng 4 giờ 25 thì chuyến tàu chợ từ Sài Gòn lên xình xịch đổ ngoài ga. Niềm hy vọng của tôi đây. Không dẫn được nữa, cả tôi lẫn cụ thiếu tá đều đứng bật dậy dõm chạy ra nhà tiếp tân. Tôi đã không làm. Lúc hồi kèng báo hiệu giờ thăm nuôi đã hết uể oải điếm đều từng tiếng, tôi thấy mẹ và em tôi vội vã xách hai cái giỏ lát khá lớn chạy từ nhà ga vào cổng trại. Em gái tôi gầy gò, mẹ tôi già yếu, nên thấy dáng hối hả của hai mẹ con, tôi xúc động quá bất giác kêu lớn:

- Mẹ, con đang chờ đây!

Có lẽ tiếng gọi của tôi bị gió rừng bạt mất, vì tôi không thấy mẹ và em tôi quay lại. Anh vệ binh đứng tuổi mang kính râm giữ việc kiểm soát giấy phép đã đứng dậy ra về, toán thân nhân đến trễ đang bu quanh anh, nét mặt người nào cũng khẩn khoản, chời vờ. Họ năn nỉ gì đó, nhưng tôi thấy anh vệ binh cứ lắc đầu. Một bà cụ nắm tay anh nói một hồi. Anh ta chăm chú nghe, nhưng đưa tay lên xem đồng hồ, rồi cương quyết lắc đầu. Đến phiên mẹ tôi chen vào. Mẹ tôi nói gì tôi không rõ, chỉ thấy mẹ tôi vừa nói vừa trở về phía nhà ga. Có thể bà cụ đang đỡ lỗi cho chuyến tàu chợ trễ nãi. Anh vệ binh vẫn lắc đầu. Nóng ruột quá, tôi liều lĩnh bỏ chỗ gốc sấu chạy đến khu thăm nuôi. Tôi nghe rõ môn-một giọng Nghệ Tĩnh giận dữ tức tối của anh ta:

- ... Các người còn muốn đòi gì nữa? Chồng con các người mang tội với nhân dân phải học tập cải tạo nhưng còn có ngày được về. Còn tôi đây này, nhập ngũ từ 1965, đi khắp các chiến trường cho đến lúc về ở cái xó rừng này, biết bao giờ tôi mới được về? Chồng con các người còn được tiếp tế giỏ này giỏ nọ. Còn tôi đây, vợ con không có đủ tiền gửi cho lấy một cái kẹo. Các người có dư tiền để mua vé xe lửa lên đây thăm nuôi. Vợ tôi biết tôi ở đây từ hơn hai năm nay, chưa thấy mặt tôi gần bảy năm rồi mà không có đủ tiền mua lấy cái vé xe hạng chót! Các người còn đòi gì nữa!

Nghe lén được mấy câu đó, tôi sững sờ đến nổi gai ốc. Tôi va đầu vào cái tường sự thật tàn nhẫn nên choáng váng. Người tôi ngây ngây, quên cả ý định lên tiếng để mẹ và em tôi trông thấy. Có lẽ các thân nhân đến trễ cũng có tâm trạng y như tôi, nên nghe anh vệ binh nói xong, họ tản ra hết. Đã nói đến nước đó thì năn nỉ cũng vô ích, nên tôi thấy mẹ và em buồn bã xách đồ ra ga mà không biết phải làm gì. Cuối cùng tôi chỉ còn biết sợ! Tôi nháy mắt ra hiệu cho cụ thiếu tá hồi hươ, rồi se sẽ nép vào các gốc cây để trở lại chỗ cũ. Chúng tôi về trại tay không, lòng vừa buồn rầu vừa hoang mang thật khó tả. Anh vệ binh già cầm xấp giấy phép hướng dẫn chúng tôi vào. Nét mặt anh lầm lì, bước chân nặng nề, đầu cúi xuống. Chiều ở rừng buốt lạnh. Chuyến tàu chợ ngược về Sài Gòn xinh xịch đỗ ở cái ga xép. Tiếng còi tàu khao khao hơi nghẹn. Cổ họng tôi cũng nghẹn. Buổi tối hôm đó tôi nằm

riêng một góc không tham dự cuộc vui chung. Các bạn tưởng vì không được thăm nuôi tôi buồn, nên ân cần đem đến tận chỗ tôi nằm mời ăn hết thức này đến thức khác. Tôi cảm cho họ vui lòng, nhưng không thể nói hết lý do nổi hoang mang của tôi.

Tôi tiếp tục được hưởng sự ân cần mời mọc của bạn bè suốt nửa tháng thăm nuôi còn lại. Thật ngược đời! Trong lán, tôi và cụ thiếu tá bảo an hồi hưu trở thành hai đứa trẻ được nuông chiều. Tôi ăn uống sang trọng phủ phê còn hơn cả những người được thăm nuôi đầy đủ. Nhưng “sự phồn thịnh ấy giả tạo” đúng như bài học chính trị chúng tôi học thuộc lòng trong năm đầu. Lúc các thức ăn chơi đã cạn và trong giỏ xách từng người chỉ còn lương khô, thì ai ai cũng lo tính đến đường xa. Kỳ thăm nuôi sắp tới chưa biết lúc nào, sức mang, xách, khiêng, đội, gánh gồng của những người vợ héo hon những bà mẹ già nua những đứa em yếu ớt thì có hạn. Cho nên ai cũng phải dè xẻng tính toán từng mẩu bánh khô, từng nắm cơm dẹp. Không muốn ích kỷ cũng phải dăm ra ích kỷ. Tôi trở lại sống nghèo đói đúng 100% nghĩa đen giữa đám bạn bè tương đối đầy đủ. Tinh thần tôi còn sa sút hơn trước. Không còn sự bình đẳng trong thiếu thốn nữa, nên tôi và cụ thiếu tá thui thủi một mình, mỗi lần thấy ai mở giỏ lương thực hoặc nấu nướng thứ gì, phải tìm cách lánh đi chỗ khác để họ khỏi khó xử. Và thành thực hơn, phải nói thêm là để đỡ thèm thuồng! Đã thế hình như ban quản giáo ỷ y vào đồ thăm nuôi nên lạng lẽ rút bớt tiêu chuẩn cấp phát xuống. Tôi đói mà không kêu ca than van với ai được! Kêu ca với các cán bộ hoặc vệ binh ư? Lỗi tại mẹ và em tôi đi trễ chứ đâu phải tại tổ chức! Than van với bạn bè thì có khác nào xin khéo để buộc họ bố thí. Cụ thiếu tá đã trên 60 ăn uống nhỏ nhẹ và giỏi chịu đựng như đã từng chịu đựng cuộc đời 60 năm dài. Còn tôi, sức tôi còn trẻ. Tôi cần ăn nhiều. Tôi mới 24 tuổi. Nhưng lấy gì bỏ vào mồm bây giờ?

May cho tôi là khoảng ba tuần sau, tôi được chuyển sang toán làm rẫy!

Tôi xin nhấn mạnh ở chữ ĐƯỢC, vì làm rẫy bắp đúng là một ân huệ. Thung lũng Gia Rai đất đỏ phì nhiêu chẳng kém gì vùng Xuân Lộc, Long Khánh, nhưng vì thiếu nước nên chỉ làm rẫy được trong mùa mưa. Trước đây nhà

nước có đưa dân lên lập một khu kinh tế mới, do các cán bộ chuyên viên qui hoạch lỡ quên vấn đề sống còn kém quan trọng là nước. Cũng có thể các chuyên viên ấy tin tưởng tuyệt đối vào ý chí con người: Không có nước ư? Thì hãy xắn tay áo lên, “vắt đất ra nước thay trời làm mưa”. Khổ nỗi mồ hôi của dân kinh tế mới không đủ tưới cây, và các cán bộ hướng dẫn lại không chịu đổ mồ hôi lao động, cho nên chẳng bao lâu khu kinh tế mới vỡ. Một số dắt díu bồng bế nhau trở về thành phố che lều ở bất hợp pháp ngay trên nền nhà cũ. Một số thành tiêu phu. Đàn bà con nít bán hàng rong, bán củi bó dọc theo đường xe lửa. Trên thung lũng gió hú chỉ còn lại đơn vị bộ đội lãnh phận sự quản giáo và các sĩ quan học tập cải tạo. Chúng tôi không được quyền giữ lại mồ hôi trong người. Mùa nắng phá rừng, mùa mưa tủa bắp. Chẳng bao lâu hai bên đường xe lửa, từng nương bắp ngút ngàn lần lượt lẩn chiếm cây rừng và những bụi gai dại. Dù là những tên tù bị cưỡng bách lao động, nhưng nhìn những chồi bắp vô tội nhú lên khỏi lớp đất đỏ, từng ngày theo dõi cách nó nức lá, trổ hoa, như trái, lòng người nào cũng nao nức rộn rã. Có thể chứ! Chúng tôi không phải là đồ phế thải. Có một niềm hãnh diện khắc kỷ trong lòng từng người, và chỉ cần có bấy nhiêu, chúng tôi cũng đủ sức mạnh tinh thần chịu đựng mọi gian khổ thiếu thốn.

Được đi rầy tức là được đại diện anh em đón nhận trọn vẹn niềm kiêu hãnh thầm kín của kẻ thất thế. Nhưng ân huệ không chỉ là phần thưởng tinh thần. Nó còn là phần thưởng vật chất. Chúng tôi được chuyển về Gia Rai không bao lâu thì khách đi lại trên các chuyến xe lửa xuyên Việt dần dần biết chúng tôi là ai. Tin “lành” bay xa và vội, nên khi chúng tôi bắt đầu ra khu vực dọc theo đường xe lửa phá rừng thì nhiều chuyện bất ngờ xảy ra. Ban đầu chúng tôi tưởng mình bị đồng bào căm thù quăng đá như các bản báo cáo lên lớp của chính trị viên. Phản cách mạng, gây tội ác với nhân dân, ác ôn côn đồ, kẻ thù giai cấp, những kẻ dám quay ngược bánh xe tiến hóa tất yếu của lịch sử, chúng tôi quá xứng đáng lãnh nhận lòng căm thù của nhân dân tiến bộ. Xứng quá rồi. Nhưng ơ kìa! Chờ cho vệ binh đi tìm bóng mát, vài người lén lượm những viên đá căm thù đó lên, tâm trạng cay đắng như tử tội muốn được nằm ngửa để nhìn lần cuối lưỡi máy chém. Không phải đá! Chỉ là những bức thư chữ viết chi chít, nhiều lá còn nguyên các ngấn lệ, gói bên trong một hòn cuội nhỏ tròn trĩnh. Lời thư làm thơm thêm hương cuội.

Rồi sau đó không phải chỉ có thư nhà: nào bánh ú, kẹo đậu phộng, mía hấp, cam quýt. Một lần tôi lượm được cả cà phê sữa đá bọc bằng nhiều lớp ni lông dày. Thế này là thế nào? Những kẻ vô danh quăng đồ ăn thức uống cho chúng tôi biết rõ quà cáp gửi theo lối may rủi ấy rất ít may mắn đến được tay thân nhân. Nhưng họ vẫn gửi, tự ý gửi đồ thăm nuôi theo lối tự phát. Anh em chúng tôi xì xầm bàn tán về chuyện đó nhiều lắm. Người nhẹ dạ vô tư liền tin rằng đó là một hình thức phản đối chính trị. Một lời nhắn nhủ thâm trầm, tha thiết, cụ thể. Đi xa hơn, có người mắt sáng rỡ cho đó là một lời kêu cứu. Phần tôi không ngây thơ tin quàng như vậy. Tôi có quá ít tin tức bên ngoài, nên chỉ phỏng đoán cầm chừng. Tôi nhớ một lần đi chợ về, qua công viên lỡ thấy mấy cái xác du kích đã chường phình trên người chỉ có cái quần đùi đen và mo cơm thiu cột ở thắt lưng, mẹ tôi hốt hải về nhà thắp hương cúng Phật. Mẹ ghen không nói được gì hết, lâu lắm mới rơm rớm nước mắt lẩm bầm “Mô Phật, tội nghiệp quá. Không biết con cái nhà ai? Chết thì thôi làm gì tội nghiệp vậy hỡi Trời!” Tôi cho rằng chuyện ném quà chỉ là biểu lộ của lòng bất nhẫn, ai không thương xót kẻ đã ngã ngựa. Lòng cao thượng, tinh thần hiệp sĩ, cốt tủy của bản tuyên ngôn nhân quyền, hay nền tảng của hội đồng thập tự quốc tế, có lẽ chỉ là cái ngọn của lòng lân ái đối với kẻ thất thế bất hạnh mà thôi. Mẹ tôi, những hành khách xe lửa, đã sống đúng với mơ ước của đảng tạo hóa, mơ ước được thấy tình thương thay thế cho hận thù, được thấy cây nhân sinh trở toàn trái ngọt. Nếu đi xa hơn một chút, muốn khoác cho hành động đó màu áo chính trị, thì có thể nghĩ thế này: chị hàng mía đi lậu táo tần nuôi con dám quăng cả bọc mía chẻ sẵn cho chúng tôi vì vừa bị ông xếp ga đội mũ cối mang dép râu nạt nộ đòi quăng xuống đường rầy. Chị khóc lóc năn nỉ, nhưng ông xếp ga quay gót thì chị đã quắc mắt nhìn theo. Giá chị có đủ quyền và đủ sức, chị đã quăng “hắn” xuống đường sắt cho xe lửa cán dẹp như tờ giấy vắn thuốc. Nghĩ cho oai thế thôi chứ làm sao chị làm thế được. Không làm thế được thì làm gì? Chị đành quăng bọc mía cho chúng tôi vậy! Lan man nghĩ ngợi như thế, tôi có thể thấy dấu tay của chị buôn hàng chuyển vừa vét cả vốn lẫn lời đóng thuế trên lớp lá thơm chiếc bánh ú, ngấn lệ người vợ đi thăm nuôi để nhận giấy báo tử trên miếng kẹo đỗ, dấu móng tay giận dữ của cậu bé lý lịch xấu vừa bị đuổi khỏi trường trên vỏ trái quýt... Những liên tưởng đó có thể có thực, phải có thực. Nhưng từ đó thôi phỏng thành một phong trào, hoặc một lời thúc giục, thì hơi quá!

Quá đáng chẳng khác nào buộc AQ trở thành lãnh tụ công nhân như Lénine.

Tôi nghĩ nôm na như thế, nhưng chắc chắn ban quản giáo vốn quen suy nghĩ theo biện chứng pháp không nghĩ thế. Cái gì cũng thuộc vào hệ thống, biểu lộ nào cũng là hình thức rõ ràng hoặc tế vi của một kế hoạch, âm mưu. Hành động ném quà thay vì ném đá của hành khách các chuyến xe lửa thật đáng ngại. Làm gì? Phải chờ chỉ thị của cấp trên! Trong khi chờ đợi, từ cấp cao đến anh vệ binh làm ngơ giả vờ như không thấy gì hết.

Một lần lượm được hai cái bánh ú, tôi vừa thành thật, vừa tinh nghịch mời cậu vệ binh tuổi khoảng 19, 20 ăn. Tôi tinh nghịch muốn thử lại một bài toán đã biết đáp số, còn thành thật vì thấy khuôn mặt cậu hiền hậu quá, trên mép mới mọc lông măng và cái liếc nhìn về phía tôi có vẻ thèm thuồng. Một lính sữa vừa mới nhập ngũ sau ngày “giải phóng”, tôi đoán vậy. Thấy tôi chìa cái bánh ú về phía mình, cậu vệ binh lắc đầu quây quây:

- Không.

Rồi như sợ tôi hiểu lầm, anh ta thêm:

- Tôi no rồi. Anh ăn đi!

Câu nói thêm khiến tôi có cảm tình với anh vệ binh trẻ tuổi ngay. Hình như anh ta muốn xác định rõ: việc từ chối không phải là xác định lập trường, dứt khoát phân biệt bạn thù, kiên quyết theo con đường chính thống. Nó thuộc về phạm vi tiêu hóa, bạn thù đều có bao tử, thế thôi. Tôi bạo dạn đưa ra nhận xét:

- Anh từ chối cũng phải. Hôm qua bạn tôi kể một trường hợp tương tự. Em gái bạn tôi đang mang thai nhưng tính lém lỉnh y như thời con gái. Cô ta phải ì-ạch xách cái giỏ thắm nuôi nặng từ nhà ga vào khu tiếp tân. Cô nhìn quanh định nhờ vả, nhưng ai cũng lo phần mình cả. Cô ta bắt gặp một anh vệ binh trẻ đang nhìn cô, ánh mắt ngập ngừng, ái ngại. Cô đánh bạo nói: “Anh ơi, xách giùm cái giỏ cho em với!” Anh vệ binh chột đổi mặt nghiêm lại đáp “Tôi là vệ binh, giúp cô sao tiện!”

- Nếu cô ta nhờ tôi, tôi cũng đáp y như vậy.

Một lần nữa tôi yêu sự chân thật của cậu vệ binh.

Tôi nói ngay không do dự:

- Tôi thích sự sòng phẳng của anh. Cũng như tôi thích sự thẳng thắn ruột ngựa của ông quản đốc. Hôm chúng tôi mới tới, ông ấy nói ngay: “Các anh là tù, tù chứ không phải cải tạo viên cải tạo việc gì ráo trọi. Các anh phải răm rắp nghe lời. Ngày trước các anh làm cha rồi, bây giờ đến lượt chúng tôi làm cha, nghe chưa!” Đấy, thà nói quách như vậy cho dễ xử trí với nhau. Hình như ông ta gốc Nam bộ thì phải?

Cậu vệ binh cười hô hố một cách thoải mái, tôi cũng cười. Bức tường vô hình ngăn cách giữa cai tù và phạm nhân biến mất. Cậu vệ binh bảo tôi nghỉ thêm một lát, rồi chân thành hỏi:

- Trong này gọi con rô-ti là con gì nhỉ?

Tôi ngớ ra, hỏi lại:

- Con rô-ti à?

- Phải, con rô-ti.

Tôi đáp liền:

- Có lẽ một loại súc vật mới lai giống, như trâu sữa Mura, heo Yorkshire. Nhưng anh thấy nó ở đâu? Hình thù thế nào?

Cậu vệ binh đỏ mặt, sau một hồi ngập ngừng mới đáp:

- Tôi đã trông thấy nó đâu! Hôm qua tôi được phân công kiểm soát đồ thăm nuôi. Một chị có chồng bên khu C biên vào tờ kê: "Gà rô-ti: 2 con". Tôi hỏi: Gà có đây, còn con rô-ti đâu? Chị ta cười phá lên. Rồi cả khu tiếp tân đều cười.

Thú thật tôi ngỡ ngàng quá, nhưng không hiểu tại sao.

Tôi nhìn cậu vệ binh, ái ngại. Tôi thấy thương cậu như thương một đứa em hiền lành. Không sợ cậu tự ái vật, tôi giải thích cho cậu ta hiểu. Cậu đỏ mặt, gật gù:

- À ra thế! À ra thế!

Để vớt vát, cậu than:

- Nhưng việc gì phải dùng chữ Pháp cho rắc rối. Nói gà quay, có tiện hơn không. Trong này lai căn đến kỳ!

Tôi công nhận cậu vệ binh nói đúng. Lỗi không phải ở cậu. Tôi nghĩ cái cười ở khu tiếp tân cũng giống như hành động ném quà của chị hàng mía, chị buôn hàng chuyển, cậu học sinh mất học... Cậu thay mặt ông xếp ga, chú thu thuế trên xe lửa, cán bộ tổ chức tuyển sinh, để đưa lưng chịu đòn hội chợ. Tôi bị đà cảm tình lôi cuốn đến nỗi tỏ ra bất công với chị nhà giàu dám mang cho chồng một lúc hai con gà quay. Tôi nói lúc bụng bắt đầu cồn cào:

- Anh nói phải. Việc gì phải xài mót thứ tiếng Tây lỗi thời! Có lẽ trước đây hai cô cậu đều học trường Tây cả, cậu ở Rousseau, còn cô thì Marie Curie. Trong nhà ăn toàn muống nĩa, cha con gọi nhau bằng "toa moa". Họ không hề biết Nguyễn Du là ai, nhưng thuộc lòng thơ Ronsard như cháo. Tại sao trước kia họ sướng, mà bây giờ họ vẫn còn tiếp tục xé gà quay ăn với bánh mì sandwich nhỉ?

Tôi giật mình tự thẹn. Quá lắm rồi! Chẳng lẽ cái bụng cồn cào đã xui tôi đến chỗ hận thù nhỏ nhen thế sao? Nước dãi tôi trào ra khi nghĩ đến hai chú gà quay vàng rộm béo ngậy. Tôi liếc về phía cậu vệ binh. May quá, ánh nhìn thân thiện của cậu khiến tôi yên tâm. Cậu không cười mỉa mai xem tôi như một kẻ phản bạn bần tiện. Cậu ta nhìn tôi như nhìn một kẻ đồng cảnh ngộ. Lúc đó có hai cán bộ quản giáo đi tới. Cậu ta bảo tôi tiếp tục làm cỏ bắp. Từ đó về sau, tôi không có dịp nói chuyện với anh ta nữa. Vô tình gặp nhau ở đâu đó, chúng tôi mỉm cười chào nhau, ngầm thông cảm.

Mùa bẻ bắp đã tới. Ban quản giáo phân công rất đông anh em học tập cải tạo chúng tôi đi gác rẫy. Sự khác thường ấy lại khiến cả trại xôn xao bàn tán. Làm gì có chuyện ly kỳ đến thế? Ban ngày được ra làm cỏ bắp đã là một ân huệ. Bây giờ ban đêm dám cử chúng tôi ra khỏi trại giữ bắp? Giữ ai đây? Khi chẳng? Đuổi heo rừng chẳng? Bộ đội có súng còn chưa giữ được hướng chỉ chúng tôi! Chỉ có một lối giải thích độc nhất: chúng tôi sắp được cho về, và ban quản giáo muốn thử thách lập trường của chúng tôi trước khi lựa chọn. Mừng hơn cả thuở bé đón mẹ về chợ! Anh em chúng tôi tự tin sẽ vượt thử

thách một cách dễ dàng. Nhờ có đồ thăm nuôi, chúng tôi không bị đói như trước. Trong xác còn mì khô, cốm dẹp, gạo sảy, lại sắp được về, việc gì phải đi ăn trộm bắp rẫy của nhà nước cho mang lụy vào thân?

Đêm ấy tôi đi gác với một người nữa. Hai chúng tôi chịu trách nhiệm nặng nhất: canh chừng rẫy bắp sây trái ở sát mé rừng rậm phía nam. Sau khi bắt thăm, bạn tôi may mắn chịu trách nhiệm từ 7 giờ tối đến khuya. Tôi từ 12 giờ đêm đến 6 giờ sáng. Tôi nằm chờ đến phiên mình bên đống lửa lập lòe, vừa lạnh vừa đói không sao ngủ được. Tôi phải bò dậy ra nói đủ thứ chuyện đầu cua tai nheo với bạn tôi. Đến khuya, có lẽ chưa đến 12 giờ, bạn tôi buồn ngủ quá giao phận sự lại cho tôi. Tôi sẵn sàng nhận lời với chủ tâm xấu. Hãy ngủ say đi, anh bạn! Hãy nằm ôm đống lửa cho ấm. Ngoài kia nếu cần tôi sẽ nhen đống lửa khác! Bạn tôi cảm ơn tôi rồi rít. Chờ cho bạn ngủ xong, tôi... tôi làm chuyện gì, chắc các bạn đoán ra rồi. Tôi hổ thẹn không dám kể thẳng. Tôi đó, tôi yếu đuối, tôi không đủ ý chí qua cơn thử thách, hãy thông cảm cho tôi. Nếu chuyến tàu chợ Sài Gòn-Phan Thiết đến Gia Rai không trễ, tôi đã có đủ cơm gạo để nuôi sống ý chí!

... Tôi đang cố len sâu để bẻ vài trái bắp đem nướng thì nghe có tiếng sột soạt phía trước. Tôi chùn lại, thu mình im lặng. Không nghe thấy gì! Có lẽ tại gió rừng dữ quá! Yên tâm, tôi bẻ liên tiếp ba trái bắp. Tiếng lá va chạm nhau, tiếng cuốn bắp gãy khỏi thân mẹ như được khuếch âm vang xa khắp thung lũng. Hình như vì tình liên đới mà khắp nơi mọi cây bắp đều xào xạc thương cảm. Nhưng ơ kìa! Tại sao trước mặt tôi cũng có tiếng lắc rắc và tiếng lá bắp chạm? Tôi cố giữ yên lặng, phía trước lại yên lặng. Tôi kiên nhẫn chịu kiến cắn ngổi yên thật lâu thì nghe rõ mồn một tiếng thân bắp gãy: ai ăn trộm bắp nhà nước thế này? Tôi. Dĩ nhiên trước tiên tôi là thằng “chủ tâm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa với đầy đủ dự mưu”. Nhưng ngoài thằng tôi ra còn ai nữa. Các bạn tôi chẳng? Không có lẽ. Họ được thăm nuôi no đủ, đi gác còn bọc theo bánh mì khô để nhai cho vui miệng. Tình cảnh tôi thật khó xử. Thằng ăn cắp hô hoán để cảnh sát bắt một thằng ăn cắp khác, thì có khác nào kê hòng súng vào đầu tự vận! Nhưng ai? Ai? Ai? Không chịu đựng được sự mơ hồ, tôi se sẽ vạch lá bò về phía có tiếng động. Trí tôi hoang mang cực

độ, thế mà bàn tay trái của tôi, a tòng với bao tử vẫn không chịu buông ba trái bắp. Cho nên khi sững sờ chạm mặt với bóng đen phía trước, tôi đang quả tang phạm pháp. Sợ quá tôi ù té chạy. Bóng đen cũng chạy, khác hướng. Về chỗ nhóm lửa, tôi run cầm cập, đảo dác nhìn quanh. Nhìn về phía bạn tôi, bạn tôi vẫn ngủ yên. Phía bóng đen, chỉ có đêm và gió núi. Nhìn lại mình. Trời hỡi! Tay trái tôi còn nắm chặt ba trái bắp. Chỗ nhóm lửa, gập khoảng củi khô nên ngọn lửa đột nhiên bùng sáng. Đúng là thứ ánh sáng đáng ghét của công lý và lương tâm! Tôi bậm môi lại, đăm liêu, đã trót thì trót! Tôi vùi ba trái bắp vào đống lửa đỏ, tôi đói quá, tôi lấy quyền được ăn để tự cho phép. Trái bắp đầu, tôi chỉ cạp vài cái là hết. Trái thứ hai tôi ăn từ tốn hơn, cẩn thận lấy tay lấy hết những hạt còn sót cho vào miệng. Đang lấy chậm chậm theo hàng dọc trái bắp thứ ba, vừa nhai vừa thưởng thức vị ngọt của chính mồ hôi mình, thì tôi thấy một bóng đen tiến lại gần. Các bạn khỏi phải lo âu giúp tôi. Chính cậu vệ binh hôm nọ! Biết rõ chính tôi đang canh lửa, cậu ta mang bắp đến nướng nhờ. Còn cách biểu lộ lòng tin cậy nào trọn vẹn và cao cả cho bằng!

Chúng tôi cảm động cầm lấy tay nhau. Ánh lửa rừng soi đôi mắt rớm lệ của anh, và nhờ cảm giác nhột nhột ở đầu mũi, tôi biết mình cũng sắp khóc.

Tôi phân bua trước:

- Kỳ thăm nuôi vừa rồi, mẹ và em tôi lên trễ. Kẹt quá!

Cậu vệ binh thì kín đáo hơn:

- Được ăn bắp chính mình trồng, ngon đấy chứ.

Giành quyền làm chủ ngang xương như vậy, kẻ cũng bạo! Cậu ta mời tôi thêm trái nữa. Tôi e dè nhìn về phía người bạn tù. Cậu vệ binh cũng lo ngại.

Chúng tôi không hẹn mà cùng quay lưng về phía bạn tôi, rồi mới mời bắt nhau. Khi đã khá no, cậu ta hỏi:

- Sao hôm ấy anh không tìm gặp tôi?

- Lúc ấy tôi đã quen với anh đâu! Vả lại...

- Vả lại thế nào?

- Vả lại nếu có quen cũng không dám nhờ. Ông ấy dữ quá.

- Ông nào dữ?

- Cái ông giữ phân kiểm soát giấy thăm nuôi trên khu tiếp tân. Ngồi ở cái bàn sát cổng vào.

- Nhiệm vụ ấy luân phiên, anh nói thế khó xác định lắm.

Có phải cậu thanh niên nói giọng Bùi Chu?

- Không. Ông này khá lớn tuổi. Khoảng trên 30.

- Ông ta có cái sẹo dài trên trán?

- Không. Hình như ông ấy bị đau mắt, phải mang kính râm.

- A, ông Lâm đấy. Có phải ông ấy nói tiếng Nghệ?

- Phải.

Cậu vệ binh bật cười:

- Anh suýt rờ tổ kiến rồi. Hôm ấy anh bị xát xà phòng ghê lắm phải không?

- Không, tôi lén đứng ngoài nhà trạm để nghe. Một số thân nhân lên trễ sau giờ thăm nuôi, trong đó có mẹ và em tôi. Nằn nì mãi, ông ấy vẫn không chịu.

- Ông ấy nói sao?

Tôi cố ý thêm mắm muối cho chuyện đậm bi đát:

- Ông ấy chỉ tay về phía chúng tôi hần học nói: “Chúng nó toàn bọn ác ôn có nợ máu nhưng đi học tập còn có ngày về. Còn tôi đây nhập ngũ từ hơn hai mươi năm, biết bao giờ mới được nhìn lại mặt vợ con”.

Cậu vệ binh chồm về phía tôi hỏi vội:

- Từ bao lâu? Ông ấy nhập ngũ từ bao giờ?

- Từ năm 1956!

- Năm nay ông Lâm 34. Chẳng lẽ mới 13 tuổi đã làm nghĩa vụ quân sự à.

- Chẳng lẽ ông ta nói dối!

- Không nói dối. Chỉ nói quá! Ông ấy đi B năm 1969, lúc vừa lấy cô vợ làm mậu dịch viên. Đi một lượt với anh cả tôi, lầm lẫn sao được. Ông ấy còn nói gì nữa?

Tôi tiếp, vẫn thêm chút gia vị:

- Ông ấy còn nói: “Các người ở Sài Gòn ăn sung mặc sướng lên thăm nuôi chúng nó giỏ này giỏ nọ, xách đến trật xương vai. Tiền thăm nuôi tởn nghìn này nghìn khác. Còn vợ tôi đây không đủ tiền gửi cho tôi mấy miếng kẹo lạc”.

- Bà ấy bán ở cửa hàng mậu dịch thiếu gì kẹo lạc. Chỉ tại bà ấy không muốn gửi ấy chứ!

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao thế?

- Thong thả đã. Ông ấy còn nói gì nữa?

- Ông ấy còn bảo vợ biết chồng đóng quân ở đây từ bao năm mà không thể mua nổi cái vé hạng chót để vào thăm.

- “Không thềm” mua chứ không phải “không thể” mua!

- Tại sao thế?

- Ông vừa được phép về thăm nhà tháng 12 năm ngoái.

- Sao ông ấy bảo suốt bảy năm trường vợ chồng chưa được gặp mặt?

- Ông ấy về lần trước năm 1970 sau khi bị thương ở mắt phải. Tính từ đó đến nay đúng bảy năm. Lần sau có mà như không. Cho qua cũng phải, anh ngạc nhiên chứ gì? Để tôi kể anh nghe. Năm ngoái, chờ đợi sốt ruột suốt một năm rưỡi sau ngày “giải phóng”, ông Lâm mới nắm được tờ giấy phép. Đời bộ đội kham khổ, anh hiểu. Ông ấy dành dụm bao nhiêu năm được 200 đồng, trước khi về phép quá giang xe đơn vị về Sài Gòn để mua một ít quà cho vợ. Những thứ rẻ tiền thôi: cái gương soi hình trái tim, một tá kẹp tóc, hai cái nịt ngực may ở Chợ Lớn chóp nhọn hoặc như nón khỉ, một cái khăn thêu, kim chỉ, quần lót và cái ống bơm xe đạp. Trước khi lên xe lửa, ông ấy dàn ra khoe mọi thứ với tôi. Thấy ông ta hí hửng quá, tôi không dám nói hơn phân nửa những thứ ông mua đều là đồ giả. Thấy ông lảng xảng thấp thỏm, tội nghiệp lắm. Ông ấy còn giở kính đen nhờ tôi xem con mắt bị thương có bị lè không. Tôi bảo không hề gì. Ông yên tâm ra ga. Bọn chúng tôi thì không yên tâm chút nào. Trước đó đã có nhiều lời xì xầm, nhưng chúng tôi nửa tin nửa ngờ. Mà dù có tin thật cũng không dám nói gì với ông ấy. Hạn về phép là một tháng. Tinh thần phục vụ xứng đáng với cái phép đặc biệt ấy. Ông ta về chưa được mười ngày đã vào. Anh em kín đáo quan sát thái độ ông Lâm, thấy rõ những lời đồn đại không phải hoàn toàn bịt đặt. Ông vẫn giữ vẻ trầm tĩnh nghiêm túc như trước kia, nhưng hay cau có gắt gỏng hơn. Chuyện vật bằng một sợi tơ ông ta cũng giận. Anh em nhịn làm lành, ông ấy càng giận hơn. Ông ấy không chịu được lòng thương hại. Không ai bắt chuyện được với ông ngoài tôi, anh có biết chuyện gì đã xảy ra ngoài Nghệ không?

Ông ấy đến ga Vinh xuống đi thêm nửa ngày xe khách nữa mới đến quê nhà. Hăm hở vào cổng thì nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc. Ông ấy khựng lại, không dám tin trí nhớ của mình. Nhưng rõ ràng đây là căn nhà hai vợ chồng. Cái sân gạch ấy, mái tranh ấy, cái cửa sổ ván tạp sơn xanh ấy, giàn hoa lý vẫn như cũ tuy bây giờ rườm rà và tiêu điều hơn. Một người đàn bà quàng khăn sản phụ từ nhà trong bước ra: “Đúng là chị mậu dịch viên vợ anh”. Chị cũng ngó ra. Hai vợ chồng bàng hoàng nhìn nhau, chưa biết phải làm gì, nói gì. Tiếng trẻ thơ khóc càng thống thiết hơn, âm thanh chói chang xoắn vào lỗ tai ông ấy. Chị vợ chớp ngay cơ hội nói mau: “Anh mới về! Cho em vào ru con chút”. Ông ấy cảm thấy lơ lửng, không dám bước tiếp bước nào. Trong nhà, chị vợ à ơi hát ru:

... Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Tôi xúc động vội hỏi:

- Làm sao anh biết chuyện đó?

- Chính ông Lâm kể cho tôi nghe vào một đêm ngồi ăn bắp nướng như tôi với anh đêm nay. Khởi cần dặn anh cũng biết không nên kể lại chuyện đau lòng này cho ai khác. Tôi phải kể cho riêng anh, để anh khỏi oán ông ấy. Từ lâu, tôi vẫn nghĩ lẩn thẩn: không biết người nghệ sĩ nhân dân nào đặt ra hai câu ca dao đó (để hát trống quân đêm rằm hay hát quan họ hội Lim) có tiên đoán tác phẩm của mình về sau lại được sử dụng vào hoàn cảnh oái oăm như thế không? Tôi nghĩ rằng có, vì đôi mắt nghệ sĩ có thể nhìn suốt chín cõi. Kể cả cảnh hai chúng ta lén ăn bắp nướng, phải không?

Tố Chân

Có phải không Tố Chân?

Lời yêu nhau đầu tiên là nước mắt!

Lòng tin nhau đầu tiên là sự thật!

Trong suốt hồn ta^[SEP]

Như một bài hoan ca

Của tiếng họa mi gọi mừng buổi sáng

Và tâm hồn em^[SEP]

Thực vô cùng sáng láng

Maria Tố Chân^[SEP]

Anh yêu em vô cùng!

Chàng thầm đọc mấy câu thơ cũ khi nhận được lá thư của nàng. Nàng không ghi tên người gửi, không có địa chỉ. Hai con tem trên góc phải một con dán xuôi một con dán ngược. Nét chữ run run, nhưng không thể làm được, đúng là nét chữ của nàng. Chàng hồi hộp không dám xé thư đọc vội. Chuyện cũ đã trên mười năm rồi, tại sao hôm nay lại có bức thư này? Đã đành thời thân phụ chàng qua đời, nàng có gửi một lá thư ngắn: "Biết tin Bác mất, tôi rất buồn. Xin chia buồn cùng anh chị và cầu chúc linh hồn Bác được tiêu diêu nơi lạc phúc" Ngoài hai chữ LẠC PHÚC mà thời còn yêu nhau hai người rất ưa dùng, lá thư không còn chút dấu tích lưu luyến hoặc hờn giận nào. Còn gì để lưu luyến hay hờn giận nhau? Cả hai đều đã lập gia đình, cả hai đều đã có con cái, và kỷ niệm cũ như một chỗ bẻ ghi trên đường rầy xe lửa, chỗ bẻ ghi không ở trước mặt mà đã bỏ lại mất hút đằng sau lưng. Gần đây chàng không mở cuộc triển lãm tranh nào, không gửi thơ đăng ở các tạp chí, xa lánh bạn bè thui thủi một mình để rón tìm ra nguyên do sự thay đổi trong tâm hồn chàng. Tự nhiên chàng thấy bao nhiêu bức tranh đã vẽ xưa nay, từ các bức nổi tiếng vẽ nàng từ phía sau lưng với chiếc cổ thiên nga và hai sợi tóc mềm phủ đôi vai ấm, cho đến các bức trừu tượng từng gây tranh luận ồn ào, tất cả các tác phẩm cũ đột nhiên trở nên

dối trá, trơ trẽn, như một cô gái già hết duyên còn làm bộ thơ ngây. Chàng thử tìm màu sắc mới, bố cục mới. Vẽ rồi xóa, xóa rồi vẽ, bao nhiêu tiền vải và sơn dầu đã hao phí để kết quả là tuyệt lộ. Chàng đổ thừa cho đời sống trì trệ của Huế. Thành quách rêu phong, dòng sông trầm lặng, những ngày mưa thê thiết, những tà áo trắng bay bay trên cầu sắt, những khu vườn um tùm chim lạ kêu giữa đám cây dại làm nhớ giọng Nam Bình... Khung cảnh ấy chỉ thích hợp với người ưa ôm ấp quá khứ như một niềm kiêu hãnh. Còn chàng? Chẳng lẽ cứ thế này mãi sao? Chẳng lẽ cứ tán hươu tán vượn mãi trên cuộc đời những Chagall, Van Gogh, Cézanne, Modigliani, Buffet, Rousseau, dày vò màu sắc, mổ xẻ đường nét, xẻ nát khung tranh ra mà nhặt từng hạt cơm đỏ. Chàng tự khinh rẻ mình đến nỗi suốt hai năm ròng sống ở Huế, bạn bè cũ ở Sài Gòn tưởng chàng đã mất tích lâu rồi. Thế mà lại có bức thư này? Vì sao?

Chàng nhìn quanh căn phòng hẹp làm xưởng vẽ. Những bức tranh cũ bán ế đã cột lại thành kiện, bên ngoài chêm bằng bao bố. Đống ống sơn dầu dùng hết hoặc lở dở chưa kịp cho vào hộp nằm lăn lóc trong xó. Mấy cái khung gỗ cũ đã bắt đầu mọt. Bản phác thảo trên giấy croquis ám khói, chỉ còn lờ mờ một triển đồi có rừng thông thưa, cỏ lau hoa trắng phơ phất và một thiếu nữ mặc áo dài cổ nạm lấy vật trước để gió chiều thổi đưa tạt lên phía tòa biệt thự hoang phế. Sư vật quanh chàng ẩm mốc, cũ kỹ, ngổn ngang. Tâm hồn chàng cũng vậy. Tại sao nàng gửi lá thư này? Trách móc chẳng? Chuyện cũ đã ẩm mốc ám khói như bản phác thảo của chàng. Khởi lại đống tro lạnh để tìm một đóm lửa chẳng? Tìm cho ai? Cuộc đời hai người đã an bài, như hai con đường rầy song song không bao giờ gặp nhau nếu định mệnh không cố ý đặt một trạm bẻ ghi. Không dẫn được nữa, chàng xé thư ra đọc.

"Đã hơn mười năm qua mà em vẫn không quên được mối tình cũ kỹ. Sao suốt hai năm nay không thấy anh triển lãm? Hôm được tin thầy mất, em có gửi lá thư, anh có nhận được không? Hiện em bị bệnh nặng lắm, chắc không qua khỏi. Chúc anh ở lại được hạnh phúc. Em có dọn nhà khi khâm liệm nhớ bỏ theo cho em bức tranh anh vẽ em dạo nọ, không biết chồng con em có nhớ cho không. Em không hề giận anh. Vĩnh biệt. "

Bên dưới lá thư nàng vẫn dùng chữ ký thời xưa hai người dùng chung, có ghép tên tắt của nhau.

Chàng choáng váng vì bất ngờ. Chàng không thể tưởng tượng được suốt bao năm qua Tố Chân vẫn theo dõi từng bước cuộc đời chàng. Thật vậy, sau khi cha mất, không còn gì giữ chàng ở lại cái thành phố biển ấy nữa. Mấy đứa em gái chàng đã lấy chồng. Mẹ chàng đã về Vĩnh Long sống với người chị cả của chàng để gần gũi lũ cháu ngoại mồ côi cha. Chàng âm thầm xin đổi về Huế: Nơi chàng tưởng đủ khuấy gió để sống trọn với màu sắc. Đến các bạn thân ở Sài Gòn cũng không biết chàng đã về dạy trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế. Nhưng tại sao Tố Chân biết địa chỉ mới của chàng? Nàng sợ không qua khỏi căn bệnh ngặt nghèo nên viết thư vĩnh biệt? Bây giờ chàng mới hiểu ý nghĩa hàng chữ run run và hai con tem dán vội ngoài bì. Chàng xúc động đến nghẹn thở. Vừa hãnh diện thụ hưởng một tình yêu thuần khiết vừa đau xót da diết vì xấu hổ. "Em không hề giận anh". Lời viết giản dị ngắn ngủi nhưng đủ gợi lại bao nhiêu chuyện phức tạp khó hiểu trên mười năm trước. Đã từng nhiều lần chợt nghĩ chuyện cũ, chàng vội tìm một cơ biện hộ, tha thứ cho mình. "Ồ, chuyện trẻ con!"

Mà trẻ con thật! Hai người quen nhau tận hồi chàng còn học đệ nhị, còn nàng đệ tứ. Chàng ở trọ nhà chú theo học trường cấp ba ở thành phố để vừa đỡ tiền cha mẹ vừa dạy kèm cô em gái con chú học thêm toán lý hóa. Chàng vốn kém các môn khoa học nên việc dạy học khá vất vả, bù lại, nhờ có hoa tay nên chàng trang trí, viết đề bài giùm cho cô em thật đẹp. Chẳng bao lâu cô em đem cả vở các bạn cùng lớp về nhà mượn chàng vẽ thêm. Còn việc nào hấp dẫn, còn dịp nào "sáng tạo" những tác phẩm nghệ thuật đầu đời đáng mơ ước hơn! Chàng nắn nót kể chữ, chăm chút cẩn thận trang trí những trang vở lạ còn hơn cả tự làm cho mình. Dưới nhan đề bài sử Đinh Bộ Lĩnh, chàng vẽ ngay 12 cậu bé tóc còn để chỏm mặc quần ló rốn cầm cờ lau. Bài địa lý về Mưa có tranh ba cô gái mặc áo dài chen chúc nhau núp dưới một cái dù Nhật Bản. Cũng có khi chàng phải vẽ theo đơn đặt hàng: hai con bướm vờn trên một cụm hoa cúc, một đóa hướng dương, chùm hoa Forget-me-not với một chấm than và một chấm hỏi, một cô bé tuổi 13, 14 tóc thắt

bím có đôi mắt thật lớn và đôi lông mày thật cong, hai chú thỏ tai vĩnh ngồi ngắm chị Hằng với một áng mây vắt ngang hình chữ Z... v.v...

Một hôm em chàng nhờ chàng trang trí cho một cuốn vở 100 trang hoàn toàn mới. Chàng nhớ rõ cuốn vở hiệu Cyclo máy ba bánh bìa nâu nhạt. Toa đặt hàng khá đặc biệt. Tên: Maria Tố Chân . Muốn vẽ gì ở trang đầu cũng được. Vở Đại số học. Chàng thích quá! Trước hết là thích cái tên Maria Tố Chân. Chàng thấy cái tên Tố Chân tròn trĩnh mũm mĩm do khi phát âm chữ Tố, cái miệng tròn lại. Tưởng tượng xa hơn, chàng thấy đôi mắt tròn xoe thán phục và đôi môi no đầy chu lại kêu lên: "Ôi chao là đẹp". Cô bé đệ tứ chàng chưa hề biết mặt tính lại dễ dãi, biết trọng thiên tài. "Muốn vẽ gì ở trang đầu cũng được." Có thể chứ. Chàng rất ghét bị bó buộc. Nhưng vẽ gì cho cuốn vở đại số đây, khi chàng ghét cay ghét đắng môn đại số. Chàng cũng rất chán những cô bé thắt bím mày ngài mắt phượng. Cuối cùng chàng phác thảo được bức tranh về sau tạo sự nghiệp cho đời chàng: bức tranh một cô gái cổ cao quay lưng với môn đại số. Chàng giải thích như thế cho em gái chàng. Không biết em gái giải thích tô vẽ với Tố Chân thế nào mà hôm sau, chàng nhận được một mảnh giấy học trò bị quăn góc có hàng chữ nghiêng ồm yếu "Tố Chân cũng thích được quay lưng với cái môn rắc rối ấy. Cảm ơn anh. Maria Tố Chân. "

Mảnh giấy ấy chàng giữ được thật lâu coi như lá thư tình đầu tiên nhận được trong đời. Xin đừng vội nghĩ rằng ngay sau đó chàng nhận được liên tiếp "lá thư" thứ hai, thứ ba... Chàng mới lớn cả thẹn, không dám mở miệng hỏi em gái về Tố Chân. Em gái chàng thì dường như quên bằng một "biển cổ long trời lở đất" như vậy. Vẫn có nhiều đơn đặt hàng đấy, nhưng toàn là hoa bướm, thỏ giỡn trắng, và những cô bé choai choai tóc bím. Chàng thất vọng dần, nhiều hôm định xé lá thư tình thứ nhất đi. Chàng cũng không có nhiều thì giờ dành cho thất vọng. Tuy kém toán, chàng phải học ban B vì trường không có ban nào khác. Năm đó chàng lại phải gắng học thật dủ để thi tú tài bán phần. Những cái hôn âu yếm cho thơ và họa đành bắt chước Xuân Diệu hẹn đến sang năm, (à quên, sang năm còn phải vất vả gấp bội với cái toàn phần), hẹn đến sang năm nữa, lúc chàng đã xin vào được trường mỹ

thuật. Cuối tháng 5, đứa con trai út của chú chàng đột ngột mất vì bị sài uốn ván. Chàng cáng đáng hầu hết việc tang ma. Nhiều cô bé đệ tứ A2 đến chia buồn với em gái chàng, một số bạn thân đưa quan tài ra đến tận bãi tha ma. Một năm đất mới vừa vun lên bên cạnh những ngôi mộ cũ cỏ áy. Gió biển thổi cát bay mù nhưng không lấp được tiếng khóc tỉ tê của thím chàng và đứa em gái. Một cô bạn đến nâng em gái chàng dậy, thì thăm gì đó, rồi cả hai đến gần cái mộ bia cao thấp nguyên cả bao hương lớn. Sau đó hai cô gái chia nhau đi cắm hương lên các ngôi mộ. Chàng xúc động mãnh liệt trước hành động từ ái đơn sơ ấy. Em gái chàng mặc áo tang cô bạn mặc áo dài trắng. Gió đưa tà áo họ bay cao trông như những đôi cánh thiên thần. Chàng quan sát cô bé kỹ hơn, thấy cô không đẹp lắm. Khuôn mặt hơi ồm, đôi mắt buồn, mũi hơi lớn so với đôi môi mỏng và nhỏ như môi đàn bà Nhật. Chiếc cổ cao khiến chàng hy vọng vu vơ nhưng mái tóc uốn ngắn vô ý phô đôi vai gầy và hẹp. Chàng cảm thấy vừa thương xót vừa hối tiếc. Nếu gặp cô bé ở một nơi đông đúc vui vẻ như sân trường giờ ra chơi, trước rạp chiếu bóng, sân thể thao, có lẽ chàng không thể chú ý đến cô. Nhưng ở nơi mờ mả điều hiu quạnh quẻ này, hình như hình dáng yếu đuối và đôi mắt buồn ấy, đôi tà áo trắng chơi vơi giữa gió lộng ấy, việc đi chia sớt chút từ tâm lên những vong hồn bơ vơ ấy, tự nhiên có cái gì thiêng liêng trinh khiết quá. Chàng nghĩ đến hình ảnh Đức Mẹ. Cho nên khi em gái chàng cho biết người bạn chí tình tên Tố Chân, chàng chợt nhớ đến tên thánh Maria trên "lá thư tình đầu tiên". Chàng thật sự yêu nàng từ đó!

Những bài toán hình học không gian, lượng giác, đại số... tàn nhẫn vùi dập tình yêu mới nhú của chàng. Tố Chân $\Delta = b^2 - 4ac$ Tố Chân $\sin x$ chia $\cos x$ Maria Tố Chân $\Delta = 4ac - b^2$ Tố Chân $\sin x$ Tố Chân $\tan x$ Tố Chân $\cotang x$... Thôi thôi, rắc rối quá rồi. Không chấm dứt từ đây thì đừng hòng lấy được cái bằng bán phần tú tài hạng vớt. đành tạm biệt Maria Tố Chân vậy.

Δ trở lại bằng $b^2 - 4ac$; $\sin x$ chia cho $\cos x$ lại bằng $\tan x$. Đậu xong tú tài bán phần ban B hạng thứ (may mắn nhờ kịp mời Tố Chân ra khỏi tâm tưởng

chàng khỏi có tên trên bảng đậu võt) chàng phải vào Sài Gòn học tiếp đệ nhất. Và chàng cũng chưa nói được với Maria Tố Chân câu nào. Còn cô bé nghĩ thế nào về chàng? Xin chịu!

Lên đệ nhất, môn toán thêm nặng tay dày vò chàng! Ngoài những kẻ thù quen thuộc như đại số, lượng giác, hình học, lại có thêm những kẻ thù mới: số học, thiên văn học, phép họa hình... Một tuần đến những 9 giờ tất cả. Chàng sợ giáo sư toán còn hơn sợ cọp, trong khi các cuộc triển lãm tranh, những sách hội họa in tuyệt đẹp bày bán ở các quầy sách cũ ở đường Lê Lợi không bỏ lỡ cơ hội quyến rũ mê hoặc chàng. Chàng khốn khổ như anh chàng hai vợ mà yếu đuối. Maria Tố Chân trở thành một cơn gió thoảng. Nhớ lại kỷ niệm năm trước, chàng cảm thấy lâng lâng, không phân biệt được vui hay buồn, thế thôi.

Gần Tết, chàng nhận được thư cô em gái con chú. Em chàng dặn nếu về thăm nhà thì nhớ ghé Nha Trang để mua giùm cho em một đôi guốc Đa Kao mang Tết. Lá thư dài viết thật lộn xộn và rất tùy hứng. Cuối thư em chàng hỏi: "Anh còn nhớ Maria Tố Chân không? Quên mất rồi chứ gì. Cái con bé ôm ồm anh vẽ giùm cái hình quay lưng trên cuốn vở đại số đó. Nó thường nhắc đến anh luôn. Mừng chưa? "Nhớ lựa mua đôi guốc nào gót không bị vệt hoặc nhằm chỗ gỗ mắc, đi dễ mất gót lắm. Quai thì anh tùy ý chọn thế nào cho nhã, cho mỹ thuật và cho... cho đỡ tốn tiền (vì em biết anh chi tiền trước cũng hơi kẹt cho anh. Phải sắm Tết nhiều thứ phải không?) Em tin tưởng ở đôi mắt hội họa của anh nên khỏi cần dặn nhiều. Họa sĩ tài ba của cả lớp em mà! À, Tố Chân hỏi anh đã xin học Mỹ Thuật chưa? Đã xem hết tranh ở Sài Gòn chưa? đã hết quay lưng với môn toán chưa? Nó hỏi đủ thứ về anh. Em đoán có một câu nó muốn lắm mà chưa dám hỏi. Đố anh biết câu gì? Hình như nó cứ thắc mắc tại sao anh "quay lưng" với Nha Trang, lâu nay không thư từ gì hết. Đừng quên đôi guốc Đa Kao của em à nheng!...

Trong xấp thư lưu niệm, chàng xem lá thư "đầu Ngô mình Sở" ấy như lá thư tình thứ nhì của Tố Chân. Bây giờ thì chàng biết cô bé thiên thần ấy đã từng hỏi đến chàng. Chẳng những có hỏi, mà còn hỏi nhiều nữa. Hỏi đủ thứ

chuyện. Nhiều câu hỏi "hữu ý" lắm. Quên Nha Trang? Quay lưng với Nha Trang? Quay lưng, quên thế nào được. Chàng ngây ngất không học được chữ nào suốt tuần lễ, lúc thì ngồi bồn thần; lúc thì đạp xe đi quanh thành phố với lòng nô nức. Chính vào thời gian này, chàng đã viết được bài thơ tình thứ nhất:

Có phải không Tố Chân?

Lời yêu nhau đầu tiên là nước mắt.

Lòng tin nhau đầu tiên là sự thật.

Trong suốt hồn ta

Như một bài hoan ca

Của tiếng họa mi gọi mừng buổi sáng.

Và tâm hồn em

Thật vô cùng sáng láng

Maria Tố Chân^[SEP]

Anh yêu em vô cùng!

Chàng viết một mạch từ đầu đến cuối, chỉ sửa chữ CHÀO ở câu thứ sáu thành chữ MỪNG vì như thế đúng với tâm trạng nô nức của chàng hơn. Nhưng khi chấm dấu than vào sau chữ CÙNG ở câu thứ mười, chàng chợt nghĩ: Có thật Tố Chân đã hỏi về mình không? Hay con em gái muốn chàng khỏi quên mua guốc, đã đặt điều cho mình vui lòng? Có thể lắm! Nó tinh ranh hết sức. Mỗi lần thấy mình ngập ngừng muốn hỏi đến Tố Chân, nó giả vờ như không hay biết gì. Nó biết rõ mình yêu Tố Chân, nên đem cô bé ra làm mỗi nhử. Lại còn cố ý viết lơ mơ như vô tình! Khéo và ranh thật! Nếu thế đã chắc gì chuyện Tố Chân hỏi han mình đã có thật! Bài thơ viết chưa ráo mực đã trở thành chứng tích của ngu ngơ, khờ dại, nông nổi... Chàng thấy trước con em gái trẻ môi ngún nguẩy cười chàng: "Nghèo mà ham". Chàng toan xé bài thơ, nếu không vội nghĩ: "Nó nói thật thì sao? Việc gì phải đặt điều nói dối? Giá một đôi guốc Đa Kao có đáng là bao nhiêu mà phải bố trí

kỹ càng như vậy? Thôi thôi, mình lắm cảm quá rồi. May thật. Suýt chút nữa xé mất một bài thơ tình! Không, một lá thư tình.

Tết năm đó, chàng ghé Nha Trang để mang cho cô em gái đôi guốc Đa Kao kèm theo một lá thư thơ. Cô em gái tròn xoe mắt vui mừng ôm guốc đi khoe với bạn bè khi chàng còn ấp úng chưa lấy đủ can đảm và bàn tay phải âm thầm cuống quýt mân mê lá thư thơ gấp tư. Nó đi biệt suốt cả buổi sáng, rồi buổi trưa. Chàng nóng ruột chờ đợi. Không hiểu tại sao chàng cứ nghĩ Tổ Chân ở đường Yersin nên mượn xe ông chú đạp không biết bao nhiêu vòng trên con đường biệt thự sang trọng ấy. Nhà nào cũng có khuôn viên cây xanh, nhà để xe du lịch, thảm cỏ, lối đi trải sỏi, vườn hoa. Càng ngắm đời sống thượng lưu ở thành phố biển du lịch này chàng càng chùn bước. Chàng lại toan xé thư. Lúc trở về chàng được cô em gái đón tận ngoài cổng để tíu tít khoe:

- Tụi bạn em đứa nào cũng chu mỏ lại kêu lên: "Ồ, tuyệt quá. Mua ở đâu chỉ cho tao với." Em nói dối mua ở đường Độc Lập. Tụi nó vội vùi tiền mẹ đạp xe đi ngay. Em chờ nghe chúng chửi sa sả mà lòng vẫn cứ vui. Chờ nghe chửi nên mới về chậm như vậy. Mỗi đứa khen theo một cách. Con Lý khen mẫu guốc nhã. Con Thương khen dáng đôi guốc sang. Con Liên chê gót hơi nhọn không hợp tuổi học trò nhưng tấm tắc khen mãi cái quai bền. Con Diệu mê nhất hàng đinh chắc chắn không sợ đứt. Con Thanh Vĩnh thích cái hoa hướng dương vì theo lập luận khôì hài của nó, cánh hoa xòe ra che được móng chân cái đóng đầy ghét... .

Chàng thất vọng nảo nề. Sao không có người đẹp ở đường Yersin? Đứa em gái "thiếu tế nhị" lại chỉ huyên thiên toàn chuyện đâu đâu. Nó lo đi chợ sửa soạn cơm chiều. Thôi thế là xong. Biết thế này thà... Chàng tiu nghỉu, lấy sách đại số ra làm bài tập để trả thù. Đang nóng đầu vì cái phương trình hóc búa, con em gái se sẽ bước đến sau lưng chàng, cười ranh mãnh hỏi nhỏ:

- Anh chờ lâu lắm phải không?

Chàng hơi mừng nhưng vẫn cố ý gắt gỏng:

- Cái gì đâu mà chờ!

Em gái chàng cười phá lên:

- Thôi đừng làm bộ. Em biết anh nóng ruột, nhưng phải chờ đi chợ mới ăn gian được tiền me.

Nó nói gì thế này? Chàng không dám hiểu theo cái nghĩa thông thường. Nửa lúng túng xấu hổ, nửa giận, chàng lớn tiếng:

- Em xem thường anh vừa thôi chứ. Giá đôi guốc chỉ vài chục bạc...

Em gái chàng thôi cười, nét mặt kẻ cả:

- Nhưng anh cần tiền để mua ngay thứ gì đó. Anh tệ thật. Ngổ nữa! Chẳng lẽ em phải viết huých toẹt là phải mua cả hai đôi giống nhau. Có viết như thế Tố Chân nó cũng không chịu, tụi em vẫn thường đưa thư riêng cho nhau đọc. Hôm trước em viết nhiều và rõ hơn kia, nhưng nó bắt buộc em viết lại.

Từ vực sâu thăm thẳm của tuyệt vọng tăm tối, trong một thoáng, chàng được thánh Phêrô đón vào thiên đường! Chàng choáng váng tim đập liên hồi. Hai thái dương căng thẳng không nói được lời nào.

Em gái tưởng chàng hồ nghi, nói thêm:

- Em không dám lại đường Trần Quý Cáp khoe đôi guốc. Anh lấy tiền em đi mua cho em đôi guốc khác, rẻ tiền thôi. Guốc mộc quai nhựa cũng được. Em chỉ ăn gian được có 40 đồng. Còn đôi guốc Đa Kao, để tặng cho Tố Chân.

Từ đó chàng trở thành kẻ ngoan ngoãn nhu mì dưới lời sai khiến của em gái. Nó dẫn chàng xuống đường Độc Lập để chọn guốc. Đến ngã năm công viên trước ga xe lửa, nó ngập ngừng. Chàng hỏi:

- Cái gì thế?

Nó lo âu đáp:

- Em định đi tắt đường Trần Quý Cáp cho nhanh hơn, nhưng sợ Maria nó thấy.

Chàng lấy bạo nói:

- Cứ đi đường tắt cho nhanh.

Em gái liếc mắt nhìn chàng, cười. Chàng hồi hộp chờ. Chàng biết trước đứa em ranh mãnh sẽ không chỉ nhà Tố Chân cho chàng, nhưng nếu theo dõi kỹ vẻ mặt và hướng nhìn của nó, chàng có thể đoán được lắm. Hai anh em qua hết đường Trần Quý Cáp, rẽ về phía đường Độc Lập. Nét mặt em gái chàng nghiêm nghị một cách khó hiểu, mắt nhìn thẳng tới trước như lo bị đám xe cộ những ngày áp Tết va phải. Chàng nuốt hận. Phải chờ vòng về thôi! Họ

chọn đôi guốc thật nhanh vì chàng còn đủ tiền bù vào để mua cho em gái đôi guốc khá đẹp và chắc. Cũng có gắn hoa hướng dương đấy, nhưng không được quai da như guốc Đa Kao. Quai nhựa màu nâu nhạt. Hoa vàng màu hoàng yến. Em gái chàng có vẻ tiếc rẻ, nhưng vẫn cố gượng vui an ủi:

- Đôi guốc nó phải đẹp hơn, lại chính hiệu Đa Kao Sài gòn, nó mới thấy thích.

Buổi tối hôm ấy, chàng do dự mãi mới dám rủ em gái đi dạo phố Tết, xem thử Tết Nha Trang có vui như ở Sài gòn không? Em gái chàng cười nhỏ rồi đáp:

- Dĩ nhiên không đông đúc tấp nập bằng Sài gòn, nhưng năm nay chắc chắn phải vui hơn.

Chàng cười chữa thẹn. Em gái chàng rủ qua Trần Quý Cáp. Chàng vội từ chối:

- Đi với anh qua ngã rạp Tân Tân cho anh mua mấy tờ báo.

Chàng làm như vô tình hỏi bất chợt khi câu này, khi câu khác. Em chàng cũng làm như hồ hững trả lời nhát gừng. Ghép lại bấy nhiêu câu đáp rời rạc, chàng biết đại khái lý lịch của Maria: con gái đầu của một gia đình công chức hỏa xa theo đạo Thiên Chúa, cha người Quảng Nam mẹ người Huế. Có ba đứa em gái và một em trai út. Ít thích ra khỏi nhà tuy ở thật sát phố chính. Căn nhà thuê lâu năm được giá hời, vì cách bố trí thật cách trái ngoe: cửa trước ăn thông với nhà chủ nên bị xây kín lại ra vào phải đi qua cửa nhà bếp ăn thông ra đường Trần Quý Cáp. Kín đáo hỏi kỹ hơn một chút chàng chỉ biết nhiều lần ba Tố Chân sai mấy chị em mua sơn sơn lại tấm cửa gỗ tạp sắp bị

mối đục, nhưng người này nạnh hẹ người kia, cuối cùng cánh cửa vẫn xập xệ như cũ. Một cánh cửa ván tróc sơn bắt đầu bị mối? Trời hỡi! Làm sao tìm ra đây? Hỏi địa chỉ cho chính xác thì chàng chưa đủ can đảm. Phải gắng lấy tất cả ý chí "kẻ làm trai", lẩm nhẩm đọc lại tất cả những bài thơ học thuộc lòng của Nguyễn Công Trứ năm đệ nhị, chàng, mới đủ bạo ấp úng đưa bài thơ cho em gái và dặn nhỏ qua hơi thở gấp:

- Đưa luôn bài thơ này để Maria đọc cho vui. Dặn cô ấy đọc xong xé đi.

Em gái chàng đòi xem. Chàng dứt khoát từ chối. Nó đành kẹp bì thư dán kín bằng keo và đôi guốc mang đi, nét mặt phụng phịu (Về sau Tố Chân trách chàng: Anh thật vô ý. Ai đời lá thư viết rõ như thế mà không chịu dán kín lại. Báo hại con Dung cứ chọc em hoài.)

Sau Tết năm đó họ bắt đầu viết thư cho nhau, tuy ở Nha Trang hai người chưa dám gặp nhau hoặc nói với nhau được một câu ngớ ngẩn nào. Thư của Tố Chân và của chàng đều ngắn, vô thưởng vô phạt, và dĩ nhiên thuộc loại "phụ bản đính kèm" theo "lá thư chính thức" gửi cho Tường Dung. Bạn cùng chung nhà trọ với chàng khâm phục chàng ra mặt, cật vấn cái cô Tường Dung Nha Trang ấy bao nhiêu tuổi, đẹp xấu thế nào. Chàng thành thực bảo đó là em gái con ông chú của chàng, họ vẫn không chịu tin. Họ hỏi:

- Em gái sao siêng viết thư cho mà y thế? Thư nào cũng dày cộm.

- Thư em gái mà hôm nào đi học về, mà y cũng hỏi "Tao có thư không?" Mà y nóng ruột còn hơn chờ mandat cuối tháng nữa!

- Em gái? Em gái hậu phương chắc! Sao tự nhiên cô em quý hóa viết liên tiếp hàng tuần cho mà y. Trước kia ngoài thư bảo đảm có thấy mà y nhận thư của ai đâu?

Chàng đỏ mặt thề thốt, lòng hãnh diện ngấm. Chàng đâm thương hại những đứa con trai chưa nếm hương vị tình yêu. Cuộc đời chúng nó vô vị, nhạt nhẽo, trống rỗng, nhàm chán quá lắm! Khô khan quá lắm! Chàng thường mỉm cười băng khuông một mình. Lũ bạn bắt gặp lại tra vấn. Chàng lựa bức thư vô hại nhất của Tường Dung đưa cho chúng đọc. Từ đó, chúng mới để yên cho chàng sống trọn với tình yêu đầu.

Tường Dung mau chán với vai trò chim xanh nên chẳng bao lâu chàng nhận được những lá thư cũng của Tường Dung nhưng nét chữ khác: nét chữ nghiêng ồm yếu. Phụ bản dần dần chiếm hết chỗ của bản chính, và độ dày của thư cũng y như cũ dù giấy mỏng hơn. Khởi cần thuật lại những điều họ viết, vì cổ kim chỉ bấy nhiêu chuyện trời trăng. Cũng khởi cần ngạc nhiên hỏi vì sao chỉ có bấy nhiêu chuyện tầm phào mà họ viết mãi chưa hết, không bao giờ hết. Chàng bắt cần sự đe dọa của thi cử, nghinh mặt sừng sộ với hình học, số học, đại số, lượng giác, thiên văn học. Thư Nha Trang giành chỗ của sách giáo khoa luận lý học, đạo đức học, vật lý, sinh ngữ. Chàng thi hỏng khóa đầu. Ai cũng kinh ngạc, trừ chàng. Phải thế chứ. Phải có niềm đau khổ nào đó làm tế lễ dâng cho Thiên Thần Vĩnh Cửu Lạc Phúc của chàng.

Chuyến về quê để phân bua với cha mẹ, chàng lại ghé Nha Trang. Nàng giả vờ đến mượn Tường Dung cuốn đại số học. Lần đầu tiên chàng được nói chuyện với Maria, cuộc nói chuyện tay ba, vì dù Tường Dung cảm thấy thừa thãi muốn rút lui, cả Tố Chân lẫn chàng đều hoảng hốt năn nỉ Dung ở lại. Cuộc gặp gỡ không được một phần nghìn những gì chàng mơ tưởng, và chưa được một phần trăm những lời đã viết cho nhau qua thư từ. Đại khái khi Tường Dung cầm quạt phe phẩy than:

- Hôm nay trời nóng dữ

Chàng nói:

- Ừ, trời nóng thật.

Còn Maria thì e dè nói:

- Có lẽ sắp mưa mất! Mấy bài tập đại số Dung làm chưa?

- Chưa. Sẵn có anh Thiệu đây, làm hộ tụi này quách.

- Anh chịu! Xưa nay "tôi" chúa ghét môn đại số.

Tường Dung cười giòn chĩa lại:

- Phải nói "quay lưng với môn đại số " cho đúng bài bản.

Tố Chân đỏ mặt, liếc nhìn chàng. Chàng lúng túng hỏi em gái:

- Nhưng khó lắm không?

- Không khó thì cần gì hỏi anh. Mà làm được mấy bài rồi Tố Chân?

- Nghĩ mãi không ra, đến khổ!

- Mà bạn nghĩ đâu đâu, toán đệ thất làm cũng không được chứ đừng nói đệ tam.

- Bậy! Dung nhờ làm giúp rồi cho chép với!

- Mà "ra lệnh trực tiếp" hiệu quả hơn.

- Bậy!

- Thôi được. Để đó anh làm giúp cho. "Tôi" vừa thi hỏng, làm sai Dung không được trách đó nhé!

- Người ta mắng cho đấy, trách còn nhẹ, phải không Tố Chân?

- Bậy!

- Bậy bạ hoài. Thôi để em đi cho "hai ông bà" tiện nói chuyện.

- Không. Mình cũng phải xin phép về. Mẹ dặn phải đi chợ mua gừng.

Tường Dung nhất định bỏ đi. Maria líu ríu đứng dậy, ấp úng nói gì đó để xin chàng về. Chính chàng cũng không dám lưu khách ở lại. Chàng đưa hai cô bé ra đến cửa, ngập ngừng không dám đi tiếp đến tận cổng. Tường Dung chợt nhớ, cười chế giễu hỏi:

- Ủa, sao mà không lấy cuốn đại số?

- Ờ, mượn cũng được.

Chàng cương quyết ra công. Phải nói trực tiếp với Maria câu gì đó, nếu không thì khô hài quá. Thư qua thư lại cả xấp mà gặp nhau không nói với nhau được câu nào. Chàng đến nơi kịp lúc Maria sắp quay gót. Nàng ngượng ngùng lí nhí:

- Em về!

Chàng chỉ nói với được một câu:

- Chúc Tố Chân nghỉ hè vui!

Khách về rồi, Tường Dung ôm bụng cười. Nó kêu lên:

- Trời ơi là trời. Thật chẳng khác nào ăn vụng bột bị bắt quả tang. Nói không được, còn mím môi ngậm thì sặc! Sao hai ông bà viết cho nhau như khướu hót mà gặp nhau lại thế?

Chàng đỏ mặt chịu trận. Về lại Sài gòn để lo học thi khóa hai, chàng viết ngay cho Maria một lá thư dài vô địch. Chàng xin lỗi sự bất lịch sự hôm trước, kể vanh vách những gì mình định nói mà không thể nói được. Thư gửi đi chưa được một ngày, chàng đã nhận được một bức thư dài chẳng kém. Tố Chân cũng kể hết những điều mình định nói, thú nhận hôm ấy mình thật "bậy". Nàng lại hỏi những câu chưa kịp hỏi: "Bài thơ thứ hai anh hứa gửi về Nha Trang, em chờ lâu thật lâu sao chẳng thấy? Bài thứ nhất dĩ nhiên em rất thích, tuy đọc tên mình trên một "tác phẩm", thấy dị dị thế nào ấy! Con Dung nó đem rêu rao bài thơ cho cả lớp, rồi cả lớp rêu rao cả trường, làm tụi con trai đệ nhị chọc em hoài. Anh biết không, bài thơ đó nổi tiếng khắp Nha Trang đấy. Nhiều đứa tò mò muốn biết Maria Tố Chân là ai. Em không dám ra đường nữa. Sợ thiên hạ thất vọng nào nê. Hỏi thật anh nhé, anh đã thất

vọng chưa? Em xấu xí lắm phải không? Em không có ảo tưởng đâu! Em đã dặn lòng từ nhỏ là nên chịu đựng. "Em là gái trời bắt xấu. ", anh đã đọc tập thơ ấy của Lê Khánh chưa? À, hôm về thầy mẹ có trách móc nhiều không? Rán học anh nhớ!...

Chàng tuân theo lệnh truyền! Chàng đã rán học, và đậu bình thứ vào khóa hai. Bất chấp lời khuyên của thầy mẹ, của bạn bè chàng xin học Cao Đẳng Mỹ Thuật. Chỉ có Maria tán đồng lựa chọn của chàng.

Chàng nhận được của thầy mẹ một lá thư trách móc thắm thía: "Con tưởng thầy mẹ đủ sức nuôi con cả đời để con tự do vẽ vờ bông lông hay sao? Chị hai con đã lấy chồng, từ nay lo con chưa xuể hướng hồ giúp đỡ mẹ con buôn bán độ nhật qua ngày như trước. Thầy sắp về hưu. Gia cảnh nhà ta, con rõ hơn ai hết. Nếu không có chú trong đó, liệu con học được đến chừng này hay không? Một mai nếu thấy mẹ có mệnh hệ nào, lũ em con ai lo đây? Nhiều đêm mẹ con lo nghĩ quá, trăn trở không chợp mắt.. "

Chàng bối rối chưa biết giải quyết ra sao thì kỳ diệu thay, cô bé mới tròn 17 đã đủ chín chắn gỡ rối cho chàng. "Sao anh không chuyển sang trường Sư Phạm Mỹ thuật? Em có một ông cậu cũng học trường đó, hiện đã ra trường về dạy môn vẽ ở trường trung học Phan chu Trinh Đà Nẵng. Làm giáo sư hội họa vừa có nghề nghiệp vừa tiếp tục sáng tác được. Ông cậu em vẽ không có gì lạ, nhưng được cái nghề nhàn. Còn anh của em thì.. "

Một lần nữa chàng tuân lệnh. Chàng sướng mê lên! "Anh của em thì..." Ba dấu chấm ấy đã đủ báo hiệu sự nghiệp hội họa vẻ vang của chàng sau này. Các họa sĩ danh tiếng lẫy lừng khắp thế giới có ai may mắn tìm được người yêu có đôi mắt xanh như chàng đâu? Paul Gauguin vợ phải một bà nội trợ quần áo hôi mùi xúp tỏi và phó mát. Modigliani, một cô gái thất tha thất thểu dở điên dở khùng. Van Gogh thui thui suốt đời, cắt tai không có lấy một người đàn bà rõ được giọt nước mắt sợ hãi hay xót xa. Chagall? Có may mắn hơn đấy, nhưng làm sao bằng được chàng. Chàng thấy mình cao lớn như

nhà thờ Đức Bà. Hai người đặt ra nhiều sáng kiến cỡ long trời lở đất. Nàng than cái tên Maria Tố Chân tuy thân yêu nhưng nhiều người biết quá rồi. Bài thơ của chàng được truyền tụng nhiều, nên cái tên đáng lẽ chỉ dành riêng cho chàng, đã trở thành tên Cúc Hoa trong miệng các anh mù hát xẩm. Chàng liền đặt riêng cho nàng một cái tên mới: Lạc Phúc. Nàng không dám để cho chàng gửi thư về đường Trần Quý Cáp, lâu nay vẫn nhờ Tưởng Dung chuyển hộ. Cô em gái chàng dần dần ghen tị với hạnh phúc "bất xứng" của người bạn thân, bắt đầu làm khó dễ.

Chàng đề nghị một thứ mật mã chỉ có riêng hai người trên quả đất này nắm được chìa khóa. Nếu Tưởng dung không đem lá thư kỳ dị ấy ra hỏi ông chú chàng, rồi ông chú nhát gan sợ liên lụy viết thư máng cho chàng một trận, chắc họ còn dạy thứ chữ bí hiểm ấy cho đến đời con, cháu, chắt. Chàng còn ngu ngơ đến bưu điện trung ương để xin thuê bao một hộp thư lưu trữ riêng. Nếu phí tổn hàng tháng không cao gấp ba tiền học bổng sinh viên của chàng, có thể chàng khỏi phải bị bạn bè cùng trọ tọc mạch xoi mói. Chàng hứa sẽ về Nha Trang vẽ chân dung nàng, từ phía sau lưng. Người mẫu mặc áo cánh mỏng để lộ đôi vai thon và cái cổ Thiên Nga, tuy quay lưng về phía người xem nhưng từ cái bóng lơ mờ của thành quách cũ ở phong tranh, ai cũng đoán được nàng đang nhớ về quê ngoại. Dự định này chàng thực hiện được, và bức tranh ấy được huy chương bạc từ khi chàng mới là sinh viên năm thứ hai. Chàng được bạn bè và các thầy kính nể. Giới phê bình hội họa xem chàng như mầm mống của một trường phái ấn tượng mới, đậm đà màu sắc trầm mặc kín đáo của phương Đông. Chàng được nhiều người biết tên. Nhiều người đã biết cả mối tình của chàng... Mọi sự riêng tư kín đáo e ấp sượng sùng nên giấu diếm lo ngại, bây giờ được công khai hoá. Thầy mẹ chàng viết thư vào Nha Trang hỏi ông chú lai lịch của gia đình Tố Chân. Chàng đã đủ dạn dĩ rủ lũ em Tố Chân đi xi nê, đi ăn kem trước rạp xi nê Tân Tiến. Mẹ Tố Chân vốn vẫn "mời cậu mỗi lần về hè nhớ ghé Nha Trang chơi". Chàng không quen được thái độ chăm sóc thái quá của những bà mẹ Huế đối với tương lai lứa đôi của con gái. Một lần chàng ghé Nha Trang, và

hôm sau phải ra ga sớm để đón chuyến tàu 3 giờ sáng về Đà Nẵng. Ga Nha Trang hôm ấy vắng. Chàng thấp thỏm chờ đợi mãi mới thấy Tố Chân đến. Nàng mặc áo dài tím lụa mỏng nên thân thể trông càng ốm yếu hơn. Chàng cảm động và thương hại cho con chim bé bỏng tự nguyện nấp dưới "đôi cánh rộng" của đời chàng. Hai người ngồi bên nhau trong phòng đợi, chờ giờ ra sân ga. Gió đêm thổi qua cửa lớn nhà ga, hất tung vạt áo dài lên người chàng. Chàng ngây ngất vì hương vị quyến thuộc thoang thoảng mùi băng phiến. Nàng vội níu tà áo phủ lên đôi chân. Mãi đến hồi đó, nghĩa là hai năm từ hồi mới quen nhau, họ vẫn chưa dám cầm tay nhau. Chàng muốn nhân cơ hội trả vạt áo lấy bàn tay nhỏ nhắn của Tố Chân, áp nóng trong lòng tay mình cho nàng bớt lạnh. Hình như Tố Chân đoán được ý định của chàng nên sau khi thu vạt áo về, nàng giấu hai bàn tay dưới lớp lụa tím. Chàng hỏi:

- Em có lạnh không?

Tố Chân đáp nhỏ:

- Chỉ hơi lạnh thôi. Độ này em không được khỏe.

Chàng nhìn nàng thương hại:

- Em bày vẽ đưa đón làm gì! Anh quen lo liệu một mình từ lâu, từ thời còn bé.

Nàng thành thật nói:

- Đêm qua em mệt quá tí nữa ngủ quên. May có mạ để đồng hồ báo thức.

Chàng cảm thấy khó chịu. Tại sao mẹ lại xen vào chuyện này? Đột nhiên chàng nhận thấy (có thể chàng tưởng tượng thái quá) trong cách vồn vã sẵn đón của mẹ Tố Chân "có cái gì" thiếu vô tư; bạo miệng một chút, cái gì đó là sự nôn nả lo lắng tìm kiếm cho cô trưởng nữ một ông chồng coi được. Từ đó chàng càng khó chịu hơn: hình dáng chàng, học lực của chàng, nghề nghiệp của chàng, tương lai của chàng, kể cả những điều thiêng liêng như lòng đam mê nghệ thuật, tình yêu Tố Chân khát vọng đạt được cái tuyệt đối, ước muốn được sống lương thiện và chân thật, đều bị người mẹ Tố Chân soi mói lôi ra cân đo đong đếm. Đêm tiễn biệt ấy tự nhiên mất vui, và tình yêu của chàng có thêm một dấu chấm hỏi. Có phải đó là dấu rạn đầu tiên không? Đến bây giờ chàng vẫn chưa xác quyết. Về Đà Nẵng, chàng sống qua một tháng hè trống trải. Nổi nao nức chờ thư sút giảm. chàng cố nhớ lại vẻ mặt, câu nói của Tố Chân đêm ấy. Nàng có vẻ mệt mỏi chán nản thật. Không chán, sao phải chờ mẹ nhắc mới dậy để lên ga tiễn đưa chàng. Còn nếu yêu chàng như thuở đầu, nàng có ngủ được đâu! Mà dù có mệt quá mà lỡ ngủ quên, ít ra nàng cũng phải giấu chuyện cái đồng hồ báo thức chứ. Nàng nói huỵch toẹt ra vì bất cần. Tôi như vậy đấy, anh chịu đựng không được thì thôi. Thư Tố Chân gửi về Đà Nẵng cũng đều đặn như trước, thiết tha âu yếm như trước, nhưng chàng đọc được ở chỗ giấy trắng bên lề thư nhiều dấu hỏi và nhiều dấu than. Về lại Sài Gòn học năm thứ ba, mật độ trả lời thư của chàng chậm lại. Hình như Tố Chân cảm thấy điều gì bất thường đã xảy ra nên liên tiếp trong nhiều lá thư, nàng thẳng thốt hỏi thăm tình trạng sức khoẻ của chàng.

Chàng lại nghĩ: "Bà mẹ bắt đầu sợ con mỗi vượt khỏi tay đây". Chàng lấy ảnh Tố Chân ra ngắm lại. Chàng dần dà khám phá ra những nét thiếu cân đối hoặc cách trang điểm thái quá của cô gái trong ảnh. Quả tình cái mũi nàng có quá lớn thật. Nhìn theo đòi hỏi hài hòa của nghệ thuật, cái mũi ấy không xứng hợp tí nào với đôi môi ấy, thân dáng ấy. Thằng thợ chụp hình nhà quê nào khuyên nàng mang lông mi giả và tô môi đỏ choét thế này? Một người nhu mì như Tố Chân lại đi nghe những lời xúi giục phản mỹ thuật đến thế ư?

Tố Chân dài dòng thắc mắc. Chàng dài dòng trấn an. Nàng thấp thỏm. Chàng lửng lơ xem như một cuộc báo động giả, tuy càng lúc càng thấy niềm lo ngại của nàng có đủ căn cứ. Lá thư dài vì tha thiết khác với lá thư lê thê vì buồn chán, đàn bà nhạy cảm chuyện đó lắm. Nàng đòi vào Sài Gòn dự khai mạc cuộc triển lãm tranh hội họa-sĩ-trẻ do chàng và các bạn đứng ra tổ chức. Chàng vội trả lời chưa thỏa thuận được với giám đốc nhà hàng Continental về thời gian triển lãm. Chính lúc đó, lúc chàng hồi hộp chờ đợi xác nhận của dư luận về tài ba của chàng như một bị can chờ nghe tuyên án, chàng nhận được lá thư định mệnh. Nàng viết:

"Hôm qua chú thím được thơ thầy mẹ có ra nhà ba mẹ em dò hỏi chuyện chúng mình. Em lo ngại quá. Ba em thì mọi sự đều đơn giản. Nhưng phần mẹ, em không yên tâm chút nào. Mẹ cứ nhắc mãi đến anh kỹ sư điện nào đó bạn cậu em ngoài Đà Nẵng (không biết thầy mẹ ngoài nhà có quen với người ta không?) Em khóc đến hết nước mắt, cứu em với, anh Thiệu ơi. Em tuyệt vọng khi nhận được điện tín của anh, báo tin ngày khai mạc triển lãm dời lại vô hạn định. Chuyện chúng mình cũng như thế sao anh? Ba sai tội em sơn quét nhà cửa, sợ nhờ thầy mẹ có vào, nhà cũng tươm tất hơn một chút. Mẹ thì cứ dùng dằng. Viết thư, hoặc đánh điện tín ngay cho em, cho em biết đích xác anh có đau yếu gì không, đã quên em chưa..."

Chàng phát sốt vì sợ hãi. Tại sao thế này? Bao nhiêu câu hỏi dồn dập đến: Lại thêm một cách cân đo đong đếm và mặc cả của mẹ phải không? Cái anh chàng kỹ sư điện nào đó có thật hay chỉ là sản phẩm tưởng tượng của mẹ? Thầy mẹ chàng định vào Nha Trang thăm nhà ư? Lại thêm chuyện quét dọn nhà cửa nữa. Chàng cảm thấy mình bị vây bắt tứ phía, anh chàng kỹ sư là cái hình bù nhìn để dọa phía trước, sơn quét nhà cửa là cái lưới để hứng phía sau. Bên phải thì có thầy mẹ chú thím chàng. Bên trái có ba mẹ và lũ em Tố Chân. Bài binh bố trận kỹ như thế chàng thoát làm sao được? Cao siêu thay, đầu óc thợ săn chuyên nghiệp của những bà mẹ Huế. Mà tại sao lại săn đuổi chàng đúng vào lúc này? Lúc niềm hãnh diện sáng tạo kể bên nổi thất vọng, tự tin khó phân với ngờ vực, từ chân-tài đến kẻ làm bạc giả chỉ cách nhau mỗi một tiếng thị phi.

Cuộc triển lãm mở chậm hai ngày so với dự tính. Tranh của chàng được chú ý, tuy chỉ bán được có một bức nhỏ. Báo chí lại nhắc đến tên chàng, nhưng hình như giới phê bình hết xem chàng như "một mầm non cần nâng đỡ", "một họa sĩ trẻ sẽ đi xa trong tương lai", và quay ra soi mói hạch hỏi tác phẩm của chàng như một kẻ khổ tâm hành hạ phụ nữ. Nhiều lời lẽ không đẹp đã nói về chàng, nguyệt trang bằng cái bề ngoài mỹ miều: "nhà mô phỏng điêu luyện", "Van Gogh thời đã hết điên". Chàng viết một lúc hai bức thư một gửi cho thầy mẹ xác nhận chàng chưa hề có ý lập gia đình khi chưa đủ sức nuôi các em, một gửi cho chú thím hỏi lại chuyện thăm nhà, và một điện tín gửi cho Tố Chân: "Anh là một thằng bất tài không thể đủ sức nuôi vợ. Hãy vâng lời mẹ. Chúc hạnh phúc".

Sự đổ vỡ do chàng gây ra ghê gớm hơn chàng tưởng tượng. Sau này chàng được biết thầy mẹ chàng có viết thư vào Nha Trang nhờ chú thím chàng dò hỏi chuyện lứa đôi cho chàng thực. Hai ông bà đã già, tha thiết muốn có cháu nội làm người thừa tự. Đã đành chàng chưa có sự nghiệp gì, nhưng không ai biết tính con bằng cha mẹ. Thầy mẹ chàng nghĩ nếu lập gia đình, bị vợ con ràng buộc. Chắc chắn chàng sẽ bỏ bớt ước vọng lông bông hão huyền muốn làm một nghệ sĩ. Vả lại, thầy mẹ có ép uống gì chàng đâu. Hai người chỉ làm trước cái việc mà trong thâm tâm, những người trẻ tuổi yêu nhau đều mong ước mà chưa dám nói ra. Chú thím chàng đã vui vẻ ăn mặc nghiêm chỉnh sang nhà Tố Chân thăm dò. Chị em Tố Chân cũng đã quét dọn sơn phết nhà cửa sạch sẽ, để rồi mọi người bật ngửa sửng sốt vì cái điện tín của chàng. Bây giờ, mẹ Tố Chân chỉ biết tiếc rẻ. Tố Chân chỉ biết khóc. Bà nằng trở lại tỏ quyền gia trưởng. Ông thấy đây là một sĩ nhục không thể chịu đựng được của gia đình. Bao nhiêu giận dữ, ông đổ cả lên đầu Tố Chân. Nàng chỉ biết khóc mà chịu. Hỏi tại sao? Nàng không đáp được. Những điều nàng mang máng lo âu đã trở thành sự thực. Nhưng do đâu? Nàng còn non nớt quá, không thể hiểu được tình địch của nàng không phải là một cô gái Sài gòn bằng xương bằng thịt, có thân thể cân đối mạnh khỏe hơn nàng, ăn diện đúng thời thượng hơn nàng, cái mũi đẹp hơn mũi nàng, nụ cười mời mọc hơn cái cười hiền hậu của nàng... Tố chân cũng không thể hiểu được sự

khó chịu phức tạp của chàng khi nhận được lá thư cuối. Đối với nàng, hoặc chàng là một kẻ không thể hiểu được, hoặc chàng là một kẻ phản bội.

Sự đổ vỡ được dọn dẹp chóng vánh hơn công lao gầy dựng. Chàng và nàng bật tin nhau từ đấy. Khi chú thím chàng chưa đổi đi nơi khác và Tưởng Dung chưa lấy chồng, chàng còn nhận được tin tức Tố Chân qua Tưởng Dung. Nàng là cái "tiền lệ xấu" cho một gia đình có nhiều con gái cần lấy chồng. Những đứa em kế lần lượt lên xe hoa, nàng vẫn ở vậy. Thi hồng bán phần tú tài, nàng xin làm thư ký công nhật tòa hành chánh, tiền lương vừa đủ đưa thêm cho mẹ đi chợ để khỏi nghe những lời dằn xóc. Làm được một thời gian, nàng tự học lấy được bằng tú tài toàn phần, rồi thi đậu vào học tham sự hành chánh. Chàng chỉ biết đến đó, rồi mất tin luôn, vì Tưởng Dung theo chồng lên ở Pleiku. Hồi cha chàng mất, nhận được thư phân ưu của Tố Chân, chàng cố soi kính lúp mới nhận ra được hai chữ TUY HÒA mờ mờ trên dấu ấn bưu điện. Chàng đoán có lẽ ra trường xong, nàng được đổi về làm việc ở đó. Hỏi dò chừng vài người bạn từng học quốc gia hành chánh, họ có biết Tố Chân. Không phải nàng có gì nổi bật. Chỉ vì số nữ sinh viên theo học ở cái học viện ấy không nhiều. Vài người còn cho biết khi đi học nàng đã có chồng là sĩ quan quân bưu, vì nhiều hôm người chồng có đưa xe Jeep đến đón cô vợ thai nghén về.

Thôi, xin ngậm ngùi chia vui với em vậy, Tố Chân! Chàng lo ngại không hiểu lúc các bạn họa sĩ đăng báo chia vui nhân lễ cưới hai vợ chồng chàng (báo nào cũng có họa sĩ vẽ tranh hí họa, nên gần như báo nào cũng có đăng), Tố Chân đã lên xe hoa chưa. Chàng bồi hồi xót thương anh chàng họa sĩ trẻ thấp thỏm, bất trắc, phức tạp là chàng thời đó, thành thực ân hận những đổ vỡ gây ra cho cuộc đời người con gái ốm yếu. Chàng không thể biện minh gì được. Muốn biện minh, chàng phải viết cả một cuốn tiểu thuyết vài trăm trang. Chàng đã bỏ làm thơ từ lâu, và chưa hề thử viết truyện. Làm sao đây? Cho đến hôm nay, lúc chàng ở vào cảnh tuyệt lộ không tìm được lối thoát, lá thư của Tố Chân lại đến. Chàng nhíu mày cố đọc dấu nhật ấn bưu điện. Vẫn

Tuy Hòa. Chàng gạt mớ phác thảo bữa bộn trên bàn, đưa lá thư gần ngọn đèn bàn đọc lại lần nữa.

"Đã hơn mười năm qua mà em vẫn chưa quên được mối tình cũ kỹ. Sao suốt hai năm nay không thấy anh triển lãm? Hôm được tin thầy mất, em có gửi lá thư, anh có nhận được không? Hiện em bị bệnh nặng lắm, chắc không qua khỏi. Chúc anh ở lại được hạnh phúc. Em có dọn nhà khi khâm liệm nhớ bỏ theo cho em bức tranh anh vẽ em dạo nọ. Không biết chồng con em có nhớ cho không. Em không hề giận anh. Vĩnh biệt".

Lần này chàng mới chú ý đến chữ THẦY nàng dùng để gọi cha chàng. Chỉ ở vào phút lâm chung, Tố Chân mới vút hết hờn giận, tự ái, để trở thành cô học trò dốt đại số học lớp đệ tứ A2 thuở xưa.

Nàng tự xem là người vợ đầu tiên của chàng, chẳng những thế, còn lặng lẽ âm thầm cảm tạ người cha đã sẵn sàng nhận nàng làm con dâu khi chưa biết mặt. Lòng hối hận của chàng lại bùng dậy.

Sáng hôm sau chàng nói dối vợ cần vào Đà Nẵng để thu xếp việc bán căn nhà của thầy mẹ ở đường Phan Thanh Giản chia cho anh chị em làm vốn mưu sinh. Vợ chàng nghe nói chuyện này từ lâu nên không ngờ vực gì. Nàng chỉ dặn:

- Anh liệu về sớm. Nhớ đừng theo bạn cũ lên chợ Cồn nhậu nhẹt. Em Chúa ghét đàn ông say rượu. Anh nhớ... nhớ...

Nàng dặn dò chàng đủ điều phải nhớ, từ vài lọn tré ở gần ga cho đến cây tăm mang theo để khỏi phải dùng tăm hàng chưa nấu chín sát trùng ở các quán. Nàng dặn gì chàng cũng gật. Chàng đi nhằm chuyến xe có bác tài già quá cẩn thận. Đường mưa trơn ướt, xe bò lên đèo Hải Vân như con rùa ì ạch

lê cái mu nặng. Lên đến trạm gác trên đỉnh lại phải đợi chờ gần hai tiếng đồng hồ nhường đường cho một đoàn công voa. Về đến Đà Nẵng đã quá 1 giờ chiều. Xe đi thẳng Tuy Hòa đã xuất bến từ 7 giờ sáng. Chàng nóng ruột mua vé xe đi Quảng Ngãi. Lâu lâu, chàng lấy thư Tố Chân ra đọc lại. Thư không ghi ngày, dấu nhật ấn bưu điện hơi nhòe nhưng dùng hết cách suy đoán, cuối cùng chàng xác định được ngày 13 tháng 9. Nhẩm tính đến hôm nay, đã 14 ngày qua. Liệu chàng vào Tuy Hòa còn kịp không? Chàng giả thuyết nhiều trường hợp và cách xử trí của chàng trong các trường hợp ấy. Nếu nàng vẫn còn sống? (Mà sao lại không? Chàng nghe nói những người hấp hối còn mối hận nào đó thường chưa chịu trút hơi thở cuối cùng nếu chưa thỏa nguyện). Nếu nàng còn sống, tất nhiên chàng phải tìm nàng ở bệnh viện Tuy Hòa. Chàng tự tin với vài lời khéo léo và một bao thuốc thơm, bác gác dan sẽ vào văn phòng tìm giùm phòng bệnh Tố Chân nằm. Chàng không thể đường hoàng vào thăm, vì sợ gặp mặt chồng con Tố Chân. Chàng không muốn gây cho nàng tai tiếng trước khi lìa đời. Chàng sẽ kiên nhẫn chờ ở đâu đó. Khi chồng con nàng vừa ra về, chàng sẽ len lén lách qua cửa phòng bệnh, đến bên giường nàng khẽ gọi: Maria Tố Chân. Chàng cố dẫn lòng để dừng lại đó, không dám tưởng tượng tiếp những gì sẽ xảy ra. Nếu nàng vừa chết, và chàng chỉ vừa vào kịp để dự lễ tang? Chàng còn gì khác để làm việc lặng lẽ nối đuôi đám tang, lặng lẽ khóc thầm để đưa nàng ra mộ. Chàng cũng sẽ chờ mọi người về hết rồi mới đến xin lỗi nàng, đọc lại cho nàng nghe bài thơ đầu tiên, cố gắng giải thích cho nàng hiểu tâm trạng phức tạp rối rắm của chàng lúc ấy. Chàng sẽ cảm ơn câu ngắn đầy hào hiệp trong lá thư vĩnh biệt: "Em không hề giận anh". Chàng sẽ nhắc lại niềm xúc động của chàng khi ngắm hai thiên thần áo trắng đi ban phát lòng từ ái khắp các ngôi mộ lạnh thuở xưa. Chàng không theo đạo Thiên Chúa nhưng cũng thuộc vài đoạn cầu kinh để cầu cho linh hồn nàng an lạc. "Lạy Chúa, xin thương người quá cố này là tôi tớ Chúa.. xin vì lòng nhân từ Chúa cho linh hồn Maria được nghỉ yên muôn đời. và được hưởng ánh sáng nghìn thu..."

Chàng thuê ghế bố ngủ ngay tại bến xe Quảng Ngãi để sáng hôm sau đi chuyển xe tải khởi hành lúc 4 giờ sáng về Tuy Hòa. Chàng may mắn gặp chiếc xe tốt, tài xế trẻ tuổi chạy bạt mạng nên khoảng 3 giờ chiều hôm ấy chàng đến Tuy Hòa. Bước ra khỏi bến xe cạnh quốc lộ, chàng mới thấy cuộc

tìm kiếm của chàng vô vọng. Tìm một người hấp hối qua địa chỉ in nhòe của dấu bưu điện và một lý lịch thu góp qua lời đồn đãi? Chàng thấy thương hại con người hăm hờ là chàng ở bến xe Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi! Nhiều bác phu xích lô đến mời chàng. Chàng do dự chưa biết về đâu, phác tay nói dối rằng nhà chàng ở gần. Đi bộ được một quãng, chàng lại tin tưởng. Phải! Nàng học quốc gia hành chánh, ngạch tham sự, như vậy chỉ cần xuống tòa tỉnh Phú Yên hỏi thăm phòng nhân viên là biết. Chàng hăm hờ thuê xe Honda thổ xuống tòa hành chánh. Hai ba nhân viên tòa tỉnh chàng gặp đầu tiên lắc đầu không biết Tố Chân là ai. Chàng hỏi thêm vài người. Họ đi hỏi bạn bè một lúc lâu, rồi mới quay ra bảo:

- Ở đây không có ông phó đốc sự nào tên là Trân cả.

Chàng vội cải chính:

- Xin lỗi bác lầm rồi. Tôi muốn hỏi bà Chân. C.H.Â.N. chứ không phải Trân. Tố Chân, tham sự hành chánh làm việc ở đây từ mấy năm nay.

Bác công chức già ngơ ngẩn một lúc, rồi nói lơ mơ:

- Có lẽ bà Chân trước làm ở phòng hành chánh.

- Vâng, đúng rồi. Tố Chân. Maria Tố Chân.

- Có phải cái bà ôm ốm hay bệnh.

- Vâng, đúng lắm. Có phải...

Chàng không dám hỏi hết câu. Bác công chức liếc qua đôi kính lão thấy nét mặt chàng thảng thốt quá, tuy chưa hiểu tại sao nhưng vẫn xúc động, chịu khó chạy đi vào trong hỏi giúp chàng. Chàng chờ đợi như chờ cả thế kỷ. Bác trở ra vui mừng bảo:

- Phải. Ở đây có bà tham sự tên Tố Chân. Nhưng...

- Nhưng thế nào ạ?

- Nhưng hết làm ở tòa tỉnh lâu rồi. Bà ấy sức khỏe kém không xông xáo được như mấy cậu phó đốc sự, nên đã xin chuyển qua làm bên hội đồng tỉnh. Nghe đâu...

- Nghe sao ạ?

- Nghe đâu bà ấy xin nghỉ dài hạn không lương. Ông thử qua bên hội đồng tỉnh hỏi xem.

Chàng vừa hy vọng vừa thất vọng. Chàng đã tìm ra tông tích Tố Chân. Nhưng nàng còn sống hay đã chết, chàng chưa biết được. Nhìn đồng hồ, đã 3g45 chiều. Nhiều công chức sửa soạn giấy tờ, xếp đặt lại cho vào tủ, để chuẩn bị ra về. Chàng thuê xe thổ giục chạy nhanh lên hội đồng tỉnh. Cơ quan đại diện cho dân đóng ở một ngôi nhà gần chợ, loại nhà liên dây dùng làm cửa hàng buôn bán có một tầng lầu, bên dưới có cửa sắt kéo. Một phía cửa sắt đã khép, một phía kéo hở vừa đủ cho hai người đi, bên ngoài che bằng một tấm che gió bằng dây nhựa đan. Nếu không có tấm bảng đề Hội Đồng Tỉnh Phú Yên treo trước cửa, chàng đã tưởng mình lầm địa chỉ. Cơ quan vắng vẻ quá, chàng lo sợ đã đến quá trễ. Chàng hồi hộp gõ cửa. May quá, bên trong còn có tiếng máy chữ lách tách. Không nghe ai trả lời, chàng bạo dạn bước vào.

Chàng sửng sờ, vui mừng đến kinh ngạc. Maria Tố Chân còn ngồi đó, dáng nhu mì mệt nhọc y như đêm nàng tiễn chàng trên ga Nha Trang hơn 10 năm trước. Nàng ngồi ở cái bàn gỗ tạp đối diện với cô thư ký đang đánh máy, mặc áo dài màu hồng nhạt. Chàng đứng ở cửa không dám tiến thêm bước nữa. Còn Tố Chân vì chóa nắng và vì bị cận thị (chàng nhớ thuở quen chàng, nàng đã mang kính 2 dioptries) nên có lẽ chưa nhận ra chàng. Chàng nghẹn lời không nói được tiếng nào. Tố Chân thì ngơ ngác hỏi:

- Ông tìm ai?

Chàng tiến thêm hai bước nữa. Cô thư ký đánh máy dừng công việc tò mò quan sát hai người. Chàng bắt đầu lo ngại. Nếu không khéo, chàng có thể làm hại đến thanh danh và hạnh phúc gia đình nàng. Chàng làm đổ vỡ đời nàng một lần, đủ rồi. Đúng lúc đó, Tố Chân nhận ra chàng. Lúc nàng còn bàng hoàng chết lịm vì bất ngờ, chàng đã nhanh trí nói:

- Tôi là anh của Tưởng Dung, bà còn nhớ không? Em gái tôi biết tôi có công chuyện đi ngang qua Tuy Hòa, nên gửi cho bà một lá thư. Tôi có làm phiền bà lắm không?

Tố Chân hơi bất ngờ lúc nghe lời lẽ chàng. Nhưng trong một thoáng, nàng hiểu nói như vậy là cần thiết. Nàng lễ phép đứng dậy vồn vã vừa phải, khi đáp:

- Thế à? Quý hóa quá! À phải rồi, có phải anh Thiệu không? Hồi còn đi học, tôi vẫn nghe Tưởng Dung nhắc đến anh luôn. Anh ghé Tuy Hòa được bao lâu?

Chàng cố bi thảm hóa:

- Việc gấp quá. Ngày mai tôi phải vào Sài Gòn. Nếu gặp chuyển, có thể ngay chiều nay tôi đi cũng chưa biết chừng.

Quả nhiên nét mặt Tố Chân hơi lo âu khi hỏi cô thư ký:

- Máy giờ rồi em?

- Bốn giờ mười phút rồi chị.

- Thôi em lo xếp hồ sơ rồi còn về. Chị phải về sớm để lo cơm nước cho thằng CoCa. Nhà chỉ có hai mẹ con, bỏ nó một mình, chị ngại quá.

Rồi quay về phía chàng, Tố Chân nói:

- Có bạn đến mấy, thế nào anh cũng thu xếp để ghé nhà tôi một lát. Gần đây thôi. Lâu nay không được thư từ gì của Tưởng Dung cả, tôi sốt ruột lắm. Hôm trước tôi có gửi cho nó lá thư, không biết có nhận được không?

Chàng vui mừng đáp:

- Nghe em nó nói có đấy. Nhờ thế tôi mới biết bà còn làm việc ở Tuy Hòa.

Nàng mỉm cười không nói gì nữa, lo xếp dọn hồ sơ, khóa tủ lại, rồi xách cái xách da màu vàng đi ra cửa. Chàng vội bước theo. Vẫn cái dáng đi khoan thai hơi lê bàn chân trên mặt đường y như trước.

Chờ cô thư ký khóa cửa sắt ra về, nàng mới thì thào hỏi:

- Anh nhận được thư em hồi nào?

Chàng nuốt nước miếng, dần xúc động đáp:

- Chiều hôm kia. Sáng hôm qua đi suốt ngày tới được Quảng Ngãi. Ngủ ở bến xe, bốn giờ sáng khởi hành. May quá, đến đây còn kịp giờ công sở.

Nàng đỏ mặt vì vui sướng. Chỉ cần một câu ấy thôi, nàng có thể quên hết bao nhiêu năm cay đắng đã qua. Tố Chân di di đầu guốc lên nền thêm xi măng không nói gì. Chàng nói:

- Nghe tin em mệt nặng, anh cứ lo không kịp...

Nàng ngược lên cười buồn:

- Em đã tưởng không qua khỏi. Gửi thư cho bác y công đem đi rồi, em vừa hối vừa lo.

Chàng hiểu nàng muốn nói gì, nhưng cứ hỏi:

- Vì sao vừa hối vừa lo?

Tố Chân lại di di chiếc guốc, đáp nhỏ:

- Em chỉ sợ bác ấy quên không gửi giùm.

Chàng cười:

- Hèn chi tem dán cái xuôi cái ngược. Em đã khỏe hẳn rồi chứ? Bị bệnh gì nặng không?

Nàng bối rối, ngập ngừng một lúc, rồi đáp:

- Em bị sảy thai, sau đó băng huyết dữ vào lúc quá yếu.

Chàng khựng người, ngược lên chăm chú nhìn nàng, hơi xót xa. Bây giờ chàng mới nhớ nàng đã có một đời sống riêng, kể cả chuyện phòng the giữa vợ chồng. Đoán được tâm trạng chàng, Tố Chân vội nói:

- Anh về nhà em đã. Cứ kêu xe thổ bảo chở đến quân bưu. Em đi cyclo qua nhà chị bạn đem cháu về. Nếu em chưa về kịp, anh chịu khó đợi một chút. Một lần nữa chàng khựng lại. Chồng nàng làm ở quân bưu thật. Qua những câu nói khéo, chàng biết ông ấy đi vắng. Và một lần nữa, chàng lại xót xa. Chàng đến khu nhà tiền chế của trạm quân bưu lúc Tố Chân chưa chở con về kịp. Cửa các nhà khu gia binh đều mở, trừ một cánh cửa khóa ở dãy phía tay trái. Chàng đã đoán không lầm. Đúng là nhà nàng. Đứa con nàng dẫn về lên 4 thật kháu khỉnh, mạnh khỏe khác hẳn mẹ. Chàng vuốt tóc làm thân với nó. Sợ mẹ, nó để yên cho chàng vuốt ve một lúc, rồi gỡ tay chàng ra, đến nép sau tà áo hồng của mẹ. Nàng dẫn chàng theo cái dốc thấp lên chỗ cánh cửa khóa. Gió thổi hất tà áo hồng về phía chàng. Thoang thoang mùi băng phiến! Chàng định nhắc lại kỷ niệm cũ, nhưng nhớ đến cảnh ngộ hàm hồ khác thường, chàng cho như thế là đi quá mức cần thiết. Tố Chân đã được sống sót, và phải trở lại chịu đựng những ràng buộc cũ. Chàng không được quên điều ấy!

Bên trong căn nhà thật trống trải: một bộ bàn ghế sắt hàn từ những mảnh lót sân bay, hai chiếc giường nhà binh kê cạnh nhau, cái nôi đã không cần thiết bị rỉ chỗ lót tã, đồ nấu bếp, cái tủ quần áo bằng tôn dựng hồ sơ ở các văn phòng.

Không có thứ gì riêng tư và trường cửu, như đời sống tạm bợ của các gia đình quân đội. Thành CoCa mãi chơi bi một mình nên mẹ nó được thông dong ngồi tiếp chuyện chàng.

Tố Chân hỏi:

- Anh còn vẽ nhiều không?

Chàng chưa đáp vội, nhìn quanh tìm bức tranh thiếu nữ xoay lưng với môn đại số. Nàng hiểu, cảm động run run nói:

- Em đã gửi nhờ con em giữ hộ.

- Tại bố thằng bé không thích?

- Không phải thế. Nhưng...

- Nhưng thế nào?

- Anh không hiểu em đâu.

Chàng ngược lên cố đoán xem nàng đang nghĩ gì. Hai người nhớ lại chuyện cũ nên bùi ngùi im lặng. Một lát, chàng hỏi:

- Anh mong em hiểu anh. Hồi ấy...

Tố Chân cướp lời:

- Em hiểu anh chứ. Ban đầu em ngỡ ngác, đau xót. Nhưng sau đó em hiểu. Nếu không...

Nàng dừng lại. Chàng chờ thật lâu, nàng mới tiếp:

- Nếu không, em đã không viết thư. Em không muốn anh áy náy về em.

Chàng cảm động, nhìn đôi bàn tay gầy đặt trước mặt đang cuống quýt đan nhau, muốn nắm lấy để cảm ơn nàng, nhưng không dám. Chàng sống lại y cái thời e ấp cũ. Muốn dẫn xúc động, chàng hỏi:

- Sao em biết được tin thầy mất?

Nàng chớp mắt, cười ranh mãnh:

- Anh nổi tiếng quá; có chuyện vui buồn gì, ai cũng được chia sẻ. Em biết nhờ đọc báo.

- Cảm ơn em. Nhất định là thầy được lên "miền lạc phúc" rồi!.

Nàng giật mình, ngược nhìn chàng hồi lâu. Không chịu đựng được cái nhìn đầy ngụ ý, nàng quay mặt đi, nói sang chuyện khác:

- Anh biết không? Em được gặp thầy rồi!

Chàng kinh ngạc hỏi:

- Hồi nào? .

- Hồi đó. Chính thầy vào Nha Trang thăm chú thím. Em vô tình qua thăm Tưởng Dung, thoáng gặp thầy, đã biết là ai liền. Sao đôi mắt của anh giống đôi mắt thầy thế. Nhưng thầy hiền hơn!

Họ lượn lờ quanh chuyện cũ, và cùng hưởng lại cái thú đau thương của những kẻ vừa qua được cơn vật vã đứng nhìn nỗi hiểm nguy với lòng thanh thản. Họ không đả động gì tới hai người thân vắng mặt, cũng không có chút mặc cảm tội lỗi nào. Chàng xin lỗi không dám tin còn gặp lại nàng nên không mua quà cho cháu.

Nàng hỏi thăm các con chàng. Chàng đưa cho nàng xem hình đứa con trai út bằng tuổi thằng CoCa. Nàng khen cháu dễ thương, nhất là đôi mắt nòng nân. Câu chuyện vẫn lan man nhất gừng chẳng khác mấy với các câu chuyện cũ; chỉ khác một điều là bây giờ, trừ những lúc chơi với tưởng sắp vĩnh biệt cõi đời, họ không còn có thể bỏ khuyết chỗ thiếu sót lúc gặp nhau bằng những lá thư dài khi xa nhau.

Sau ngày mất nước, họ lại bắt tin nhau. Chàng mong ước gia đình Tố Chân may mắn vượt qua các bất trắc của buổi giao thời. Và chàng tin rằng, cho

đến lúc này, nàng vẫn còn chịu đựng can đảm các hệ lụy của cuộc sống mới. Nàng chưa tuyệt vọng. Nếu tuyệt vọng "sợ không qua khỏi", thế nào chàng cũng nhận được một lá thư khác, dù chàng lưu lạc đến bất cứ phương trời nào.

Ngựa Nản Chân Bon – Tựa của Võ Phiến

Một buổi chiều trung tuần tháng chín năm 1983, Lê tất Điều gọi từ San Diego để báo vội vàng một tin tức: Nguyễn mộng Giác viết truyện hay quá trời .

Điều vẫn thế, lúc nào cũng tốt bụng, cũng phấn khởi, cũng sốt sắng với văn nghệ. Mặc dù đang thất nghiệp, đang kêu nản lòng với bút mực, nhưng luôn luôn theo dõi sát các hoạt động văn nghệ đó đây của anh em, và hễ chợt bắt gặp một thành công của bất cứ ai đều hớn hở reo vui, vui cả trên đường dây điện thoại viễn liên .

Truyện của Giác viết hay, tôi đã biết từ lâu, không phải vì tôi tinh hơn Điều hay bám sát tình hình kỹ hơn Điều, dĩ nhiên ; mà bởi vì tôi là người đồng hương của Giác. Ở cái tỉnh xa xôi của chúng tôi -xa Huế kinh đô cũ, xa Sài gòn thủ đô mới - số người dự vào việc văn nghệ chẳng được là bao, nên những kẻ cầm bút ai nấy đều gần gũi nhau, và khi cùng rời tỉnh nhà vào Sài gòn sinh sống, thì lại càng thân thiết , xem nhau như cật ruột. Chúng tôi theo dõi từng tác phẩm của nhau ngay từ trong bản thảo .

Nhân cú điện thoại của Lê tất Điều, tôi nhớ lại một câu chuyện xảy ra chín năm về trước ở Sài gòn, cùng liên quan đến Nguyễn mộng Giác, đến việc Giác viết hay . Hồi đó, Trung Tâm Văn Bút Việt Nam chọn trao giải thưởng năm 1974 cho cuốn truyện dài Đường Một Chiều của Nguyễn mộng Giác. Lúc bấy giờ Hoàng ngọc Tuấn đang bị kẹt ngoài Trung đã làm một việc chưa từng thấy trong đời văn của Tuấn và trong lịch sử các giải thưởng văn chương ở ta : là từ ngoài Trung kêu lên ơi ơi , tưng bừng tán thưởng . Thực vậy , Hoàng ngọc Tuấn đã gửi một lá thư "chào mừng" thật dài cho Hội Văn Bút Việt Nam ,lá thư được đăng tải trên các báo, khen Hội có tinh thần thưởng ngoạn và thẩm định Văn chương rất tinh tế , rồi lại phát huy thêm nhiều ưu điểm của tác phẩm trúng giải mà Hoàng ngọc Tuấn xác nhận đã đọc bản thảo, và nhiều ưu điểm của Nguyễn mộng Giác.

Ở đây tôi không có ý nêu lên cái việc Nguyễn mộng Giác được người này người kia trong văn giới yêu thích ; tôi chú ý đến chỗ sự yêu thích có pha mừng rỡ, đôi khi lại có lẫn chút ngạc nhiên. Tại sao vậy ? Sự thành công có gì bất ngờ ? Nếu Giác có địa vị ổn định rồi thì đã không có cái reo mừng nọ . Nghĩ đi nghĩ lại, thấy quả thực trong trường hợp của Nguyễn mộng Giác có điều thiệt thòi bất công : Giác đã không được chú ý rộng rãi và nhanh chóng xứng với tài mình .

Và như thế do nhiều lẽ .

Thứ nhất là do tình hình. Giác xuất hiện giữa lúc chiến cuộc đang hồi gay gắt, nước nhà lâm tình trạng rối ren. Tôi gia nhập sinh hoạt văn nghệ trước đó chừng mười lăm năm, và ngẫm lại bấy giờ mình đã may mắn được hưởng một hoàn cảnh thuận lợi : Sau hiệp định Genève, người ta có một cảm tưởng an lạc thái bình, ít ra trong vòng bốn năm năm đầu. Trong không khí lạc quan xây dựng, dư luận dễ dàng chú ý đến từng tác phẩm văn chương đặc sắc, từng bài thơ hay, câu ca đẹp, đến sự xuất hiện của mỗi một văn thi sĩ độc đáo. Mười năm sau đến thời của Giác, ôi thôi thật là tơi bời...hỗn mang. Các chính phủ dựng lên sập xuống đều đều, rụp rụp ; quân đội ngoại quốc đổ vào ào ạt, đảo lộn cuộc sống xã hội, nề nếp văn hóa; rồi Mậu Thân, rồi Mùa hè đỏ lửa, rồi lạm phát phi mã v.v..Con người bị xô đẩy dồn dập, chịu hết đòn chính trị quân sự đến đòn kinh tế đòn văn hóa, tối tăm cả mặt mũi , còn tâm trí đâu mà thưởng ngoạn văn chương với nghệ thuật. Câu thơ hay không xúc động bằng quả hoả tiễn nổ đánh âm giữa khu phố chợ Vườn Xoài, cuốn sách lạ không làm giật mình bằng cái tin cổ thành Quảng Trị thất thủ, bằng tin giá xăng bất ngờ vọt lên giữa ngày mồng hai Tết v.v..

Trong cảnh bát nháo ấy phải là một cái gì thật giật gân mới mong được dư luận chú ý đến, mà văn chương của Nguyễn Mộng Giác không phải là thứ văn giật gân. Ô không! Giác không nhằm giật gân giật cốt ai cả. Giác viết những điều thật tinh tế giữa một thời thật náo nhiệt. Và cái này đưa chúng ta sang một chuyện khác.

Vào giai đoạn cuối, trong chết chóc hỗn loạn, miền Nam đã tự tìm cho mình một xu hướng văn chương thích hợp với hoàn cảnh: thứ văn chương tiêu khiển. Đàn ông đọc Kim Dung, đàn bà đọc Quỳnh Dao, rồi thiên hạ xúm nhau đọc truyện trinh thám giật gân, đọc truyện hải hùng thời Đức Quốc Xã, truyện ma quái hồ ly, đọc Lê Xuyên, Lê Hằng, Nguyễn thị Hoàng mê ly, đọc mãi miết, đọc say sưa trên báo hàng ngày, rồi thuê sách về mà đọc. .. Đây là thời kỳ của sách cho thuê. Sách thuê phải là thứ sách đọc ào ào rồi trả. Còn những thứ cầu kỳ điêu luyện thì không thể đọc thuê; những thứ ấy không phải của thời kỳ này. Cho nên cùng với hiện tượng sách cho thuê đã xảy ra hiện tượng sách Con Đuông. Sách Con Đuông là thứ sách không in, mà chỉ "thực hiện " mấy chục bản đặc biệt để tặng một số giới hạn văn hữu chọn lựa mà thôi. Sách Con Đuông phần nhiều là thơ, lắm tập của những thi gia nổi tiếng từ lâu. Độc giả VN không phải lúc nào cũng chê thơ, ai cũng biết. Trong văn học sử Việt Nam đã từng có thời thơ được in đi in lại, thơ là con đường vương giả tiến lên đài vinh quang mà mọi tao nhân mặc khách đều ao ước. Nhưng đến đây thì tiếng nói thanh tao đành bị tiếng đại bác át hẳn.

Dĩ nhiên không thể nói trong giai đoạn sau ở miền Nam chỉ toàn sách xoàng. Không ai ngông cuồng rồ dại nói điều nhảm nhí như thế. Thời nào cũng có người tài, chỉ có xu hướng đổi khác. Đổi theo hoàn cảnh. Và người tài phần lớn cũng phải theo cái xu hướng của thời thế. Người kém viết sách tiêu khiển lắm nhảm: người tài viết hay, nhưng cũng liệu làm sao cho có thể tiêu khiển được thiên hạ thì "tiện " hơn. Nhiều nhà văn tiếng tăm lớp trước, khi đổ ra viết truyện dài đăng nhật trình cũng chọn lối này. Ngay người bạn Hoàng Ngọc Tuấn, tài hoa bay bướm là thế mà sách của anh thuê về đọc ngốn đọc nghiền cũng thú ra phết. Duy Nguyễn mộng Giác thì không vậy.

Hãy nghe Hoàng Ngọc Tuấn nói với hội Bút Việt về cuốn Đường một chiều: "Theo tôi, đó là một tác phẩm được sáng tác rất công phu. Say sưa mà vẫn thận trọng, đầy cảm hứng mà vẫn tiết chế, cô đọng bằng một kỹ thuật cao và khéo léo; nội dung chứa đựng nhiều ý tưởng phong phú mà hình thức

vẫn gọn gàng lôi cuốn", và về truyện của Nguyễn Mộng Giác nói chung: "Truyện của Nguyễn Mộng Giác thường đặt ra cho người đọc những câu hỏi, tác giả không trả lời, chính mỗi người chúng ta, nếu chúng ta là những độc giả không ngại phải băn khoăn suy nghĩ khi đọc sách thì chính mỗi người trong chúng ta sẽ tự tìm lấy câu trả lời riêng cho chính mình. "

Thay mặt Hội Đồng Tuyển Trạch, Phạm Việt Tuyền nhận xét về tác phẩm được chọn thưởng, cho rằng "tình tiết rất hấp dẫn" (...) "khi đã xảy ra thành sự kiện thực tế rồi thì vẫn còn tạo băng khuâng triết-lý như tách trà thơm ly rượu ngon đượm thêm tình nặng nghĩa sâu"(2)

Những chỗ ngợi khen xin vì đức khiêm tốn của Giác mà không nhắc đi nhắc lại, chỉ xin chú ý đến mấy điểm mà hai vị Hoàng và Phạm cùng "nhất trí" với nhau về Giác: ý tưởng phong phú, băn khoăn suy nghĩ băng khuâng triết lý, đặt ra những câu hỏi v.v... Các điểm ấy chính Nguyễn Mộng Giác cũng gián tiếp xác nhận khi trả lời cuộc phỏng vấn của tạp chí Bách Khoa: "Các nhân vật của Kim Dung từ Trương Vô Kỵ cho đến Tiêu Phong, Lệnh Hồ Xung, đều đã xông pha, đã dẫn thân theo cách riêng của mình, nhưng cuối cùng đều phải băn khoăn y như nỗi băn khoăn của Lệnh hồ Xung khi thấy Lâm bình Chi sử dụng Tịch tà kiếm pháp" (3).

Thành thử trong giai đoạn thời thế hỗn mang, người đời mong giải trí bằng cái gì nhẹ nhàng phù phiếm một chút thì Nguyễn Mộng Giác lại miệt mài với những suy tưởng băn khoăn triết lý, làm "vất vả" cả người viết lẫn người đọc. Vì thế đã biết Giác, ai cũng quý Giác, nhưng biết Giác không phải là khối quần chúng rộng rãi. Vì thế, lâu lâu lại bất chợt có sự mừng rỡ vì Giác được biết, được yêu thích.

Tại sao chọn con đường heo hút cô quạnh như thế mà đi? Giác từng nói đến sự khác biệt giữa thế hệ mình và các thế hệ trước: Kẻ đi trước có niềm tin, tin ở xã hội, ở ngày mai, ở sức mạnh tri thức tiểu tư sản, tin ở sức mạnh của Miền Nam, ở chính nghĩa chống cộng v.v... Đến thế hệ sau 1960, thế hệ của Giác, thì mọi niềm tin đều sụp đổ, chỉ còn lại một cảnh bơ vơ hoang mang.

(4) Do đó mà suy tư triền miên.

Quả có thế. Nhưng trong cảnh bơ vơ tinh thần nọ, người bạn Hoàng Ngọc Tuấn cứ phơi phới, Nguyễn thị Hoàng thì tuy xài dòn dập rất nhiều chữ nghĩa triết lý nhưng không ai dám bảo là thường hay suy tưởng, và Nguyễn Đình Toàn và Duyên Anh và bao nhiêu kẻ khác không mấy khi đặt ra những câu hỏi không lời giải đáp như Giác. Nỗi hoang mang của cả một thế hệ như dồn cả vào một số người nào đó thôi, một số không nhiều. Trong đó có Giác.

Nghĩ đến Giác, đến cái số những người thường âm thầm bần khoản cái bần khoản của thiên hạ, hoang mang cái hoang mang của thiên hạ, tôi chợt băng khuâng nhớ về chỗ quê hương của mình, của chúng tôi.

Hãy khoan! Xin đừng ai vội nhếch miệng cười, cho rằng lại sắp có vụ nhắc đến những tên tuổi anh hùng lừng lẫy nọ kia của địa phương. Chúng tôi biết mình chẳng thừa kế được nét hào hùng nào của ai cả. Anh hùng là những trường hợp bất thường, rất ít dính líu đến chúng ta. Bây giờ, lưu lạc tha hương, chúng tôi nhớ về quê cũ là nhớ đến những cái gì thật tầm thường, quen thuộc thôi, đến cảnh ruộng vườn nhà cửa, đến bà con chòm xóm, bạn bè thân thuộc mà thôi.

Và những hình ảnh bạn bè hiện ra trong trí nhớ sao hầu hết đều có gì hao hao giống... Giác! Xin chọn một người không đến nỗi xa lạ với phần đông bạn đọc: Quách Tấn.

Tôi gặp ông lần đầu ngày còn là một đứa học trò trung học bốn mươi năm trước; và cho đến khi tôi trông thấy ông lần chót trước lúc ra đi, ông đã ngót

bảy mươi, vẫn còn giữ nguyên một cái cười ấy: cười như trẻ thơ. Ông có già mà cái cười không già; ông là một lão nhi. Trẻ thơ đây không phải là vô tư lự. Không ai có thể bảo con người từ thuở thanh niên đã làm những bài thơ cực kỳ cô đọng trong Mùa Cổ Điển, con người trải qua bao cuộc thăng trầm của nước nhà đã bao lần vào tù ra khám, đã khóc cho những thảm cảnh xảy ra trên đất nước và ngay cả trong gia đình, rồi đau ốm, rồi mang cố tật trong tuổi già quạnh quẽ, con người như thế lại vô tư lự. Cái cười của Quách tiên sinh có vẻ trẻ thơ chỉ vì trông nó lành quá sức lành. Trong cái cười ấy, người ta thấy rõ trước mặt mình một kẻ hoàn toàn vô hại, không có chút mưu chút mẹo nào hết trơn. Một kẻ thàng.

Thàng là chữ Nguyễn Mộng Giác đã dùng trong một bài viết về tôi trên một số Văn đặc biệt (5). Thàng cũng là tiếng riêng của địa phương. Ngoài vùng Bình Định Phú Yên ra, tôi chưa hề nghe nơi nào khác dùng tiếng này. Thàng là chữ riêng của người Bình Định, và cũng là chữ riêng để mô tả người Bình Định. Thàng, cũng nói là thàng hậu; thàng hậu nghĩa gần như hiền hậu, nhưng còn đi xa hơn hiền hậu nữa kia, vì nó có khả năng mô tả, hiền hậu thì không. Hiền hậu, thực thà là một đức tính, một nét hay; thàng hậu còn là một vẻ người hiển hiện ra bên ngoài, trông rõ mồn một. Người thàng, thàng từ tiếng cười, giọng nói, nét mặt, thàng đi. Mà người thàng thì trời ơi, trong trí nhớ của tôi, tôi mừng tượng mọi người Bình Định đều thàng hết: anh Ba, chị Bốn, ông Bảy, bà Năm, cô Tư, cậu Tám v.v... Hết thảy, không ai là không thàng. Muôn người như cùng một vẻ, một giọng.

Tôi nhớ vào khoảng năm 73, 74, ở chỗ cuối đường Nguyễn Thông có cái chợ trời nhóm hàng ngày bán đồ Mỹ, một buổi chiều nào đó tôi đang lội ngược lội xuôi giữa đám đông để tìm một món hàng, chợt nghe nổi bật lên một câu nói ngắn giọng đàn bà trong vắt! Tôi giật bắn người, quay lại, đảo mắt tìm nhón nhác. Tôi làm sao được? Trong khắp năm mươi tỉnh của Miền Nam, có nơi nào người ta nói cái giọng nói phẳng bèn bẹt, ngang tuột ra như thế? Quả nhiên, tiếng nói lại cất lên lần nữa, và tôi nhận ra ngay một người đồng hương đang lom khom mặc cả. Trông nó lạc lõng quá chừng. Dáng người ấy, nét mặt ấy, giọng nói ấy, quê mùa thàng hậu - tôi tưởng tượng nó dính

liền với đồng ruộng, với những cảnh chợ làng chợ huyện ngoài ấy; một người đàn bà Bình Định, rặt Bình Định thuần túy như thế len lỏi làm gì ở chỗ chợ trời Nguyễn Thông tạp nhạp tứ chiếng giang hồ này? Người Bình Định ít khi rời khỏi làng mạc, chỉ sau này cảnh bom đạn ác liệt quá lắm mới đánh bật gốc nổi họ, đánh văng họ tản mác thế này. Mấy tiếng nói ngẩn ngủ nổi lên lạc loài ở một góc đường đô thành, ngay trên đất nước mình, cũng làm cho tôi bồi hồi xúc động, ngẩn ngơ, hướng hồ...

Nghĩ rằng một nhà văn viết về nước Mỹ không thể chỉ biết nước Mỹ trên bản đồ, trên sách vở, mà phải đến từng nơi nhìn tận mắt núi Mỹ, sông Mỹ, nghe tiếng chim tiếng gió, ngửi cái mùi đất mùi cỏ của nước Mỹ mới gọi là biết, cho nên vào năm năm mươi tám tuổi già, John Steinbeck một người một chó lên đường đi chu du khắp các tiểu bang Hoa Kỳ. Sau khi nhìn, nghe, ngửi nước Mỹ xong, nhà văn bảo ông kính trọng nơi này, ngưỡng mộ xứ họ, mến chỗ kia, nhưng yêu thì ông chỉ yêu có tiểu bang Montana. Tại sao vậy? Đừng hỏi tại sao. Tình yêu không thể cắt nghĩa được. Ông yêu, ông phải lòng Montana, thế thôi. Dù sao Steinbeck có nói đến cảnh núi non vắng lặng đồng cỏ mênh mông và giọng người nông nà, cái giọng duy nhất còn giữ nguyên đặc điểm địa phương vào thời buổi của truyền thanh truyền hình này.

Về giọng nói Bình Định một chiều nghe ở chỗ chợ trời đô thành, giọng nói ấy làm tôi xúc động vì nó không phải chỉ là một giọng nói, tôi cứ có cảm tưởng nó liên hệ với một khía cạnh tâm hồn, liên hệ sâu xa với cá tính địa phương. Ở xứ tôi nghe giọng nói, tôi nghe cả cái tính tình mềm mỏng uyển chuyển của người Huế, cái bộc trực hùng hổ oang oang của người Quảng, nghe cả cái thàng của bà con xóm diềng quanh tôi. Từ ngày đến cái xứ lạ hoắc này, mình đâu có đôi tai của John Steinbeck để phân biệt giọng họ với giọng kia; tôi ngơ ngơ ngác ngác, bốn bề lờ-lịt một màu, mất đi biết bao là đáng vẻ phong phú.

Cũng trong một bài báo Văn họ, Nguyễn Mộng Giác nói đến những con người trông thì "thàng" nhưng kỳ thực lại "dữ". Lại quả có thể nữa. Người

lành đâu phải là người ngây. "Tọa trung đàm tiểu nhân như mộc", họ không nhiều lời, không hay bộc lộ. Đời sống của họ thu rút cả vào bên trong, vào nội tâm. Từng cá nhân riêng lẻ, lặng lẽ, triền miên suy tưởng, mộng mơ, băn khoăn, thắc mắc, hoang mang, "đặt ra những câu hỏi không lời giải đáp".

Tôi nghĩ đến những câu thơ đường luật tinh vi, điều luyện, cô đọng rất mực của Quách Tấn ngày nào. Giữa thời buổi náo nhiệt của thơ mới đang khởi nghĩa, thời ấm ỉ của thơ bạch nga 12 chân v.v... câu thơ Quách Tấn riêng chiếc một mình, tự thu rút lại, im ỉm, lặng lẽ, cô tịch... Quách Tấn mà Chế Lan Viên đại khái đã giới thiệu như một tâm hồn yêu hồ ghét bể yêu cái tĩnh ghét cái động, yêu cái im lặng ghét cái ồn ào xao xuyến.

Tôi nghĩ đến cái ánh trăng tràn ngập bến My Lăng của Yến Lan, cái ánh trăng mờ mịt ngút ngàn, ánh trăng mộng lung phiếu diệu mà thu hút huyền bí như cõi tiềm thức, nơi tích tụ những cái "dữ" của lòng người. Cái ánh trăng vẫn ám ảnh mọi nhà thơ Bình Định như Hoài Thanh từng nhận xét. Ám ảnh như những kỳ bích của cõi tiềm thức thăm thẳm vẫn ám ảnh các tâm hồn đơn độc của những con người "thàng" ít lời ít lẽ.

Cái lành ở đây thật là dữ, cái im lặng ở đây thật nhiều lời, đầy thắc mắc, đầy "câu hỏi".

Nhưng kìa, tôi có vẽ vời, lảm chuyện về miền quê của mình chẳng? Bình Định là cái gì mà đặc biệt quá vậy? Mà như thế một ốc đảo xa khơi tách lìa khỏi các tỉnh lân cận? Mà như thế một xứ sở nào riêng biệt, có "hồn nước" riêng, có dân tộc tính riêng vậy?

Không đến nỗi thế đâu. Tuy nhiên nhiều phen tôi vẫn lặng lẽ thắc mắc, đặt ra những "câu hỏi" về chỗ địa phương mình. Từ ngoài đi vào, Bình Định chỉ cách Quảng Ngãi một cái đèo Bình Đê thấp lè tè, cách mà như không cách, chứ đâu phải như cách đèo Hải Vân, đèo Ngang, đèo Ba Dội v.v... Thế mà

bước qua khỏi cái lằn ranh nọ, lập tức người ta đi vào một khu vực ngôn ngữ khác: Bên này lằn ranh là mô, tê, răn , rứa, chừ, ni, nớ...; bên kia lằn ranh là đầu, kia, sao, vậy, giờ, đây, đó... Một thay đổi đột ngột như vậy phải gây ra ngỡ ngàng chứ? Suốt một giải đất dằng dặc năm tỉnh từ Quảng Bình vào Quảng Ngãi không khác, mà đến đây chỉ bước qua một làng, vượt qua một lằn mức là đổi khác. Phải chăng bước đường Nam tiến đã tả ra không sông sẻ, đã gặp một vấp vấp ngập ngừng nào đó.

Người Việt các tỉnh miền ngoài đi vào nam là cùng đi với nhau, kẻ sau nối gót người trước, đi liên tục. Đến lượt Bình Định thì tặt một cái, giống người bị cắt đứt, ngắt quãng. Người Bình Định rời bắc vô nam vào một đợt khác, một thời khác, từ một địa phương khác, nói thứ giọng nói khác, với những đặc ngữ khác...

Buổi đầu ngàn dặm ra đi vào đất mới trong hoàn cảnh như thế, sao cho khỏi thấy lẻ chiếc bơ vơ?

Những di dân đầu tiên vào Quảng Ngãi là gốc Nghệ Tĩnh; nhưng tổ tiên người Bình Định dường như không phải vậy. Họ được đưa thẳng từ bắc vào. Lắm gia đình Bình Định còn giữ được gia phả ghi chép về ông tổ quê quán từ ngoài bắc. Họ mang từ bắc vào những tiếng nói xưa và giữ lấy, dùng mãi trong khi người Bắc đã thay đổi mà họ không hay biết: đó là trường hợp tiếng NẤU, cái tiếng vẫn làm đề tài chế nhạo người Bình Định. Họ mang theo từ ngoài Bắc những cách phát âm xưa, rồi cũng giữ chặt lấy, rồi truyền dần vào Nam, trong khi ở ngoài bắc cách phát âm đổi khác mà họ không hay biết: họ vẫn còn nói "minh mông" trong khi người bắc đã đọc ra "mênh mang" (6) từ lúc nào...

Nguyên cách nói năng như thế, nguyên một tiếng NẤU, nguyên một chuyện không có răn, rứa, chừ, mô, đã khiến họ lạc loài, không "hội nhập" được với cộng đồng di dân lớp trước sống sát cạnh mình.

Ở Bình Định có câu hát:

"Trung quân vương Bến Đá trở ra^[SEP]Hiếu phụ mẫu Bồ Đề trở lại".

Bến Đá (hay Thạch Tân) là tên cũ của cái đèo Bình Đê vừa nói. Và Quách Tấn giải thích câu này như sau:

"Ngày xưa, người Bình Định, ngoài việc đi lính và đi làm quan, ít ai ra khỏi đèo Bến Đá" (7)

Ấy, sự giao tiếp giữa hai tỉnh giới cận Bình Định và Quảng Ngãi nó hờ hững như vậy đấy.

Ờ, mà lạ thật! Răn, rứa, chừ, mô... là tiếng mượn của dân Chăm? Tại sao khi đợt di dân đầu tiên vào tận kinh đô Chăm, tận thành Đồ Bàn, thì lại không còn tiếp nhận ảnh hưởng của ngôn ngữ Chăm nữa? Phải chăng từ thế kỷ 15 về trước, Chiêm Thành tuy có lúc yếu kém phải mất đất, nhường đất cho Việt Nam, nhưng họ vẫn còn là một quốc gia với nguyên vẹn chủ quyền độc lập, họ vẫn còn uy thế đủ sức phát huy ảnh hưởng văn hóa tại những vùng đất nguyên là của họ; về sau, sau cuộc thất thủ kinh thành Đồ Bàn, quốc gia Chiêm Thành sụp đổ, dân Chăm co rút lại trong mặc cảm, chờ đợi tàn lụi, tránh chung đụng với kẻ chiến thắng, cho nên lúc này lớp di dân mới không có trao đổi gì với người địa phương, không vay qua mượn lại ngôn ngữ của họ nữa?

Bị dân bản xứ tại địa phương xa lánh, lại không mật thiết mặn mà với lớp di dân cũ, không liên lạc chặt chẽ với triều đình, không được quan quân bảo vệ, đời sống trong xã hội vừa định cư chưa được tổ chức tử tế, người dân Bình

Định buổi đầu sống lẻ loi và vất vả: họ phải múa võ tự giữ lấy thân ở chỗ hoang loạn nhiều như ở đây.

Đời sống biệt tịch nơi biên cương ấy là hoàn cảnh tạo nên những tâm hồn nội hướng, đầy e ngại, băn khoăn! Ôi, tâm hồn con người lẻ đâu đơn giản, dễ "cắt nghĩa" quá vậy?

Dù sao, giữa những kẻ đồng hương chúng tôi với nhau, mỗi khi gặp gỡ, có dịp nhìn lại những chỗ tương đồng, nhìn lại cái ấn son quê hương trên dáng vẻ, phong cách, tính tình, ngôn ngữ của nhau, chúng tôi không tránh khỏi cái cảm dỗ ấy: là nhắc về Bình Định.

Định tìm hiểu Nguyễn Mộng Giác, tôi đã nói về cái thời của Giác, lại nói về cái nơi của Giác. Hồng cả! Ở giai đoạn cuối của văn học Miền Nam vừa rồi, có phải ai ai cũng viết như Giác cả đâu? Và ở Bình định có phải ai cầm bút viết văn cũng viết như Giác cả đâu? Mỗi tâm hồn là một bí mật, mỗi tài năng là một bất ngờ. Phần chung của thời đại, của địa phương vẫn có một vai trò, nhưng cái phần riêng của mỗi người đâu phải kém quan trọng. Vậy nên bắt đầu một cách tìm hiểu khác: lần dò qua các tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác chẳng?

Tôi đã đồng dài mười mấy trang giấy rồi, mà độc giả tìm đến tập truyện này là vì Giác chứ đâu phải vì ai khác. Tôi không có quyền chen vào la cà, làm mất cả vui. Và lại, tìm Giác qua tác phẩm thì chính là điều các bạn đang làm: Với tập truyện trên tay, mỗi độc giả đang tiếp xúc với tác giả, hà tất cần đến ai khác.

Chúng ta vừa nói chuyện tìm Nguyễn Mộng Giác qua tác phẩm. Ồ, mà tại sao không đi tìm tác phẩm qua Giác có phải thú hơn không?

Đề tựa tập Lửa Thiêng, hình như Xuân Diệu đã nhắc đến hình dáng, đến mái tóc của Huy Cận. Năm xưa, giới thiệu Lỗ Tấn với độc giả Việt Nam, Đặng Thái Mai đã mô tả nhà văn Trung quốc kỹ càng, vì cho rằng "Hữu ư trung tất hình ư ngoại".

Ở Giác, tôi chắc chắn tất cả bạn bè Giác và những ai quen biết Giác đều nhận thấy cái hiện ra bên ngoài rõ ràng nhất là sự nghiêm chỉnh: nghiêm chỉnh ở nét mặt, cái nhìn, phong thái. Đó cũng là cái tính cách hiển hiện nổi bật từ toàn bộ trước-tác của Nguyễn Mộng Giác.

Giác đến với nghệ thuật bằng một thái độ hết sức đứng đắn, chân thành, cẩn trọng. Trong giới văn nghệ không khỏi có những trường hợp hoặc chọn đề tài thời thượng cho ăn khách tưng bừng mà chơi, hoặc tung ra một cái gì giật gân để các nhà xuất bản xúm nhau giành giật, để hốt bạc ào ào một chuyến, hoặc nghĩ ra lối viết cách nào cho các em chịu các em khoái v.v...

Ở địa hạt nào cũng có người tếu kẻ quấy. Giác không thế! Muốn biết Giác làm văn nghệ thế nào, chỉ cần đến đối diện với Giác thì rõ ngay. Chỉ cần nhìn vào khuôn mặt Giác, nói chuyện với Giác mấy câu, người ta hiểu ngay vì sao trong bao năm qua, mỗi tác phẩm của Giác ra đời đều là một công trình nghiêm chỉnh tìm về chân tướng con người, Suy nghĩ đào sâu một vấn đề của thời đại, của kiếp người v.v...

Con người cẩn trọng ấy rất từ tốn, nói ít và nhỏ nhẹ; Nguyễn Mộng Giác không dàn trải mình ra bên ngoài, không bộc lộ náo nhiệt. Cuộc sống thu lảng cả vào bên trong. Im ỉm, lặng lẽ. Giác triển miên sống với một vấn đề, một ý tưởng, lúc nào như cũng đang lặn qua trở lại trong đầu một nhận xét, một bản thảo. Trong lúc đôi mắt sáng quắc như chiếu xoáy vào từng người từng vật quanh mình, đôi mắt thật tinh tường sâu sắc không để thoát một chi tiết nhỏ nhặt nào. Tôi tưởng tượng sự khốn khổ của gã nhạc sĩ vĩ cầm

(trong truyện ngắn Trở lại gánh xiếc) khi bị cái nhìn lạnh lẽ, sắc mà lành của Giác theo đuổi đôi kim găm ở ống quần gã. Tôi tưởng tượng đến những ngày tháng gần cái chết của bà Lộc (trong truyện dài Đường Một Chiều), của các nhà văn học giả (trong truyện ngắn Ngựa Nản Chân Bon), tưởng tượng đến những oan khiên trắc trở xảy đến cho cô tham sự hành chánh (trong truyện ngắn Tố Chân), đến những nghịch cảnh trong xã hội miền Nam Việt Nam sau ngày 30-4-75 v.v...

Những sự kiện, những vấn đề như thế nằm trong chỗ sâu thẳm của tâm trí Giác, ở đó chúng không ngớt âm thầm, thao thức, trăn trở... Đôi mắt của nhà văn đối diện, lúc bấy giờ, bỗng dưng trở nên thăm thẳm, tưởng chừng như cặp đèn chong ngày đêm không tắt ở một chốn đài điện thâm nghiêm u tịch...

Có phải tôi đang nói về những khổ nhọc của sáng tác?

Không hẳn đâu! Bởi vì một nhân vật, một đề tài được tác giả miệt mài ấp ủ chầy ngày, qua một quá trình sáng tác thận trọng, chín chắn, thì một khi xuất hiện vào tác phẩm, nó lại cũng có sức hấp dẫn và ám ảnh độc giả rất lâu dài.

Thú thực, tôi đã từng bị lằm nhân vật và vấn đề của Giác bám lấy, đeo lấy tâm trí, ám ảnh mãi. Cho nên vừa rồi không hẳn chỉ là những khổ nhọc của Nguyễn Mộng Giác mà thôi, rồi đó cũng sẽ là nỗi khổ nhọc của những độc giả yêu Giác nữa đấy!

Võ Phiến

Los Angeles 11-83

(1) Toàn văn lá thư đăng trên tạp chí Bách Khoa số phát hành ngày 20-12-74.

(2) (3) (4) Bách Khoa số ra ngày 2-12-74, trang 79.

(5) Văn, số ra ngày 1-8-1974 Sài Gòn.

(6) Nguyễn Ngọc Bích và Đào Thị Hợi trong thiên khảo cứu "Những địa tầng ngôn ngữ trong lịch sử tiếng Việt" cho rằng theo xu hướng chuyển hoán nguyên âm từ I sang Ê, từ Ô sang A thì Minh mông là cách phát âm xưa nhất, rồi đến Mênh mông, sau cùng mới đến Mênh mang.

(7) Quách Tấn, Nước Non Bình Định. Nam Cường xuất bản, Sài Gòn 1968, trang 26.

Trở lại gánh xiếc

Tôi do dự khá lâu mới lấy đủ bạo bước vào trụ sở Hội văn nghệ. Khuôn viên rộng có thảm cỏ xanh và bóng cổ thụ. Biệt thự giữ vẻ bên ngoài cổ kính nhưng bên trong đầy đủ tiện nghi của cuộc sống Mỹ: máy điều hòa không khí, bộ salon uy nghi đồ sộ bọc nhung, tranh tĩnh vật, nền trải thảm len màu rêu... Hình như đây đúng là biệt thự của bà mẹ ông Thiệu. Giữa phòng khách mênh mông có kê hai cái bàn gỗ ván ép có lẽ được khuân từ nhà bếp lên. Hai cán bộ mặc quần áo bộ đội ngồi tiếp khách trên ghế dựa gỗ cắm lai. Một chân họ đề lên chiếc dép râu, chân kia gác lên ghế theo thói quen đặc biệt ở rừng.

Người ngồi bên phải cắm cúi viết, trước mặt có ba bốn người khách ăn mặc kiểu thành phố đang ngoan ngoãn chờ.

Tôi tiến về phía bàn bên trái vì cán bộ giữ phận sự đăng ký đang tươi cười tiếp chuyện một anh ca sĩ tôi có quen.

Anh cán bộ rít một hơi thuốc lào rồi ngừng lên hỏi tôi:

- Chắc anh đến đăng ký?

Tôi nuốt nước bọt rồi đáp:

- Vâng.

Anh cán bộ ngồi ngay ngắn trở lại như chuẩn bị viết, hỏi tôi:

- Anh ở ngành nào?

Tôi ấp úng chưa biết trả lời sao cho đúng. Anh ca sĩ chen vào nói:

- Ông ấy chuyên làm xiếc đấy mà! Đột nhiên tôi nổi giận. Tôi cãi lại:

- Không! Tôi là nhạc sĩ chuyên đàn vĩ cầm. Anh ca sĩ không chịu nhượng bộ:

- Tôi chỉ thấy anh chuyên làm xiếc ở các đại nhạc hội. Không phải anh thường lộn ngược người trông chuối trên cái gối đỏ để kéo vĩ cầm hay sao? Kia kìa, anh vẫn còn giữ hai cái kim găm ở ống quần. Tôi nói có sai đâu!

Tôi đau đớn vì hổ thẹn. Nếu có thể độn thổ được như trong chuyện Phong Thần, có lẽ tôi đã làm rồi. Phải. Anh bạn ca sĩ nói đúng. Trước đây tôi kiếm ăn bằng nghề làm xiếc. Tuy tôi có kéo vĩ cầm đấy nhưng cái thế trông chuối lạ mắt lúc đàn, không thể chối cãi được, đúng là tiết mục xiếc. Tôi có muốn thế đâu! Tôi đã từng nổi tiếng thần đồng âm nhạc ngay từ tám bé. Sáu tuổi tôi đã chơi vĩ cầm cho giàn nhạc giao hưởng thành phố. Bảy tuổi, cả giàn nhạc gần 40 người đệm đàn cho tôi độc tấu. Tám tuổi, tên tôi viết lớn bằng chữ đỏ trên các bích chương quảng cáo, ngay bên cạnh tên Chopin, Beethoven, Bach. Rồi những đêm lạc phúc bất tận với chiếc áo đuôi tôm kim tuyến và những vòng hoa. Danh vọng, tiền bạc đến với tôi quá sớm. Nhưng càng lớn lên, tôi càng thua thiệt. Tôi chỉ là thần đồng âm nhạc khi ôm chiếc đàn bé bỏng đi lạc vào thế giới người lớn và nhắm mắt say đắm với tác phẩm các thiên tài. Khi đã lớn lên rồi, tôi trở thành tầm thường không có gì đáng chú ý. Vì vậy tôi đã phải tìm cách để thỏa mãn óc hiếu kỳ quái ác của khán giả. Bao nhiêu năm trời tôi âm thầm chịu đựng đau đớn, nhiều hôm nước mắt ràn rụa ướt trán để cắn răng trông chuối lên chiếc gối đỏ và tiếp tục đàn vĩ cầm. Năm 17 tuổi tôi “tái xuất giang hồ” và lại được hoan nghênh như một tài tử xiếc. Khổ nỗi khán giả lại mau nhàm cái trò lạ của tôi. Diễn lần thứ 20, khán giả còn vỗ tay. Diễn lần 30, vỗ tay rời rạc chen lẫn tiếng huýt sáo. Đến lần thứ

40 thì bị la ó. Tôi lại cắn răng chịu đau đớn tìm trò lạ mới, và trước hôm “giải phóng”, tôi trình diễn ở đại nhạc hội tiết mục cuối cùng: vừa trồng chuối để tấu nhạc Chopin, vừa dùng hai bàn chân chuyển một quả bong bóng ngũ sắc. Thói quen dùng kim găm chặt ống quần vào bút tất là méo mó nghề nghiệp do phải lộn đầu làm xiếc lâu năm của tôi. Ngoài các buổi trình diễn, tôi phải chuẩn bị sẵn sàng để làm trò chào hàng các ông chủ rạp hát béo phệ. Hai cái kim găm từ lâu trở thành đồ nghề của tôi, như chiếc vĩ cầm và cái gối nhung đỏ. Trời hỡi! Tại sao đúng vào hôm nay, hôm đến đăng ký ở hội văn nghệ giải phóng để sinh hoạt như một nhạc sĩ vĩ cầm, tôi lại hớ hênh găm thêm hai chiếc kim định mệnh.

Anh ca sĩ vẫn mỉm cười chế giễu tôi. Anh cán bộ kiên nhẫn dừng bút chờ đợi. Tôi cố vớt vát lần cuối khi phân bua:

- Tuy tôi phải lộn đầu làm xiếc vì cơm áo, nhưng ý nghĩa đời tôi, niềm kiêu hãnh thâm lặng của tôi là cây đàn. Hai chân tôi chuyển quả bóng, nhưng hồn tôi giao trọn cho âm nhạc. Tôi là nhạc sĩ, tôi không phải là anh hề gánh xiếc. Anh cán bộ suy nghĩ một lúc, rồi chậm rãi nói:

- Như vậy thì anh nên đăng ký vào phân hội âm nhạc. Tôi mừng quá, suýt chút nữa lộn ngược trồng chuối để cảm ơn anh cán bộ như đã từng làm để cảm ơn mấy ông chủ béo phệ, tôi dừng lại kịp. Tôi khỏi phải chào hàng ai nữa. Từ đây tôi có thể yên tâm nghiên cứu đầu bên cây đàn vĩ cầm yêu dấu của tôi, để nghe những lời tâm sự thâm thì của Bach!”

Đọc xong truyện ngắn đăng năm 1976 trên tạp chí văn nghệ thành phố, chàng bồi hồi tiếc nuối. Tiếc cái gì, chàng chưa định rõ. Có cái gì đẹp lắm của quá khứ đã tan đi, như một lần chàng vô tình gặp lại người yêu đầu đời với một nhan sắc đã tàn phai.

Người đàn ông trước mặt vẫn kiên nhẫn đợi. Chàng nhìn kỹ người khách lạ lần nữa. Tóc hoa râm, khuôn mặt hốc hác và nụ cười vừa khinh miệt vừa cay đắng. Ông ta đến đây làm gì? Tại sao ông ta mang tờ tạp chí cũ đến khoản xin chàng đọc lại cái truyện cũ của chàng! Khách lạ không chờ thêm được nữa, lên tiếng hỏi:

- Ông chưa nhận ra tôi ư?

Chàng ngập ngừng, nói lơ mơ:

- Tôi nhận ra chứ, nhưng không ngờ qua mới có mấy năm...

Khách lạ mừng rỡ cắt lời chàng:

- Phải. Ông không ngờ mà tôi cũng không ngờ. Tôi già đi nhiều. Ông không nhận ra cũng phải. Năm 1975 lúc tôi kể chuyện mình để ông viết truyện ngắn này, tóc tôi còn xanh. “À, té ra thế. Tôi nhớ ra rồi”. Chàng trầm nghĩ. Nhìn kỹ khách lạ lần nữa, chàng bắt đầu nhận ra đôi mắt ấy, cái hàm ếch vì “lao lực” ấy, nụ cười ấy... Chàng nhìn xuống ống quần người khách. Ông ta hiểu, hỏi chàng:

- Ông tìm đôi kim găm chứ gì?

Bị bắt quả tang lúc đang làm một việc thiếu tế nhị, chàng bối rối đỏ mặt. Ông nhac sĩ vĩ cầm xua tay nói:

- Ông khỏi cần áy náy. Tuy tôi không cần thận cài kim vào ống quần, nhưng tôi vẫn làm xiếc đấy. Không chờ chàng hỏi, ông ta tiếp:

- Hồi ấy tôi sinh hoạt bên ngành nhạc một thời gian, sau đó “phòng tổ chức” khuyên tôi nên trở lại ngành xiếc. Vì ở đâu cũng là phục vụ, tôi vâng theo.

Chàng hỏi:

- Ông vẫn biểu diễn tiết mục nhồi banh đấy chứ?

- Không. Tôi tưởng khi không tìm thấy đôi kim găm, ông đã đoán ra. Gần đây tôi biểu diễn mục “vừa đi dây vừa kéo đàn”. Chán lắm, tuy các anh bên Tuyên huấn rất bằng lòng.

- Vì sao chán ạ?

- Trông chuối tuy đau đầu nhưng còn có đôi chân giữ thăng bằng, mình chủ động được. Đi dây thì phải luôn luôn hồi hộp lo lắng, như mộng du giữa phải trái, thực giả, trong lúc đôi tay bận bịu với cây đàn. Tôi xanh xao sa sút đến thảm hại vì vậy. Tôi đến đây để xin ông chấp thêm cho cái truyện cũ một cái đuôi. Tôi van ông, chịu khó viết thêm cho. Nếu không, tôi phải mang tiếng là người dối trá.

Thấy ông khẩn khoản quá, chàng làm vừa lòng ông ta vậy!

Một mảng mây bay

Chiếc thuyền vượt biên cập bến đảo Kuku chiều hôm đó có một cô gái khoảng 16, 17 tuổi được nhiều người chú ý, không phải vì cái nhan sắc thường thường bậc trung của cô! Tóc thể hơi rối thả đến nửa lưng, mặc cái quần lụa đen đã cũ và chiếc áo sơ mi màu nâu đã dỉ mồ hôi, tay xách cái túi vải nhỏ may bằng bao đay loại thông dụng ở Sài Gòn, cô không có điều gì đặc biệt để bắt mắt. Cô được chú ý nhờ vẻ dung dị lạc lõng giữa những cô gái ăn mặc sang trọng quần jean áo polo đi cùng chuyến, và vẻ mặt bơ vơ ngơ ngác khi mới lên bờ. Lúc mọi người đã được bác sĩ khám bệnh tổng quát và đứng chờ đăng ký vào sổ nhập trại trước văn phòng cầu tàu, cô đứng riêng một mình, buồn rầu nhìn quanh đảo. Mặt biển màu bạc hiệp với màu bầu trời mênh mông lấp mắt con đường về.

Rừng rậm trước mặt lặng lẽ và âm u như tương lai. Những túp lều của dân tị nạn đến trước nằm dọc theo bãi cát, mái lều và tường che gió chằm vá chênh mảng bằng lá dừa và vải bạt ni lông màu xanh lá cây do cơ quan UNICEF cấp. Cuộc sống tạm bợ buông thả hiện rõ trong cảnh những lon đồ hộp rỗng nằm vương vãi quanh các lều, lá vàng rơi rụng trên lối đi, thân cây rừng vỏ xám xù xì chôn chân xuống cát chống đỡ những căn lều nghiêng và cách ăn mặc của đám người tò mò bu quanh những người bạn mới. Theo thủ tục, cô phải chờ những hộ gia đình ghi danh trước rồi mới đến lượt mình. Cô thuộc loại hộ độc thân, hộ độc thân độc nhất của thuyền CN 1234. Cô là con số lẻ thừa thãi của chiếc thuyền ba mươi mốt người. Cho nên khi lãnh lương thực, ba mươi người cùng đi với thân nhân vắc nguyên ba bao bố lương thực mỗi bao chứa sẵn 10 khẩu phần. Cô được trao một bao ni lông khẩu phần lẻ. Lên bệnh viện lãnh đồ đạc cá nhân, cô lại lãnh riêng một chiếc chiếu, một cái mền bông hiệu Trung Quốc, một cái đèn dầu hỏa, kèm theo bao ni lông khác chứa đôi dép Nhật màu vàng cỡ lớn, ống kem đánh răng hiệu Prodent, cục xà phòng thơm Novia, hai bánh xà phòng giặt, cái gương tròn, lược và cái bốt đánh răng màu đỏ.

Sự đơn độc bắt đầu gây bối rối bề bàng khi trở lại nhà kho UNHCR để lãnh dụng cụ nấu ăn. Mỗi đơn vị năm người được phát một cái xô nhựa đựng nước, hai cái son, một cái vá dài, hai cái vá cán ngắn, năm cái bát gỗ dán ép màu nâu và năm cái muỗng thiếc sơn màu lá cây. Ba mươi người may mắn kia mau chóng chia thành sáu cái bếp nấu ăn chung. Cô lại trở thành người thừa thãi. Những người đồng hành e ngại nhìn cô, định giá bộ quần áo cũ, đoán non đoán già những thứ núp kín trong cái túi đay nhỏ và nhẹ. Những gì sượng sùng giấu mặt chứ không phơi mình khoe khoang tất nhiên chẳng được bao nhiêu tiền. Người ta sợ phải bao bọc nặng nợ một cô gái nghèo. Bếp này đưa nhường “phần ưu tiên” cho bếp kia. Tình thế đang khó xử thì một cậu thanh niên khoảng 24, 25 tuổi từ căn lều gần đấy cầm đôi dép Nhật màu xanh cỡ nhỏ số 9 ra vồn vã hỏi cô:

- Đôi dép của em số 10 phải không? Cô định xé bọc ni lông để xem số trên cái quai dép, cậu thanh niên đã ngăn lại:

- Khởi cần. Anh nhìn qua cũng biết là số 10. Mang không vừa đâu. Anh có đôi số 9 mang chật lắm. Chịu đổi không?

Họ thỏa thuận với nhau nhanh chóng, ai cũng cho rằng mình may mắn. Dường như cảm thấy mình thiếu sòng phẳng vì đôi dép nhỏ số 9 hơi cũ, cậu thanh niên ân cần hỏi thăm:

- Em đã tìm ra chỗ ở chưa?

Cô gái nhìn quanh khắp các cô bạn đồng hành. Ai cũng tránh nhìn cô, sợ phải khó xử trước cái nhìn van lơn, chơi vơi. Cô tủi thân rơm rớm nước mắt. Cậu thanh niên vội nói:

- Nếu chưa có chỗ hãy đến lều bọn này. Chỗ nằm con em gái anh còn rộng. Đồng ý nhé? Ba mươi người kia cùng reo lên:

- Phải đấy. Cô về đó cũng tiện.

- Lều chúng tôi cũng ở gần đây thôi. Em đến nhận phần chén bát đi.

- Nếu cần liên lạc gì, chúng tôi sẽ xuống cho cô hay liền!

Nếu cô gái không tức giận lừ mắt nhìn quanh, có lẽ họ còn nói nhiều nữa. Cô nhìn đống mền chiếu và lương thực dưới chân mình, nhìn biển mênh mông và rừng trùng điệp, đưa tay gạt mồ hôi trán, do dự một lúc, rồi gật đầu. Từ căn lều kế cận nổi lên nhiều tiếng cười ồ. Ai đó đằng sau bức tường vải bạt la lớn:

- Tài thật, thằng Minh lại trúng mảnh rồi!

Một người khác có giọng nói khao khao:

- Thế là mất toi đôi dép. Đứa nào còn để dành dép nhựa Sài Gòn cho tao mượn với! Cô gái biết mình vừa sa vào một thứ bẫy nào đó. Cô quay lại nhìn các bạn đồng hành cầu cứu. Họ đang cười nham nhở. Giận quá, cô mím môi cúi xuống ôm đống đồ đạc, đi theo cậu thanh niên tên Minh.

*

Từ khi có người đẹp tên Eve, Adam người đàn ông đầu tiên ở vườn Địa Đàng mới biết cảm ơn Thượng Đế vì Ngài đã sáng tạo ra loại lá nho to bản. Từ khi

Thương về ở căn lều xập xệ ấy, năm cậu thanh niên chủ nhà mới bắt đầu biết thẹn. Người đầu tiên là Minh. Thương vừa đặt đồng chần màn đồ đạc xuống cái sạp ghép bằng thân dừa, Minh đã nói:

- Anh phải xin lỗi em trước, nếu không, em sẽ nghĩ tội này là một bọn mất dạy. Không. Đây chỉ là một trò đùa không có ác ý. Tội này đang than nhà thiếu bàn tay đàn bà nên bề bọn dơ dáy quá, thì thuyền của em tới. Tội này theo dõi từ đầu đến cuối, thấy cả đám chỉ một mình em đi cô độc.

Thằng Vĩnh gợi ý nên rủ em về ở chung. Nó nói cho vui vậy thôi, nhưng bàn tán một hồi, cuối cùng tội này đi đến chuyện thách thức. Ai mời được em về đây? Nếu có người làm được thì cả bọn bắt tài còn lại chịu mất gì? Thằng Vĩnh có sáng kiến đầu tiên, nên sẵn sàng chịu mất đôi dép Nhật để làm phần thưởng, anh đã được cuộc. Phải xin lỗi em trước, vì anh nói dối một điểm nhỏ cho em yên tâm về đây: anh không có cô em gái nào cả. Lều chỉ có năm đứa con trai lười như hủi, và nghèo mạt rệp. Không đứa nào ra đi mà đem theo được một phân vàng hộ thân. Đấy, anh đã nói tất cả sự thật. Bây giờ tùy em định liệu.

Bốn cậu trai còn lại thấy Thương thất vọng xịu mặt và lo âu nhìn căn lều bừa bộn dơ dáy, nên vội lên tiếng van lơn thành thực:

- Cô ở lại với chúng tôi đi.

- Cô đừng ngại. Chỉ vì chúng tôi chán, nên nhà cửa mới ra nông nổi. Nếu cô muốn, chỉ nháy mắt là khá lên ngay.

- Cô đừng thấy mấy bộ mặt cô hồn mà dâm sợ. Anh em chúng tôi, trước khi đến đây, không ai quen ai. Chỉ vì đều là dân câu bơ câu bắc nên mới tìm đến ở với nhau mà thôi.

- Chúng tôi không để cho cô nhọc thân về chuyện chợ búa bếp núc đâu. Chúng tôi tự làm lấy cả. Cô chỉ việc làm cây cảnh cho đẹp cửa đẹp nhà. Cô ở lại với chúng tôi nhé?

Nghe họ cầu khẩn tha thiết quá, Thương bắt đầu mềm lòng. Nhưng sợ họ khinh, nên cô nói vớt:

- Một mình em là gái, ở đây, thấy bất tiện lắm! Minh vội chỉ tay về phía một cậu thanh niên da sạm nắng, có cái mũi lân và đôi hàm răng hô, vui mừng nói:

- Khỏi lo. Thằng này tên Tiến, thợ mộc. Chỉ cần nửa giờ đồng hồ, nó lên văn phòng cao ủy mượn cửa, dao búa về dựng ngay cho em một cái phòng khuê riêng biệt với đầy đủ cửa sổ, cửa lớn, bàn phấn, rèm che. Hay em chịu khó ngồi chờ nửa giờ nữa xem tụi này có làm đúng lời hứa không. Nếu em thấy tụi này xạo, thì có quyền ra đi. Rán chờ nửa giờ thôi, em... em tên gì cho tụi này biết với. Cô gái bật cười, vui vẻ đáp:

- Em tên Thương.

Tiến nói rồn rảng như lân gấm:

- Nửa giờ sợ không kịp. Cô Thương cho tôi 45 phút đi.

Bốn người kia sợ Thương ra đi, vội nói:

- Có tụi tao phụ chứ đâu phải một mình mày làm. Nửa giờ dư sức.

Thương hãnh diện lắm vì được sẵn đón nài nỉ, nhưng cứ làm bộ ngẩn ngại. Cô nhìn quanh, nhận xét lơ lửng:

- Các anh để nhà cửa thế này... Hùng, anh chàng cao lớn tóc dài chuyên mổ heo ở lò sát sanh Chánh Hưng vội đáp:

- Tất nhiên là chưa được gọn ghẽ mấy. Nếu Thương không vừa mắt, chỉ cần nửa giờ. Lạc thợ lò bánh mì quốc doanh Thắng Lợi chữa lại:

- Làm gì tới nửa giờ. Mười lăm phút là cùng. Vĩnh thợ may con người ốm yếu, ăn nói nhỏ nhẹ, quen tính cẩn thận, nói y như khi tỉ mỉ đơm từng cái khuy áo:

- Mười lăm phút? Cột nhà xiêu hết cả. Nền lại toàn rác là rác. Nửa giờ sợ dọn chưa xong đâu. Thương bị lòng chân thành của đám con trai thuyết phục. Không do dự gì nữa, nàng xắn tay áo lên, đứng dậy nói:

- Để em giúp các anh một tay.

Năm cậu thanh niên nhận được thắng lợi bất ngờ nên ngớ ra một lúc. Khi hiểu, họ reo lên:

- Hoan hô cô em gái.

- Có thể chứ! Nào, nói được phải làm được.

- Bắt tay làm liền đi anh em. Người đẹp đã bắn phát súng lệnh rồi.

- Làm nhanh kẻo không kịp nấu cơm chiều. Mình đã hẹn nửa giờ cộng với nửa giờ là một giờ. Phải rán “vượt chỉ tiêu” và “đạt yêu cầu” mới được.

Họ hăng hái bắt tay vào việc. Lon đồ hộp, bao ni lông, lá dừa khô, giẻ rách, tàn thuốc, củi cháy dở, giấy vụn, moi từ gậm giường ra vun thành đống cao. Chuột, dán, ruồi, muỗi mất chỗ trú thuận lợi. Bụi bay mù mịt, Thương ra ngoài dây thép phơi quần áo mang vào năm cái khăn hôi và bắn bắt buộc bọn con trai phải bịt mũi lại. Vì tay người nào cũng bắn nên họ phải nhờ Thương buột khăn hộ: Trừ Vĩnh thợ may thấp bé, bốn anh con trai kia phải khụy chân xuống, Thương mới với tay tới tầm mặt họ. Khuôn mặt, ánh nhìn cả bọn rạng rỡ, bẽn lễn y như nét mặt trẻ con được mẹ săn sóc ở chốn đông người. Chưa đầy một tiếng đồng hồ, căn lều xập xệ bề bọn đã vươn vai đứng thẳng dậy: mấy cây chân chống không cần thiết được anh thợ mộc cửa ra làm “khuê phòng”, những tấm bạt còn lành lặn dành riêng cho phái yếu. Cái giường mặt ván phẳng phiu và cái bàn không gãy chân đặt ngay ngắn phía sau tấm rèm xanh. Chỗ ăn ngủ dành cho phái nam cũng trở nên ngăn nắp thứ tự. Chiếu trải ngay ngắn, mền gối xếp lại đặt thẳng sát tường, bàn ăn được phủ một tấm ni lông có sọc xanh đỏ. Để thay thế cho hai cái băng xiêu vẹo, bốn cậu tình nguyện mượn cửa rán sức cửa thân cây dừa đổi bên cạnh thành sáu chiếc ghế đẹp. Không cần ai nhắc, từng người len lén nhét hết mớ quần đùi dơ, áo may dơ rách, khăn bẩn vào xách riêng. Chưa yên tâm, họ còn dồn những túi quần áo hôi hám ấy vào một góc lều xa “khuê phòng” nhất. Xong công việc, họ kéo nhau ra suối tắm. Trở về, họ đã thấy một bó hoa sim tím cắm sẵn trong hộp cá sardines. Lọ hoa đặt trang trọng vào chính giữa chiếc bàn ăn. Lòng cả năm người đều nở hoa từ giờ phút ấy.

*

Chẳng hiểu xưa kia Adam có bực bội vương vùi gì không khi phải mang chiếc lá nho, chứ năm cậu con trai ở Kuku Camp dạo đó thì chẳng bực bội

vướng víu vì cuộc sống mới chút nào. Họ hí hửng đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, hí hửng như trẻ con hí hửng trước giỏ quà mẹ vừa mang từ chợ phiên về. Cuộc sống của họ bị đảo lộn dữ dội, tuy thế, dù có bị lộn nhào như anh võ sinh nhu đạo tập tò học vài thế ngã sơ đẳng, họ vẫn cứ vui. Sau chuyện nhà cửa, cách ăn uống của họ bị đảo lộn. Trước kia, người nào lo phần nấy. Bọc lương thực cấp cho mỗi người ăn năm ngày gồm có bảy lon rưỡi gạo, một lon cá hộp, một lon thịt, một bao muối, một bao đường, một gói trà, một gói đậu xanh, kèm thêm những thứ gia vị như tiêu ớt, bột ngọt... Khẩu phần có thể thay đổi tùy theo kỳ nhưng căn bản vẫn bấy nhiêu gạo, đồ hộp, đường và muối. Ăn sáng khi thì được hai gói mì ăn liền, khi thì được một bọc miến 200 grams. Cái son nhỏ được phát họ dùng để nấu nước trà. Chỉ còn cái son lớn. Họ đành phải nấu cơm chung, nấu xong xối ra chia đều làm năm bát vun. Đồ ăn thì tùy ý từng người. Vì chỉ có hai lon đồ hộp để làm thức ăn suốt năm ngày nên họ áp dụng một lối “nội trợ” đặc biệt: ngày đầu tiên ăn cơm với cá hộp, ngày thứ hai ăn với đường, ngày thứ ba ăn thịt hộp, ngày thứ tư ăn muối và ngày cuối cùng ăn với canh miến hoặc mì sợi. Thứ tự phân chia thức ăn tùy thuộc tính từng người. Minh Chợ Trời, và Hùng Đồ Tế tính tình vô tâm sốc nổi, chủ trương: Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối, Hơn nghìn năm le lói suốt năm canh. nên ăn liền tù tì hai lon đồ hộp dù phải ăn đường và ăn muối vào những hôm còn lại. Tiến thợ mộc và Vĩnh thợ may quen sự tỉ mỉ hài hòa của nghề nghiệp nên theo giải pháp hợp lý ban đầu. Lạc thợ lò bánh tính trẻ con thích ăn nhín, nên dành đồ hộp cho hai ngày cuối cùng. Lối ăn xối ở thì ấy chỉ dành cho bọn đàn ông chưa ăn trái cấm. Họ đã biết thẹn, nên đành phải răm rắp tuân theo lệnh của cô gái lạ. Tại sao không đem cá hộp ra đổi cá tươi của thổ dân Nam Dương để về nấu canh với rau trai rau dền mọc đầy quanh lều? Không có tiền ư? Tại sao không bớt gạo mỗi bữa nấu đem đổi rau về ăn có chất tươi? Năm cậu con trai hơi lo cái bao tử lửng lửng của mình, nhưng nghĩ đến đĩa rau muống bốc khói, nồi canh chua thơm tho, họ yếu lòng do dự, từ do dự đến buông xuôi chỉ có nửa bước. Thương trở thành thủ kho kiêm chuyên viên kế hoạch. Minh quen nghề chợ trời ở Sài Gòn phụ trách việc mua bán đổi chác với thổ dân Nam Dương.

Lạc theo nghề cũ, chỉ đổi nhiệm vụ chút xíu từ làm bánh mì sang làm cơm. Hùng Đồ Tể và Tiến thợ mộc quen dao cưa lo việc củi lửa. Cái lối vợ đâu chụm đó trước kia không đẹp mắt người đẹp.

Phải làm cái gì cho “hùng” cho “tiến”. Thế là cả hai vác cưa lên rừng cưa cả những cây đước lớn khiêng về, đổ mồ hôi cưa ra từng khúc ngắn, rồi vươn vai lấy gân bổ những nhát rìu cật lực để chẻ nhỏ đem phơi. Nếu còn ở Sài Gòn, họ đủ sức mở Cửa hàng chất đốt phục vụ cho trọn một phường đông dân.

Vĩnh thợ may yếu sức lo việc quét dọn sạch sẽ căn lều mỗi sáng, và trước mỗi bữa ăn, tự nguyện làm giờ phụ trội chẻ củi khô thành những cây đóm nhỏ cho người đẹp dễ nhen lửa.

- Hình như độ rày muối nhiều quá phải không các anh?

Thế là sáng hôm sau “hình như” mọi người đều đột nhiên nhớ đến cái hại của bệnh sốt rét rừng, đều căm thù sâu sắc loài muỗi nên không ai bảo ai kẻ mượn dao kẻ mượn cào phát quang khoảng cây dại cỏ lát mọc um tùm sát bên chái phải của túp lều. Đàn muỗi trả thù bằng cách liều chết xông vào đốt sưng cả tay chân năm cậu trai, nhưng ai nấy đều xem những vết sưng ấy là mề đay tưởng thưởng cho tinh thần phục vụ.

- Gớm! Hể đến chiều xế là chỗ vòi nước không còn chỗ chen chân. Em chờ lấy hai xô nước về tắm mãi không được!

Gớm thật! Sao lại có nhiều hạng người bất lịch sự đến thế. Nghe nói bên Tây phương ở chỗ công cộng như ga xe lửa, trên xe buýt, phòng đợi sân bay mọi người đều phải nhường quyền ưu tiên cho phụ nữ, trẻ em, người già, kẻ tàn tật. Phải làm quen với nếp sống văn minh ngay lúc này, tại đây. Bắt đầu từ

căn lều này trước. Thế là năm cậu trai lên rừng chặt cây, rảo khắp trại vơ vét vải bạt về 'xây' cho cô gái một phòng tắm. Để Thương khỏi phải nhọc lòng đi mượn xô chõ nước, Minh và Tiến tìm đâu được một cái thùng phuy cũ đã rỉ sét hết nửa trên. Họ lấy dao đục bỏ phần trên, phần dưới lấy cát chà sạch rồi mới khuôn đặt vào phòng tắm.

- Em thấy ăn muống kỳ kỳ thế nào ấy! Trông như trẻ con chưa biết cầm đũa! Ồ! Kỳ thật! Sao đến bây giờ mình mới thấy kỳ! Một tay bưng bát, một tay cầm cái muống thiếc, xúc cơm đưa vào miệng, chẳng ra cái thể thống gì cả. Mỗi lần muốn vể cá cứ trầy trật mãi. Nửa mọc đầy hai bên rừng, dao bén có sẵn trên văn phòng cao ủy, sao không vót lấy vài đôi đũa mà dùng cho đúng cách quê hương. Cái việc vặt ấy một mình chú Vĩnh thợ may ốm yếu cũng làm nổi. Nhưng tinh thần trách nhiệm chung để đâu? Thế là đủ cả phái nam trong nhà vác dao lên rừng chặt nguyên một cây nửa dài về, chẻ ra, vót đũa đủ cho cả trại. Mọi người đoán ý để làm vui lòng "cô thủ kho" kiêm "chuyên viên kế hoạch", sau đó kiên nhẫn lặng lẽ chờ đợi một nụ cười. Đúng là lòng họ nở hoa!

*

Từ hôm có Thương về ở chung, họ quên cái thói quen ngủ sớm dậy trễ. Trước đây họ biết làm gì đâu mà chẳng đi ngủ sớm. Ăn cơm xong, họ ngồi bần thần mỗi người một góc, không ai nói chuyện với ai. Họ ở lại đảo này đã gần hai tháng. Chuyện đời đã kể cho nhau nghe đến tận cạn. Chuyện tiêu lâm kể đi kể lại mãi hóa nhàm, chỉ mới tăng háng lấy hơi đã biết người nào sắp kể chuyện gì. Râu rờ mãi không mọc nổi. Lòng mũi đã nhỏ hết. Ráy tai đã cạo sạch. Cái thú thay nhau đấm bóp để chờ giấc ngủ diễn đi diễn lại hóa thành cái nợ đời. Ăn cơm xong, họ không cần thắp cây đèn bão, mỗi người nằm một chỗ im lặng chờ nghe tiếng ngáy của người kia. Họ hoàn lẩm Lạc mới nổi hứng ông ổng hát mấy câu đầu bài vọng cổ không tên nói đến một cảnh ly biệt.

Đau đớn bầy kẻ đi người ở

Dạ quan hoài cách trở sơn Khê

Kẻ đi da diết nhớ người ở lại, nhưng “dạ quan hoài” cần sự im lặng để lan man thấm dần vào từng hơi thở dài. Cho nên về sau, mỗi khi anh thợ lò bánh mì mới “đau đớn bầy...” đã nhiều lời phản đối nổi lên khắp các xóm:

- Thôi, cảm mồm lại cho tao nhờ.

- Rầu thúi ruột còn phải nghe mày rên rỉ, chán lắm!

- Rán chờ qua Mỹ hãy làm học trò Hùng Cường. Ở đây xin ông cho các con yên! Thương về ở chung, năm cậu con trai vẫn đi ngủ sớm, nhưng họ chỉ nằm lơ mơ, giả vờ ngủ mà thôi. Không phải ánh sáng cây đèn bão trong “khuê phòng” đã làm họ mất ngủ. Không, không. Xin đừng vội nghĩ cô em gái chung của họ bất lịch sự, thiếu tế nhị trong cách cư xử. Ngay đêm đầu khi phải thức khuya để viết thư gửi về nhà, Thương đã ái ngại hỏi họ:

- Em để đèn sáng, các anh có khó ngủ không? Cả năm đều mau mắn đáp:

- Không, không hề gì.

- Thương đừng ngại. Mặt trời soi vào mặt tôi vẫn ngủ được.

- Ở Sài Gòn tôi ngủ ngay trước cửa lò nướng bánh.

- Cả đàn heo eng éc bên tai tôi vẫn ngủ ngon... Thương nhận thấy cần phải phân bua thêm:

- Em nhớ nhà quá. Biết có viết cũng không gửi thư được, nhưng cứ viết cho đỡ nhớ. Cả năm cậu con trai đều thấy lòng mình man mác buồn. Không ai bảo ai, họ đổi thế nằm. Cái thế nằm nghiêng giúp họ, lâu lâu, hể lim dim hé mắt là họ có thể thấy được cái bóng nhỏ nhắn thân yêu in trên tấm vách nhựa xanh của phòng khuê. Họ thao thức theo dõi tâm trạng người em gái qua dáng điệu của cái bóng ấy. Sáng hôm sau, họ thì thào bảo nhau:

- Đêm qua em chống cằm ngồi đến khuya.

- Phải nói là quá khuya, vì đêm 23 âm lịch trăng chỉ lên sau 12 giờ.

- Lúc trăng nhú ở đầu núi, em vẫn chưa đi ngủ.

- Buổi chiều đến phiên đưa nào nấu nước? Em cầm chai rót nước không có lấy một giọt.

- Kể ra con gái mười bảy mà đôi vai như vậy cũng hơi gầy. Đáng lẽ phải no tròn hơn kia. Nhận xét hơi phàm tục ấy liền gặp phải nhiều lời phản đối:

- Con gái nhà lành đều thế cả. Đâu phải dân lao động mà đòi vai u thịt bắp.

- Tóc xõa thì làm sao biết vai gầy vai mập. Chỉ đoán hão!

- Lúc em viết xong, hình như có khóc vì mái tóc hơi run run.

- Ồ, tao nghe hình như có tiếng thút thít.

- Chỉ đoán mò. Mà nằm xa nhất, nghe sao được!

- Mà ở gần mà ngủ khì, biết gì!

- Sao mà biết tao ngủ?

Cuối cùng họ đều thú nhận không ai ngủ được. Không phải họ thú nhận thành lời. Họ chỉ cười bẽn lễn. Thế thôi.

Từ đêm thứ năm kể từ lúc đổi thay nếp sống, họ bắt đầu nghe thấy tiếng cô em gái thì thào trong “phòng khuê”. Tiếng thì thào đều đều, buồn buồn, hơi ngân nga như tiếng cầu kinh. Họ có một niềm thao thức mới. Họ loại bỏ ngay giả thuyết cô gái đọc kinh tối vì không thấy Thương đi lễ nhà thờ hoặc đeo thánh giá. Tụng kinh Phật giọng khác hẳn, họ biết. Vài người vốn yêu cái thú đau thương, nghĩ đến lời thì thầm của một người yêu nhờ gió đêm mang đến một người yêu tận nơi “Sơn Khê cách trở”. Dĩ nhiên trong số đó có Lạc, lâu nay ảm ức vì không được hát “đau đớn bấy...” Họ nể vì cô em gái đến nỗi tuy thắc mắc nhưng không ai dám hỏi Thương thì thầm điều gì. Có thể cả năm người đều sợ chạm mặt với thất vọng. Thà cứ để lơ mơ như thế, nỗi thấp thỏm như vị cay của bữa ăn giúp thêm hương vị cho đời sống nhàm chán của họ. Giữa tiếng gió rừng vù vù thổi qua mái tranh, tiếng chuột rúc ở giỏ lương thực, tiếng sóng biển ì ầm, tiếng vượn hú trên rừng, tiếng mọt đục ở đầu kèo, đối với họ, tiếng thì thào bên kia vách nhựa vẫn mang nhiều ma lực quyến rũ hơn hết. Họ không cần hiểu rõ. Dù Thương không thì thào cho họ, vì họ, nhưng đó vẫn là âm thanh của mến thương.

Cái thú được ru ngủ đêm đêm bằng tiếng thì thào huyền diệu bí mật ấy tạm chấm dứt khi Minh khám phá ra rằng cô gái đang học Anh văn. Họ hơi khựng lại, để sau đó chuyển từ thương cảm sang kính phục. Cả năm đều là dân lao động ít học. Lúc ở bên nhà, họ chỉ nghĩ đến chuyện đi tìm một cuộc sống mới. Sang đến đây, họ mới âm thầm lo lắng không hiểu lúc được định cư ở một nước thứ ba, họ ăn nói làm sao đây. Họ nghe nói bên xứ người các nghề chân tay kiếm được nhiều hơn nghề làm ở bàn giấy. Mà chân tay họ khỏe, họ biết.

Nhưng sống giữa một tập thể nói tiếng Anh, họ không thể làm người câm, điếc. Họ phục lẫn mấy anh thông ngôn làm việc trên văn phòng cao ủy tuy xem nhẹ mái tóc dài, thân thể ốm nhách và đôi kính cận của những người hay chữ ấy. Bây giờ, họ “sắm riêng” một cô em gái hay chữ trong nhà. Đáng hãnh diện biết chừng nào! Lần này cũng chính Minh lãnh nhiệm vụ đứng ra đánh giá trình độ Anh văn của cô em gái. Minh ngập ngừng mãi mới hỏi:

- Đêm qua em học thứ gì mà thức khuya thế? Thương đáp:

- Ở đây không có sách vở gì cả, nên em mượn được tờ báo tiếng Anh đem về học ôn một số từ ngữ.

- Báo tiếng Anh mà em đọc được à? Thương thành thực nói:

- Em chỉ hiểu được những bài dễ. Những bài viết về kỹ thuật có nhiều từ khó, thì em chịu!

- Thương cho anh xem qua có được không? Cô gái hỏi rất thành thực:

- Anh đọc được các bài kỹ thuật chứ? Minh đỏ mặt đáp:

- Tôi chỉ coi hình. Chứ Anh tôi có học đâu!

Thương tưởng Minh nói nhún, đưa bốn trang báo Sunday Times cho Minh.

Minh xem qua thấy có mấy cái truyện bằng tranh, một bức hình chụp ba cô gái Tàu tươi cười cầm ba chai nước giải khát đã mở nắp, một bức quảng cáo chiếc xe hơi hiệu Peugeot 305, và một ảnh quảng cáo hai cái đồng hồ Thụy Sĩ. Những cột chữ khác thì rối rắm, nằm chật cả phần giấy còn lại. Minh chỉ một đoạn chữ nghiêng in thưa, hỏi:

- Họ nói cái gì trong này?

Thương giải thích:

- Họ giới thiệu hai bài thơ được giải. Bài đầu nhan đề là Singapore được ban tuyển thơ của tờ báo tặng 40 đồng. Nhưng em thích bài thứ hai nhan đề Dejection hơn.

- Thương đọc cho tôi nghe thử.

- Anh đừng chê em đọc sai nhé.

Minh lại đỏ mặt, rồi thành thực nói:

- Tôi có biết gì đâu mà nói đúng sai. Cứ đọc xem tiếng Anh nghe thế nào.

Thương bắt đầu tin Minh thành thực, nên đọc: Dejection

In the still jungle of myself
I'm lost, and try to find
A bird, a deer, a human face
To touch my empty mind.
I wander past the silent trees
And know that I should fly
Beyond the prison of this earth
Towards the darkening sky.
For even thunder is voice
And storms may be sublime
And while I shelter here alone
It is a waste of time
(Clare Meiklejohn)

Bài báo cũ rồi. Tận 13 tháng 7 năm 1980. Sự thán phục của Minh không lấy gì đo hết. Anh chàng khen:

- Em đọc hay quá. Nghe như ngâm thơ. Thương cười:

- Thì đúng là thơ. Còn “nghe như” gì nữa!

- Em dạy cho tụi này học đi, đừng dạy thơ. Tụi này chỉ cần biết những câu đại khái như: “Chào ông, chào bà”. “Chúng tôi cần việc làm”. “Vâng, chúng tôi rất mạnh khỏe”. “Lương hàng tháng được bao nhiêu?” “Còn ít lắm. Thêm chút ít

có được không?”. “Cảm ơn”. “Cho tôi gửi gói này về Việt Nam”. “Tốn hết bao nhiêu?”. Đấy, cần thiết nhất là những câu ấy.

Thương bật cười tưởng Minh nói đùa, hỏi lại:

- Anh không cần học các câu như: “Tôi mệt lắm cho tôi nghỉ việc vài ngày”. “Xin bác sĩ cứu tôi”, “Làm ơn đừng báo tin buồn cho gia đình tôi biết” hay sao?

Minh nghiêm mặt đáp:

- Không cần. Tụi này còn trẻ và khỏe mạnh. Tụi này khỏi cần gặp bác sĩ. Em tin đi, tôi còn sống cho đến ngày về lại được Việt Nam. Thương hỏi:

- Chắc không?

- Chắc chứ! Năm nay tôi mới 24 tuổi. Bốn đứa kia tuổi từ 20 đến 23. Nhất định tụi này còn sống được ít ra đến năm 70 tuổi. Gần 50 năm nữa, tức là nửa thế kỷ. Chẳng lẽ mọi sự cứ dẫm chân tại chỗ như hôm nay?

Thương suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Nếu còn ngày rộng tháng dài như vậy, thì việc gì các anh phải học vội mấy câu. Các anh cứ học từ từ.

Minh vui mừng reo lên:

- Thương nhận lời dạy tụi này rồi nhé, bài bản tùy cô giáo định.

Từ đêm hôm ấy, năm cậu trai thôi thao thức nhìn về bức vách nhựa màu xanh của phòng khuê. Cái đèn bão được chuyển ra chỗ bàn ăn của phòng ngoài. “Cô giáo” nhỏ vỡ lòng cho năm “ông anh học trò” bằng những từ ngữ cần thiết như: bãi biển, con suối, rừng cây, bầu trời, đám mây, đóa hoa, nụ cười, và một chữ đơn sơ mà khó hiểu nhất: hạnh phúc.

*

Vâng, quả nhiên hạnh phúc happiness là từ ngữ đơn sơ mà khó hiểu nhất, vì nó mong manh như một mảng mây bay.

Năm cậu học trò vừa thuộc được chữ CLOUD và đang bập bẹ học đọc chữ HAPPINESS thì một chiếc thuyền vượt biên nửa cập bến đảo Kuku. Như thông lệ, mọi người đổ xô ra cầu tàu để hy vọng tìm ra thân nhân trên chiếc thuyền may mắn. Những người mới đến được tàu khoan dầu vớt, nên khi chiếc tàu tiếp vận ống khói sơn xanh mang ngôi sao vàng đậu ngoài cửa vịnh hú còi, không khí khắp trại tị nạn rộn rịp hẳn lên. Nhân viên phòng cao ủy, ban an ninh chính quyền Nam Dương, bác sĩ y tá của hội hồng thập tự lo chuẩn bị đón tiếp. Người lo giăng dây trước cửa văn phòng tiếp đón ở cầu tàu. Ban đại diện Việt Nam sửa soạn sổ đăng ký nhập trại.

Bác sĩ Tra-quýt mang ống nghe chực sẵn ở phòng chẩn bệnh. Hai quân cảnh người Nam Dương khiêng tấm vải bạt ra trải sẵn trên cầu tàu để chuẩn bị khám xét hành lý. Chiếc thuyền mang tên Tân Thành nhổ neo ra khơi. Mọi người nao nức chờ đợi. Người lớn ra sát bờ nước để nhìn cho rõ. Trẻ con bất chấp lời cảnh cáo của quân cảnh Nam Dương, leo cả lên cầu tàu.

Mười lăm phút sau, chiếc Tân Thành quay vào, trên thuyền lố nhố nhiều bóng người mặc quần áo màu sẫm. Thương và năm cậu học trò ngoan cũng có mặt trong số người chờ đợi. Chiếc Tân Thành cập bến. Bước lên trước tiên là bốn thủy thủ của chiếc tàu tiếp vận hãng khoan dầu. Người ta dễ nhận ra họ vì cách ăn mặc sang trọng, sắc sỡ khác hẳn lối ăn mặc của người Việt. Giờ phút quan trọng sắp đến. Vài người tị nạn bắt đầu leo lên cầu tàu. Con nít, đàn bà được khám xét qua loa nên vào trước. Mấy đứa nhỏ ngơ ngác nhìn quanh đảo, rồi chăm chú bước vì sợ lộn chân xuống những kẽ cầu ghép bằng thân cây. Một chị đàn bà mang thai mệt lả phải vịn vai hai người đàn bà khác. Một chị mặc áo len xanh mạnh dạn đứng lại ở khúc ngoặt cầu tàu giơ tay nói lớn với mọi người.

- Xin chào bà con cô bác. Đến được đây thật quá mừng.

Nhiều tiếng lao xao hỏi từ bốn phía.

- Từ đâu đi đấy?

- Trên ghe có mấy người?

- Đi bao nhiêu ngày mới được vớt? Câu trả lời bị gió bạt mất. Nhưng cần gì! Họ dồn đến gần hơn để hỏi người khác. Một người nhận được câu trả lời, thế là chỉ cần một phút sau cả trại đều biết các chi tiết. Đàn ông được khám xét kỹ hơn nên thường lên sau cùng.

Một cụ già mặc quần đùi và chiếc áo thun in hình sắc sỡ có lẽ xin được trên tàu khoan. Một thanh niên chỉ mặc cái quần tây dài bị rách toạc một ống, và ở trần, vì cái áo treillis cũ đã bị tịch thu ngoài cầu tàu theo luật của chính quyền Nam Dương. Một người đàn ông tóc muối tiêu ôm mở quần áo ướt vì cái túi vải Kaki xanh rêu cũng bị tịch thu. Hai thanh niên dìu một bé trai

khoảng 10 tuổi chân bị băng bột. Cuối cùng là một chàng trai vạm vỡ mặc bộ đồ công nhân dính đầy dầu mỡ có dáng đi vững chắc tự tin. Người ta đoán anh ta là tài công.

Thương vừa trông thấy anh ta, liền mừng rỡ kêu lớn:

- Anh Thành, anh Thành, em đây này! Chàng trai ngỡ không tin có người biết mình, nên chỉ khựng lại một chút, rồi tiếp tục bước. Thương leo hẳn lên thành cầu tàu gọi lớn hơn:

- Anh Thành! Thương ở đây!

Thành dừng hẳn lại. Anh nhận ra cô gái. Nước mắt Thương ràn rụa. Thành ngồi xuống nhìn cô gái sững sờ, chưa dám tin ở mắt mình.

- Em đấy ư, Thương? Có phải em đấy không? Thương đáp trong nước mắt:

- Em đây chứ còn ai! Làm sao anh thoát được? Rồi làm sao anh tìm ngay được chiếc này? Vậy mà bao lâu nay em cứ tưởng anh bị bắt trở lại rồi. Nếu người quân cảnh Nam Dương không hối thúc, có lẽ họ còn bấu lấy nhau, một người ngồi trên cầu tàu, một người rướn người níu lấy thành cầu, để hỏi cho đến tận đầu nguồn. Cô gái chơi với chạy dọc bờ cát nhìn theo chàng trai lúc ấy phải lần lượt vào phòng chẩn bệnh và chờ đăng ký nhập trại. Năm cậu học trò ngoan ái ngại nhìn cô giáo, chưa biết phải xử trí thế nào. Họ ngập ngừng giữa hoang mang. Thương vẫn tức tưởi khóc. Cuối cùng, lại chính Minh lãnh phận sự khó khăn. Anh tiến về phía Thương, hỏi nhỏ:

- Em gặp được người quen ư?

Thương ngừng lên, vừa cười vừa khóc, giọng đứt quãng:

- Vâng. Người quen.

Minh rụt rè hỏi:

- Ai thế?

- Chồng chưa cưới của em. Tụi em đi với nhau, nhưng taxi của anh ấy bị công an biên phòng rượt bắt, em đã tưởng anh ấy không thoát. Ai ngờ... Rồi chợt nhớ đến hiện tại, Thương vui vẻ nói:

- Thế là chiều nay em phải dọn nhà. Cảm ơn năm anh đã giúp đỡ Thương nhiều. Anh Thành đã ra kia. Xin lỗi, em đi nhé!

Anh Thành, em đây!

*

Tối hôm đó, năm người không thắp đèn. Mỗi người nằm một góc nghe muỗi vo ve và tiếng sóng vỗ ì ầm. Lạc thợ lò bánh nghĩ đến cái bánh cưới phải làm cho kẻ phụ bạc. Vĩnh thợ may nhớ lại cảm giác xót xa khi do ngẫu nhiên đã may chiếc áo cô dâu cho người yêu cũ. Tiến thợ mộc nghĩ đến những chiếc giường cắm lai gấn kính. Hùng Đồ Tể ngậm ngùi nhớ lại những lần được thuê mổ heo với giá cao mà lòng không vui. Còn Minh thì không quên được những lúc mua được chiếc áo cưới hàng tốt, thương cho cặp tân hôn sa sút rồi chạnh lo cho mình, ngần ngừ không nỡ bán lại. Happiness, chỉ có 9 chữ và 3 âm, nhưng sao rắc rối quá lắm!